

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt E-HSMT gói thầu: Thuê ngoài xúc bốc, vận chuyển, san gạt trong khai thác quặng bauxit năm 2026 tại mỏ bauxit khu Tây Tân Rai, Lâm Đồng

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY TNHH MTV NHÔM LÂM ĐỒNG - TKV

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023, sửa đổi, bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BCT ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Thứ trưởng Bộ Tài Chính về việc hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Tờ trình số 824/TTr-TCG ngày 21/11/2025 của một số thành viên Tổ chuyên gia lựa chọn nhà thầu (Tổ chuyên gia) về việc Đề nghị phê duyệt E-HSMT: Thuê ngoài xúc bốc, vận chuyển, san gạt trong khai thác quặng bauxit năm 2026 tại mỏ bauxit khu Tây Tân Rai, Lâm Đồng;

Căn cứ báo cáo thẩm định số 630/BC-TTĐ ngày 21/11/2025 về việc thẩm định E-HSMT gói thầu: Thuê ngoài xúc bốc, vận chuyển, san gạt trong khai thác quặng bauxit năm 2026 tại mỏ bauxit khu Tây Tân Rai, Lâm Đồng của tổ thẩm định hồ sơ LCNT;

Căn cứ Phương án số 3931/PA-LDA ngày 12/11/2025 về việc Thuê ngoài xúc bốc, vận chuyển, san gạt trong khai thác quặng bauxit năm 2026 tại mỏ bauxit khu Tây Tân Rai, Lâm Đồng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt E-HSMT Gói thầu: Thuê ngoài xúc bốc, vận chuyển, san gạt trong khai thác quặng bauxit năm 2026 tại mỏ bauxit khu Tây Tân Rai, Lâm Đồng với nội dung theo phụ lục đính kèm.

Điều 2. Giao Tổ chuyên gia LCNT, Tổ thẩm định hồ sơ LCNT chịu trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà thầu theo E-HSMT được duyệt đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Tổ chuyên gia LCNT, Tổ thẩm định hồ sơ LCNT chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, KH.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Phòng

MẪU SỐ 5A

HỒ SƠ MỜI THẦU DỊCH VỤ PHI TƯ VẤN QUA MẠNG MỘT GIAI ĐOẠN MỘT TÚI HỒ SƠ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 79/2025/TT-BTC
ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

HỒ SƠ MỜI THẦU

Số hiệu gói thầu và số E-TBMT (trên Hệ thống):

Tên gói thầu (theo nội dung E-TBMT trên Hệ thống):

Thuê ngoài xúc bốc, vận chuyển, san gạt trong khai thác quặng bauxit năm 2026 tại mỏ bauxit khu Tây Tân Rai, Lâm Đồng

Dự án/Dự toán mua sắm (theo nội dung E-TBMT trên Hệ thống):

Phát hành ngày (theo nội dung E-TBMT trên Hệ thống):

Ban hành kèm theo Quyết định (theo nội dung E-TBMT trên Hệ thống):

Số: 2675/QĐ-LDA ngày 22/11/2025

MỤC LỤC

MÔ TẢ TÓM TẮT

Phần 1. THỦ TỤC ĐẤU THẦU

Chương I. Chỉ dẫn Nhà thầu

Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu

Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT

Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật

Phần 3A. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG

Chương VI. Điều kiện chung của hợp đồng

Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng

Hoặc Phần 3B. THỎA THUẬN KHUNG (Áp dụng đối với mua sắm tập trung sử dụng thỏa thuận khung)

Chương VI. Điều kiện chung của thỏa thuận khung

Chương VII. Điều kiện cụ thể của thỏa thuận khung

Chương VIII. Thỏa thuận khung

Phần 4. BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Phụ lục. Các ví dụ

MÔ TẢ TÓM TẮT

Phần 1. THỦ TỤC ĐẦU THẦU

Chương I. Chỉ dẫn Nhà thầu

Chương này cung cấp thông tin nhằm giúp Nhà thầu chuẩn bị E-HSDT. Thông tin bao gồm các quy định về việc chuẩn bị, nộp E-HSDT, mở thầu, đánh giá E-HSDT và trao hợp đồng. Chỉ được sử dụng mà không được sửa đổi các quy định tại Chương này.

Chương này áp dụng thống nhất đối với tất cả các gói thầu dịch vụ phi tư vấn qua mạng, được cố định theo định dạng tệp tin PDF và đăng tải trên Hệ thống.

Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu

Chương này quy định cụ thể các nội dung của Chương I khi áp dụng đối với từng gói thầu.

Chương này được số hóa dưới dạng các biểu mẫu trên Hệ thống (webform). Chủ đầu tư, tổ chuyên gia nhập các nội dung thông tin vào E-BDL trên Hệ thống.

Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT

Chương này bao gồm các tiêu chí để đánh giá E-HSDT, cụ thể:

- Mục 1 (Đánh giá tính hợp lệ của E-HSDT) được cố định theo định dạng tệp tin PDF/Word và đăng tải trên Hệ thống;
- Mục 2 (Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm) được số hóa dưới dạng webform. Chủ đầu tư, tổ chuyên gia cần nhập thông tin vào các webform tương ứng;
- Mục 3 (Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật), Mục 4 (Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính) và Mục 5 (Phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT (nếu có)) là tệp tin PDF/Word do Chủ đầu tư, tổ chuyên gia chuẩn bị và đăng tải trên Hệ thống.

Căn cứ các thông tin do Chủ đầu tư, tổ chuyên gia nhập, Hệ thống sẽ tự động tạo ra các biểu mẫu dự thầu có liên quan tương ứng với tiêu chuẩn đánh giá.

Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu

Chương này bao gồm các biểu mẫu mà Chủ đầu tư và Nhà thầu sẽ phải hoàn chỉnh để thành một phần nội dung của E-HSMT và E-HSDT.

Chương này được số hóa dưới dạng webform. Chủ đầu tư, tổ chuyên gia và Nhà thầu cần nhập các thông tin vào webform tương ứng phù

hợp với gói thầu để lập E-HSMT, E-HSDT trên Hệ thống.

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật

Chương này bao gồm các yêu cầu về kỹ thuật của dịch vụ phi tư vấn được hiển thị dưới dạng tệp tin PDF/Word/CAD do Chủ đầu tư, tổ chuyên gia chuẩn bị và đính kèm lên Hệ thống.

Phần 3A. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG

Chương VI. Điều kiện chung của hợp đồng

Chương này gồm điều khoản chung được áp dụng cho tất cả các hợp đồng của các gói thầu khác nhau. Chỉ được sử dụng mà không được sửa đổi các quy định tại Chương này.

Chương này áp dụng thống nhất đối với tất cả các gói thầu dịch vụ phi tư vấn qua mạng, được cố định theo định dạng tệp tin PDF và đăng tải trên Hệ thống.

Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng

Chương này bao gồm dữ liệu hợp đồng và Điều kiện cụ thể cho mỗi hợp đồng. Điều kiện cụ thể của hợp đồng nhằm chi tiết hóa, bổ sung nhưng không được thay thế Điều kiện chung của Hợp đồng.

Chương này được số hóa dưới dạng webform. Chủ đầu tư, tổ chuyên gia nhập các nội dung thông tin vào điều kiện cụ thể của hợp đồng trên Hệ thống.

Phần 3B. THỎA THUẬN KHUNG (Áp dụng đối với mua sắm tập trung sử dụng thỏa thuận khung)

Chương VI. Điều kiện chung của thỏa thuận khung

Chương VII. Điều kiện cụ thể của thỏa thuận khung

Chương VIII. Thỏa thuận khung

Phần 4. BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Phần này gồm các biểu mẫu mà sau khi được hoàn chỉnh sẽ trở thành một bộ phận cấu thành của hợp đồng. Các mẫu bảo lãnh thực hiện hợp đồng (Thư bảo lãnh) và Bảo lãnh tiền tạm ứng (nếu có yêu cầu về tạm ứng) do Nhà thầu trúng thầu hoàn chỉnh trước khi hợp đồng có hiệu lực.

Phần này bao gồm tệp tin PDF/Word do Chủ đầu tư, tổ chuyên gia chuẩn bị theo mẫu.

Phụ lục. Các ví dụ

Phần 1. THỦ TỤC ĐẦU THẦU

Chương I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU

<p>1. Phạm vi gói thầu</p>	<p>1.1. Chủ đầu tư quy định tại E-BDL phát hành bộ E-HSMT này để lựa chọn Nhà thầu thực hiện gói thầu dịch vụ phi tư vấn theo phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ.</p> <p>1.2. Tên gói thầu, dự án/dự toán mua sắm; số lượng, số hiệu các phần thuộc gói thầu (trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập) được quy định tại E-BDL.</p>
<p>2. Giải thích từ ngữ trong đấu thầu qua mạng</p>	<p>2.1. Thời điểm đóng thầu là thời điểm hết hạn nhận E-HSĐT và được quy định trong E-TBMT trên Hệ thống.</p> <p>2.2. Ngày là ngày theo dương lịch, bao gồm cả ngày nghỉ cuối tuần, nghỉ lễ, nghỉ Tết theo quy định của pháp luật về lao động.</p> <p>2.3. Thời gian và ngày tháng trên Hệ thống là thời gian và ngày tháng được hiển thị trên Hệ thống (GMT+7).</p>
<p>3. Nguồn vốn</p>	<p>Nguồn vốn để sử dụng cho gói thầu được quy định tại E-BDL.</p>
<p>4. Hành vi bị cấm</p>	<p>4.1. Đưa, nhận, môi giới hối lộ.</p> <p>4.2. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để gây ảnh hưởng, can thiệp trái pháp luật vào hoạt động đấu thầu dưới mọi hình thức.</p> <p>4.3. Thông thầu bao gồm các hành vi sau đây:</p> <p>a) Dàn xếp, thỏa thuận, ép buộc để một hoặc các bên chuẩn bị E-HSĐT hoặc rút E-HSĐT để một bên trúng thầu;</p> <p>b) Dàn xếp, thỏa thuận để từ chối cung cấp dịch vụ, không ký hợp đồng thầu phụ hoặc thực hiện các hình thức thỏa thuận khác nhằm hạn chế cạnh tranh để một bên trúng thầu;</p> <p>c) Nhà thầu có năng lực, kinh nghiệm đã tham dự thầu và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT nhưng cố ý không cung cấp tài liệu để chứng minh năng lực, kinh nghiệm khi được Chủ đầu tư yêu cầu làm rõ E-HSĐT hoặc khi được yêu cầu đối chiếu tài liệu nhằm tạo điều kiện để một bên trúng thầu.</p> <p>4.4. Gian lận bao gồm các hành vi sau đây:</p> <p>a) Làm giả hoặc làm sai lệch thông tin, hồ sơ, tài liệu trong đấu thầu;</p>

b) Cố ý cung cấp thông tin, tài liệu không trung thực, không khách quan trong E-HSDT nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn Nhà thầu.

4.5. Cản trở bao gồm các hành vi sau đây:

a) Hủy hoại, lừa dối, thay đổi, che giấu chứng cứ hoặc báo cáo sai sự thật; đe dọa hoặc gợi ý đối với bất kỳ bên nào nhằm ngăn chặn việc làm rõ hành vi đưa, nhận, môi giới hối lộ, gian lận hoặc thông đồng với cơ quan có chức năng, thẩm quyền về giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán;

b) Cản trở người có thẩm quyền, Chủ đầu tư, Nhà thầu trong lựa chọn Nhà thầu;

c) Cản trở cơ quan có thẩm quyền giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán đối với hoạt động đấu thầu;

d) Cố tình khiếu nại, tố cáo, kiến nghị sai sự thật để cản trở hoạt động đấu thầu;

đ) Có hành vi vi phạm pháp luật về an toàn, an ninh mạng nhằm can thiệp, cản trở việc đấu thầu qua mạng.

4.6. Không bảo đảm công bằng, minh bạch bao gồm các hành vi sau đây:

a) Tham dự thầu với tư cách là Nhà thầu đối với gói thầu do mình làm Chủ đầu tư hoặc thực hiện nhiệm vụ của Chủ đầu tư không đúng quy định của Luật Đấu thầu;

b) Tham gia lập, đồng thời tham gia thẩm định E-HSMT đối với cùng một gói thầu;

c) Tham gia đánh giá E-HSDT đồng thời tham gia thẩm định kết quả lựa chọn Nhà thầu đối với cùng một gói thầu;

d) Cá nhân thuộc chủ đầu tư trực tiếp tham gia quá trình lựa chọn Nhà thầu hoặc tham gia tổ chuyên gia, tổ thẩm định kết quả lựa chọn Nhà thầu hoặc là người có thẩm quyền, người đứng đầu chủ đầu tư đối với các gói thầu do người có quan hệ gia đình theo quy định của Luật Doanh nghiệp đứng tên dự thầu hoặc là người đại diện hợp pháp của Nhà thầu tham dự thầu;

đ) Nhà thầu tham dự thầu gói thầu phi tư vấn do Nhà thầu đó cung cấp dịch vụ tư vấn: lập, thẩm tra, thẩm định dự toán, thiết kế; lập, thẩm định E-HSMST, E-HSMT; đánh giá E-HSDST, E-HSDT; thẩm định kết quả lựa chọn Nhà thầu; giám sát thực hiện hợp đồng;

e) Đứng tên tham dự thầu gói thầu thuộc dự án do chủ đầu tư là cơ quan, tổ chức nơi mình đã công tác và giữ chức vụ lãnh

đạo, quản lý trong thời gian 12 tháng kể từ ngày không còn làm việc tại cơ quan, tổ chức đó;

g) Nêu yêu cầu cụ thể về nhãn hiệu, xuất xứ hàng hóa trong E-HSMT, trừ trường hợp quy định tại điểm e khoản 3 Điều 10, khoản 2 Điều 44 và khoản 1 Điều 56 của Luật Đấu thầu;

4.7. Tiết lộ những tài liệu, thông tin về quá trình lựa chọn Nhà thầu, trừ trường hợp cung cấp thông tin theo quy định tại điểm b khoản 8 Điều 77, khoản 11 Điều 78, khoản 4 Điều 80, khoản 4 Điều 81, khoản 2 Điều 82 của Luật Đấu thầu, bao gồm:

a) Nội dung E-HSMT trước thời điểm phát hành theo quy định;

b) Nội dung E-HSDT; nội dung yêu cầu làm rõ E-HSDT của chủ đầu tư và trả lời của Nhà thầu trong quá trình đánh giá E-HSDT; báo cáo của chủ đầu tư, báo cáo của tổ chuyên gia, báo cáo thẩm định, báo cáo của Nhà thầu tư vấn, báo cáo của cơ quan chuyên môn có liên quan trong quá trình lựa chọn Nhà thầu; tài liệu ghi chép, biên bản cuộc họp xét thầu, các ý kiến nhận xét, đánh giá đối với từng E-HSDT trước khi được công khai theo quy định;

c) Kết quả lựa chọn Nhà thầu trước khi được công khai theo quy định;

d) Các tài liệu khác trong quá trình lựa chọn Nhà thầu được xác định chứa nội dung bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật.

4.8. Chuyển nhượng thầu trong trường hợp sau đây:

a) Nhà thầu chuyển nhượng cho Nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu ngoài giá trị tối đa dành cho Nhà thầu phụ và khối lượng công việc dành cho Nhà thầu phụ đặc biệt đã nêu trong hợp đồng;

b) Nhà thầu chuyển nhượng cho Nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu chưa vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho Nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng nhưng ngoài phạm vi công việc dành cho Nhà thầu phụ đã đề xuất trong E-HSDT mà không được Chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận;

c) Chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận để Nhà thầu chuyển nhượng công việc quy định tại điểm a khoản này;

d) Chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận để Nhà thầu chuyển nhượng công việc quy định tại điểm b khoản này mà vượt

	mức tối đa giá trị công việc dành cho Nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng.
5. Tư cách hợp lệ của Nhà thầu	<p>5.1. Nhà thầu là tổ chức đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Hạch toán tài chính độc lập;</p> <p>b) Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản;</p> <p>c) Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định tại E-BDL;</p> <p>d) Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của Luật Đấu thầu;</p> <p>đ) Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự.</p> <p>5.2. Nhà thầu là hộ kinh doanh đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Có giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật;</p> <p>b) Không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; chủ hộ kinh doanh không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;</p> <p>c) Đáp ứng điều kiện quy định tại các điểm c và d Mục 5.1 E-CDNT.</p>
6. Nội dung của E-HSMT	<p>6.1. E-HSMT bao gồm E-TBMT và Phần 1, Phần 2, Phần 3 cùng với tài liệu sửa đổi, làm rõ E-HSMT theo quy định tại Mục 7 E-CDNT (nếu có), trong đó bao gồm các nội dung sau đây:</p> <p>Phần 1. Thủ tục đấu thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương I. Chỉ dẫn Nhà thầu; - Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu; - Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSMT; - Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu. <p>Phần 2. Yêu cầu về kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật. <p>Phần 3A. Điều kiện hợp đồng¹</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương VI. Điều kiện chung của hợp đồng;

¹ Trường hợp áp dụng mua sắm tập trung sử dụng thỏa thuận khung thi bộ phận này.

	<p>- Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng;</p> <p>Phần 3B. Thỏa thuận khung¹ (Áp dụng đối với mua sắm tập trung sử dụng thỏa thuận khung)</p> <p>- Chương VI. Điều kiện chung của thỏa thuận khung;</p> <p>- Chương VII. Điều kiện cụ thể của thỏa thuận khung;</p> <p>- Chương VIII. Thỏa thuận khung;</p> <p>Phần 4. Biểu mẫu hợp đồng.</p> <p>6.2. Chủ đầu tư không chịu trách nhiệm về tính chính xác, hoàn chỉnh của E-HSMT, tài liệu giải thích làm rõ E-HSMT hay các tài liệu sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7 E-CDNT nếu các tài liệu này không được cung cấp bởi Chủ đầu tư trên Hệ thống. E-HSMT do Chủ đầu tư phát hành trên Hệ thống là cơ sở để xem xét, đánh giá.</p> <p>6.3. Nhà thầu phải nghiên cứu mọi thông tin của E-TBMT, E-HSMT và các nội dung sửa đổi, làm rõ E-HSMT, biên bản hội nghị tiền đấu thầu (nếu có) để chuẩn bị E-HSDT theo yêu cầu của E-HSMT cho phù hợp.</p>
<p>7. Sửa đổi, làm rõ E-HSMT</p>	<p>7.1. Trường hợp sửa đổi E-HSMT thì Chủ đầu tư đăng tải quyết định sửa đổi kèm theo các nội dung sửa đổi và E-HSMT đã được sửa đổi cho phù hợp (webform và file đính kèm). Việc sửa đổi E-HSMT được thực hiện trong thời gian tối thiểu là 10 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu; đối với gói thầu có giá gói thầu không quá 10 tỷ đồng, việc sửa đổi E-HSMT được thực hiện trong thời gian tối thiểu là 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu và bảo đảm đủ thời gian để Nhà thầu hoàn chỉnh E-HSDT; trường hợp không bảo đảm đủ thời gian như nêu trên thì phải gia hạn thời điểm đóng thầu.</p> <p>7.2. Trường hợp cần làm rõ E-HSMT, Nhà thầu phải gửi đề nghị làm rõ đến Chủ đầu tư thông qua Hệ thống trong thời hạn tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu để Chủ đầu tư xem xét, xử lý. Chủ đầu tư tiếp nhận nội dung làm rõ để xem xét, làm rõ theo đề nghị của Nhà thầu và thực hiện làm rõ trên Hệ thống trong thời hạn tối thiểu 02 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu, trong đó mô tả nội dung yêu cầu làm rõ nhưng không nêu tên Nhà thầu đề nghị làm rõ. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi E-HSMT thì Chủ đầu tư tiến hành sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7.1 E-CDNT.</p>

¹ Trường hợp không áp dụng mua sắm tập trung hoặc có áp dụng nhưng không sử dụng thỏa thuận khung thì bỏ phần này.

	<p>7.3. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm theo dõi thông tin trên Hệ thống để kịp thời làm rõ E-HSMT theo đề nghị của Nhà thầu.</p> <p>7.4. Nhà thầu chịu trách nhiệm theo dõi thông tin trên Hệ thống để cập nhật thông tin về việc sửa đổi E-HSMT, thay đổi thời điểm đóng thầu (nếu có) để làm cơ sở chuẩn bị E-HSDT. Trường hợp xảy ra các sai sót do không theo dõi, cập nhật thông tin trên Hệ thống dẫn đến bất lợi cho Nhà thầu trong quá trình tham dự thầu bao gồm: thay đổi, sửa đổi E-HSMT, thời điểm đóng thầu và các nội dung khác thì Nhà thầu phải tự chịu trách nhiệm và chịu bất lợi trong quá trình tham dự thầu.</p> <p>7.5. Trường hợp cần thiết, Chủ đầu tư tổ chức hội nghị tiền đấu thầu để trao đổi về những nội dung trong E-HSMT mà các Nhà thầu chưa rõ theo quy định tại E-BDL. Chủ đầu tư đăng tải thông báo tổ chức hội nghị tiền đấu thầu trên Hệ thống; tất cả các Nhà thầu quan tâm được tham dự hội nghị tiền đấu thầu mà không cần phải thông báo trước cho Chủ đầu tư. Nội dung trao đổi giữa Chủ đầu tư và Nhà thầu phải được ghi lại thành biên bản và lập thành văn bản làm rõ E-HSMT đăng tải trên Hệ thống trong thời gian tối đa 02 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc hội nghị tiền đấu thầu.</p> <p>7.6. Trường hợp E-HSMT cần phải được sửa đổi sau khi tổ chức hội nghị tiền đấu thầu, Chủ đầu tư thực hiện việc sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7.1 E-CDNT. Biên bản hội nghị tiền đấu thầu không phải là văn bản sửa đổi E-HSMT.</p> <p>7.7. Việc Nhà thầu không tham dự hội nghị tiền đấu thầu hoặc không có giấy xác nhận đã tham dự hội nghị tiền đấu thầu không phải là lý do để loại bỏ E-HSDT của Nhà thầu.</p>
<p>8. Chi phí dự thầu</p>	<p>E-HSMT được phát hành miễn phí trên Hệ thống ngay sau khi Chủ đầu tư đăng tải thành công E-TBMT trên Hệ thống. Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự thầu. Chi phí nộp E-HSDT theo quy định tại E-BDL. Trong mọi trường hợp, Chủ đầu tư không chịu trách nhiệm về các chi phí liên quan đến việc tham dự thầu của Nhà thầu.</p>
<p>9. Ngôn ngữ của E-HSDT</p>	<p>E-HSDT cũng như tất cả văn bản và tài liệu liên quan đến E-HSDT được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu bổ trợ trong E-HSDT có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, chủ đầu tư có thể yêu cầu Nhà thầu gửi bổ sung (nếu cần thiết).</p>
<p>10. Thành phần của E-</p>	<p>E-HSDT phải bao gồm các thành phần sau:</p>

HSDT	<p>10.1. Đơn dự thầu được Hệ thống trích xuất theo quy định tại Mục 11 E-CDNT;</p> <p>10.2. Thỏa thuận liên danh được Hệ thống trích xuất theo Mẫu số 03 Chương IV (đối với Nhà thầu liên danh);</p> <p>10.3. Bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 18 E-CDNT;</p> <p>10.4. Bản kê khai năng lực, kinh nghiệm của Nhà thầu theo Mục 16 E-CDNT;</p> <p>10.5. Đề xuất về kỹ thuật và các tài liệu theo quy định tại Mục 15 E-CDNT;</p> <p>10.6. Đề xuất về tài chính và các bảng biểu được ghi đầy đủ thông tin theo quy định tại Mục 11 và Mục 13 E-CDNT;</p> <p>10.7. Đề xuất phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT theo quy định tại Mục 12 E-CDNT (nếu có);</p> <p>10.8. Các nội dung khác theo quy định tại E-BDL.</p>
11. Đơn dự thầu và các bảng biểu	<p>Nhà thầu điền đầy đủ thông tin vào các Mẫu ở Chương IV. Nhà thầu kiểm tra thông tin trong đơn dự thầu và các bảng biểu được Hệ thống trích xuất để hoàn thành E-HSDT.</p>
12. Đề xuất phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT	<p>12.1. Trường hợp E-HSMT có quy định tại E-BDL về việc Nhà thầu có thể đề xuất phương án kỹ thuật thay thế thì phương án kỹ thuật thay thế đó mới được xem xét.</p> <p>12.2. Phương án kỹ thuật thay thế chỉ được xem xét khi phương án chính được đánh giá là đáp ứng yêu cầu và Nhà thầu được xếp hạng thứ nhất. Trong trường hợp này, Nhà thầu phải cung cấp tất cả các thông tin cần thiết để tổ chuyên gia có thể đánh giá phương án kỹ thuật thay thế, bao gồm: thuyết minh, giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp dịch vụ, tiến độ thực hiện, chi phí và các thông tin liên quan khác. Việc đánh giá đề xuất phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT thực hiện theo quy định tại Mục 5 Chương III.</p>
13. Giá dự thầu và giảm giá	<p>13.1 Giá dự thầu ghi trong đơn và trong các bảng giá cùng với các khoản giảm giá phải đáp ứng các quy định trong Mục này:</p> <p>a) Giá dự thầu là giá do Nhà thầu chào trong đơn dự thầu (chưa tính giảm giá), bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện gói thầu. Hệ thống sẽ tự động trích xuất giá dự thầu từ Mẫu số 11 (11A hoặc 11B hoặc 11C hoặc 11D hoặc 11E hoặc 11G) Chương IV vào đơn dự thầu.</p> <p>b) Tất cả các phần (đối với gói thầu chia thành nhiều phần)</p>

và các hạng mục phải được chào giá riêng trong các bảng giá dự thầu. Trường hợp tại cột “đơn giá” Nhà thầu ghi là “0” thì được coi là Nhà thầu đã phân bổ giá của hạng mục công việc này vào hạng mục công việc khác thuộc gói thầu và sẽ không được Chủ đầu tư thanh toán riêng, Nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các hạng mục công việc theo yêu cầu của E-HSMT bảo đảm chất lượng, tiến độ.

c) Đối với gói thầu không chia phần, trường hợp Nhà thầu có đề xuất giảm giá thì ghi tỷ lệ phần trăm giảm giá vào đơn dự thầu. Giá trị giảm giá này được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục trong các bảng giá dự thầu. Đối với loại hợp đồng theo đơn giá cố định, hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh, hợp đồng theo thời gian, giá trị giảm giá được tính trên giá dự thầu không bao gồm dự phòng.

d) Nhà thầu phải nộp E-HSMT cho toàn bộ công việc yêu cầu trong E-HSMT và ghi đơn giá dự thầu cho tất cả các công việc nêu trong cột “Danh mục dịch vụ” theo Mẫu số 11 (11A hoặc 11B hoặc 11C hoặc 11D hoặc 11E hoặc 11G) Chương IV.

13.2. Trường hợp gói thầu được chia thành nhiều phần độc lập và cho phép dự thầu theo từng phần thì Nhà thầu có thể dự thầu một hoặc nhiều phần của gói thầu. Nhà thầu phải dự thầu đầy đủ các hạng mục trong phần mà mình tham dự. Trường hợp Nhà thầu có đề xuất giảm giá thì thực hiện theo một trong hai cách sau đây:

a) Cách thứ nhất: ghi tỷ lệ phần trăm giảm giá vào đơn dự thầu (trong trường hợp này được coi là Nhà thầu giảm giá đều theo tỷ lệ cho tất cả phần mà Nhà thầu tham dự).

b) Cách thứ hai: ghi tỷ lệ phần trăm giảm giá cho từng phần vào webform trên Hệ thống.

13.3. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về giá dự thầu để thực hiện, hoàn thành các công việc theo đúng yêu cầu nêu trong E-HSMT. Trường hợp hồ sơ dự thầu có giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp khác thường, ảnh hưởng đến chất lượng gói thầu thì Chủ đầu tư xử lý tình huống theo quy định tại khoản 11 Điều 140 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

13.4. Giá dự thầu của Nhà thầu phải bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định. Trường hợp Nhà thầu tuyên bố giá dự thầu

	không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì E-HSĐT của Nhà thầu sẽ bị loại.
14. Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán	Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán là VND.
15. Tài liệu chứng minh sự đáp ứng về kỹ thuật	<p>15.1. Để chứng minh sự đáp ứng của dịch vụ so với yêu cầu của E-HSMT, Nhà thầu phải cung cấp các tài liệu là một phần của E-HSĐT (đính kèm file lên Hệ thống) để chứng minh rằng các dịch vụ mà mình cung cấp phù hợp với các yêu cầu và tiêu chuẩn kỹ thuật quy định tại Chương V.</p> <p>15.2. Các tiêu chuẩn về cung cấp dịch vụ chỉ mang tính mô tả mà không nhằm mục đích hạn chế Nhà thầu. Nhà thầu có thể đưa ra các tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ khác với điều kiện chứng minh được với Chủ đầu tư rằng những tiêu chuẩn thay thế này tương đương hoặc cao hơn so với những tiêu chuẩn quy định tại Chương V.</p>
16. Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của Nhà thầu	<p>16.1. Nhà thầu kê khai các thông tin cần thiết vào các Mẫu trong Chương IV để cung cấp thông tin về năng lực, kinh nghiệm theo yêu cầu tại Chương III. Trường hợp được mời vào đối chiếu tài liệu, Nhà thầu phải chuẩn bị sẵn sàng các tài liệu để đối chiếu với thông tin Nhà thầu kê khai trong E-HSĐT và để Chủ đầu tư lưu trữ.</p> <p>16.2. Trường hợp gói thầu đã áp dụng sơ tuyển, nếu có sự thay đổi về năng lực và kinh nghiệm của Nhà thầu khi nộp E-HSĐT và khi tham dự sơ tuyển thì phải cập nhật lại năng lực và kinh nghiệm của mình.</p>
17. Thời hạn có hiệu lực của E-HSĐT	<p>17.1. E-HSĐT có hiệu lực không ngắn hơn thời hạn quy định tại E-BDL.</p> <p>17.2. Trong trường hợp cần thiết, trước khi hết thời hạn hiệu lực của E-HSĐT, Chủ đầu tư có thể đề nghị các Nhà thầu gia hạn hiệu lực của E-HSĐT, đồng thời yêu cầu Nhà thầu gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu (bằng thời gian hiệu lực E-HSĐT sau khi gia hạn cộng thêm 30 ngày). Nếu Nhà thầu không chấp nhận việc gia hạn hiệu lực của E-HSĐT thì E-HSĐT của Nhà thầu sẽ không được xem xét tiếp, trong trường hợp này, Nhà thầu không phải nộp bản gốc thư bảo lãnh cho Chủ đầu tư. Nhà thầu chấp nhận đề nghị gia hạn E-HSĐT không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của E-HSĐT, trừ việc gia hạn hiệu lực của bảo đảm dự thầu. Việc đề nghị gia hạn và chấp thuận hoặc không chấp</p>

	thuận gia hạn được thực hiện trên Hệ thống.
18. Bảo đảm dự thầu	<p>18.1. Khi tham dự thầu qua mạng, Nhà thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu trước thời điểm đóng thầu theo một hoặc các hình thức thư bảo lãnh do đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam phát hành hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam phát hành. Trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 50 triệu đồng thì thực hiện theo quy định tại Mục 18.8 E-CDNT. Đối với bảo lãnh dự thầu hoặc chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh bằng văn bản giấy, Nhà thầu quét (scan) thư bảo lãnh của ngân hàng hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh và đính kèm khi nộp E-HSDT. Đối với bảo lãnh dự thầu điện tử, Nhà thầu chọn bảo lãnh dự thầu điện tử được phát hành, lưu trữ trên Hệ thống. Trường hợp E-HSDT được gia hạn hiệu lực theo quy định tại Mục 17.2 E-CDNT thì hiệu lực của bảo đảm dự thầu cũng phải được gia hạn tương ứng. Đối với Nhà thầu liên danh, các thành viên liên danh phải sử dụng cùng thể thức bảo lãnh dự thầu: bảo lãnh dự thầu điện tử hoặc bằng giấy.</p> <p>Trường hợp liên danh thì phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu theo một trong hai cách sau:</p> <p>a) Từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện riêng rẽ bảo đảm dự thầu nhưng bảo đảm tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu quy định tại Mục 18.2 E-CDNT; nếu bảo đảm dự thầu của một thành viên trong liên danh được xác định là không hợp lệ thì E-HSDT của liên danh đó sẽ không được xem xét, đánh giá tiếp. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT thì giá trị bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả;</p> <p>b) Các thành viên trong liên danh thỏa thuận để một thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho thành viên liên danh đó và cho thành viên khác trong liên danh. Trong trường hợp này, bảo đảm dự thầu có thể bao gồm tên của liên danh hoặc tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho các thành viên trong liên danh nhưng bảo đảm tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu quy định tại Mục 18.2 E-CDNT. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định của pháp luật dẫn</p>

đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT thì giá trị bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả.

18.2. Giá trị, đồng tiền và thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu được quy định cụ thể tại **E-BDL**. Thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo đảm dự thầu (thời điểm kết thúc hiệu lực của bảo đảm dự thầu nằm trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo đảm dự thầu mà không cần thiết phải đến hết 24 giờ của ngày đó).

18.3. Bảo đảm dự thầu được coi là không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: có giá trị thấp hơn, thời gian có hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 18.2 E-CDNT, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không có chữ ký (ký số đối với bảo lãnh dự thầu điện tử) hợp lệ, ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT, có kèm theo các điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư (trong đó bao gồm việc không đáp ứng đủ các cam kết theo quy định tại Mẫu số 04A, Mẫu số 04B Chương IV). Trường hợp áp dụng thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh thì thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam, doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu (nếu có). Đối với gói thầu bảo hiểm, Nhà thầu tham dự thầu không được xuất trình giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh do mình phát hành.

18.4. Nhà thầu không được lựa chọn sẽ được hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu theo thời hạn quy định tại **E-BDL**. Đối với Nhà thầu được lựa chọn, bảo đảm dự thầu được hoàn trả hoặc giải tỏa khi hợp đồng có hiệu lực.

18.5. Các trường hợp phải nộp bản gốc thư bảo lãnh dự thầu, giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh (đối với trường hợp sử dụng bảo lãnh dự thầu bằng văn bản giấy) cho Chủ đầu tư:

a) Nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu;

b) Nhà thầu vi phạm quy định của pháp luật về đấu thầu dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu trong các trường hợp sau đây:

- Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của

E-HSDT, Nhà thầu có văn bản rút E-HSDT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong E-HSDT theo yêu cầu của E-HSMT;

- Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu;

- Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 68 của Luật Đấu thầu;

- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu, trừ trường hợp bất khả kháng;

- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng, thỏa thuận khung trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của Chủ đầu tư, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 34 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP hoặc trường hợp bất khả kháng;

- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng, thỏa thuận khung trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, thỏa thuận khung, trừ trường hợp bất khả kháng.

18.6. Trong vòng 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu của Chủ đầu tư, nếu Nhà thầu từ chối hoặc không nộp bản gốc thư bảo lãnh dự thầu, giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh (đối với trường hợp sử dụng bảo lãnh dự thầu bằng văn bản giấy) theo yêu cầu của Chủ đầu tư thì Nhà thầu sẽ bị xử lý theo đúng cam kết của Nhà thầu trong đơn dự thầu.

18.7. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập, Nhà thầu có thể lựa chọn nộp bảo đảm dự thầu theo một trong hai cách sau đây:

a) Bảo đảm dự thầu chung cho tất cả các phần mà mình tham dự thầu (giá trị bảo đảm dự thầu sẽ bằng tổng giá trị của các phần Nhà thầu tham dự). Trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu do Nhà thầu nộp nhỏ hơn tổng giá trị cộng gộp thì Chủ đầu tư được quyền quyết định lựa chọn bảo đảm dự thầu đó được sử dụng cho phần nào trong số các phần mà Nhà thầu tham dự;

b) Bảo đảm dự thầu riêng cho từng phần mà Nhà thầu tham dự.

Trường hợp Nhà thầu vi phạm dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT

	<p>thì việc không hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu được tính trên phần mà Nhà thầu vi phạm.</p> <p>18.8. Đối với gói thầu có giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 18.2 E-CDNT nhỏ hơn 50 triệu đồng, tại thời điểm đóng thầu, Nhà thầu không phải đính kèm thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh theo quy định tại Mục 18.1 E-CDNT mà phải cam kết trong đơn dự thầu (không phải đính kèm cam kết riêng bằng văn bản) là nếu được mời vào đối chiếu tài liệu hoặc vi phạm quy định tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT thì phải nộp một khoản tiền hoặc Séc bảo chi (trong trường hợp thời hạn hiệu lực của Séc bảo chi đáp ứng yêu cầu của Chủ đầu tư) hoặc thư bảo lãnh dự thầu hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh với giá trị quy định tại Mục 18.2 E-CDNT (thời gian có hiệu lực của thư bảo lãnh dự thầu hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh là số ngày được quy định trong Thông báo mời đối chiếu tài liệu và được tính từ ngày thực hiện đối chiếu tài liệu). Trường hợp Nhà thầu chọn áp dụng thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh khi đối chiếu tài liệu nhưng thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh của Nhà thầu không đáp ứng quy định tại Mục 18.3 E-CDNT thì Nhà thầu phải nộp một khoản tiền hoặc Séc bảo chi (trong trường hợp thời hạn hiệu lực của Séc bảo chi đáp ứng yêu cầu của Chủ đầu tư) với giá trị quy định tại Mục 18.2 E-CDNT. Trường hợp Nhà thầu không thực hiện theo cam kết nêu trên, Nhà thầu bị xử lý theo đúng cam kết của Nhà thầu nêu trong đơn dự thầu (bị đánh giá không đảm bảo uy tín khi tham dự thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, nêu tên trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia và bị khóa tài khoản trong vòng 06 tháng kể từ ngày chủ đầu tư công khai tên Nhà thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, trừ trường hợp bất khả kháng). Trường hợp Nhà thầu vi phạm quy định tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT thì Nhà thầu sẽ không được hoàn trả khoản tiền bảo đảm dự thầu này.</p> <p>18.9. Đối với gói thầu đấu thầu trước, bảo đảm dự thầu thực hiện theo quy định tại E-BDL.</p>
<p>19. Thời điểm đóng thầu</p>	<p>19.1. Thời điểm đóng thầu là thời điểm quy định tại E-TBMT.</p> <p>19.2. Chủ đầu tư có thể gia hạn thời điểm đóng thầu bằng cách sửa đổi E-TBMT. Khi gia hạn thời điểm đóng thầu, mọi trách nhiệm của Chủ đầu tư và Nhà thầu theo thời điểm đóng thầu trước đó sẽ được thay đổi theo thời điểm đóng thầu mới được gia hạn.</p>
<p>20. Nộp, rút</p>	<p>20.1. Nộp E-HSDT: Nhà thầu chỉ nộp một bộ E-HSDT đối với</p>

<p>và sửa đổi E-HSDT</p>	<p>một E-TBMT khi tham gia đấu thầu qua mạng. Trường hợp liên danh, thành viên đứng đầu liên danh (theo thỏa thuận trong liên danh) nộp E-HSDT sau khi được sự chấp thuận của tất cả các thành viên trong liên danh.</p> <p>20.2. Sửa đổi, nộp lại E-HSDT: Trường hợp cần sửa đổi E-HSDT đã nộp, Nhà thầu phải tiến hành rút toàn bộ E-HSDT đã nộp trước đó để sửa đổi cho phù hợp. Sau khi hoàn thiện E-HSDT, Nhà thầu tiến hành nộp lại E-HSDT mới. Trường hợp Nhà thầu đã nộp E-HSDT trước khi Chủ đầu tư thực hiện sửa đổi E-HSMT (nếu có) thì Nhà thầu phải nộp lại E-HSDT mới cho phù hợp với E-HSMT được sửa đổi. Trường hợp Nhà thầu không nộp lại E-HSDT thì E-HSDT đã nộp trước thời điểm E-HSMT được sửa đổi sẽ không được mở, xem xét, đánh giá.</p> <p>20.3. Rút E-HSDT: Nhà thầu được rút E-HSDT trước thời điểm đóng thầu. Trường hợp rút E-HSDT sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSDT thì Nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm dự thầu, bị đánh giá không đảm bảo uy tín khi tham dự thầu và không được tiếp tục đánh giá E-HSDT. Hệ thống thông báo cho Nhà thầu tình trạng rút E-HSDT (thành công hay không thành công). Hệ thống ghi lại thông tin về thời gian rút E-HSDT của Nhà thầu.</p> <p>20.4. Nhà thầu chỉ được rút, sửa đổi, nộp lại E-HSDT trước thời điểm đóng thầu. Sau thời điểm đóng thầu, tất cả các E-HSDT nộp thành công trên Hệ thống (ngoại trừ E-HSDT của Nhà thầu đã nộp trước thời điểm sửa đổi E-HSMT và Nhà thầu không nộp E-HSDT mới cho phù hợp với E-HSMT được sửa đổi) đều được mở thầu để đánh giá.</p>
<p>21. Mở thầu</p>	<p>21.1. Chủ đầu tư phải tiến hành mở thầu và công khai biên bản mở thầu trên Hệ thống trong thời hạn không quá 02 giờ, kể từ thời điểm đóng thầu. Trường hợp có 01 Nhà thầu nộp E-HSDT, Chủ đầu tư xem xét, xử lý tình huống theo quy định tại khoản 5 Điều 140 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP. Trường hợp không có Nhà thầu nộp E-HSDT, Chủ đầu tư xem xét gia hạn thời điểm đóng thầu hoặc tổ chức lại việc lựa chọn Nhà thầu qua mạng (hủy E-TBMT này và đăng tải E-TBMT mới) theo quy định tại khoản 4 Điều 140 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.</p> <p>21.2. Biên bản mở thầu được đăng tải công khai trên Hệ thống, bao gồm các nội dung chủ yếu sau:</p> <p>a) Thông tin về gói thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số E-TBMT;

	<ul style="list-style-type: none"> - Tên gói thầu; - Tên Chủ đầu tư; - Hình thức lựa chọn Nhà thầu; - Loại hợp đồng; - Thời điểm hoàn thành mở thầu; - Tổng số Nhà thầu tham dự. <p>b) Thông tin về các Nhà thầu tham dự:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên Nhà thầu; - Giá dự thầu; - Tỷ lệ phần trăm (%) giảm giá (nếu có); - Giá dự thầu sau giảm giá (nếu có) (Hệ thống tự động tính trên cơ sở tính toán lại chi phí dự phòng sau khi giảm giá); - Giá trị và hiệu lực của bảo đảm dự thầu; - Thời gian có hiệu lực của E-HSDT; - Thời gian thực hiện gói thầu; - Các thông tin liên quan khác (nếu có). <p>c) Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập thì phải bao gồm các thông tin về giá dự thầu cho từng phần như điểm b khoản này.</p>
<p>22. Bảo mật</p>	<p>22.1. Thông tin liên quan đến việc đánh giá E-HSDT và đề nghị trao hợp đồng phải được giữ bí mật và không được phép tiết lộ cho các Nhà thầu hay bất kỳ người nào không có liên quan chính thức đến quá trình lựa chọn Nhà thầu cho tới khi công khai kết quả lựa chọn Nhà thầu. Trong mọi trường hợp không được tiết lộ thông tin trong E-HSDT của Nhà thầu này cho Nhà thầu khác, trừ thông tin được công khai trong biên bản mở thầu.</p> <p>22.2. Trừ trường hợp làm rõ E-HSDT (nếu cần thiết) và đối chiếu tài liệu, Nhà thầu không được phép tiếp xúc với Chủ đầu tư, thành viên tổ chuyên gia về các vấn đề liên quan đến E-HSDT của mình và các vấn đề khác liên quan đến gói thầu trong suốt thời gian từ khi mở thầu cho đến khi công khai kết quả lựa chọn Nhà thầu.</p>
<p>23. Làm rõ E-HSDT</p>	<p>23.1. Sau khi mở thầu, Nhà thầu có trách nhiệm làm rõ E-HSDT theo yêu cầu của Chủ đầu tư, kể cả về tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm, nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế, tài liệu về nhân sự cụ thể đã được đề xuất trong E-HSDT của Nhà thầu. Đối</p>

	<p>với nội dung về tư cách hợp lệ, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi bản chất của Nhà thầu tham dự thầu. Đối với các nội dung về tính hợp lệ của E-HSDT (trừ nội dung về tư cách hợp lệ), đề xuất về kỹ thuật, tài chính, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi nội dung cơ bản của E-HSDT đã nộp, không thay đổi giá dự thầu.</p> <p>23.2. Trong quá trình đánh giá, việc làm rõ E-HSDT giữa Nhà thầu và Chủ đầu tư được thực hiện trực tiếp trên Hệ thống.</p> <p>23.3. Việc làm rõ E-HSDT chỉ được thực hiện giữa Chủ đầu tư và Nhà thầu có E-HSDT cần phải làm rõ. Đối với các nội dung làm rõ ảnh hưởng trực tiếp đến việc đánh giá tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm và yêu cầu về kỹ thuật, tài chính, nếu quá thời hạn làm rõ mà Nhà thầu không thực hiện làm rõ hoặc có thực hiện làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của Chủ đầu tư thì Chủ đầu tư sẽ đánh giá E-HSDT của Nhà thầu theo E-HSDT nộp trước thời điểm đóng thầu. Chủ đầu tư phải dành cho Nhà thầu một khoảng thời gian hợp lý nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc để Nhà thầu thực hiện việc làm rõ E-HSDT.</p> <p>23.4. Nhà thầu không thể tự làm rõ E-HSDT sau thời điểm đóng thầu.</p> <p>23.5. Trường hợp có sự không thống nhất trong nội dung của E-HSDT hoặc có nội dung chưa rõ thì Chủ đầu tư yêu cầu Nhà thầu làm rõ trên cơ sở tuân thủ quy định tại Mục 23.1 E-CDNT.</p> <p>23.6. Trường hợp có nghi ngờ về tính xác thực của các tài liệu do Nhà thầu cung cấp, Chủ đầu tư được xác minh với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến nội dung của tài liệu.</p> <p>23.7. Trường hợp E-HSMT có yêu cầu về cam kết, hợp đồng nguyên tắc thuê thiết bị, máy móc, bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng mà E-HSDT không đính kèm các tài liệu này thì Chủ đầu tư yêu cầu Nhà thầu làm rõ E-HSDT, bổ sung tài liệu trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc để làm cơ sở đánh giá E-HSDT.</p>
<p>24. Các sai khác, đặt điều kiện và bỏ sót nội dung</p>	<p>24.1. “Sai khác” là các khác biệt so với yêu cầu nêu trong E-HSMT.</p> <p>24.2. “Đặt điều kiện” là việc đặt ra các điều kiện có tính hạn chế hoặc thể hiện sự không chấp nhận hoàn toàn đối với các yêu cầu nêu trong E-HSMT.</p> <p>24.3. “Bỏ sót nội dung” là việc Nhà thầu không cung cấp được một phần hoặc toàn bộ thông tin hay tài liệu theo yêu cầu nêu trong E-HSMT.</p>
<p>25. Xác định</p>	<p>25.1. Tổ chuyên gia sẽ xác định tính đáp ứng của E-HSDT</p>

<p>tính đáp ứng của E-HSDT</p>	<p>dựa trên nội dung của E-HSDT theo quy định tại Mục 10 E-CDNT.</p> <p>25.2. E-HSDT đáp ứng cơ bản là E-HSDT đáp ứng các yêu cầu nêu trong E-HSMT mà không có các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản. Sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản nghĩa là những điểm trong E-HSDT mà:</p> <p>a) Nếu được chấp nhận thì sẽ gây ảnh hưởng đáng kể đến phạm vi, chất lượng hay hiệu quả sử dụng của dịch vụ được quy định trong hợp đồng; gây hạn chế đáng kể và không thống nhất với E-HSMT đối với quyền hạn của Chủ đầu tư hoặc nghĩa vụ của Nhà thầu trong hợp đồng;</p> <p>b) Nếu được sửa lại thì sẽ gây ảnh hưởng không công bằng đến vị thế cạnh tranh của Nhà thầu khác có E-HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong E-HSMT .</p> <p>25.3. Tổ chuyên gia phải kiểm tra các khía cạnh kỹ thuật của E-HSDT theo quy định tại Mục 15 E-CDNT nhằm khẳng định rằng tất cả các yêu cầu nêu trong Phần 2 – Yêu cầu về kỹ thuật đã được đáp ứng và E-HSDT không có những sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót các nội dung cơ bản.</p> <p>25.4. Nếu E-HSDT không đáp ứng cơ bản các yêu cầu nêu trong E-HSMT thì E-HSDT đó sẽ bị loại; không được phép sửa đổi các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản trong E-HSDT nhằm làm cho E-HSDT đó đáp ứng cơ bản E-HSMT.</p>
<p>26. Sai sót không nghiêm trọng</p>	<p>26.1. Với điều kiện E-HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong E-HSMT thì Chủ đầu tư, tổ chuyên gia có thể chấp nhận các sai sót mà không phải là những sai khác, đặt điều kiện hay bỏ sót nội dung cơ bản trong E-HSDT.</p> <p>26.2. Với điều kiện E-HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong E-HSMT, Chủ đầu tư, tổ chuyên gia có thể yêu cầu Nhà thầu cung cấp các thông tin hoặc tài liệu cần thiết trong thời hạn hợp lý để sửa chữa những điểm chưa phù hợp hoặc sai sót không nghiêm trọng trong E-HSDT liên quan đến các yêu cầu về tài liệu. Yêu cầu cung cấp các thông tin và các tài liệu để khắc phục các sai sót này không được liên quan đến bất kỳ yếu tố nào của giá dự thầu. E-HSDT của Nhà thầu bị loại nếu không đáp ứng yêu cầu này của Chủ đầu tư.</p> <p>26.3. Với điều kiện E-HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong E-HSMT, Chủ đầu tư, tổ chuyên gia điều chỉnh các sai sót không nghiêm trọng và có thể định lượng được liên quan đến</p>

	<p>giá dự thầu; giá dự thầu sẽ được điều chỉnh để phản ánh chi phí cho các hạng mục bị thiếu hoặc chưa đáp ứng yêu cầu; việc điều chỉnh này chỉ nhằm mục đích so sánh các E-HSDT.</p>
<p>27. Nhà thầu phụ</p>	<p>27.1. Nhà thầu phụ là tổ chức, cá nhân ký kết hợp đồng với Nhà thầu để thực hiện một phần công việc trong bảng tổng hợp giá dự thầu; không bao gồm tổ chức, cá nhân cung cấp, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, cấu kiện bán thành phẩm, thiết bị, cho thuê thiết bị thi công. Việc Nhà thầu thuê nhân công để thực hiện gói thầu không phải là sử dụng Nhà thầu phụ. Nhà thầu phải kê khai Nhà thầu phụ và các hạng mục công việc dành cho Nhà thầu phụ theo Mẫu số 09A Chương IV. Trường hợp tại thời điểm tham dự thầu, chưa xác định được Nhà thầu phụ thì phải kê khai các hạng mục công việc dự kiến dành cho Nhà thầu phụ.</p> <p>27.2. Nhà thầu chỉ được sử dụng Nhà thầu phụ thực hiện các công việc với tổng giá trị dành cho Nhà thầu phụ không vượt quá tỷ lệ phần trăm (%) trên giá dự thầu của Nhà thầu theo quy định tại E-BDL. Đối với trường hợp liên danh, từng thành viên liên danh chỉ được sử dụng Nhà thầu phụ không vượt quá tỷ lệ phần trăm quy định tại Mục này trên giá trị phần công việc mà thành viên liên danh đó đảm nhận trong thoả thuận liên danh.</p> <p>27.3. Việc sử dụng Nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các trách nhiệm của Nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các trách nhiệm khác đối với phần công việc do Nhà thầu phụ thực hiện. Năng lực và kinh nghiệm của Nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá E-HSDT của Nhà thầu. Bản thân Nhà thầu phải đáp ứng các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm (không xét đến năng lực và kinh nghiệm của Nhà thầu phụ).</p> <p>27.4. Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các Nhà thầu phụ trong danh sách các Nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT hoặc ký với Nhà thầu phụ được Chủ đầu tư chấp thuận để tham gia thực hiện công việc của gói thầu.</p> <p>27.5. Nhà thầu có hành vi chuyển nhượng thầu theo quy định tại khoản 8 Điều 16 của Luật Đấu thầu thì bị xử lý theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.</p> <p>27.6. Nhà thầu không được sử dụng Nhà thầu phụ mà Nhà thầu phụ này có tham gia thực hiện cung cấp dịch vụ tư vấn cho gói thầu mà Nhà thầu đã trúng thầu và các công việc tư vấn này bao gồm: lập, thẩm tra thiết kế FEED, thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán; thẩm tra thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ</p>

	<p>thi công, dự toán; thẩm định giá; giám sát thực hiện hợp đồng, kiểm định; lập, thẩm định E-HSMST, E-HSMT; đánh giá E-HSDST, E-HSDT; thẩm định kết quả sơ tuyển (nếu có), kết quả lựa chọn Nhà thầu; tư vấn quản lý dự án, quản lý hợp đồng, tư vấn khác mà các dịch vụ tư vấn này có phần công việc liên quan trực tiếp tới gói thầu.</p>
<p>28. Ưu đãi trong lựa chọn Nhà thầu</p>	<p>28.1 Nguyên tắc ưu đãi:</p> <p>a) Nhà thầu tham dự thầu thuộc đối tượng được hưởng nhiều hơn một loại ưu đãi trong đánh giá về năng lực và kinh nghiệm hoặc trong đánh giá về tài chính thì khi tính ưu đãi chỉ được hưởng một loại ưu đãi có lợi nhất cho Nhà thầu tương ứng với từng nội dung đánh giá về năng lực và kinh nghiệm hoặc đánh giá về tài chính.</p> <p>b) Trường hợp tất cả các Nhà thầu tham dự thầu đều được hưởng ưu đãi như nhau hoặc tất cả các Nhà thầu đều không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi thì không cần tính ưu đãi để so sánh, xếp hạng.</p> <p>c) Nhà thầu phải chứng minh Nhà thầu, dịch vụ do Nhà thầu chào thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi theo quy định tại khoản 1 Điều 10 của Luật Đấu thầu.</p> <p>28.2. Sản phẩm đổi mới sáng tạo quy định tại khoản 4 Điều 6 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP là dịch vụ phi tư vấn của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong nước được hưởng ưu đãi theo quy định tại E-BDL.</p> <p>28.3. Trường hợp sau khi đánh giá, có nhiều Nhà thầu được đánh giá tốt nhất, ngang nhau thì xử lý theo thứ tự ưu tiên như sau cho đến khi lựa chọn được Nhà thầu trúng thầu:</p> <p>a) Trao thầu cho doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ theo quy định của pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (nếu có);</p> <p>b) Trao thầu cho Nhà thầu có điểm kỹ thuật cao hơn hoặc có số tiêu chí đánh giá về kỹ thuật ở mức chấp nhận được ít hơn đối với trường hợp gói thầu áp dụng phương pháp giá thấp nhất; trao thầu cho Nhà thầu có giá dự thầu trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp hơn đối với gói thầu áp dụng phương pháp giá đánh giá.</p> <p>c) Trao thầu cho Nhà thầu có trụ sở chính ở địa phương nơi triển khai gói thầu;</p> <p>d) Trao thầu cho Nhà thầu có sử dụng số lượng lao động là thương binh, người khuyết tật có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên, đến thời điểm</p>

	<p>đóng thầu vẫn còn hiệu lực nhiều hơn;</p> <p>đ) Trao thầu cho Nhà thầu có sử dụng số lượng lao động là dân tộc thiểu số có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên, đến thời điểm đóng thầu vẫn còn hiệu lực nhiều hơn ;</p> <p>e) Trao thầu cho Nhà thầu có sử dụng số lượng lao động là nữ giới có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên, đến thời điểm đóng thầu vẫn còn hiệu lực nhiều hơn ;</p> <p>g) Cho phép các Nhà thầu này chào lại giá dự thầu để lựa chọn Nhà thầu có giá chào thấp nhất. Nhà thầu không được chào giá cao hơn giá Nhà thầu đã chào trừ đi giá trị giảm giá (nếu có). Việc chào lại giá dự thầu thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 8 Điều 140 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP;</p> <p>h) Mời các Nhà thầu này tham gia chào giá trực tuyến theo quy trình rút gọn. Nhà thầu không được chào giá cao hơn giá Nhà thầu đã chào trừ đi giá trị giảm giá (nếu có).</p> <p>28.4. Trường hợp thuộc đối tượng ưu đãi nêu tại Mục 28.2 và Mục 28.3 E-CDNT, Nhà thầu phải đính kèm tài liệu chứng minh trong E-HSDT.</p> <p>28.5. Nhà thầu phải kê khai về dịch vụ được hưởng ưu đãi theo Mẫu số 12 Chương IV để làm cơ sở xem xét, đánh giá ưu đãi. Trường hợp Nhà thầu không kê khai thì dịch vụ của Nhà thầu được coi là không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi.</p> <p>28.6. Trường hợp dịch vụ do các Nhà thầu chào đều không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi thì không tiến hành đánh giá và xác định giá trị ưu đãi.</p> <p>28.7. Nhà thầu trong nước thuộc trường hợp quy định tại điểm g khoản 1 Điều 10 của Luật Đấu thầu khi chào thầu dịch vụ do Nhà thầu cung cấp không phải đáp ứng điều kiện về bảo đảm cạnh tranh trong nội dung đánh giá về tư cách hợp lệ và yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm trong thời hạn 05 năm kể từ khi được cơ quan có thẩm quyền công nhận. Nhà thầu phải đính kèm tài liệu để chứng minh dịch vụ do Nhà thầu chào thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi.</p> <p>28.8. Các ưu đãi khác theo quy định tại E-BDL.</p>
<p>29. Đánh giá E-HSDT</p>	<p>29.1. Tổ chuyên gia áp dụng phương pháp đánh giá theo quy định tại E-BDL để đánh giá E-HSDT.</p> <p>29.2. Căn cứ vào E-HSDT của các Nhà thầu đã nộp trên Hệ</p>

thống và phương pháp đánh giá E-HSDT tại Mục 29.1 E-CDNT, Tổ chuyên gia chọn 01 trong 02 quy trình đánh giá E-HSDT dưới đây cho phù hợp để đánh giá E-HSDT.

29.3. Quy trình 1 (áp dụng đối với phương pháp “Giá đánh giá” và “Giá thấp nhất”):

a) Bước 1: Đánh giá tính hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III:

- Hệ thống tự động đánh giá trên cơ sở cam kết của Nhà thầu trong đơn dự thầu đối với các nội dung:

+ Tư cách hợp lệ của Nhà thầu;

+ Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, Nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với Nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho Nhà thầu đó trúng thầu.

Trường hợp tổ chuyên gia phát hiện Nhà thầu cam kết không trung thực dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn Nhà thầu thì Nhà thầu sẽ bị coi là có hành vi gian lận trong đấu thầu.

- Hệ thống tự động đánh giá về trạng thái bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống của Nhà thầu.

- Tổ chuyên gia đánh giá tính hợp lệ của bảo đảm dự thầu, thỏa thuận liên danh (đối với trường hợp liên danh).

- Nhà thầu được đánh giá là đạt ở tất cả nội dung về tính hợp lệ thì được chuyển sang đánh giá về năng lực, kinh nghiệm.

b) Bước 2: Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm theo quy định tại Mục 2 Chương III:

- Hệ thống tự động đánh giá các nội dung: Lịch sử không hoàn thành hợp đồng, thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế, doanh thu bình quân hằng năm trên cơ sở thông tin kê khai, trích xuất trong E-HSDT. Đối với các nội dung Hệ thống tự động đánh giá, Nhà thầu không phải đính kèm các tài liệu để chứng minh khi nộp E-HSDT;

- Đối với nội dung đánh giá về hợp đồng tương tự, trường hợp E-HSMT có yêu cầu về kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự, tổ chuyên gia căn cứ vào thông tin Nhà thầu kê khai trên webform và tài liệu đính kèm để đánh giá;

- Đối với các nội dung về nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu (nếu có), tổ chuyên gia đánh giá trên cơ sở thông tin kê khai của Nhà thầu;

- Nhà thầu được đánh giá là đạt ở các nội dung về năng lực, kinh nghiệm thì được chuyển sang đánh giá về kỹ thuật.

c) Bước 3: Đánh giá về kỹ thuật theo quy định tại Mục 3 Chương III. Nhà thầu được đánh giá là đạt về kỹ thuật thì được chuyển sang đánh giá về tài chính.

d) Bước 4: Đánh giá về tài chính theo quy định tại Mục 4 Chương III.

đ) Bước 5: Sau khi đánh giá về tài chính, việc xếp hạng Nhà thầu thực hiện theo quy định tại **E-BDL**. Trường hợp chỉ có một Nhà thầu vượt qua bước đánh giá về tài chính thì không cần phải xếp hạng Nhà thầu.

e) Nhà thầu xếp hạng thứ nhất được mời vào đối chiếu tài liệu theo quy định tại Mục 30 E-CDNT. Nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu mà không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu, trừ trường hợp bất khả kháng hoặc đối chiếu tài liệu nhưng không đáp ứng quy định của E-HSMT thì mời Nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào đối chiếu mà không phải xếp hạng lại Nhà thầu.

29.4. Quy trình 2 (chỉ áp dụng đối với phương pháp “giá thấp nhất”, các Nhà thầu, E-HSMT đều không có bất kỳ ưu đãi nào và không có từ 02 Nhà thầu trở lên cùng xếp thứ nhất):

a) Bước 1: Xếp hạng Nhà thầu căn cứ vào giá dự thầu theo biên bản mở thầu trên Hệ thống, Nhà thầu có giá dự thầu, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất. Tổ chuyên gia tiến hành đánh giá E-HSMT của Nhà thầu có giá dự thầu thấp nhất. .

b) Bước 2: Đánh giá tính hợp lệ theo quy định tại điểm a Mục 29.3 E-CDNT.

c) Bước 3: Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm theo quy định tại điểm b Mục 29.3 E-CDNT.

d) Bước 4: Đánh giá về kỹ thuật theo quy định tại điểm c Mục 29.3 E-CDNT.

đ) Bước 5: Nhà thầu đáp ứng về mặt kỹ thuật sẽ được mời vào đối chiếu tài liệu.

Trường hợp E-HSMT của Nhà thầu xếp hạng thứ nhất không đáp ứng thì thực hiện các bước đánh giá nêu trên đối với Nhà thầu xếp hạng tiếp theo.

29.5. Nguyên tắc đánh giá E-HSMT:

a) Đối với các nội dung Hệ thống đánh giá tự động bao gồm tư cách hợp lệ, Nhà thầu không có nhân sự bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng, lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của Nhà thầu, thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế, doanh thu bình quân hằng năm, trường hợp Nhà thầu không kê khai thông tin hoặc có kê khai nhưng không đúng, không đầy đủ, không đáp ứng theo yêu cầu của E-HSMT thì Hệ thống sẽ đánh giá Nhà thầu “không đạt” ở nội dung này. Tổ chuyên gia không thể sửa đổi kết quả đánh giá từ “không đạt” thành “đạt” khi Hệ thống đã đánh giá “không đạt”. Trường hợp các thông tin mà Nhà thầu cam kết, kê khai trong E-HSDT không trung thực dẫn đến làm sai lệch kết quả đánh giá E-HSDT của Nhà thầu thì Nhà thầu sẽ bị coi là có hành vi gian lận;

b) Trường hợp có sự sai khác giữa thông tin về bảo đảm dự thầu mà Nhà thầu kê khai trên webform và thông tin trong file scan bảo đảm dự thầu đính kèm thì căn cứ vào thông tin trong file scan bảo đảm dự thầu (đối với trường hợp áp dụng thư bảo lãnh dự thầu hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh bằng văn bản giấy) để đánh giá;

c) Trường hợp có sự không thống nhất giữa thông tin về hợp đồng tương tự kê khai trên webform và file tài liệu chứng minh các thông tin về hợp đồng đó thì Chủ đầu tư yêu cầu Nhà thầu làm rõ E-HSDT. Trường hợp các hợp đồng mà Nhà thầu kê khai, đính kèm trong E-HSDT không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT hoặc Nhà thầu không kê khai, kê khai không đầy đủ hợp đồng tương tự trên webform, Chủ đầu tư yêu cầu Nhà thầu làm rõ, bổ sung hợp đồng khác (được cập nhật từ hồ sơ năng lực của Nhà thầu trên Hệ thống) để đáp ứng yêu cầu của E-HSMT trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp Nhà thầu không có hợp đồng đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì Nhà thầu bị loại;

d) Trường hợp nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu (nếu có) mà Nhà thầu đề xuất trong E-HSDT không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu (bao gồm cả trường hợp nhân sự, thiết bị đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này), Chủ đầu tư cho phép Nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng vị trí nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp Nhà thầu không có nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì Nhà thầu bị loại. Trường hợp Nhà thầu cố ý kê khai nhân sự chủ chốt, thiết

bị chủ yếu không trung thực trong E-HSĐT nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn Nhà thầu thì Nhà thầu không được thay thế nhân sự, thiết bị khác, E-HSĐT của Nhà thầu bị loại và Nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

Trường hợp Nhà thầu được xếp hạng thứ nhất, Nhà thầu không được thay đổi nhân sự chủ chốt (nhân sự chủ chốt đã đề xuất trong E-HSĐT hoặc nhân sự chủ chốt đã được thay thế một lần theo quy định tại khoản 2 Điều 29 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP), trừ trường hợp do thời gian đánh giá E-HSĐT kéo dài hơn so với dự kiến trong kế hoạch lựa chọn Nhà thầu hoặc vì lý do bất khả kháng mà các vị trí nhân sự chủ chốt do Nhà thầu đã đề xuất không thể tham gia thực hiện hợp đồng. Trong trường hợp đó, Nhà thầu được quyền thay đổi nhân sự chủ chốt khác nhưng phải đảm bảo nhân sự chủ chốt dự kiến thay thế có trình độ, kinh nghiệm, năng lực tương đương hoặc cao hơn với nhân sự chủ chốt đã đề xuất và Nhà thầu không được thay đổi giá dự thầu.

đ) Đối với các nội dung ngoài các nội dung nêu tại các điểm a, b, c và d khoản này, trường hợp có sự không thống nhất giữa thông tin kê khai trên webform và file đính kèm thì thông tin trên webform là cơ sở để xem xét, đánh giá;

e) Nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu phải chuẩn bị các tài liệu để đối chiếu, chứng minh các thông tin mà Nhà thầu kê khai trong E-HSĐT. Đối với các nội dung về tính hợp lệ, lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của Nhà thầu, thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế, doanh thu bình quân hằng năm đã được Hệ thống đánh giá tự động là “đạt” theo thông tin kê khai, trích xuất trong E-HSĐT mà tổ chuyên gia đánh giá lại là “không đạt” thì tổ chuyên gia chỉnh sửa lại kết quả đánh giá từ “đạt” thành “không đạt”. Nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu mà không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu, trừ trường hợp bất khả kháng hoặc đối chiếu tài liệu nhưng không đáp ứng quy định của E-HSMT thì mời Nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào đối chiếu mà không phải xếp hạng lại Nhà thầu. Đối với thông tin về thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế, doanh thu bình quân hằng năm từ năm 2021 trở đi, chỉ đối chiếu nếu Nhà thầu cập nhật thông tin mà không đối chiếu trong trường

	<p>hợp các thông tin trên do Hệ thống tự động trích xuất từ Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, Hệ thống thuế điện tử.</p>
<p>30. Đối chiếu tài liệu</p>	<p>30.1. Nhà thầu được Chủ đầu tư mời vào đối chiếu tài liệu phải nộp một bộ tài liệu chứng minh tính hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm cho Chủ đầu tư để Chủ đầu tư¹ tổ chức đối chiếu tài liệu với thông tin Nhà thầu kê khai trong E-HSĐT, bao gồm:</p> <p>a) Bản gốc bảo đảm dự thầu (đối với trường hợp sử dụng thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh bằng văn bản giấy) hoặc tiền mặt hoặc Séc bảo chi theo quy định tại Mục 18.8 E-CDNT;</p> <p>b) Đối với Nhà thầu tự cập nhật số liệu về thuế trên Hệ thống từ năm 2021 trở đi (không phải do Hệ thống tự trích xuất), tài liệu chứng minh thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm gần nhất phù hợp với số liệu về thuế của Nhà thầu trên Hệ thống thuế điện tử. Trường hợp số liệu của Nhà thầu do Hệ thống trích xuất từ Hệ thống thuế điện tử thì không yêu cầu Nhà thầu xuất trình tài liệu để chứng minh;</p> <p>c) Đối với Nhà thầu tự cập nhật số liệu tài chính trên Hệ thống từ năm 2021 trở đi (không phải do Hệ thống tự trích xuất), tài liệu chứng minh tình hình tài chính theo quy định tại Mẫu số 08 Chương IV phù hợp với số liệu tài chính trên Hệ thống thuế điện tử. Trường hợp số liệu của Nhà thầu do Hệ thống trích xuất từ Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, Hệ thống thuế điện tử thì không yêu cầu Nhà thầu xuất trình tài liệu để chứng minh;</p> <p>d) Các tài liệu chứng minh về hợp đồng tương tự mà Nhà thầu kê khai, đính kèm trong E-HSĐT (hợp đồng, biên bản nghiệm thu, thanh lý, thông tin về hóa đơn theo quy định của pháp luật...);</p> <p>đ) Tài liệu chứng minh khả năng huy động nhân sự chủ chốt (nếu có), thiết bị chủ yếu (nếu có): bằng cấp, chứng chỉ, kinh nghiệm của nhân sự mà Nhà thầu kê khai trong E-HSĐT;</p> <p>e) Tài liệu khác (nếu có).</p> <p>30.2. Nhà thầu có tài liệu đối chiếu phù hợp sẽ được xét duyệt trúng thầu. Đối với số liệu về thuế, số liệu về tài chính từ năm 2021 trở đi do Nhà thầu tự cập nhật không phù hợp với số liệu trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, Hệ</p>

¹ Trường hợp trong hợp đồng ký giữa chủ đầu tư và đơn vị tư vấn có nội dung thuê đơn vị tư vấn thực hiện đối chiếu tài liệu thì tổ chuyên gia do đơn vị tư vấn thành lập còn phải thực hiện trách nhiệm đối chiếu tài liệu.

	<p>thống thuế điện tử dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn Nhà thầu thì Nhà thầu bị loại và bị coi là có hành vi gian lận quy định tại điểm b Mục 4.4 E-CDNT.</p> <p>30.3. Chủ đầu tư gửi Thông báo mời đối chiếu tài liệu đến Nhà thầu trên Hệ thống. Trong Thông báo mời đối chiếu tài liệu phải ghi rõ thời gian có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu (đối với bảo đảm dự thầu có giá trị dưới 50 triệu đồng), thời gian, địa điểm thực hiện đối chiếu tài liệu trên cơ sở bảo đảm Nhà thầu có đủ thời gian chuẩn bị và đến đối chiếu tài liệu theo yêu cầu của Chủ đầu tư.</p>
<p>31. Điều kiện xét duyệt trúng thầu</p>	<p>Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>31.1. Có E-HSDT hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III. Trường hợp tại thời điểm xét duyệt trúng thầu, nếu Nhà thầu bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống thì Chủ đầu tư cần yêu cầu Nhà thầu thực hiện khôi phục trạng thái tham gia để được xét duyệt trúng thầu.</p> <p>31.2. Có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 2 Chương III.</p> <p>31.3. Có đề xuất về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 3 Chương III.</p> <p>31.4. Đáp ứng điều kiện theo quy định tại E-BDL.</p> <p>31.5. Có giá đề nghị trúng thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) không vượt giá gói thầu để làm căn cứ xét duyệt trúng thầu theo quy định tại E-BDL.</p>
<p>32. Hủy thầu</p>	<p>32.1. Các trường hợp hủy thầu bao gồm:</p> <p>a) Tất cả E-HSDT không đáp ứng được các yêu cầu của E-HSMT;</p> <p>b) Thay đổi về mục tiêu, phạm vi đầu tư trong quyết định đầu tư đã được phê duyệt đối với dự án hoặc thay đổi về mục tiêu, phạm vi mua sắm đối với dự toán mua sắm do sắp xếp đơn vị hành chính, tổ chức bộ máy nhà nước và các trường hợp bất khả kháng khác làm thay đổi khối lượng công việc, tiêu chuẩn đánh giá đã ghi trong E-HSMT;</p> <p>c) E-HSMT không tuân thủ quy định của Luật Đấu thầu, quy định khác của pháp luật có liên quan dẫn đến Nhà thầu được lựa chọn không đáp ứng yêu cầu để thực hiện gói thầu;</p> <p>d) Tổ chức, cá nhân khác ngoài Nhà thầu trúng thầu thực hiện hành vi bị cấm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu dẫn</p>

	<p>đến sai lệch kết quả lựa chọn Nhà thầu.</p> <p>đ) Hủy thầu theo quy định tại khoản 5 Điều 42 của Luật Đấu thầu.</p> <p>32.2. Tổ chức, cá nhân vi phạm quy định pháp luật về đấu thầu dẫn đến hủy thầu theo quy định tại các điểm c và d Mục 32.1 E-CDNT phải đền bù chi phí cho các bên liên quan và bị xử lý theo quy định của pháp luật.</p> <p>32.3. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại Mục này, trong thời hạn 05 ngày làm việc, Chủ đầu tư phải hoàn trả hoặc giải toả bảo đảm dự thầu cho Nhà thầu đã nộp bản gốc bảo đảm dự thầu, trừ trường hợp Nhà thầu vi phạm dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại khoản 9 Điều 14 của Luật Đấu thầu.</p>
<p>33. Thông báo kết quả lựa chọn Nhà thầu</p>	<p>33.1. Chủ đầu tư đăng tải thông báo kết quả lựa chọn Nhà thầu trên Hệ thống kèm theo báo cáo đánh giá E-HSDT trong 05 ngày làm việc, kể từ ngày phê duyệt kết quả lựa chọn Nhà thầu. Nội dung thông báo kết quả lựa chọn Nhà thầu như sau:</p> <p>a) Thông tin về gói thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số E-TBMT; - Tên gói thầu; - Giá gói thầu hoặc dự toán được duyệt (nếu có); - Tên Chủ đầu tư; - Hình thức lựa chọn Nhà thầu; - Loại hợp đồng; - Thời gian thực hiện gói thầu. <p>b) Thông tin về Nhà thầu trúng thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mã số thuế; - Tên Nhà thầu; - Giá dự thầu; - Giá dự thầu sau giảm giá (nếu có); - Điểm kỹ thuật (nếu có); - Giá đánh giá (nếu có); - Giá trúng thầu; - Thời gian thực hiện gói thầu; - Thời gian thực hiện hợp đồng. <p>c) Danh sách Nhà thầu không được lựa chọn và tóm tắt về lý</p>

	<p>do không được lựa chọn của từng Nhà thầu.</p> <p>33.2. Trường hợp có yêu cầu giải thích lý do cụ thể Nhà thầu không trúng thầu, Nhà thầu gửi đề nghị trên Hệ thống hoặc gặp trực tiếp Chủ đầu tư. Chủ đầu tư có trách nhiệm trả lời yêu cầu của Nhà thầu trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của Nhà thầu.</p> <p>33.3. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại điểm a Mục 32.1 E-CDNT, trong thông báo kết quả lựa chọn Nhà thầu và trên Hệ thống phải nêu rõ lý do hủy thầu.</p>
<p>34. Thay đổi khối lượng dịch vụ</p>	<p>34.1. Vào thời điểm trao hợp đồng, Chủ đầu tư có quyền tăng hoặc giảm khối lượng dịch vụ nêu trong Chương IV với điều kiện sự thay đổi đó không vượt quá tỷ lệ quy định tại E-BDL và không có bất kỳ thay đổi nào về đơn giá hay các điều kiện, điều khoản khác của E-HSDT và E-HSMT. Tỷ lệ tăng, giảm khối lượng không vượt quá 10%.</p> <p>34.2. Tùy chọn mua thêm:</p> <p>Trước khi hợp đồng hết hiệu lực, Chủ đầu tư với Nhà thầu thỏa thuận mua bổ sung khối lượng dịch vụ của gói thầu ngoài khối lượng nêu trong Chương IV với điều kiện không vượt quá tỷ lệ quy định tại E-BDL và đáp ứng quy định tại khoản 8 Điều 39 của Luật Đấu thầu. Phần công việc mua bổ sung phải tương tự với phần công việc nêu trong hợp đồng đã ký kết và đã có đơn giá. Khối lượng dịch vụ bổ sung này không được sử dụng để đánh giá về năng lực, kinh nghiệm của Nhà thầu. Đối với Nhà thầu liên danh, việc phân chia trách nhiệm thực hiện khối lượng bổ sung theo tùy chọn mua thêm thực hiện theo tỷ lệ phân chia công việc theo hợp đồng đã ký, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.</p>
<p>35. Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng</p>	<p>Sau khi Chủ đầu tư đăng tải thông báo kết quả lựa chọn Nhà thầu, Chủ đầu tư gửi thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng thông qua Hệ thống, bao gồm cả yêu cầu về biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng, thời gian hoàn thiện, ký kết hợp đồng theo quy định tại Mẫu số 13 Chương VIII cho Nhà thầu trúng thầu. Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng là một phần của hồ sơ hợp đồng. Trường hợp Nhà thầu trúng thầu không hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc không nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo thời hạn nêu trong thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng thì Nhà thầu sẽ bị loại và không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT. Thời hạn nêu trong thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp</p>

	<p>đồng được tính kể từ ngày Chủ đầu tư gửi thông báo chấp thuận này cho Nhà thầu trúng thầu trên Hệ thống.</p>
<p>36. Điều kiện ký kết hợp đồng</p>	<p>36.1. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, E-HSĐT của Nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực.</p> <p>36.2. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, Nhà thầu được lựa chọn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính để thực hiện gói thầu theo yêu cầu của E-HSMT. Trường hợp thực tế Nhà thầu không còn đáp ứng cơ bản yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính theo quy định nêu trong E-HSMT thì Chủ đầu tư sẽ từ chối ký kết hợp đồng với Nhà thầu. Chủ đầu tư sẽ hủy quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn Nhà thầu, thông báo chấp thuận E-HSĐT và trao hợp đồng trước đó và mời Nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào đối chiếu tài liệu.</p> <p>36.3. Chủ đầu tư phải bảo đảm các điều kiện về vốn tạm ứng, vốn thanh toán và các điều kiện cần thiết khác để triển khai thực hiện gói thầu theo đúng tiến độ.</p>
<p>37. Bảo đảm thực hiện hợp đồng</p>	<p>37.1. Nhà thầu được lựa chọn phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng trước hoặc cùng thời điểm hợp đồng có hiệu lực theo quy định tại Mục 5 E-ĐKC Chương VI. Trường hợp áp dụng thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng phải sử dụng mẫu quy định tại Phần 4 hoặc một mẫu khác được Chủ đầu tư chấp thuận.</p> <p>37.2. Nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng có hiệu lực; b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng; c) Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.
<p>38. Giải quyết kiến nghị trong đấu thầu</p>	<p>38.1. Đối với gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Đấu thầu</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp bị ảnh hưởng, Nhà thầu, cơ quan, tổ chức được kiến nghị Hội đồng giải quyết kiến nghị, người có thẩm quyền, Chủ đầu tư xem xét lại các vấn đề trong quá trình lựa chọn Nhà thầu, kết quả lựa chọn Nhà thầu theo quy định tại Điều 89 của Luật Đấu thầu và các Điều 137, 138 và 139 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP. b) Trường hợp kiến nghị lên Chủ đầu tư, Nhà thầu, cơ quan, tổ chức gửi kiến nghị trực tiếp trên Hệ thống. Trường hợp kiến nghị lên Hội đồng giải quyết kiến nghị, người có thẩm quyền, Nhà thầu gửi kiến nghị theo địa chỉ quy định tại E-BDL.

	<p>38.2. Đối với hoạt động lựa chọn Nhà thầu quy định tại điểm d khoản 7 Điều 3 Luật Đấu thầu hoặc hoạt động lựa chọn Nhà thầu không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Đấu thầu, việc giải quyết kiến nghị thực hiện theo quy định tại E-BDL.</p>
--	--

Chương II. BẢNG DỮ LIỆU ĐẦU THẦU

E-CDNT 1.1	Tên Chủ đầu tư: Công ty TNHH MTV nhôm Lâm Đồng – TKV (LDA)
E-CDNT 1.2	<p>Tên gói thầu: Thuê ngoài xúc bốc, vận chuyển, san gạt trong khai thác quặng bauxit năm 2026 tại mỏ bauxit khu Tây Tân Rai, Lâm Đồng</p> <p>Tên dự án/dự toán mua sắm: Thuê ngoài xúc bốc, vận chuyển, san gạt trong khai thác quặng bauxit năm 2026 tại mỏ bauxit khu Tây Tân Rai, Lâm Đồng</p> <p>Số lượng, số hiệu các phần thuộc gói thầu: Theo quy định tại mục E-CDNT 18.2 Chương này.</p>
E-CDNT 3	Nguồn vốn: Chi phí sản xuất công đoạn khai thác quặng năm 2026
E-CDNT 5.1 (c)	<p>Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định như sau: Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp trên 30% với: Công ty TNHH MTV nhôm Lâm Đồng – TKV, địa chỉ: Đường Phan Đình Phùng, tổ 15, xã Bảo Lâm 1, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.</p> <p>+ Trường hợp Nhà thầu, chủ đầu tư là công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên trong tập đoàn kinh tế nhà nước, tổng công ty nhà nước, Nhà thầu được tham dự gói thầu của chủ đầu tư nếu sản phẩm, dịch vụ thuộc gói thầu đó thuộc ngành, nghề sản xuất, kinh doanh chính của tập đoàn kinh tế nhà nước, tổng công ty nhà nước.</p> <p>+ Trường hợp Nhà thầu là đơn vị sự nghiệp công lập, Nhà thầu tham dự thầu không cùng thuộc một cơ quan hoặc tổ chức trực tiếp quản lý với Chủ đầu tư, trừ trường hợp: Nhà thầu là đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan quản lý nhà nước có chức năng, nhiệm vụ được giao phù hợp với tính chất gói thầu của cơ quan quản lý nhà nước đó; các đơn vị sự nghiệp công lập có cùng một cơ quan trực tiếp quản lý.</p> <p>+ Đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp có cùng một cơ quan trực tiếp quản lý, góp vốn khi tham dự thầu các gói thầu của nhau không phải đáp ứng quy định độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính giữa Nhà thầu với chủ đầu tư.</p> <p>- Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp với các Nhà thầu tư vấn; không cùng có cổ phần hoặc vốn góp trên 20% của một tổ chức, cá nhân khác với từng bên, cụ thể như sau:</p>

	<p>+ Tư vấn lập thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán: Không</p> <p>+ Tư vấn thẩm tra thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán: Không;</p> <p>+ Tư vấn thẩm định giá: Không;</p> <p>+ Tư vấn giám sát thực hiện hợp đồng, kiểm định: Không;</p> <p>+ Tư vấn lập E-HSMT: Không;</p> <p>+ Tư vấn thẩm định E-HSMT: Không;</p> <p>+ Tư vấn đánh giá E-HSDT: Không;</p> <p>+ Tư vấn thẩm định kết quả lựa chọn Nhà thầu;</p> <p>+ Tư vấn quản lý dự án, quản lý hợp đồng, tư vấn khác mà các dịch vụ tư vấn này có phân công việc liên quan trực tiếp tới gói thầu: Không;</p> <p>Nhà thầu tham dự thầu không cùng thuộc một cơ quan hoặc tổ chức trực tiếp quản lý với Nhà thầu tư vấn (đã nêu trên)¹.</p> <p>Tỷ lệ cổ phần, vốn góp giữa các bên được xác định tại thời điểm đóng thầu và theo tỷ lệ ghi trong giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập, các giấy tờ khác có giá trị tương đương.</p> <p>Trường hợp Nhà thầu tham dự thầu với tư cách liên danh hoặc Nhà thầu tư vấn được lựa chọn với tư cách liên danh, tỷ lệ sở hữu vốn của tổ chức, cá nhân khác trong liên danh được xác định theo công thức sau:</p> $\text{Tỷ lệ sở hữu vốn} = \sum_{i=1}^n X_i \times Y_i$ <p>Trong đó:</p> <p>X_i: Tỷ lệ sở hữu vốn của tổ chức, cá nhân khác trong thành viên liên danh thứ i;</p> <p>Y_i: Tỷ lệ phần trăm (%) khối lượng công việc của thành viên liên danh thứ i trong thỏa thuận liên danh;</p> <p>n: Số thành viên tham gia trong liên danh.</p> <p>- Nhà thầu trong nước thuộc trường hợp quy định tại điểm g khoản 1 Điều 10 của Luật Đấu thầu khi chào thầu dịch vụ do Nhà thầu đó cung cấp không phải đáp ứng quy định về bảo đảm cạnh tranh quy định tại Mục này.</p>
E-CDNT 7.5	Hội nghị tiền đấu thầu: Không

¹ Chỉ đánh giá nội dung này đối với Nhà thầu là đơn vị sự nghiệp.

E-CDNT 8	Chi phí nộp E-HSDT: 330.000 VND
E-CDNT 10.8	<p>Nhà thầu phải nộp cùng với E-HSDT các tài liệu sau đây:</p> <p>1. Hồ sơ/tài liệu chứng minh Tư cách hợp lệ:</p> <p>Nhà thầu đính kèm E-HSDT: Bản scan giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; Bảo đảm dự thầu; Thỏa thuận liên danh (nếu có); và các hồ sơ tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của E-HSDT, theo hướng dẫn tại mục 5 E-CDNT, Chương I: Chỉ dẫn Nhà thầu.</p> <p>2. Hồ sơ/tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm:</p> <p>Nhà thầu đính kèm E-HSDT: Bản scan giấy xác nhận không nợ thuế và/hoặc giấy giấy tờ chứng minh đã nộp thuế của năm liền kề (theo mục 2, bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực kinh nghiệm, Bảng số 01 (Webform trên Hệ thống); Bản Scan chứng thực hợp đồng tương tự+hồ sơ nghiệm thu thanh quyết toán/Hóa đơn gttg về hợp đồng tương tự, Bản scan chứng thực Bảng cấp/chứng chỉ chứng minh Chứng chỉ/trình độ chuyên môn; Hóa đơn mua bán/hợp đồng thuê thiết bị, giấy/chứng chỉ kiểm định an toàn với thiết bị yêu cầu là nghiêm ngặt (nếu có), để Bên mời thầu kiểm tra, đối chiếu được hướng dẫn tại 29 E-CDNT, Chương I: Chỉ dẫn Nhà thầu.</p> <p>Lưu ý: Tất cả hồ sơ tài liệu Nhà thầu đề xuất phải là ngôn ngữ tiếng Việt hoặc tiếng nước ngoài phải được dịch thuật, chứng thực bởi cơ quan có chức năng thẩm quyền theo hướng dẫn tại Mục 9 E-CDNT, Chương I: Chỉ dẫn Nhà thầu</p> <p>3. Hồ sơ/tài liệu chứng minh năng lực kỹ thuật.</p> <p>Nhà thầu đính kèm E-HSDT: Cụ thể theo Bảng tiêu chuẩn đánh giá tại Mục 3 Chương III của E-HSMT</p> <p>Ngoài ra Nhà thầu phải kèm theo E-HSDT Bảng scan Bảng chào đơn giá công việc vận chuyển cho các cung độ vận chuyển khác (Mẫu số 11C1) Chương IV của E-HSMT; Bảng phân tích chi tiết đơn giá cho các cung độ vận chuyển khác (Mẫu số 11C2) Chương IV của E-HSMT;</p> <p>Trường hợp Nhà thầu kê khai và webform trên hệ thống không rõ/không đầy đủ các thông tin như nêu trên Bên mời thầu sẽ yêu cầu Nhà thầu làm rõ bằng văn bản và bổ sung ngay khi mở thầu.</p>
E-CDNT 12.1	Nhà thầu “Không được phép” nộp đề xuất phương án kỹ thuật thay thế

E-CDNT 17.1	Thời hạn hiệu lực của E-HSDT là: ≥ 120 ngày
E-CDNT 18.2	<p>Nội dung bảo đảm dự thầu:</p> <p>- Giá trị bảo đảm dự thầu: 2.282.500.000 VND</p> <p>Đối với Nhà thầu có tên trong danh sách Nhà thầu có các hành vi quy định tại khoản 1 Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP và được đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu với giá trị gấp 03 lần giá trị yêu cầu nêu trên trong thời hạn 02 năm kể từ lần cuối cùng thực hiện các hành vi này. Trường hợp Nhà thầu liên danh, thành viên liên danh có các hành vi quy định tại khoản 1 Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP như nêu trên phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu với giá trị gấp 03 lần giá trị bảo đảm dự thầu tương ứng với tỷ lệ giá trị công việc thành viên đó đảm nhận trong liên danh trong thời hạn 02 năm kể từ lần cuối cùng thực hiện hành vi này.</p> <p>- Thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu: 150 ngày kể từ ngày có thời điểm đóng thầu</p>
E-CDNT 18.4	Thời gian hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu đối với Nhà thầu không được lựa chọn: 14 ngày, kể từ ngày kết quả lựa chọn Nhà thầu được phê duyệt
E-CDNT 18.9	Bảo đảm dự thầu: _____ [<i>ghi “Không áp dụng”. Trường hợp pháp luật cho phép, ghi nội dung theo quy định của văn bản quy phạm pháp luật đó</i>].
E-CDNT 27.2	Giá trị tối đa dành cho Nhà thầu phụ: 10% giá dự thầu của Nhà thầu
E-CDNT 28.2	<p>Cách tính ưu đãi:</p> <p>Sản phẩm đổi mới sáng tạo quy định tại khoản 4 Điều 6 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP là dịch vụ phi tư vấn của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong nước được hưởng ưu đãi như sau:</p> <p>- Nhà thầu không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi phải cộng thêm một khoản tiền bằng 7,5% giá dự thầu trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) vào giá dự thầu trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) của Nhà thầu đó để so sánh, xếp hạng.</p>
E-CDNT 28.8	Các ưu đãi khác (nếu có): Không

E-CDNT 29.1	Phương pháp đánh giá E-HSDT là: - Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm: Đạt/Không đạt. - Đánh giá về kỹ thuật: Chấm điểm; - Đánh giá về tài chính: Giá thấp nhất.
E-CDNT 29.3 (đ)	Xếp hạng Nhà thầu: Nhà thầu có giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất
E-CDNT 31.4	Nhà thầu có giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất
E-CDNT 31.5	Giá gói thầu để làm căn cứ xét duyệt trúng thầu: Giá gói thầu được phê duyệt trong kế hoạch lựa chọn Nhà thầu. Trường hợp dự toán của gói thầu được phê duyệt thấp hơn hoặc cao hơn giá gói thầu được phê duyệt thì dự toán này sẽ thay thế giá gói thầu để làm cơ sở xét duyệt trúng thầu
E-CDNT 34.1	Tỷ lệ tăng khối lượng tối đa là: 10%; Tỷ lệ giảm khối lượng tối đa là: 10%
E-CDNT 34.2	- Tùy chọn mua thêm: Có áp dụng - Tỷ lệ tùy chọn mua thêm tối đa là: 30%
E-CDNT 38.1	- Người có thẩm quyền: Giám đốc Công ty TNHH MTV nhóm Lâm Đồng – TKV. + Địa chỉ: Đường Phan Đình Phùng, tổ 15, xã Bảo Lâm 1, tỉnh Lâm Đồng. + Email: phongnv@lda.vn. - Bộ phận thường trực giúp việc Chủ tịch Hội đồng tư vấn: + Địa chỉ: Phòng Kế hoạch - Công ty TNHH MTV nhóm Lâm Đồng – TKV. Đường Phan Đình Phùng, tổ 15, xã Bảo Lâm 1, tỉnh Lâm Đồng. + Email: nguyenthang286.tt@gmail.com
E-CDNT 38.2	Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp bị ảnh hưởng, Nhà thầu, cơ quan, tổ chức được kiến nghị theo quy trình sau: Phòng Kế hoạch - Công ty TNHH MTV nhóm Lâm Đồng – TKV. Đường Phan Đình Phùng, tổ 15, xã Bảo Lâm 1, tỉnh Lâm Đồng. + Địa chỉ: Đường Phan Đình Phùng, tổ 15, xã Bảo Lâm 1, tỉnh Lâm Đồng. + Điện thoại: 0919.336.579. + Email: nguyenthang286.tt@gmail.com.

Chương III. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ E-HSDT

Mục 1. Đánh giá tính hợp lệ của E-HSDT

E-HSDT của Nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

1. Có bảo đảm dự thầu¹ không vi phạm một trong các trường hợp quy định tại Mục 18.3 E-CDNT. Thư bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu (nếu có) với giá trị bảo lãnh, thời hạn có hiệu lực và đơn vị thụ hưởng theo yêu cầu của E-HSMT (đối với bảo lãnh dự thầu điện tử thì phải được ký số). Thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh không được ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT; không được kèm theo các điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư (trong đó bao gồm việc không đáp ứng đủ các cam kết theo quy định tại Mẫu số 04A, Mẫu số 04B Chương IV). Đối với bảo lãnh dự thầu hoặc chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh bằng văn bản giấy, trường hợp có sự sai khác giữa thông tin về bảo đảm dự thầu mà Nhà thầu kê khai trên Hệ thống và thông tin trong file quét (scan) thư bảo lãnh đính kèm thì căn cứ vào thông tin trong file quét (scan) thư bảo lãnh dự thầu để đánh giá. Đối với Nhà thầu liên danh, các thành viên liên danh phải sử dụng cùng thể thức bảo lãnh dự thầu: bảo lãnh dự thầu điện tử hoặc bằng giấy. Đối với gói thầu bảo hiểm, Nhà thầu tham dự thầu không được xuất trình giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh do mình phát hành.

Đối với gói thầu có giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 50 triệu đồng, Nhà thầu có cam kết trong đơn dự thầu theo quy định tại Mục 18.8 E-CDNT.

2. Trường hợp Nhà thầu liên danh thì thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện theo Mẫu số 03 Chương IV. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng giá dự thầu theo Mẫu số 11 (11A hoặc 11B hoặc 11C hoặc 11D hoặc 11E hoặc 11G) Chương IV hoặc theo các công việc thuộc quá trình sản xuất hạng mục trong bảng giá dự thầu, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này hoặc không thuộc quá trình sản xuất các hạng mục này.

3. Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 5 E-CDNT.

4. Không trong trạng thái bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống.

5. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, Nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với Nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây

hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho Nhà thầu đó trúng thầu.

Nhà thầu có E-HSDT hợp lệ được xem xét, đánh giá trong bước tiếp theo.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm¹

2.1. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

Tiêu chuẩn đánh giá năng lực và kinh nghiệm thực hiện theo quy định tại Bảng số 01 Chương này và được số hóa dưới dạng webform trên Hệ thống. Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm, trong đó quy định mức yêu cầu tối thiểu để đánh giá là đạt đối với từng nội dung về năng lực và kinh nghiệm của Nhà thầu, gồm: kinh nghiệm thực hiện các gói thầu tương tự; năng lực kỹ thuật: số lượng, trình độ chuyên môn của cán bộ chủ chốt, số lượng thiết bị chủ yếu có khả năng huy động để thực hiện gói thầu (nếu có yêu cầu); doanh thu bình quân hằng năm; việc thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế và các chỉ tiêu cần thiết khác để đánh giá về năng lực tài chính của Nhà thầu.

Việc xác định mức độ yêu cầu cụ thể đối với từng tiêu chuẩn quy định tại Mục này căn cứ theo yêu cầu của từng gói thầu cụ thể. Nhà thầu được đánh giá đạt tất cả nội dung quy định tại Bảng số 01 thì đáp ứng yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm. Năng lực và kinh nghiệm của Nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá E-HSDT của Nhà thầu. Bản thân Nhà thầu phải đáp ứng các tiêu chí đánh giá về năng lực và kinh nghiệm.

Không đưa ra yêu cầu Nhà thầu đã từng thực hiện một hoặc nhiều hợp đồng trên một địa bàn cụ thể hoặc Nhà thầu phải có kinh nghiệm cung cấp dịch vụ trên một địa bàn cụ thể như là tiêu chí để loại bỏ Nhà thầu.

Trường hợp đồng tiền nêu trong các hợp đồng tương tự hoặc xác nhận thanh toán của Chủ đầu tư đối với những hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn đã thực hiện hoặc tờ khai nộp thuế hoặc các tài liệu liên quan chứng minh năng lực, kinh nghiệm của Nhà thầu không phải VND thì khi lập E-HSDT, Nhà thầu phải quy đổi về VND để làm cơ sở đánh giá E-HSDT. Việc quy đổi được áp dụng tỷ giá quy đổi của **Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam (vietcombank)** tại ngày ký hợp đồng tương tự đó.

Trường hợp Nhà thầu tham dự thầu là công ty mẹ (ví dụ như Tổng công ty) có huy động công ty con, công ty thành viên thực hiện một phần công việc của gói thầu thì Nhà thầu phải kê khai cụ thể phần công việc dành cho các công ty con, công ty thành viên theo Mẫu số 09B Chương IV. Việc đánh giá kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự căn cứ vào giá trị, khối lượng công việc do công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên đảm nhiệm trong gói thầu.

Bảng số 01 (Webform trên Hệ thống)

BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
1	Lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của Nhà thầu	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 ⁽¹⁾ đến thời điểm đóng thầu, Nhà thầu không có từ 02 hợp đồng trở lên (cung cấp dịch vụ phi tư vấn) không hoàn thành do lỗi của Nhà thầu ⁽²⁾ .	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 07
2	Thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế	Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế ⁽³⁾ của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Cam kết trong đơn dự thầu
3	Kinh nghiệm cụ thể trong thực hiện hợp đồng tương tự	<p>Nhà thầu đã hoàn thành⁽⁷⁾ tối thiểu 01 hợp đồng tương tự với tư cách là Nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh) hoặc Nhà thầu phụ⁽⁸⁾ trong khoảng thời gian kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021⁽⁹⁾ đến thời điểm đóng thầu.</p> <p>Trong đó hợp đồng tương tự là:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có tính chất tương tự: Xúc bốc, san gạt, vận chuyển loại khoáng sản rắn/đất/đá bằng phương pháp khai thác lộ thiên. (kèm theo các hợp đồng và thanh lý hợp đồng hoặc Quyết toán/xác nhận của chủ đầu tư, bản sao công chứng/Hóa đơn GTGT)⁽¹⁰⁾; - Có quy mô (giá trị) tối thiểu: 45.649.895.000⁽¹¹⁾ VND. <p>Trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Có công tác liên quan tới tính chất xúc bốc có quy mô (giá trị) tối thiểu: 7.842.108.000 VND + Có công tác liên quan tới tính chất San gạt có quy mô (giá trị) tối thiểu: 1.066.100.000 VND + Có công tác liên quan tới tính chất vận chuyển có quy mô 	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu (tương đương với phần công việc đảm nhận)	Mẫu số 05

	(giá trị) tối thiểu: 36.741.687.000 VND				
--	---	--	--	--	--

Ghi chú:

(1) Ghi thời gian yêu cầu, thông thường là 03 năm trước năm có thời điểm đóng thầu. Ví dụ: từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến thời điểm đóng thầu.

(2) Hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của Nhà thầu bao gồm:

- Hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn bị Chủ đầu tư kết luận Nhà thầu không hoàn thành và Nhà thầu không phản đối;
- Hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn bị Chủ đầu tư kết luận Nhà thầu không hoàn thành, không được Nhà thầu chấp thuận nhưng đã được trọng tài hoặc Tòa án kết luận theo hướng bất lợi cho Nhà thầu.

Các hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành không bao gồm các hợp đồng mà quyết định của Chủ đầu tư đã bị bác bỏ bằng cơ chế giải quyết tranh chấp. Việc xác định hợp đồng không hoàn thành phải dựa trên tất cả những thông tin về tranh chấp hoặc kiện tụng được giải quyết theo quy định của cơ chế giải quyết tranh chấp của hợp đồng tương ứng và khi mà Nhà thầu đã hết tất cả các cơ hội có thể khiếu nại. Đối với các hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của Nhà thầu nhưng vẫn hoàn thành hợp đồng thì không được coi là hợp đồng không hoàn thành.

Đối với Nhà thầu liên danh mà chỉ có một hoặc một số thành viên trong liên danh vi phạm và bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP thì thành viên liên danh còn lại không bị coi là không hoàn thành hợp đồng do lỗi của Nhà thầu. Trường hợp một hoặc một số thành viên liên danh vi phạm hợp đồng, không còn năng lực để tiếp tục thực hiện hợp đồng, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tiến độ, chất lượng, hiệu quả của gói thầu thì chỉ một hoặc một số thành viên liên danh vi phạm hợp đồng bị coi là không hoàn thành hợp đồng, thành viên còn lại không bị coi là không hoàn thành hợp đồng do lỗi của Nhà thầu.

(3) Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế thu nhập cá nhân đối với Nhà thầu là hộ kinh doanh) của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu (đối với trường hợp Hệ thống chưa cập nhật thông tin về nghĩa vụ nộp thuế) để đối chiếu khi được mời vào đối chiếu tài liệu. Nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế phải được thực hiện trước thời điểm đóng thầu. Nghĩa vụ nộp thuế là nộp thuế với giá trị thuế tương ứng với thuế suất, thu nhập chịu thuế, doanh thu tính thuế Nhà thầu kê khai trên Hệ thống thuế điện tử (số thuế đã nộp tương ứng với số thuế phải nộp);

trường hợp được chậm nộp thuế, miễn thuế, giảm thuế theo chính sách của Nhà nước thì thực hiện theo quy định này. Trường hợp Hệ thống chưa trích xuất tự động thông tin về nghĩa vụ nộp thuế của Nhà thầu thì Nhà thầu nộp các tài liệu như sau:

- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và Giấy nộp tiền có xác nhận của cơ quan thuế được in từ Hệ thống thuế điện tử hoặc

- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và xác nhận của cơ quan thuế về việc thực hiện nghĩa vụ thuế.

Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của Nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế áp dụng đối với năm tài chính trước năm Y (năm Y-1)

(Ví dụ: Thời điểm đóng thầu là ngày 20/3/2024, năm tài chính của Nhà thầu kết thúc vào ngày 31/12 thì Nhà thầu phải chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm 2022).

(4) Đối với doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong nước khi chào thầu sản phẩm đổi mới sáng tạo là dịch vụ phi tư vấn của doanh nghiệp đó theo quy định tại khoản 4 Điều 6 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP không phải đáp ứng tiêu chí này trong thời hạn 06 năm kể từ khi sản phẩm lần đầu được sản xuất và đủ điều kiện để đưa ra thị trường. Nhà thầu trong nước thuộc trường hợp quy định tại điểm g khoản 1 Điều 10 của Luật Đấu thầu khi chào thầu dịch vụ do Nhà thầu đó cung cấp không phải đáp ứng tiêu chí này trong thời hạn 05 năm kể từ khi được cơ quan có thẩm quyền công nhận. Trường hợp sau khi đánh giá mà Nhà thầu không đáp ứng về đối tượng được hưởng ưu đãi thì Chủ đầu tư yêu cầu Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh đáp ứng yêu cầu về doanh thu.

(5) Ghi thời gian yêu cầu, thông thường từ 03 đến 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu. Trường hợp Nhà thầu có số năm thành lập ít hơn số năm theo yêu cầu của E-HSMT thì doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên số năm mà Nhà thầu thành lập. Trong trường hợp này, nếu doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của Nhà thầu đáp ứng yêu cầu về giá trị của E-HSMT thì Nhà thầu vẫn được đánh giá tiếp mà không bị loại.

Đối với Nhà thầu là hộ kinh doanh, không bắt buộc phải nộp báo cáo tài chính nhưng Nhà thầu phải cung cấp tài liệu chứng minh doanh thu tương ứng với nghĩa vụ thuế.

Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của Nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng

của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu về nộp báo cáo tài chính áp dụng đối với các năm trước của năm Y (năm Y-1; Y-2...).

Ví dụ 1: Thời điểm đóng thầu là vào ngày 20/3/2024, năm tài chính của Nhà thầu kết thúc vào ngày 31/12 và E-HSMT yêu cầu Nhà thầu nộp báo cáo tài chính của 03 năm gần nhất thì Nhà thầu phải nộp báo cáo tài chính của các năm 2020, 2021, 2022).

Ví dụ 2: Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của 03 năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu. Trong trường hợp này, thời điểm đóng thầu là ngày 15/11/2024 thì Nhà thầu phải nộp báo cáo tài chính của các năm 2021, 2022, 2023. Nhà thầu được thành lập vào năm 2022 nhưng doanh thu trung bình của năm 2022 và năm 2023 đáp ứng yêu cầu thì Nhà thầu được tiếp tục đánh giá.

(6) Cách tính toán thông thường về mức yêu cầu doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT):

a) Trường hợp thời gian thực hiện gói thầu từ 12 tháng trở lên thì cách tính doanh thu như sau:

Yêu cầu tối thiểu về mức doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = [(Giá gói thầu – giá trị thuế VAT)/thời gian thực hiện gói thầu theo năm] x k. Thông thường yêu cầu hệ số “k” trong công thức này là từ 1 đến 1,5.

b) Trường hợp thời gian thực hiện gói thầu dưới 12 tháng thì cách tính doanh thu như sau:

Yêu cầu tối thiểu về mức doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = (Giá gói thầu – giá trị thuế VAT) x k. Thông thường yêu cầu hệ số “k” trong công thức này là 1,0.

Đối với gói thầu bảo hiểm thì có thể đưa ra yêu cầu về doanh thu bình quân hằng năm cao hơn so với cách tính theo công thức nêu trên nhưng phải bảo đảm không được làm hạn chế sự tham gia của Nhà thầu.

(7) Đối với các hợp đồng mà Nhà thầu đã tham gia với tư cách là thành viên liên danh hoặc Nhà thầu phụ thì chỉ tính giá trị phần việc do Nhà thầu thực hiện.

(8) Đối với các hợp đồng mà Chủ đầu tư, tổ chuyên gia có bằng chứng cho thấy Nhà thầu đã thực hiện với tư cách Nhà thầu phụ do được chuyển nhượng thầu bất hợp pháp, vi phạm quy định tại khoản 8 Điều 16 của Luật Đấu thầu thì hợp đồng này sẽ không được xem xét, đánh giá.

(9) Ghi thời gian yêu cầu, thông thường là từ 03 đến 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu. Ví dụ: từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến thời điểm đóng thầu.

(10) Chủ đầu tư, tổ chuyên gia căn cứ vào nội dung, phạm vi công việc của gói thầu đang xét để đưa ra yêu cầu về tính chất của hợp đồng tương tự. Trường hợp gói thầu có nhiều hạng mục thì có thể chỉ quy định về tính chất tương tự cho các hạng mục chính của gói thầu.

(11) Quy mô của Hợp đồng tương tự:

Trường hợp gói thầu có nhiều hạng mục công việc thì phải ghi giá trị tương ứng của từng hạng mục công việc để làm cơ sở đánh giá kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự của Nhà thầu.

Trường hợp gói thầu bao gồm nhiều hạng mục công việc khác nhau thì tùy theo tính chất, quy mô gói thầu, Chủ đầu tư, tổ chuyên gia đưa ra yêu cầu về quy mô tương tự trên cơ sở các hạng mục chính của gói thầu (phải nêu rõ các hạng mục chính) hoặc yêu cầu về quy mô tương tự trên cơ sở tất cả các hạng mục của gói thầu, trong đó ghi quy mô yêu cầu đối với mỗi hạng mục chính hoặc mỗi hạng mục công việc.

Quy mô của hợp đồng tương tự thông thường khoảng 30% giá trị của gói thầu đang xét (hoặc 30% tổng giá trị của các hạng mục chính trong trường hợp gói thầu nhiều hạng mục công việc khác nhau và Chủ đầu tư yêu cầu quy mô trên cơ sở các hạng mục chính của gói thầu); đối với các công việc đặc thù hoặc ở các địa phương mà năng lực của Nhà thầu trên địa bàn còn hạn chế hoặc mua sắm tập trung hoặc gói thầu có khối lượng mời thầu lớn thì có thể điều chỉnh giảm yêu cầu về quy mô của hợp đồng tương tự xuống trong khoảng 20% giá trị của gói thầu đang xét (hoặc 20% tổng giá trị của các hạng mục chính trong trường hợp gói thầu nhiều hạng mục công việc khác nhau và Chủ đầu tư yêu cầu quy mô trên cơ sở các hạng mục chính của gói thầu). Việc đánh giá về quy mô của hợp đồng tương tự căn cứ vào giá trị hoàn thành, được nghiệm thu như sau:

(i) Có ít nhất 01 hợp đồng hoàn thành cung cấp đầy đủ các hạng mục tương tự có giá trị đáp ứng tối thiểu là đáp ứng tối thiểu 30% (hoặc 20% trong trường hợp gói thầu có công việc đặc thù hoặc ở các địa phương mà năng lực của Nhà thầu trên địa bàn còn hạn chế hoặc mua sắm tập trung hoặc gói thầu có khối lượng mời thầu lớn) giá trị của gói thầu đang xét (hoặc tổng giá trị của các hạng mục chính trong trường hợp gói thầu nhiều hạng mục công việc khác nhau và Chủ đầu tư yêu cầu quy mô trên cơ sở các hạng mục chính của gói thầu), trong đó từng hạng mục tương tự trong hợp đồng không cần có giá trị đáp ứng 30% (hoặc 20% trong trường hợp gói thầu có công việc đặc thù hoặc ở các địa phương mà năng lực của Nhà thầu trên địa bàn còn hạn chế hoặc mua sắm

tập trung hoặc gói thầu có khối lượng mời thầu lớn) giá trị tương ứng của hạng mục đó trong gói thầu (hoặc giá trị tương ứng của từng hạng mục chính trong trường hợp gói thầu nhiều hạng mục công việc khác nhau và Chủ đầu tư yêu cầu quy mô trên cơ sở các hạng mục chính của gói thầu); hoặc

(ii) Có các hạng mục công việc tương tự đã thực hiện trong các hợp đồng khác nhau (hợp đồng có thể đã hoàn thành hoặc đang thực hiện, chưa nghiệm thu, thanh lý) hoặc trong một hợp đồng (hợp đồng chưa hoàn thành) và bảo đảm tổng giá trị của từng hạng mục công việc tương tự đã thực hiện đáp ứng tối thiểu 30% (hoặc 20% trong trường hợp gói thầu có công việc đặc thù hoặc ở các địa phương mà năng lực của Nhà thầu trên địa bàn còn hạn chế hoặc mua sắm tập trung hoặc gói thầu có khối lượng mời thầu lớn) giá trị của từng hạng mục công việc tương ứng trong gói thầu đang xét (hoặc giá trị của từng hạng mục chính tương ứng trong trường hợp gói thầu nhiều hạng mục công việc khác nhau và Chủ đầu tư yêu cầu quy mô trên cơ sở các hạng mục chính của gói thầu) và tổng giá trị các hạng mục đã thực hiện phải đáp ứng tối thiểu 30% (hoặc 20% trong trường hợp gói thầu có công việc đặc thù hoặc ở các địa phương mà năng lực của Nhà thầu trên địa bàn còn hạn chế hoặc mua sắm tập trung hoặc gói thầu có khối lượng mời thầu lớn) giá trị của gói thầu đang xét (hoặc tổng giá trị của các hạng mục chính trong trường hợp gói thầu nhiều hạng mục công việc khác nhau và Chủ đầu tư yêu cầu quy mô trên cơ sở các hạng mục chính của gói thầu). Được cộng gộp giá trị của hạng mục tương tự trong các hợp đồng khác nhau để xác định tổng giá trị hạng mục tương tự đáp ứng yêu cầu mà không yêu cầu giá trị của hạng mục tương tự trong mỗi hợp đồng phải đáp ứng tối thiểu 30% (hoặc 20% trong trường hợp gói thầu có công việc đặc thù hoặc ở các địa phương mà năng lực của Nhà thầu trên địa bàn còn hạn chế hoặc mua sắm tập trung hoặc gói thầu có khối lượng mời thầu lớn) giá trị hạng mục của gói thầu đang xét (hoặc giá trị của hạng mục chính trong trường hợp gói thầu nhiều hạng mục công việc khác nhau và Chủ đầu tư yêu cầu quy mô trên cơ sở các hạng mục chính của gói thầu).

Trong đó:

+ Hạng mục công việc đã thực hiện là một phần hoặc toàn bộ khối lượng công việc trong hạng mục đã được nghiệm thu trong khoảng thời gian quy định mà không xét đến thời gian ký kết hợp đồng. Thời điểm xác nhận hạng mục công việc đã thực hiện để xác định hạng mục công việc tương tự là thời điểm nghiệm thu công việc, không căn cứ vào thời điểm ký kết hợp đồng.

+ Hợp đồng hoàn thành là hợp đồng có toàn bộ công việc đã được nghiệm thu hoặc hợp đồng đã được thanh lý. Thời điểm xác nhận hợp đồng hoàn thành để xác định hợp đồng tương tự là thời điểm nghiệm thu công việc, không căn cứ vào thời điểm ký kết hợp đồng.

Đối với gói thầu phi tư vấn có tính chất công việc lặp lại theo chu kỳ qua các năm dẫn đến thời gian thực hiện hợp đồng kéo dài thì giá trị hợp đồng tương tự được xác định khoảng 30% (hoặc 20% trong trường hợp gói thầu có công việc đặc thù hoặc ở các địa phương mà năng lực của Nhà thầu trên địa bàn còn hạn chế hoặc gói thầu có khối lượng mời thầu lớn) giá trị của phần công việc tính theo 01 chu kỳ (01 năm) mà không tính theo tổng giá trị gói thầu qua các năm. Trong trường hợp này, việc đánh giá về quy mô, tính chất của hợp đồng tương tự cũng được xét theo 01 chu kỳ (01 năm) tương ứng.

Nhà thầu trong nước thuộc trường hợp quy định tại điểm g khoản 1 Điều 10 của Luật Đấu thầu khi chào thầu dịch vụ do Nhà thầu đó cung cấp không phải đáp ứng tiêu chí này trong thời hạn 05 năm kể từ khi được cơ quan có thẩm quyền công nhận.

Ví dụ 1: Gói thầu đang xét là gói thầu thuê dịch vụ dọn vệ sinh tòa nhà trong 04 năm với giá trị 8.800.000.000 đồng thì E-HSMT có thể yêu cầu về giá trị của hợp đồng tương tự trong 01 chu kỳ (01 năm) là 660.000.000 đồng. Trong cả 02 trường hợp sau đây, Nhà thầu X đều được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về giá trị hợp đồng tương tự của gói thầu này:

- Nhà thầu X có hợp đồng dọn vệ sinh tòa nhà trong 48 tháng với Chủ đầu tư A (đang trong quá trình thực hiện, chưa hoàn thành, chưa được thanh lý), nhưng tính đến thời điểm tham dự thầu, Nhà thầu X đã thực hiện được 16 tháng, trong đó giá trị công việc đã được nghiệm thu 12 tháng đầu là 660.000.000 đồng;

- Nhà thầu X có hợp đồng hoàn thành N1 dọn vệ sinh tòa nhà, thời gian thực hiện hợp đồng trong 06 tháng với giá trị là 300.000.000 đồng; hợp đồng N2 dọn vệ sinh tòa nhà, thời gian thực hiện hợp đồng trong 24 tháng với giá trị là 800.000.000 đồng, trong đó giá trị công việc đã được nghiệm thu 12 tháng đầu là 400.000.000 đồng. Như vậy, tổng giá trị hạng mục dọn vệ sinh tòa nhà của Nhà thầu X là 700.000.000 đồng.

Ví dụ 2: Gói thầu đang xét là gói thầu cung cấp dịch vụ giặt là, giá gói thầu là 10 tỷ đồng, thời gian thực hiện là 06 tháng yêu cầu hợp đồng tương tự có giá trị 30% là 03 tỷ đồng. Nhà thầu X có hợp đồng A (chưa hoàn thành, chưa được thanh lý) có giá trị công việc cung cấp dịch vụ giặt là (đã được nghiệm thu) là 02 tỷ đồng; hợp đồng B (chưa hoàn thành, chưa được thanh lý) có giá trị công việc cung cấp dịch vụ giặt là (đã được nghiệm thu) là 01 tỷ đồng thì Nhà thầu X được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về giá trị hợp đồng tương tự của gói thầu này.

Ví dụ 3: Gói thầu đang xét là gói thầu cung cấp dịch vụ gồm 02 hạng mục công việc khác nhau (N1, N2) với giá gói thầu là 07 tỷ đồng (trong đó, hạng mục N1 giá trị 04 tỷ đồng; hạng mục N2 giá trị 03 tỷ đồng), thời gian thực hiện 60 ngày, yêu cầu hợp

đồng tương tự có giá trị 30% là 2,1 tỷ đồng. Trong cả 02 trường hợp sau đây, Nhà thầu X đều được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về giá trị hợp đồng tương tự của gói thầu này:

- Nhà thầu X có 1 hợp đồng đã hoàn thành có đầy đủ 02 hạng mục N1, N2 và tổng giá trị 02 hạng mục N1, N2 là 2,5 tỷ đồng.
- Nhà thầu X có các hợp đồng sau:

+ Hợp đồng A (chưa hoàn thành, chưa được thanh lý) có giá trị công việc N1 (đã được nghiệm thu) là 0,5 tỷ đồng; hợp đồng B (chưa hoàn thành, chưa được thanh lý) có giá trị công việc N1 (đã được nghiệm thu) là 0,8 tỷ đồng, tổng giá trị hạng mục công việc N1 đã được nghiệm thu là 1,3 tỷ đồng, lớn hơn yêu cầu hạng mục N1 (30% x 04 tỷ đồng).

+ Hợp đồng C (chưa hoàn thành, chưa được thanh lý) có giá trị công việc N2 (đã được nghiệm thu) là 0,6 tỷ đồng; hợp đồng D (chưa hoàn thành, chưa được thanh lý) có giá trị công việc N2 (đã được nghiệm thu) là 0,5 tỷ đồng. Như vậy, tổng giá trị hạng mục công việc N2 là 1,1 tỷ đồng, lớn hơn yêu cầu hạng mục N2 (30% x 03 tỷ đồng).

Bảng X (Webform trên Hệ thống)

BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC TÀI CHÍNH VÀ KINH NGHIỆM
(Áp dụng đối với gói thầu cung cấp dịch vụ phi tư vấn chia thành nhiều phần)

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Giá trị ước tính từng phần (VND)	Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) (VND)	Tính chất hợp đồng tương tự	Quy mô hợp đồng tương tự (VND)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)

Đối với các nội dung lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của Nhà thầu, thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế áp dụng theo quy định tại Bảng số 01 Chương này.

Đối với gói thầu áp dụng chào hàng cạnh tranh, không yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm theo quy định của Mục này nhưng Nhà thầu tham dự thầu phải cam kết có đủ năng lực, kinh nghiệm để thực hiện gói thầu (nội dung về cam kết được thực hiện cùng với đơn dự thầu khi Nhà thầu nộp E-HSDT), trong trường hợp này, Nhà thầu không phải cung cấp tài liệu chứng minh năng lực, kinh nghiệm.

Ghi chú:

(5) Trường hợp không yêu cầu về doanh thu thì bỏ nội dung này. Trường hợp có yêu cầu về doanh thu và Nhà thầu tham dự nhiều phần, việc đánh giá về doanh thu căn cứ trên tổng giá trị doanh thu bình quân yêu cầu đối với các phần mà Nhà thầu tham dự. Trường hợp Nhà thầu tham dự 01 phần thì chỉ cần đáp ứng yêu cầu doanh thu của phần đó.

(6), (7) Trường hợp Nhà thầu tham dự nhiều phần, việc đánh giá về hợp đồng tương tự tương ứng với từng phần mà Nhà thầu tham dự, Nhà thầu không phải đáp ứng tổng quy mô hợp đồng tương tự đối với các phần mà Nhà thầu tham dự.

Bảng Y (Webform trên Hệ thống)**BẢNG YÊU CẦU VỀ HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ**
(Áp dụng đối với gói thầu có nhiều hạng mục dịch vụ)

STT	Danh mục dịch vụ	Giá trị được coi là tương tự (VND)⁽¹⁾
1	Dịch vụ A	
2	Dịch vụ B	
3	Dịch vụ C	
...	...	

Ghi chú:

(1) Giá trị tại cột này được Chủ đầu tư xác định theo nguyên tắc nêu tại ghi chú số (10), (11) Bảng số 01 Chương này.

2.2. Tiêu chuẩn đánh giá về nhân sự chủ chốt và thiết bị chủ yếu:

a) Nhân sự chủ chốt:

Không yêu cầu về nhân sự chủ chốt đối với gói thầu dịch vụ phi tư vấn không đòi hỏi nhân sự có chuyên môn cao, trừ trường hợp cần lao động có trình độ cao, lao động lành nghề thực hiện công việc đặc thù. Trường hợp dịch vụ phi tư vấn có yếu tố đặc thù, phức tạp cần thiết phải có nhân sự có trình độ cao, lao động lành nghề, nhiều kinh nghiệm đảm nhận thì có thể đưa ra yêu cầu về huy động nhân sự chủ chốt để thực hiện các công việc đặc thù, phức tạp này. Ngoài ra, không yêu cầu nhân sự chủ chốt là lao động phổ thông.

Trường hợp E-HSMT có yêu cầu về nhân sự chủ chốt thì Nhà thầu phải chứng minh khả năng huy động các nhân sự chủ chốt đã đề xuất. Nhân sự chủ chốt có thể thuộc biên chế của Nhà thầu hoặc do Nhà thầu huy động.

Trường hợp nhân sự chủ chốt mà Nhà thầu kê khai trong E-HSMT không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động nhân sự (bao gồm cả trường hợp nhân sự chủ chốt đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này), Chủ đầu tư cho phép Nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng vị trí nhân sự chủ chốt trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp Nhà thầu không có nhân sự chủ chốt thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì Nhà thầu bị loại. Trường hợp Nhà thầu có ý kê khai nhân sự chủ chốt không trung thực trong E-HSMT nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn Nhà thầu thì Nhà thầu không được thay thế nhân sự khác, E-HSMT của Nhà thầu bị loại và Nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

Yêu cầu về nhân sự chủ chốt được số hóa dưới dạng Webform trên Hệ thống. Kinh nghiệm trong các công việc tương tự được thể hiện ở số năm tối thiểu nhân sự thực hiện các công việc tương tự hoặc số hợp đồng tối thiểu trong các công việc tương tự. Số năm kinh nghiệm của nhân sự chủ chốt được tính từ thời điểm nhân sự bắt đầu thực hiện công việc tương tự đó đến thời điểm đóng thầu. Nhà thầu phải cung cấp thông tin chi tiết về các nhân sự chủ chốt được đề xuất theo các Mẫu số 06A, 06B và 06C Chương IV để chứng minh rằng mình có đầy đủ nhân sự cho các vị trí chủ chốt đáp ứng những yêu cầu sau đây:

Bảng số 02: Yêu cầu về nhân sự chủ chốt (Webform trên Hệ thống)⁽¹⁾

Stt	Vị trí công việc	Sl	Kinh nghiệm trong các công việc tương tự	Chứng chỉ/trình độ chuyên môn ⁽²⁾
1	Cán bộ quản lý (hoặc chức danh tương đương)	01	Tối thiểu 02 năm hoặc 02 hợp đồng	<p>- Văn bằng tốt nghiệp đại học trở lên liên quan tới chuyên ngành kỹ thuật mỏ</p> <p>- Đính kèm cùng E-HSDT bản Scan bằng cấp/giấy tờ tương đương;</p> <p>- Đính kèm cùng E-HSDT các hồ sơ chứng minh về kinh nghiệm công việc tương tự của gói thầu. Cụ thể:</p> <p>+ Có kinh nghiệm tối thiểu 2 năm kinh nghiệm, được tính từ thời điểm bắt đầu thực hiện công việc tương tự đó cho đến thời điểm đóng thầu và kèm theo hồ sơ, tài liệu chứng minh là giấy xác nhận của Chủ đầu tư hoặc các tài liệu nghiệm thu với chủ đầu tư có tên của nhân sự tham gia hợp đồng đó và/hoặc giấy tờ pháp lý chứng minh khác tương đương. Và/hoặc</p> <p>+ Có kinh nghiệm tối thiểu 02 hợp đồng/công trình, có tính chất công việc tương tự với gói thầu, và kèm theo hồ sơ, tài liệu chứng minh là giấy xác nhận của Chủ đầu tư hoặc các tài liệu nghiệm thu với chủ đầu tư có tên của nhân sự tham gia hợp đồng đó và/hoặc giấy tờ pháp lý chứng minh khác tương đương của 02 hợp đồng đó.</p>
2	Cán bộ kỹ thuật khai thác mỏ	01	Tối thiểu 02 năm hoặc 02 hợp đồng	<p>- Văn bằng tốt nghiệp đại học trở lên liên quan tới chuyên ngành kỹ thuật mỏ.</p> <p>- Đính kèm cùng E-HSDT bản Scan bằng cấp/giấy tờ tương đương;</p> <p>- Đính kèm cùng E-HSDT các hồ sơ chứng minh về kinh nghiệm công việc tương tự của gói thầu. Cụ thể:</p> <p>+ Có kinh nghiệm tối thiểu 2 năm kinh nghiệm, được tính từ thời điểm bắt đầu thực hiện công việc tương tự đó cho đến thời điểm đóng thầu và kèm theo hồ sơ, tài liệu chứng minh là giấy xác nhận của Chủ đầu tư hoặc các tài liệu nghiệm thu với chủ đầu tư có tên của nhân sự tham gia hợp đồng đó và/hoặc giấy tờ pháp lý chứng minh khác tương đương. Và/hoặc</p>

Stt	Vị trí công việc	Sl	Kinh nghiệm trong các công việc tương tự	Chứng chỉ/trình độ chuyên môn ⁽²⁾
				<p>+ Có kinh nghiệm tối thiểu 02 hợp đồng/công trình, có tính chất công việc tương tự với gói thầu, và kèm theo hồ sơ, tài liệu chứng minh là giấy xác nhận của Chủ đầu tư hoặc các tài liệu nghiệm thu với chủ đầu tư có tên của nhân sự tham gia hợp đồng đó và/hoặc giấy tờ pháp lý chứng minh khác tương đương của 02 hợp đồng đó.</p>
3	Cán bộ kỹ thuật địa chất	01	Tối thiểu 02 năm hoặc 02 hợp đồng	<p>- Văn bằng tốt nghiệp đại học trở lên liên quan tới chuyên ngành địa chất</p> <p>- Đính kèm cùng E-HSDT bản Scan bằng cấp/giấy tờ tương đương;</p> <p>- Đính kèm cùng E-HSDT các hồ sơ chứng minh về kinh nghiệm công việc tương tự của gói thầu. Cụ thể:</p> <p>+ Có kinh nghiệm tối thiểu 2 năm kinh nghiệm, được tính từ thời điểm bắt đầu thực hiện công việc tương tự đó cho đến thời điểm đóng thầu và kèm theo hồ sơ, tài liệu chứng minh là giấy xác nhận của Chủ đầu tư hoặc các tài liệu nghiệm thu với chủ đầu tư có tên của nhân sự tham gia hợp đồng đó và/hoặc giấy tờ pháp lý chứng minh khác tương đương. Và/hoặc</p> <p>+ Có kinh nghiệm tối thiểu 02 hợp đồng/công trình, có tính chất công việc tương tự với gói thầu, và kèm theo hồ sơ, tài liệu chứng minh là giấy xác nhận của Chủ đầu tư hoặc các tài liệu nghiệm thu với chủ đầu tư có tên của nhân sự tham gia hợp đồng đó và/hoặc giấy tờ pháp lý chứng minh khác tương đương của 02 hợp đồng đó.</p>
4	Cán bộ kỹ thuật trắc địa	02	Tối thiểu 02 năm hoặc 02 hợp đồng	<p>- Văn bằng tốt nghiệp đại học trở lên liên quan chuyên ngành trắc địa</p> <p>- Đính kèm cùng E-HSDT bản Scan bằng cấp/giấy tờ tương đương;</p> <p>- Đính kèm cùng E-HSDT các hồ sơ chứng minh về kinh nghiệm công việc tương tự của gói thầu. Cụ thể:</p>

Stt	Vị trí công việc	Sl	Kinh nghiệm trong các công việc tương tự	Chứng chỉ/trình độ chuyên môn ⁽²⁾
				<p>+ Có kinh nghiệm tối thiểu 2 năm kinh nghiệm, được tính từ thời điểm bắt đầu thực hiện công việc tương tự đó cho đến thời điểm đóng thầu và kèm theo hồ sơ, tài liệu chứng minh là giấy xác nhận của Chủ đầu tư hoặc các tài liệu nghiệm thu với chủ đầu tư có tên của nhân sự tham gia hợp đồng đó và/hoặc giấy tờ pháp lý chứng minh khác tương đương. Và/hoặc</p> <p>+ Có kinh nghiệm tối thiểu 02 hợp đồng/công trình, có tính chất công việc tương tự với gói thầu, và kèm theo hồ sơ, tài liệu chứng minh là giấy xác nhận của Chủ đầu tư hoặc các tài liệu nghiệm thu với chủ đầu tư có tên của nhân sự tham gia hợp đồng đó và/hoặc giấy tờ pháp lý chứng minh khác tương đương của 02 hợp đồng đó.</p>
5	Cán bộ làm công tác an toàn	01	Tối thiểu 02 năm hoặc 02 hợp đồng	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bằng tốt nghiệp đại học trở lên liên quan tới chuyên ngành kỹ thuật (kỹ thuật mỏ, xây dựng, cầu đường, thủy lợi hoặc tương đương) - Đính kèm cùng E-HSDT bản Scan bằng cấp/giấy tờ tương đương; - Đính kèm cùng E-HSDT các hồ sơ chứng minh về kinh nghiệm công việc tương tự của gói thầu. Cụ thể: <p>+ Có kinh nghiệm tối thiểu 2 năm kinh nghiệm, được tính từ thời điểm bắt đầu thực hiện công việc tương tự đó cho đến thời điểm đóng thầu và kèm theo hồ sơ, tài liệu chứng minh là giấy xác nhận của Chủ đầu tư hoặc các tài liệu nghiệm thu với chủ đầu tư có tên của nhân sự tham gia hợp đồng đó và/hoặc giấy tờ pháp lý chứng minh khác tương đương. Và/hoặc</p> <p>+ Có kinh nghiệm tối thiểu 02 hợp đồng/công trình, có tính chất công việc tương tự với gói thầu, và kèm theo hồ sơ, tài liệu chứng minh là giấy xác nhận của Chủ đầu tư hoặc các tài liệu nghiệm thu với chủ đầu tư có tên của nhân sự tham gia hợp đồng đó và/hoặc giấy tờ pháp lý chứng minh khác tương đương của 02 hợp đồng đó.</p>

Stt	Vị trí công việc	Sl	Kinh nghiệm trong các công việc tương tự	Chứng chỉ/trình độ chuyên môn ⁽²⁾
6	Cán bộ điều hành sản xuất hàng ca	04	Tối thiểu 01 năm hoặc 01 hợp đồng	<p>- Văn bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên liên quan tới chuyên ngành kỹ thuật (kỹ thuật mỏ, xây dựng, cầu đường, thủy lợi hoặc tương đương) trở lên</p> <p>- Đính kèm cùng E-HSDT bản Scan bằng cấp/giấy tờ tương đương;</p> <p>- Đính kèm cùng E-HSDT các hồ sơ chứng minh về kinh nghiệm công việc tương tự của gói thầu. Cụ thể:</p> <p>+ Có kinh nghiệm tối thiểu 1 năm kinh nghiệm, được tính từ thời điểm bắt đầu thực hiện công việc tương tự đó cho đến thời điểm đóng thầu và kèm theo hồ sơ, tài liệu chứng minh là giấy xác nhận của Chủ đầu tư hoặc các tài liệu nghiệm thu với chủ đầu tư có tên của nhân sự tham gia hợp đồng đó và/hoặc giấy tờ pháp lý chứng minh khác tương đương. Và/hoặc</p> <p>+ Có kinh nghiệm tối thiểu 01 hợp đồng/công trình, có tính chất công việc tương tự với gói thầu, và kèm theo hồ sơ, tài liệu chứng minh là giấy xác nhận của Chủ đầu tư hoặc các tài liệu nghiệm thu với chủ đầu tư có tên của nhân sự tham gia hợp đồng đó và/hoặc giấy tờ pháp lý chứng minh khác tương đương của 01 hợp đồng đó.</p>

Ghi chú:

(1) Trường hợp gói thầu không có yêu cầu về nhân sự chủ chốt thì Chủ đầu tư không nhập Bảng này.

(2) Chỉ quy định trong trường hợp pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực có yêu cầu về bằng cấp/chứng chỉ chuyên môn.

b) Thiết bị chủ yếu dự kiến huy động để thực hiện gói thầu:

Căn cứ vào quy mô, tính chất của gói thầu, Chủ đầu tư đưa ra yêu cầu về thiết bị chủ yếu dự kiến huy động và số lượng để thực hiện gói thầu cho phù hợp. Chỉ quy định về thiết bị chủ yếu đối với các thiết bị đặc chủng, đặc thù bắt buộc phải có để triển khai thực hiện gói thầu. Thiết bị chủ yếu có thể thuộc sở hữu của Nhà thầu hoặc do Nhà thầu huy động.

Trường hợp thiết bị chủ yếu mà Nhà thầu kê khai trong E-HSDT không đáp

ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động thiết bị (bao gồm cả trường hợp thiết bị đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này), Chủ đầu tư cho phép Nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng thiết bị chủ yếu trong thời hạn phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp Nhà thầu không có thiết bị thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì Nhà thầu bị loại. Trường hợp Nhà thầu cố ý kê khai thiết bị chủ yếu không trung thực trong E-HSDT nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn Nhà thầu thì Nhà thầu không được thay thế thiết bị khác, E-HSDT của Nhà thầu bị loại và Nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

Yêu cầu về thiết bị chủ yếu được số hóa dưới dạng Webform trên Hệ thống. Nhà thầu phải cung cấp thông tin chi tiết về các thiết bị chủ yếu được đề xuất theo Mẫu số 06D Chương IV để chứng minh rằng mình có đầy đủ thiết bị đáp ứng những yêu cầu sau đây:

Bảng số 03: Yêu cầu về thiết bị chủ yếu (Webform trên Hệ thống)

Stt	Loại thiết bị và đặc điểm thiết bị	Số tối thiểu cần có	Ghi chú
1	Máy toàn đạc điện tử: Độ chính xác đo góc 5", độ chính xác đo cạnh (2+2ppm) mm. Hoặc thiết bị khác tương đương về chức năng và thông số kỹ thuật; Máy được kiểm định độ chính xác theo quy định hiện hành.	2	<ul style="list-style-type: none"> - Nhà thầu đính kèm E-HSDT: + Đối với thiết bị sở hữu: Hóa đơn gttg mua bán hàng hóa đứng tên nhà thầu/các giấy tờ tương đương khác chứng minh tính sở hữu thiết bị (đứng tên nhà thầu) như: Giấy chứng nhận an toàn nếu thiết bị là yêu cầu an toàn nghiêm ngặt...Yêu cầu thời hạn của các giấy tờ (nếu có thời hạn) phải còn hiệu lực trước khi thi công nếu nhà thầu trúng thầu; + Đối với thiết bị đi thuê: Hợp đồng thuê/hợp đồng nguyên tắc thuê thiết bị của nhà thầu với bên cho thuê, Hóa đơn gttg mua bán hàng hóa đứng tên bên cho thuê/các giấy tờ tương đương khác chứng minh tính sở hữu thiết bị (đứng tên bên cho thuê) như: Giấy chứng nhận an toàn nếu thiết bị là yêu cầu an toàn nghiêm ngặt...Yêu cầu thời hạn của các giấy tờ (nếu có thời hạn) phải còn hiệu lực trước khi thi công nếu nhà thầu trúng thầu;

Stt	Loại thiết bị và đặc điểm thiết bị	Số tối thiểu cần có	Ghi chú
2	Máy xúc gàu ngược dung tích gàu $\geq 2,7m^3$	2	<p>- Nhà thầu đính kèm E-HSĐT:</p> <p>+ Đối với thiết bị sở hữu: Hóa đơn gttt mua bán hàng hóa đứng tên nhà thầu/các giấy tờ tương đương khác chứng minh tính sở hữu thiết bị (đứng tên nhà thầu) như (đăng ký xe/đăng kiểm xe/giấy chứng nhận an toàn nếu thiết bị là yêu cầu an toàn nghiêm ngặt...). Yêu cầu thời hạn của các giấy tờ (nếu có thời hạn) phải còn hiệu lực trước khi thi công nếu nhà thầu trúng thầu;</p> <p>+ Đối với thiết bị đi thuê: Hợp đồng thuê/hợp đồng nguyên tắc thuê thiết bị của nhà thầu với bên cho thuê, Hóa đơn gttt mua bán hàng hóa đứng tên bên cho thuê/các giấy tờ tương đương khác chứng minh tính sở hữu thiết bị (đứng tên bên cho thuê) như (đăng ký xe/đăng kiểm xe/giấy chứng nhận an toàn nếu thiết bị là yêu cầu an toàn nghiêm ngặt...). Yêu cầu thời hạn của các giấy tờ (nếu có thời hạn) phải còn hiệu lực trước khi thi công nếu nhà thầu trúng thầu;</p>
3	Máy xúc gàu ngược dung tích gàu $\geq 1,9m^3$	4	<p>- Nhà thầu đính kèm E-HSĐT:</p> <p>+ Đối với thiết bị sở hữu: Hóa đơn gttt mua bán hàng hóa đứng tên nhà thầu/các giấy tờ tương đương khác chứng minh tính sở hữu thiết bị (đứng tên nhà thầu) như (đăng ký xe/đăng kiểm xe/giấy chứng nhận an toàn nếu thiết bị là yêu cầu an toàn nghiêm ngặt...). Yêu cầu thời hạn của các giấy tờ (nếu có thời hạn) phải còn hiệu lực trước khi thi công nếu nhà thầu trúng thầu;</p> <p>+ Đối với thiết bị đi thuê: Hợp đồng thuê/hợp đồng nguyên tắc thuê thiết bị của nhà thầu với bên cho thuê, Hóa đơn gttt mua bán hàng hóa đứng tên bên cho thuê/các giấy tờ tương đương khác chứng minh tính sở hữu thiết bị (đứng tên bên cho thuê) như (đăng ký xe/đăng kiểm xe/giấy chứng nhận an toàn nếu thiết bị là yêu cầu an toàn nghiêm ngặt...). Yêu cầu thời hạn của các giấy tờ (nếu có thời hạn) phải còn hiệu lực trước khi thi công nếu nhà thầu trúng thầu;</p>

Stt	Loại thiết bị và đặc điểm thiết bị	Số tối thiểu cần có	Ghi chú
4	Máy xúc gàu ngược dung tích gàu $\geq 1,4m^3$	3	<p>- Nhà thầu đính kèm E-HSĐT:</p> <p>+ Đối với thiết bị sở hữu: Hóa đơn gttt mua bán hàng hóa đứng tên nhà thầu/các giấy tờ tương đương khác chứng minh tính sở hữu thiết bị (đứng tên nhà thầu) như (đăng ký xe/đăng kiểm xe/giấy chứng nhận an toàn nếu thiết bị là yêu cầu an toàn nghiêm ngặt...). Yêu cầu thời hạn của các giấy tờ (nếu có thời hạn) phải còn hiệu lực trước khi thi công nếu nhà thầu trúng thầu;</p> <p>+ Đối với thiết bị đi thuê: Hợp đồng thuê/hợp đồng nguyên tắc thuê thiết bị của nhà thầu với bên cho thuê, Hóa đơn gttt mua bán hàng hóa đứng tên bên cho thuê/các giấy tờ tương đương khác chứng minh tính sở hữu thiết bị (đứng tên bên cho thuê) như (đăng ký xe/đăng kiểm xe/giấy chứng nhận an toàn nếu thiết bị là yêu cầu an toàn nghiêm ngặt...). Yêu cầu thời hạn của các giấy tờ (nếu có thời hạn) phải còn hiệu lực trước khi thi công nếu nhà thầu trúng thầu;</p>
5	Máy gạt bánh xích, công suất $\geq 160CV$	5	<p>- Nhà thầu đính kèm E-HSĐT:</p> <p>+ Đối với thiết bị sở hữu: Hóa đơn gttt mua bán hàng hóa đứng tên nhà thầu/các giấy tờ tương đương khác chứng minh tính sở hữu thiết bị (đứng tên nhà thầu) như (đăng ký xe/đăng kiểm xe/giấy chứng nhận an toàn nếu thiết bị là yêu cầu an toàn nghiêm ngặt...). Yêu cầu thời hạn của các giấy tờ (nếu có thời hạn) phải còn hiệu lực trước khi thi công nếu nhà thầu trúng thầu;</p> <p>+ Đối với thiết bị đi thuê: Hợp đồng thuê/hợp đồng nguyên tắc thuê thiết bị của nhà thầu với bên cho thuê, Hóa đơn gttt mua bán hàng hóa đứng tên bên cho thuê/các giấy tờ tương đương khác chứng minh tính sở hữu thiết bị (đứng tên bên cho thuê) như (đăng ký xe/đăng kiểm xe/giấy chứng nhận an toàn nếu thiết bị là yêu cầu an toàn nghiêm ngặt...). Yêu cầu thời hạn của các giấy tờ (nếu có thời hạn) phải còn hiệu lực trước khi thi công nếu nhà thầu trúng thầu;</p>

Stt	Loại thiết bị và đặc điểm thiết bị	Số tối thiểu cần có	Ghi chú
6	<p>Ô tô tự đổ vận chuyển phủ tải trọng hàng từ 9÷40 tấn, tải trọng hàng quy đổi 13 tấn. Số lượng xe được tính = $(Z1 + Z2 + \dots + Zn) / 13$ (Trong đó: Z là tải trọng hàng của xe, n là số lượng xe)</p>	10	<p>- Nhà thầu đính kèm E-HSĐT: + Đối với thiết bị sở hữu: Hóa đơn gttg mua bán hàng hóa đứng tên nhà thầu/các giấy tờ tương đương khác chứng minh tính sở hữu thiết bị (đứng tên nhà thầu) như (đăng ký xe/đăng kiểm xe/giấy chứng nhận an toàn nếu thiết bị là yêu cầu an toàn nghiêm ngặt...). Yêu cầu thời hạn của các giấy tờ (nếu có thời hạn) phải còn hiệu lực trước khi thi công nếu nhà thầu trúng thầu; + Đối với thiết bị đi thuê: Hợp đồng thuê/hợp đồng nguyên tắc thuê thiết bị của nhà thầu với bên cho thuê, Hóa đơn gttg mua bán hàng hóa đứng tên bên cho thuê/các giấy tờ tương đương khác chứng minh tính sở hữu thiết bị (đứng tên bên cho thuê) như (đăng ký xe/đăng kiểm xe/giấy chứng nhận an toàn nếu thiết bị là yêu cầu an toàn nghiêm ngặt...). Yêu cầu thời hạn của các giấy tờ (nếu có thời hạn) phải còn hiệu lực trước khi thi công nếu nhà thầu trúng thầu;</p>
7	<p>Ô tô tự đổ vận chuyển quặng tải trọng hàng từ 9÷40 tấn, tải trọng hàng quy đổi 17 tấn, có tối thiểu 20 xe có tải trọng < 25 tấn. Số lượng xe được tính = $(Z1 + Z2 + \dots + Zn) / 17$ (Trong đó: Z là tải trọng hàng của xe, n là số lượng xe)</p>	33	<p>- Nhà thầu đính kèm E-HSĐT: + Đối với thiết bị sở hữu: Hóa đơn gttg mua bán hàng hóa đứng tên nhà thầu/các giấy tờ tương đương khác chứng minh tính sở hữu thiết bị (đứng tên nhà thầu) như (đăng ký xe/đăng kiểm xe/giấy chứng nhận an toàn nếu thiết bị là yêu cầu an toàn nghiêm ngặt...). Yêu cầu thời hạn của các giấy tờ (nếu có thời hạn) phải còn hiệu lực trước khi thi công nếu nhà thầu trúng thầu; + Đối với thiết bị đi thuê: Hợp đồng thuê/hợp đồng nguyên tắc thuê thiết bị của nhà thầu với bên cho thuê, Hóa đơn gttg mua bán hàng hóa đứng tên bên cho thuê/các giấy tờ tương đương khác chứng minh tính sở hữu thiết bị (đứng tên bên cho thuê) như (đăng ký xe/đăng kiểm xe/giấy chứng nhận an toàn nếu thiết bị là yêu cầu an toàn nghiêm ngặt...). Yêu cầu thời hạn của các giấy tờ (nếu có thời hạn) phải còn hiệu lực trước khi thi công nếu nhà thầu trúng thầu;</p>

Stt	Loại thiết bị và đặc điểm thiết bị	Số tối thiểu cần có	Ghi chú
8	Xe tưới nước, dung tích thùng $\geq 6m^3$	3	<p>- Nhà thầu đính kèm E-HSĐT: + Đối với thiết bị sở hữu: Hóa đơn gttg mua bán hàng hóa đứng tên nhà thầu/các giấy tờ tương đương khác chứng minh tính sở hữu thiết bị (đứng tên nhà thầu) như (đăng ký xe/đăng kiểm xe/giấy chứng nhận an toàn nếu thiết bị là yêu cầu an toàn nghiêm ngặt...). Yêu cầu thời hạn của các giấy tờ (nếu có thời hạn) phải còn hiệu lực trước khi thi công nếu nhà thầu trúng thầu; + Đối với thiết bị đi thuê: Hợp đồng thuê/hợp đồng nguyên tắc thuê thiết bị của nhà thầu với bên cho thuê, Hóa đơn gttg mua bán hàng hóa đứng tên bên cho thuê/các giấy tờ tương đương khác chứng minh tính sở hữu thiết bị (đứng tên bên cho thuê) như (đăng ký xe/đăng kiểm xe/giấy chứng nhận an toàn nếu thiết bị là yêu cầu an toàn nghiêm ngặt...). Yêu cầu thời hạn của các giấy tờ (nếu có thời hạn) phải còn hiệu lực trước khi thi công nếu nhà thầu trúng thầu;</p>
9	Máy san/ban bánh lốp, công suất $\geq 140CV$	1	<p>- Nhà thầu đính kèm E-HSĐT: + Đối với thiết bị sở hữu: Hóa đơn gttg mua bán hàng hóa đứng tên nhà thầu/các giấy tờ tương đương khác chứng minh tính sở hữu thiết bị (đứng tên nhà thầu) như (đăng ký xe/đăng kiểm xe/giấy chứng nhận an toàn nếu thiết bị là yêu cầu an toàn nghiêm ngặt...). Yêu cầu thời hạn của các giấy tờ (nếu có thời hạn) phải còn hiệu lực trước khi thi công nếu nhà thầu trúng thầu; + Đối với thiết bị đi thuê: Hợp đồng thuê/hợp đồng nguyên tắc thuê thiết bị của nhà thầu với bên cho thuê, Hóa đơn gttg mua bán hàng hóa đứng tên bên cho thuê/các giấy tờ tương đương khác chứng minh tính sở hữu thiết bị (đứng tên bên cho thuê) như (đăng ký xe/đăng kiểm xe/giấy chứng nhận an toàn nếu thiết bị là yêu cầu an toàn nghiêm ngặt...). Yêu cầu thời hạn của các giấy tờ (nếu có thời hạn) phải còn hiệu lực trước khi thi công nếu nhà thầu trúng thầu;</p>

c) Trường hợp Nhà thầu trúng thầu và ký kết hợp đồng, Nhà thầu có nghĩa vụ

huy động nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu như đã đề xuất ban đầu hoặc đề xuất thay đổi theo quy định tại Mục này. Trường hợp không huy động được nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu, Nhà thầu bị phạt hợp đồng.

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Chủ đầu tư sẽ sử dụng phương pháp chấm điểm theo thang điểm 100 để tiến hành đánh giá chi tiết về mặt kỹ thuật của E-HSĐT. Mức điểm yêu cầu tối thiểu quy định không thấp hơn 70% tổng số điểm tối đa và có điểm kỹ thuật tại các mục tiêu tổng quát Mục I,II,III không thấp hơn điểm tối thiểu. E-HSĐT có tổng số điểm tối thiểu không thấp hơn 70,0 điểm cũng như số điểm của từng mục đánh giá tại các mục tiêu tổng quát Mục I,II,III phải bằng hoặc vượt mức điểm yêu cầu tối thiểu sẽ được đánh giá là đạt yêu cầu về mặt kỹ thuật và được tiếp tục xem xét về tài chính.

Bên mời thầu sẽ đánh giá các E-HSĐT về mặt kỹ thuật theo các tiêu chuẩn đánh giá chấm điểm, chi tiết tại bảng dưới đây:

BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ KỸ THUẬT

Stt	Nội dung tiêu chuẩn	Điểm tối đa (điểm)	Điểm tối thiểu (điểm)
I	Tiêu chuẩn về các biện pháp, giải pháp thi công:	39	27,30
1	Thuyết minh các đầu mục của biện pháp, giải pháp thi công	3	
-	E-HSĐT có kèm theo thuyết minh biện pháp thi công thể hiện đầy đủ các đầu mục được nêu tại các mục 1, 2, 3, 4, 5 chương V của E-HSMT	3	
-	E-HSĐT có kèm theo thuyết minh biện pháp thi công tuy nhiên thiếu hoặc sai 01 đầu mục được nêu tại các mục 1, 2, 3, 4, 5 chương V của E-HSMT	2,1	
-	E-HSĐT có kèm theo thuyết minh biện pháp thi công tuy nhiên thiếu hoặc sai 02 đầu mục được nêu tại các mục 1,2,3,4,5 chương V của E-HSMT	1,2	
-	E-HSĐT có kèm theo thuyết minh biện pháp thi công tuy nhiên thiếu hoặc sai nhiều hơn 03 đầu mục được nêu tại các mục 1, 2, 3, 4, 5 chương V của E-HSMT	0	
2	Sơ đồ tổ chức hiện trường	3	
-	E-HSĐT có sơ đồ tổ chức hiện trường, có nội dung nêu đầy đủ các đầu mục công việc và nêu chi tiết cho từng đầu mục công việc tương ứng theo yêu cầu nêu tại các gạch đầu dòng (“-”) tại mục 3.6.1 Chương V của HSMT	3	

Stt	Nội dung tiêu chuẩn	Điểm tối đa (điểm)	Điểm tối thiểu (điểm)
-	E-HSDT có sơ đồ tổ chức hiện trường, có nội dung nêu đầy đủ các đầu mục công việc nhưng thiếu chi tiết cho từng đầu mục công việc theo yêu cầu nêu tại các gạch đầu dòng (“-”) tại mục 3.6.1 Chương V của HSMT	2,1	
-	E-HSDT có sơ đồ tổ chức hiện trường nhưng thiếu 01 đầu mục công việc theo yêu cầu nêu tại các gạch đầu dòng (“-”) tại mục 3.6.1 Chương V của HSMT	1,2	
-	E-HSDT thiếu sơ đồ tổ chức hiện trường hoặc thiếu nhiều hơn 02 đầu mục công việc hoặc không nêu nội dung chi tiết cho tất cả đầu mục công việc theo yêu cầu nêu tại các gạch đầu dòng (“-”) tại mục 3.6.1 Chương V của HSMT	0	
3	Sơ đồ bố trí nhân sự	3	
-	E-HSDT có sơ đồ bố trí nhân sự, có nội dung nêu đầy đủ các đầu mục và nêu chi tiết cho từng đầu mục theo yêu cầu nêu tại các gạch đầu dòng (“-”) tại mục 3.6.2 Chương V của HSMT	3	
-	E-HSDT có sơ đồ bố trí nhân sự, có nội dung nêu đầy đủ các đầu mục nhưng thiếu chi tiết cho từng đầu mục theo yêu cầu nêu tại các gạch đầu dòng (“-”) tại mục 3.6.2 Chương V của HSMT	2,1	
-	E-HSDT có sơ đồ tổ chức bố trí nhân sự nhưng thiếu hoặc sai 01 đầu mục theo yêu cầu nêu tại các gạch đầu dòng (“-”) tại mục 3.6.2 Chương V của HSMT	1,2	
-	E-HSDT không có sơ đồ tổ chức bố trí nhân sự hoặc thiếu nhiều hơn 02 đầu mục hoặc không nêu nội dung chi tiết cho tất cả đầu mục theo yêu cầu nêu tại các gạch đầu dòng (“-”) tại mục 3.6.2 Chương V của HSMT	0	
4	Biện pháp thi công: Đánh giá tương đối Biện pháp thi công do Nhà thầu đề xuất theo mức độ đáp ứng của từng nội dung thuyết minh các biện pháp kỹ thuật, trình tự thi công của Nhà thầu để thực hiện các công tác, yêu cầu kỹ thuật có nội dung tương ứng nêu tại mục 3.3.2 Chương V của E-HSMT. Công thức đánh giá:	15	

Stt	Nội dung tiêu chuẩn	Điểm tối đa (điểm)	Điểm tối thiểu (điểm)
	<p>Tổng điểm = $\sum_{i=1}^N \frac{D_{\max}}{N} h_i$</p> <p>- N=8: Tổng số công tác xem xét đánh giá nêu tại mục 3.3.2 Chương V của HSMT.</p> <p>- Dmax = 15: Điểm tối đa</p> <p>- hi: Hệ số điểm đánh giá tương ứng với giải pháp thực hiện công tác thứ i của hồ sơ đề xuất về kỹ thuật đưa ra như sau:</p> <p>+ hi = 1,0: trong HSDT về kỹ thuật có nêu đầy đủ, chi tiết các nội dung, các giải pháp kỹ thuật, các biện pháp thi công và quy trình công việc theo yêu cầu nêu tại các gạch đầu dòng (“-”) của từng mục 3.3.2.1 đến mục 3.3.2.8 của Chương V của E-HSMT</p> <p>+ hi = 0,8: trong HSDT về kỹ thuật có nêu chi tiết các nội dung, các giải pháp kỹ thuật, các biện pháp thi công và quy trình công việc nhưng thiếu 01 đầu mục hoặc thiếu nội dung chi tiết công việc theo yêu cầu nêu tại các gạch đầu dòng (“-”) của từng mục 3.3.2.1 đến mục 3.3.2.8 của Chương V của E-HSMT</p> <p>+ hi = 0,6: trong HSDT về kỹ thuật có nêu chi tiết các nội dung, các giải pháp kỹ thuật, các biện pháp thi công và quy trình công việc nhưng thiếu 02 đầu mục hoặc thiếu nội dung chi tiết công việc theo yêu cầu nêu tại các gạch đầu dòng (“-”) của từng mục 3.3.2.1 đến mục 3.3.2.8 của Chương V của E-HSMT</p> <p>+ hi = 0: trong HSDT về kỹ thuật không có nêu đầu mục của từng mục 3.3.2.1 đến mục 3.3.2.8 hoặc có nêu chi tiết các nội dung, các giải pháp kỹ thuật, các biện pháp thi công và quy trình công việc nhưng thiếu nhiều hơn 03 đầu mục hoặc không có nêu nội dung chi tiết công việc cho tất cả các đầu mục theo yêu cầu nêu tại các gạch đầu dòng (“-”) của từng mục 3.3.2.1 đến mục 3.3.2.8 của Chương V của E-HSMT</p>		
5	Biện pháp quản lý chất lượng, tài nguyên	3	
-	Trong HSDT có đề xuất biện pháp quản lý chất lượng, tài nguyên nêu đầy đủ các đầu mục và nội dung chi tiết trong từng đầu mục theo yêu cầu nêu tại các gạch đầu dòng (“-”) tại mục 5.1.1 Chương V của HSMT	3	

Stt	Nội dung tiêu chuẩn	Điểm tối đa (điểm)	Điểm tối thiểu (điểm)
-	Trong HSDT có đề xuất biện pháp quản lý chất lượng, tài nguyên nêu đầy đủ các đầu mục và thiếu nội dung chi tiết trong từng đầu mục theo yêu cầu nêu tại các gạch đầu dòng (“-”) tại mục 5.1.1 Chương V của HSMT	2,1	
-	Trong HSDT có đề xuất biện pháp quản lý chất lượng, tài nguyên nêu các đầu mục nhưng thiếu 01 đầu mục theo yêu cầu nêu tại các gạch đầu dòng (“-”) tại mục 5.1.1 Chương V của HSMT	1,2	
-	Trong HSDT có đề xuất biện pháp quản lý chất lượng, tài nguyên nêu các đầu mục nhưng thiếu nhiều hơn 02 đầu mục hoặc không nêu nội dung chi tiết của tất cả các đầu mục theo yêu cầu nêu tại các gạch đầu dòng (“-”) tại mục 5.1.1 Chương V của HSMT	0	
6	Biện pháp quản lý ranh giới khai thác	3	
-	Trong HSDT có đề xuất biện pháp quản lý ranh giới khai thác nêu đầy đủ các đầu mục và nội dung chi tiết trong từng đầu mục theo yêu cầu nêu tại các gạch đầu dòng (“-”) tại mục 5.1.2 Chương V của HSMT	3	
-	Trong HSDT có đề xuất biện pháp quản lý ranh giới khai thác nêu đầy đủ các đầu mục và thiếu nội dung chi tiết trong từng đầu mục theo yêu cầu nêu tại các gạch đầu dòng (“-”) tại mục 5.1.2 Chương V của HSMT	2,1	
-	Trong HSDT có đề xuất biện pháp quản lý ranh giới khai thác nêu các đầu mục nhưng thiếu 01 đầu mục theo yêu cầu nêu tại các gạch đầu dòng (“-”) tại mục 5.1.2 Chương V của HSMT	1,2	
-	Trong HSDT có đề xuất biện pháp quản lý ranh giới khai thác nêu các đầu mục nhưng thiếu nhiều hơn 02 đầu mục hoặc không nêu nội dung chi tiết của tất cả các đầu mục theo yêu cầu nêu tại các gạch đầu dòng (“-”) tại mục 5.1.2 Chương V của HSMT	0	

Stt	Nội dung tiêu chuẩn	Điểm tối đa (điểm)	Điểm tối thiểu (điểm)
7	Quy trình tổ chức triển khai khai thác và tổ chức phối hợp trong quá trình thực hiện hợp đồng:	3	
-	Trong HSDT có đề xuất biện pháp phối hợp thực hiện hợp đồng, công tác nghiệm thu, thanh quyết toán, có nêu đầy đủ các đầu mục và nội dung chi tiết trong từng đầu mục theo yêu cầu nêu tại các gạch đầu dòng (“-”) tại mục 6 Chương V của HSMT	3	
-	Trong HSDT có đề xuất biện pháp phối hợp thực hiện hợp đồng, công tác nghiệm thu, thanh quyết toán, nêu đầy đủ đầu mục nhưng thiếu nội dung chi tiết trong từng đầu mục theo các nội dung công việc theo yêu cầu nêu tại các gạch đầu dòng (“-”) tại mục 6 Chương V của HSMT	2,1	
-	Trong HSDT có đề xuất biện pháp phối hợp thực hiện hợp đồng, công tác nghiệm thu, thanh quyết toán, nhưng thiếu 01 đầu mục theo yêu cầu nêu tại các gạch đầu dòng (“-”) tại mục 6 Chương V của HSMT	1,2	
-	Trong HSDT có đề xuất biện pháp phối hợp thực hiện hợp đồng, công tác nghiệm thu, thanh quyết toán, nhưng thiếu nhiều hơn 02 đầu mục hoặc không nêu nội dung chi tiết của tất cả các đầu mục theo yêu cầu nêu tại các gạch đầu dòng (“-”) tại mục 6 Chương V của HSMT	0	
8	Biện pháp đảm bảo thực hiện đáp ứng khối lượng	3	
-	Trong HSDT có đề xuất biện pháp đảm bảo thực hiện đáp ứng khối lượng nêu đầy đủ các đầu mục, nêu nội dung chi tiết của từng đầu mục theo yêu cầu nêu tại các gạch đầu dòng (“-”) tại mục 2 Chương V của HSMT	3	
-	Trong HSDT có đề xuất biện pháp đảm bảo thực hiện đáp ứng khối lượng nêu đầy đủ các đầu mục nhưng thiếu nội dung chi tiết của từng đầu theo yêu cầu nêu tại các gạch đầu dòng (“-”) tại mục 2 Chương V của HSMT	2,1	

Stt	Nội dung tiêu chuẩn	Điểm tối đa (điểm)	Điểm tối thiểu (điểm)
-	Trong HSDT có đề xuất biện pháp đảm bảo thực hiện đáp ứng khối lượng nhưng thiếu 01 đầu mục theo yêu cầu nêu tại các gạch đầu dòng (“-”) tại mục 2 Chương V của HSMT	1,2	
-	Trong HSDT có đề xuất biện pháp đảm bảo thực hiện đáp ứng khối lượng nhưng thiếu nhiều hơn 02 đầu mục hoặc không nêu nội dung chi tiết của tất cả các đầu mục theo yêu cầu nêu tại các gạch đầu dòng (“-”) tại mục 2 Chương V của HSMT	0	
9	Biện pháp bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường, an toàn lao động, phòng chống cháy nổ	3	
-	Trong HSDT có đề xuất biện pháp bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường, an toàn lao động, phòng chống cháy nổ nêu đủ đầu mục, nêu nội dung chi tiết của từng đầu mục theo yêu cầu nêu tại các gạch đầu dòng (“-”) mục 3.4.2 Chương V của HSMT	3	
-	Trong HSDT có đề xuất biện pháp bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường, an toàn lao động, phòng chống cháy nổ nêu đủ đầu mục, nhưng thiếu nội dung chi tiết của từng đầu mục theo yêu cầu nêu tại các gạch đầu dòng (“-”) mục 3.4.2 Chương V của HSMT	2,1	
-	Trong HSDT có đề xuất biện pháp bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường, an toàn lao động, phòng chống cháy nổ nhưng thiếu 01 đầu mục theo yêu cầu nêu tại các gạch đầu dòng (“-”) mục 3.4.2 Chương V của HSMT	1,2	
-	Trong HSDT có đề xuất biện pháp bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường, an toàn lao động, phòng chống cháy nổ nhưng thiếu nhiều hơn 02 đầu mục hoặc không nêu nội dung chi tiết của tất cả các đầu mục theo yêu cầu nêu tại các gạch đầu dòng (“-”) mục 3.4.2 Chương V của HSMT	0	

Stt	Nội dung tiêu chuẩn	Điểm tối đa (điểm)	Điểm tối thiểu (điểm)
II	<p>Mức độ đáp ứng thiết bị và nhân sự của Nhà thầu phụ vụ công tác thi công (bên mời thầu sẽ đánh giá theo thực tế danh mục thiết bị, nhân sự nhà thầu đính kèm cùng E-HSĐT mà không yêu cầu làm rõ trong trường hợp nhà thầu nộp thiếu hoặc không đủ dữ liệu đánh giá)</p>	51	35,70
1	<p>Chất lượng của thiết bị thi công: Được đánh giá trên cơ sở chất lượng còn lại (tính theo năm sản xuất của thiết bị) mà nhà thầu đề xuất theo yêu cầu của E-HSMT tại Bảng số 03 Yêu cầu về thiết bị chủ yếu (Webform trên Hệ thống) của Chương III TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ E-HSĐT của E-HSMT</p> <p>Công thức đánh giá:</p> $\text{Điểm đánh giá} = \sum_{i=1}^N \frac{D_{\max}}{N} h_i$ <p>Trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> - N=: Tổng số thiết bị (theo danh mục yêu cầu tại (Bảng số 03: Yêu cầu về thiết bị chủ yếu (Webform trên Hệ thống, không bao gồm Máy toàn đạc điện tử) do Nhà thầu đề xuất. - $D_{\max} = 10$: Điểm tối đa của tiêu chuẩn - h_i: Hệ số điểm đánh giá tương ứng với thiết bị thứ i của hồ sơ đề xuất về kỹ thuật đề xuất như sau: <ul style="list-style-type: none"> + $h_i = 1,0$ đối với thiết bị có năm sản xuất từ năm 2022 đến nay. + $h_i = 0,8$ đối với thiết bị có năm sản xuất từ năm 2018 đến trước năm 2022 + $h_i = 0,6$ đối với thiết bị có năm sản xuất từ năm 2014 đến trước năm 2018 + $h_i = 0,4$ đối với thiết bị có năm sản xuất trước năm 2014 	10	

Stt	Nội dung tiêu chuẩn	Điểm tối đa (điểm)	Điểm tối thiểu (điểm)
2	Mức độ sẵn sàng và khả năng huy động của thiết bị thi công mà nhà thầu đề xuất theo yêu cầu của E-HSMT tại Bảng số 03 Yêu cầu về thiết bị chủ yếu (Webform trên Hệ thống) của Chương III TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ E-HSDT	18	
-	Nhà thầu có nêu từ 85% đến 100% tổng số thiết bị phục vụ thi công gói thầu do Nhà thầu đề xuất thuộc sở hữu của Nhà thầu	18	
-	Nhà thầu có nêu từ 50% đến <85% tổng số thiết bị phục vụ thi công gói thầu do Nhà thầu đề xuất thuộc sở hữu của Nhà thầu	12,6	
-	Nhà thầu có nêu từ 35% đến <50% tổng số thiết bị phục vụ thi công gói thầu do Nhà thầu đề xuất thuộc sở hữu của Nhà thầu	7,2	
-	Nhà thầu có nêu <35% tổng số thiết bị phục vụ thi công gói thầu do Nhà thầu đề xuất thuộc sở hữu của Nhà thầu	3,6	
3	Mức độ sẵn sàng và khả năng huy động của lái xe ô tô, vận hành thiết bị mà nhà thầu đề xuất theo yêu cầu tại Phụ biểu: Bảng nhân sự lái xe, vận hành thiết bị của Mục 3.5.1 Chương V của E-HSMT	8	
-	Nhà thầu có nêu nhân viên lái xe và nhân viên vận hành thiết bị có đầy đủ chứng chỉ/bằng nghề còn thời hạn tính đến thời điểm đóng thầu, từ 85% đến 100% có kinh nghiệm từ 02 năm hoặc thực hiện 02 hợp đồng vận chuyển/thi công có vận hành thiết bị cơ giới.	8	
-	Nhà thầu có nêu nhân viên lái xe và nhân viên vận hành thiết bị có đầy đủ chứng chỉ/bằng nghề còn thời hạn tính đến thời điểm đóng thầu, từ 60% đến <85% có kinh nghiệm từ 01 năm hoặc thực hiện 01 hợp đồng vận chuyển/thi công có vận hành thiết bị cơ giới.	5,6	
-	Nhà thầu có nêu nhân viên lái xe và nhân viên vận hành thiết bị có đầy đủ chứng chỉ/bằng nghề còn thời hạn tính đến thời điểm đóng thầu, từ 30% đến <60% có kinh nghiệm từ 01 năm hoặc thực hiện 01 hợp đồng vận chuyển/thi công có vận hành thiết bị cơ giới.	3,2	

Stt	Nội dung tiêu chuẩn	Điểm tối đa (điểm)	Điểm tối thiểu (điểm)
-	Nhà thầu có nêu lái xe và nhân viên vận hành thiết bị nhưng không có kèm theo chứng chỉ/bằng nghề hoặc hết thời hạn tính đến thời điểm đóng thầu hoặc có < 30 % có kinh nghiệm từ 01 năm hoặc thực hiện 01 hợp đồng vận chuyển/thi công có vận hành thiết bị cơ giới.	2	
4	<p>Kinh nghiệm chuyên môn của nhân sự chủ chốt thực hiện gói thầu</p> <p>Được đánh giá đối với các nhân sự chủ chốt gồm: cán bộ quản lý (hoặc chức danh tương đương), cán bộ kỹ thuật khai thác mỏ, cán bộ kỹ thuật địa chất, cán bộ kỹ thuật trắc địa, cán bộ làm công tác an toàn, cán bộ điều hành sản xuất hàng ca, do Nhà thầu đề xuất. Theo danh sách nhân sự chủ chốt được yêu cầu tại Bảng 2 Yêu cầu về nhân sự chủ chốt của Chương III TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ E-HSDT của E-HSMT</p>	15	
4.1	Cán bộ quản lý (hoặc chức danh tương đương)	5	
-	<p>Có kinh nghiệm: Đã làm cán bộ quản lý (hoặc chức danh tương đương) trong lĩnh vực khai thác mỏ ≥ 5 năm hoặc ≥ 05 hợp đồng/công trình.</p> <p>(Nhà thầu kèm theo Giấy xác nhận của Chủ đầu tư/các tài liệu nghiệm thu với chủ đầu tư có tên nhân sự/Hồ sơ tài liệu khác tương đương và bên mời thầu sẽ đánh giá theo thực tế danh mục nhân sự nhà thầu đính kèm cùng E-HSDT mà không yêu cầu làm rõ trong trường hợp nhà thầu nộp thiếu hoặc không đủ dữ liệu đánh giá)</p>	5	
-	<p>Có kinh nghiệm: Đã làm cán bộ quản lý (hoặc chức danh tương đương) trong lĩnh vực khai thác mỏ từ $02 \leq \div < 05$ năm hoặc $02 \leq \div < 05$ hợp đồng/công trình.</p> <p>(Nhà thầu kèm theo Giấy xác nhận của Chủ đầu tư/các tài liệu nghiệm thu với chủ đầu tư có tên nhân sự/Hồ sơ tài liệu khác tương đương và bên mời thầu sẽ đánh giá theo thực tế danh mục nhân sự nhà thầu đính kèm cùng E-HSDT mà không yêu cầu làm rõ trong trường hợp nhà thầu nộp thiếu hoặc không đủ dữ liệu đánh giá)</p>	3.5	

Stt	Nội dung tiêu chuẩn	Điểm tối đa (điểm)	Điểm tối thiểu (điểm)
4.2	Cán bộ kỹ thuật khai thác mỏ	2	
-	<p>Có kinh nghiệm: Đã làm cán bộ kỹ thuật khai thác mỏ/chức danh lớn hơn hoặc chức danh tương đương trong lĩnh vực khai thác mỏ ≥ 03 năm hoặc ≥ 03 hợp đồng/công trình.</p> <p>(Nhà thầu kèm theo Giấy xác nhận của Chủ đầu tư/các tài liệu nghiệm thu với chủ đầu tư có tên nhân sự/Hồ sơ tài liệu khác tương đương và bên mời thầu sẽ đánh giá theo thực tế danh mục nhân sự nhà thầu đính kèm cùng E-HSDT mà không yêu cầu làm rõ trong trường hợp nhà thầu nộp thiếu hoặc không đủ dữ liệu đánh giá)</p>	2	
-	<p>Có kinh nghiệm: Đã làm cán bộ kỹ thuật khai thác mỏ/chức danh lớn hơn hoặc chức danh tương đương trong lĩnh vực khai thác mỏ từ $02 \leq \div < 03$ năm hoặc $02 \leq \div < 03$ hợp đồng/công trình.</p> <p>(Nhà thầu kèm theo Giấy xác nhận của Chủ đầu tư/các tài liệu nghiệm thu với chủ đầu tư có tên nhân sự/Hồ sơ tài liệu khác tương đương và bên mời thầu sẽ đánh giá theo thực tế danh mục nhân sự nhà thầu đính kèm cùng E-HSDT mà không yêu cầu làm rõ trong trường hợp nhà thầu nộp thiếu hoặc không đủ dữ liệu đánh giá)</p>	1,4	
4.3	Cán bộ kỹ thuật địa chất	2	
-	<p>Có kinh nghiệm: Đã làm cán bộ kỹ thuật địa chất/chức danh lớn hơn hoặc chức danh tương đương trong lĩnh vực khai thác mỏ ≥ 03 năm hoặc ≥ 03 hợp đồng/công trình.</p> <p>(Nhà thầu kèm theo Giấy xác nhận của Chủ đầu tư/các tài liệu nghiệm thu với chủ đầu tư có tên nhân sự/Hồ sơ tài liệu khác tương đương và bên mời thầu sẽ đánh giá theo thực tế danh mục nhân sự nhà thầu đính kèm cùng E-HSDT mà không yêu cầu làm rõ trong trường hợp nhà thầu nộp thiếu hoặc không đủ dữ liệu đánh giá)</p>	2	

Stt	Nội dung tiêu chuẩn	Điểm tối đa (điểm)	Điểm tối thiểu (điểm)
	<p>Có kinh nghiệm: Đã làm cán bộ kỹ thuật địa chất/chức danh lớn hơn hoặc chức danh tương đương trong lĩnh vực khai thác mỏ từ $02 \leq \div < 03$ năm hoặc $02 \leq \div < 03$ hợp đồng/công trình.</p> <p>(Nhà thầu kèm theo Giấy xác nhận của Chủ đầu tư/các tài liệu nghiệm thu với chủ đầu tư có tên nhân sự/Hồ sơ tài liệu khác tương đương và bên mời thầu sẽ đánh giá theo thực tế danh mục nhân sự nhà thầu đính kèm cùng E-HSDT mà không yêu cầu làm rõ trong trường hợp nhà thầu nộp thiếu hoặc không đủ dữ liệu đánh giá)</p>	1,4	
4.4	Cán bộ kỹ thuật trắc địa	2	
	<p>Có Kinh nghiệm: Toàn bộ nhân sự đã làm cán bộ kỹ thuật trắc địa/chức danh lớn hơn hoặc chức danh tương đương trong lĩnh vực khai thác mỏ ≥ 03 năm hoặc ≥ 03 hợp đồng/công trình.</p> <p>(Nhà thầu kèm theo Giấy xác nhận của Chủ đầu tư/các tài liệu nghiệm thu với chủ đầu tư có tên nhân sự/Hồ sơ tài liệu khác tương đương và bên mời thầu sẽ đánh giá theo thực tế danh mục nhân sự nhà thầu đính kèm cùng E-HSDT mà không yêu cầu làm rõ trong trường hợp nhà thầu nộp thiếu hoặc không đủ dữ liệu đánh giá)</p>	2	
	<p>Có kinh nghiệm:</p> <p>+ Có 02 nhân sự đã làm cán bộ kỹ thuật trắc địa/chức danh lớn hơn hoặc chức danh tương đương trong lĩnh vực khai thác mỏ từ $02 \leq \div < 03$ năm hoặc $02 \leq \div < 03$ hợp đồng/công trình và/hoặc:</p> <p>+ Có 01 trong 02 nhân sự đã làm cán bộ kỹ thuật trắc địa/chức danh lớn hơn hoặc chức danh tương đương trong lĩnh vực khai thác mỏ đáp ứng yêu cầu có số năm kinh nghiệm ≥ 3 năm hoặc ≥ 03 hợp đồng/công trình và nhân sự còn lại chỉ đáp ứng kinh nghiệm từ $02 \leq \div < 03$ năm hoặc $02 \leq \div < 03$ hợp đồng/công trình.</p> <p>(Nhà thầu kèm theo Giấy xác nhận của Chủ đầu tư/các tài liệu nghiệm thu với chủ đầu tư có tên nhân sự/Hồ sơ tài liệu khác tương đương và bên mời thầu sẽ đánh giá theo thực tế danh mục nhân sự nhà thầu đính kèm cùng E-HSDT mà không yêu cầu làm rõ trong trường hợp)</p>	1,4	

Stt	Nội dung tiêu chuẩn	Điểm tối đa (điểm)	Điểm tối thiểu (điểm)
	hợp nhà thầu nộp thiếu hoặc không đủ dữ liệu đánh giá)		
4.5	Cán bộ làm công tác an toàn	2	
-	<p>Có kinh nghiệm: Đã làm cán bộ làm công tác an toàn/chức danh lớn hơn hoặc chức danh tương đương trong lĩnh vực khai thác mỏ ≥ 03 năm hoặc ≥ 03 hợp đồng/công trình.</p> <p>(Nhà thầu kèm theo Giấy xác nhận của Chủ đầu tư/các tài liệu nghiệm thu với chủ đầu tư có tên nhân sự/Hồ sơ tài liệu khác tương đương và bên mời thầu sẽ đánh giá theo thực tế danh mục nhân sự nhà thầu đính kèm cùng E-HSDT mà không yêu cầu làm rõ trong trường hợp nhà thầu nộp thiếu hoặc không đủ dữ liệu đánh giá)</p>	2	
-	<p>Có kinh nghiệm: Đã làm cán bộ làm công tác an toàn/chức danh lớn hơn hoặc chức danh tương đương trong lĩnh vực khai thác mỏ từ $02 \leq < 03$ năm hoặc $02 \leq < 03$ hợp đồng/công trình.</p> <p>(Nhà thầu kèm theo Giấy xác nhận của Chủ đầu tư/các tài liệu nghiệm thu với chủ đầu tư có tên nhân sự/Hồ sơ tài liệu khác tương đương và bên mời thầu sẽ đánh giá theo thực tế danh mục nhân sự nhà thầu đính kèm cùng E-HSDT mà không yêu cầu làm rõ trong trường hợp nhà thầu nộp thiếu hoặc không đủ dữ liệu đánh giá)</p>	1,4	
4.6	Cán bộ điều hành sản xuất hàng ca	2	
-	<p>Kinh nghiệm: Có toàn bộ nhân sự đề xuất đã làm cán bộ điều hành sản xuất hàng ca/chức danh lớn hơn hoặc chức danh tương đương trong lĩnh vực khai thác mỏ ≥ 3 năm hoặc ≥ 03 hợp đồng/công trình.</p> <p>(Nhà thầu kèm theo Giấy xác nhận của Chủ đầu tư/các tài liệu nghiệm thu với chủ đầu tư có tên nhân sự/Hồ sơ tài liệu khác tương đương và bên mời thầu sẽ đánh giá theo thực tế danh mục nhân sự nhà thầu đính kèm cùng E-HSDT mà không yêu cầu làm rõ trong trường hợp nhà thầu nộp thiếu hoặc không đủ dữ liệu đánh giá)</p>	2	

Stt	Nội dung tiêu chuẩn	Điểm tối đa (điểm)	Điểm tối thiểu (điểm)
-	<p>Có kinh nghiệm:</p> <p>+ Có 04 nhân sự đã làm cán bộ điều hành sản xuất hàng ca/chức danh lớn hơn hoặc chức danh tương đương trong lĩnh vực khai thác mỏ từ $01 \leq \div < 03$ năm hoặc $01 \leq \div < 03$ hợp đồng/công trình và/hoặc:</p> <p>+ Có nhỏ hơn 04 nhân sự đã làm cán bộ điều hành sản xuất hàng ca/chức danh lớn hơn hoặc chức danh tương đương trong lĩnh vực khai thác mỏ đáp ứng yêu cầu có số năm kinh nghiệm ≥ 3 năm hoặc ≥ 03 hợp đồng/công trình và số nhân sự còn lại chỉ đáp ứng kinh nghiệm từ $01 \leq \div < 03$ năm hoặc $01 \leq \div < 03$ hợp đồng/công trình.</p> <p>(Nhà thầu kèm theo Giấy xác nhận của Chủ đầu tư/các tài liệu nghiệm thu với chủ đầu tư có tên nhân sự/Hồ sơ tài liệu khác tương đương và bên mời thầu sẽ đánh giá theo thực tế danh mục nhân sự nhà thầu đính kèm cùng E-HSDT mà không yêu cầu làm rõ trong trường hợp nhà thầu nộp thiếu hoặc không đủ dữ liệu đánh giá)</p>	1,4	
III	Kết quả về việc thực hiện hợp đồng tương tự trước đó và các cam kết thực hiện gói thầu của nhà thầu	10	7
1	Vi phạm Hợp đồng	2	
-	<p>- Nhà thầu có kèm theo E-HSDT bản kê khai về lịch sử số lần vi phạm hợp đồng (từ 01/01/2023 tới thời điểm đóng thầu) trong đó không có số lần hợp đồng bị vi phạm trong các trường hợp sau: Hợp đồng chậm tiến độ; Hợp đồng không đạt yêu cầu chất lượng kỹ thuật;</p> <p>- Hợp đồng vi phạm về: Không thực hiện hợp đồng, tạm dừng/chấm dứt hợp đồng trước thời hạn do lỗi của Nhà thầu và các nội dung vi phạm hợp đồng khác(nếu có) thông qua các hợp đồng tương tự mà Nhà thầu đã từng thực hiện... theo yêu cầu tại Mục 7 Chương V của E-HSMT và không có hợp đồng vi phạm</p>	2	
-	<p>- Nhà thầu có kèm theo E-HSDT bản kê khai về lịch sử vi phạm hợp đồng (từ ngày 01/01/2021 tới thời điểm đóng thầu) trong đó có 01 lần hợp đồng vi phạm trong các trường hợp sau: Hợp đồng chậm tiến độ; Hợp đồng không đạt yêu cầu chất lượng kỹ thuật; Hợp đồng vi phạm về: Không thực hiện hợp đồng, tạm dừng/chấm dứt hợp đồng trước thời hạn do lỗi của Nhà</p>	1,4	

Stt	Nội dung tiêu chuẩn	Điểm tối đa (điểm)	Điểm tối thiểu (điểm)
	thầu và các nội dung vi phạm hợp đồng khác(nếu có) thông qua các hợp đồng tương tự mà Nhà thầu đã từng thực hiện... theo yêu cầu tại Mục 7 Chương V của E-HSMT		
-	<p>- Nhà thầu có kèm theo E-HSDT bản kê khai về lịch sử vi phạm hợp đồng (từ ngày 01/1/2023 tới thời điểm đóng thầu) trong đó có 02 hợp đồng vi phạm trở lên trong các trường hợp sau: Hợp đồng chậm tiến độ; Hợp đồng không đạt yêu cầu chất lượng kỹ thuật; Hợp đồng vi phạm về: Không thực hiện hợp đồng, tạm dừng/chấm dứt hợp đồng trước thời hạn do lỗi của Nhà thầu và các nội dung vi phạm hợp đồng khác(nếu có) thông qua các hợp đồng tương tự mà Nhà thầu đã từng thực hiện... theo yêu cầu tại khoản 6 Chương V của E-HSMT Và/hoặc:</p> <p>- Nhà thầu không kê khai hoặc kê khai nội dung không đầy đủ theo yêu cầu tại Mục 7 Chương V của E-HSMT. Và/hoặc:</p> <p>- Trường hợp Nhà thầu có vi phạm về thực hiện hợp đồng nhưng không kê khai hoặc kê khai không có vi phạm mà Bên mời thầu phát hiện, chứng minh được bằng văn bản.</p>	0	
2	Lịch sử phạt bồi thường thiệt hại	2	
-	- Nhà thầu có bản kê khai lịch sử (từ ngày 01/01/2023 tới thời điểm đóng thầu) về việc bị phạt bồi thường thiệt hại trong đó không bị phạt bồi thường thiệt hại theo yêu cầu tại Mục 8 Chương V của E-HSMT.	2	
-	- Nhà thầu có bản kê khai lịch sử (từ ngày 01/01/2023 tới thời điểm đóng thầu) về việc bị phạt bồi thường thiệt hại trong đó có 01 lần bị phạt bồi thường thiệt hại theo yêu cầu tại Mục 8 Chương V của E-HSMTT	1,4	
-	<p>- Nhà thầu có bản kê khai lịch sử (từ ngày 01/01/2023 tới thời điểm đóng thầu) về việc bị phạt bồi thường thiệt hại trong đó có 02 lần trở lên bị phạt bồi thường thiệt hại theo yêu cầu tại Mục 8 Chương V của E-HSMTT Và/hoặc:</p> <p>- Nhà thầu không kê khai bản lịch sử từ ngày 01/01/2023 tới thời điểm đóng thầu) về việc bị phạt bồi thường thiệt hại hoặc có kèm theo bản kê khai tuy</p>	0	

Stt	Nội dung tiêu chuẩn	Điểm tối đa (điểm)	Điểm tối thiểu (điểm)
	<p>nhiên không đảm bảo đầy đủ từ 01 nội dung trở lên theo yêu cầu tại Mục 8 Chương V của E-HSMTT Và/hoặc:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp Nhà thầu có lịch sử về việc bị phạt bồi thường thiệt nhưng không kê khai mà Bên mời thầu phát hiện, chứng minh được bằng văn bản. 		
3	Cam kết thực hiện gói thầu	6	
	<ul style="list-style-type: none"> - Nhà thầu có kèm theo E-HSDT bản cam kết về nội dung “bồi thường thiệt hại” theo các nội dung cụ thể nêu tại khoản Mục 9 Chương V của E-HSMT; - Nhà thầu có kèm theo E-HSDT bản cam kết về nội dung “Quản lý thay đổi nhân sự chủ chốt và thiết bị thi công” được nêu tại khoản 10.1 Mục 10 Chương V của E-HSMT; - Nhà thầu có kèm theo E-HSDT bản cam kết không vi phạm về nội dung “Vi phạm chấm dứt hợp đồng của nhà thầu” được nêu tại khoản 10.2 Mục 10 Chương V của E-HSMT. 	6	
	<ul style="list-style-type: none"> - Nhà thầu không kèm theo E-HSDT bản cam kết về nội dung “bồi thường thiệt hại” hoặc có kèm theo bản cam kết tuy nhiên không đảm bảo đầy đủ từ 01 nội dung trở lên theo các nội dung cụ thể nêu tại Mục 9 Chương V của E-HSMT Và/hoặc: - Nhà thầu không kèm theo E-HSDT bản cam kết về nội dung “Quản lý thay đổi nhân sự chủ chốt và thiết bị thi công” hoặc có kèm theo bản cam kết tuy nhiên không đảm bảo đầy đủ từ 01 nội dung trở lên theo các nội dung được nêu tại khoản 10.1 Mục 10 Chương V của E-HSMT Và/hoặc: - Nhà thầu không kèm theo E-HSDT bản cam kết không vi phạm về nội dung “Vi phạm chấm dứt hợp đồng của nhà thầu” hoặc có kèm theo bản cam kết tuy nhiên không đảm bảo đầy đủ từ 01 nội dung trở lên theo các nội dung được nêu tại khoản 10.2 Mục 10 Chương V của E-HSMT 	0	
	Tổng cộng	100	70

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

Căn cứ tính chất, quy mô của từng gói thầu cụ thể mà lựa chọn một trong các phương pháp dưới đây cho phù hợp:

4.1. Phương pháp giá thấp nhất¹:

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 2. Xác định ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 28 E-CDNT

Bước 3. Xếp hạng Nhà thầu: E-HSDT có giá dự thầu, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), sau ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Mục 5. Phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT (nếu có):

Không được thay thế

Mục 6. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập (nếu có):

Không có

CHƯƠNG IV. BIỂU MẪU MỜI THẦU VÀ DỰ THẦU

STT	Biểu mẫu	Cách thức thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	
			Chủ đầu tư	Nhà thầu
1	Mẫu số 01A. Phạm vi cung cấp (áp dụng đối với loại hợp đồng trọn gói, hợp đồng theo kết quả đầu ra)	Webform	X	
2	Mẫu số 01B. Phạm vi cung cấp (áp dụng đối với loại hợp đồng theo đơn giá cố định)		X	
3	Mẫu số 01C. Phạm vi cung cấp (áp dụng đối với loại hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh)		X	
4	Mẫu số 01D. Phạm vi cung cấp (áp dụng đối với loại hợp đồng theo tỷ lệ phần trăm)		X	
5	Mẫu số 01E. Phạm vi cung cấp (áp dụng đối với loại hợp đồng theo thời gian)		X	
6	Mẫu số 01G. Phạm vi cung cấp (áp dụng đối với loại hợp đồng hỗn hợp)		X	
7	Mẫu số 02. Đơn dự thầu			X
8	Mẫu số 03. Thỏa thuận liên danh			X
9	Mẫu số 04A. Bảo lãnh dự thầu (<i>áp dụng trong trường hợp Nhà thầu độc lập</i>)	Scan đính kèm lên Hệ thống hoặc bảo lãnh điện tử		X
10	Mẫu số 04B. Bảo lãnh dự thầu (<i>áp dụng trong trường hợp Nhà thầu liên danh</i>)			X
11	Mẫu số 05. Hợp đồng tương tự do Nhà thầu thực hiện	Webform		X
12	Mẫu số 06A. Bảng đề xuất nhân sự chủ chốt			X
13	Mẫu số 06B. Bảng lý lịch chuyên môn của nhân sự chủ chốt			X
14	Mẫu số 06C. Bảng kinh nghiệm chuyên môn			X
15	Mẫu số 06D. Bảng kê khai thiết bị chủ yếu			X
16	Mẫu số 07. Hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của Nhà thầu trong quá khứ			X
17	Mẫu số 08. Tình hình tài chính của Nhà thầu			X
18	Mẫu số 09A. Phạm vi công việc sử dụng Nhà thầu phụ			X

STT	Biểu mẫu	Cách thức thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	
			Chủ đầu tư	Nhà thầu
19	Mẫu số 09B. Danh sách các công ty con, công ty thành viên đảm nhận phần công việc của gói thầu			X
20	Mẫu số 10A. Bảng tiến độ thực hiện (áp dụng đối với loại hợp đồng trọn gói, hợp đồng theo kết quả đầu ra, hợp đồng theo đơn giá cố định, hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh)			X
21	Mẫu số 10B. Bảng tiến độ thực hiện (áp dụng đối với loại hợp đồng theo tỷ lệ phần trăm)			X
22	Mẫu số 10C. Bảng tiến độ thực hiện (áp dụng đối với loại hợp đồng theo thời gian)			X
23	Mẫu số 10D. Bảng tiến độ thực hiện (áp dụng đối với loại hợp đồng hỗn hợp)			X
24	Mẫu số 11A. Bảng giá dự thầu (áp dụng đối với loại hợp đồng trọn gói, hợp đồng theo kết quả đầu ra)			X
25	Mẫu số 11B. Bảng giá dự thầu (áp dụng đối với loại hợp đồng theo đơn giá cố định)			X
26	Mẫu số 11C. Bảng giá dự thầu (áp dụng đối với loại hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh)			X
26-1	<i>Mẫu số 11C1 Bảng chào đơn giá công việc vận chuyển cho các cung độ khác</i>	<i>Scan đính kèm E-HSDT</i>		X
26-2	<i>Mẫu số 11C2 Bảng phân tích chi tiết đơn giá (bao gồm cho nội dung công việc tại bảng giá dự thầu mẫu số 11C và Công việc vận chuyển cho các cung độ khác tại mẫu số 11C1)</i>	<i>Scan đính kèm E-HSDT</i>		X
27	Mẫu số 11D. Bảng giá dự thầu (áp dụng đối với loại hợp đồng theo tỷ lệ phần trăm)			X
28	Mẫu số 11E. Bảng giá dự thầu (áp dụng đối với loại hợp đồng theo thời gian)	Webform		X
29	Mẫu số 11G. Bảng giá dự thầu (áp dụng đối với loại hợp đồng hỗn hợp)			X
30	Mẫu số 12. Bảng kê khai dịch vụ được hưởng ưu đãi			X

PHẠM VI CUNG CẤP*(áp dụng đối với loại hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh)*

Chủ đầu tư liệt kê chi tiết danh mục các dịch vụ yêu cầu, mô tả ngắn gọn dịch vụ yêu cầu cung cấp theo Bảng sau:

Stt	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Công tác xúc					
1.1	Xúc quặng nguyên khai dạng rời	Theo quy định chương V	5.073.000	tấn	Mỏ bauxit khu Tây Tân Rai, Lâm Đồng	365
1.2	Xúc quặng kết tảng	Theo quy định chương V	62.000	tấn	Mỏ bauxit khu Tây Tân Rai, Lâm Đồng	365
1.3	Xúc đất phủ	Theo quy định chương V	702.555	m ³	Mỏ bauxit khu Tây Tân Rai, Lâm Đồng	365
1.4	Xúc đất trụ, đất công nghệ làm đường	Theo quy định chương V	56.060	m ³	Mỏ bauxit khu Tây Tân Rai, Lâm Đồng	365
1.5	Xúc đất trụ, đất công nghệ tách nước mỏ	Theo quy định chương V	122.800	m ³	Mỏ bauxit khu Tây Tân Rai, Lâm Đồng	365
2	Công tác gạt					
2.1	Gạt gom đất phủ	Theo quy định chương V	210.767	m ³	Mỏ bauxit khu Tây Tân Rai, Lâm Đồng	365
2.2	Gạt phẩm cấp mặt vách	Theo quy định chương V	129.586	m ³	Mỏ bauxit khu Tây Tân Rai, Lâm Đồng	365

2.3	Gạt phẩm cấp quặng giáp mặt trụ	Theo quy định chương V	185.550	m ³	Mỏ bauxit khu Tây Tân Rai, Lâm Đồng	365
2.4	Gạt đất phủ hoàn thổ, đổ thải	Theo quy định chương V	245.894	m ³	Mỏ bauxit khu Tây Tân Rai, Lâm Đồng	365
2.5	Gạt kho quặng nguyên khai	Theo quy định chương V	163.743	m ³	Mỏ bauxit khu Tây Tân Rai, Lâm Đồng	365
2.6	Gạt đất trụ, đất công nghệ làm đường	Theo quy định chương V	23.209	m ³	Mỏ bauxit khu Tây Tân Rai, Lâm Đồng	365
3	Công tác vận chuyển					
3.1	Vận chuyển quặng nguyên khai, cung độ trung bình 4,87 km	Theo quy định chương V	20.957.938	T.km	Mỏ bauxit khu Tây Tân Rai, Lâm Đồng	365
3.2	Vận chuyển quặng nguyên khai, cung độ trung bình 0,30 km	Theo quy định chương V	250.500	T.km	Mỏ bauxit khu Tây Tân Rai, Lâm Đồng	365
3.3	Vận chuyển đất phủ, cung độ bình quân 0,61 km	Theo quy định chương V	577.904	T.km	Mỏ bauxit khu Tây Tân Rai, Lâm Đồng	365
3.4	Vận chuyển đất trụ, đất công nghệ, cung độ bình quân 0,50 km	Theo quy định chương V	47.090	T.km	Mỏ bauxit khu Tây Tân Rai, Lâm Đồng	365
4	Chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh và chi phí dự phòng trượt giá (8)		0%			

Ghi chú:

(1), (2), (4), (5), (6), (7) Chủ đầu tư ghi tên các hạng mục công việc cụ thể, đơn vị tính, khối lượng, địa điểm thực hiện dịch vụ, ngày hoàn thành để Nhà thầu làm cơ sở chào thầu.

(3) Chủ đầu tư ghi dẫn chiếu cụ thể đến nội dung yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật để thực hiện hạng mục công việc tương ứng trong Chương V hoặc trong hồ sơ chỉ dẫn kỹ thuật (tên Mục, số trang, số quyền...) để Nhà thầu thuận tiện trong việc xem xét, nghiên cứu các yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật làm cơ sở chào giá dự thầu.

(8) Ghi rõ tỷ lệ dự phòng cho khối lượng phát sinh và chi phí dự phòng trượt giá (b2%) để Nhà thầu làm cơ sở chào thầu. Khi tham dự thầu, Nhà thầu phải chào chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh và chi phí dự phòng trượt giá với giá trị bằng tỷ lệ phần trăm (%) quy định trong E-HSMT (b2%) nhân với chi phí của các hạng mục do Nhà thầu chào (A). Chi phí dự phòng chỉ được sử dụng khi có phát sinh khối lượng công việc trong thực tế và có trượt giá.

Trường hợp gói thầu chia phần (lô), Chủ đầu tư phải điền rõ tên từng phần (lô) và các dịch vụ như Mẫu này.

Mẫu số 02 (Webform trên Hệ thống)**ĐƠN DỰ THẦU ⁽¹⁾**

Ngày: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Tên gói thầu: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Kính gửi: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Sau khi nghiên cứu E-HSMT, chúng tôi:

Tên Nhà thầu: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*], Mã số thuế _____, [*Hệ thống tự động trích xuất*] cam kết thực hiện gói thầu _____ [*Hệ thống tự động trích xuất*] số E-TBMT: _____ [*Hệ thống tự động trích xuất*] theo đúng yêu cầu nêu trong E-HSMT với giá dự thầu (tổng số tiền) là _____ [*Hệ thống tự động trích xuất*] cùng với các bảng giá dự thầu kèm theo.

Ngoài ra, chúng tôi tự nguyện giảm giá dự thầu với tỷ lệ phần trăm giảm giá là _____ [*Ghi tỷ lệ giảm giá, nếu có*].

Giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá là: _____ [*Hệ thống tự động tính trên cơ sở tính toán lại chi phí dự phòng sau khi giảm giá*] (đã bao gồm toàn bộ thuế, phí, lệ phí (nếu có)).

Hiệu lực của E-HSDT: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Bảo đảm dự thầu*: _____ [*ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền của bảo đảm dự thầu*]

Hiệu lực của Bảo đảm dự thầu⁽²⁾: _____ [*ghi thời gian hiệu lực kể từ ngày đóng thầu*]

Chúng tôi cam kết:

1. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản (không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đối với Nhà thầu là hộ kinh doanh);

2. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu;

3. Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu;

4. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu;

5. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự (chủ hộ không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự trong trường hợp Nhà thầu là hộ kinh doanh);

* Trường hợp đối với gói thầu áp dụng đấu thầu trước, pháp luật không có yêu cầu Nhà thầu thực hiện bảo đảm dự thầu thì bỏ nội dung về giá trị và hiệu lực của bảo đảm dự thầu.

6. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm quy định khác của pháp luật đấu thầu khi tham dự gói thầu này;

7. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, Nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với Nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho Nhà thầu đó trúng thầu⁽³⁾;

8. Những thông tin kê khai trong E-HSĐT là trung thực;

9. Trường hợp trúng thầu, E-HSĐT và các văn bản bổ sung, làm rõ E-HSĐT tạo thành thỏa thuận ràng buộc trách nhiệm giữa hai bên cho tới khi hợp đồng được ký kết;

10. Nếu E-HSĐT của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 37.1 E-CDNT của E-HSMT;

11. Có đủ năng lực, kinh nghiệm để thực hiện gói thầu⁽⁴⁾;

12. Trường hợp chúng tôi không nộp bản gốc bảo đảm dự thầu theo yêu cầu của Chủ đầu tư quy định tại Mục 18.5 E-CDNT; trong trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 50 triệu đồng, không nộp tiền mặt, Séc bảo chi, thư bảo lãnh dự thầu hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh theo quy định tại Mục 18.8 E-CDNT thì chúng tôi sẽ bị đánh giá không đảm bảo uy tín khi tham dự thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, nêu tên trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia và tài khoản của chúng tôi sẽ bị khóa trong vòng 06 tháng kể từ ngày chủ đầu tư công khai tên chúng tôi trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, trừ trường hợp bất khả kháng.⁽⁵⁾

Ghi chú:

(1) Đơn dự thầu được ký bằng chữ ký số của Nhà thầu khi Nhà thầu nộp E-HSĐT.

(2) Trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 50 triệu đồng thì không áp dụng nội dung này.

(3) E-HSMT không được yêu cầu Nhà thầu phải nộp lý lịch tư pháp của nhân sự để chứng minh cho nội dung đánh giá này.

(4) Đối với gói thầu áp dụng hình thức chào hàng cạnh tranh.

(5) Trường hợp gói thầu áp dụng đấu thầu trước, Nhà thầu không phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu thì sửa khoản này như sau: “Trường hợp chúng tôi có các hành vi sau đây thì chúng tôi sẽ bị đánh giá không đảm bảo uy tín khi tham dự thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, bị nêu tên trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia và tài khoản của chúng tôi sẽ bị khóa trong vòng 06 tháng kể từ ngày chủ đầu tư công khai tên chúng tôi trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, trừ trường hợp bất khả kháng, gồm:

- Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSDT, Nhà thầu có văn bản rút E-HSDT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong E-HSDT theo yêu cầu của E-HSMT;

- Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu;

- Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 68 của Luật Đấu thầu;

- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu, trừ trường hợp bất khả kháng;

- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của Chủ đầu tư, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 34 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP hoặc trường hợp bất khả kháng.

- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng.

Mẫu số 03 (Webform trên Hệ thống)**THỎA THUẬN LIÊN DANH⁽¹⁾**Ngày: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]Gói thầu: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]Thuộc dự án/ dự toán mua sắm: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]Căn cứ⁽²⁾ ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]Căn cứ⁽²⁾ ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]Căn cứ E-HSMT Gói thầu: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*] với số E-TBMT: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh thứ nhất: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]Mã số thuế: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*];

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Tên thành viên liên danh thứ hai: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]Mã số thuế: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*];

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Tên thành viên liên danh thứ n: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]Mã số thuế: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*];

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầu gói thầu ____ [*Hệ thống tự động trích xuất*] thuộc dự án/ dự toán mua sắm ____ [*Hệ thống tự động trích xuất*].

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là: ____ [*ghi tên của liên danh*].

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với Nhà thầu khác để tham gia gói thầu này. Trường hợp trúng thầu, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- *Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;*
- *Bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng;*
- *Hình thức xử lý khác ____ [*ghi rõ hình thức xử lý khác*].*

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu ____ [*Hệ thống tự động trích xuất*] thuộc dự án/dự toán mua sắm ____ [*Hệ thống tự động trích xuất*] đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh:

Các bên nhất trí phân công ____ [*Hệ thống tự động trích xuất thành viên lập liên danh*] làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau⁽³⁾:

- *Sử dụng tài khoản, chứng thư số để nộp E-HSDT cho cả liên danh.*
- *[Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Chủ đầu tư trong quá trình tham dự thầu, văn bản giải trình, làm rõ E-HSDT hoặc văn bản đề nghị rút E-HSDT;*
- *Thực hiện bảo đảm dự thầu cho cả liên danh;*
- *Tham gia quá trình đối chiếu tài liệu, hoàn thiện hợp đồng;*
- *Ký đơn kiến nghị trong trường hợp Nhà thầu có kiến nghị;*
- *Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng ____ [*ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)*].*

2. Các thành viên trong liên danh thỏa thuận phân công trách nhiệm thực hiện công việc theo bảng dưới đây⁽⁴⁾:

STT	Tên các thành viên trong liên danh	Nội dung công việc đảm nhận	Tỷ lệ % giá trị đảm nhận so với tổng giá dự thầu
1	Tên thành viên đứng đầu liên danh (<i>Hệ thống tự động trích xuất</i>)	- ____ - ____	- ____ % - ____ %
2	Tên thành viên thứ 2	- ____ - ____	- ____ % - ____ %
....
Tổng cộng		Toàn bộ công việc của gói thầu	100%

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.
 2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:
 - Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;
 - Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;
 - Nhà thầu liên danh không trúng thầu;
 - Hủy thầu gói thầu ____ [*Hệ thống tự động trích xuất*] thuộc dự án/ dự toán mua sắm ____ [*Hệ thống tự động trích xuất*] theo thông báo của Chủ đầu tư
- Thỏa thuận liên danh được lập trên sự chấp thuận của tất cả các thành viên.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH

[xác nhận, chữ ký số]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH

[xác nhận, chữ ký số]

Ghi chú:

(1) Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập thì trong thỏa thuận liên danh phải nêu rõ tên, số hiệu của các phần mà Nhà thầu liên danh tham dự thầu, trong đó nêu rõ trách nhiệm chung và trách nhiệm riêng của từng thành viên liên danh đối với phần tham dự thầu.

(2) Hệ thống tự động cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

(3) Việc phân công trách nhiệm bao gồm một hoặc nhiều công việc như đã nêu.

(4) Nhà thầu phải ghi rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện, trách nhiệm chung, trách nhiệm riêng của từng thành viên, kể cả thành viên đứng đầu liên danh. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng giá dự

thầu theo Mẫu số 11 (11A hoặc 11B hoặc 11C hoặc 11D hoặc 11E hoặc 11G) Chương IV hoặc theo các công việc thuộc quá trình sản xuất hạng mục trong bảng giá dự thầu, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này hoặc không thuộc quá trình sản xuất các hạng mục này.

BẢO LÃNH DỰ THẦU⁽¹⁾*(áp dụng trong trường hợp Nhà thầu độc lập)*

Bên thụ hưởng (Bên nhận bảo lãnh): ____ [*ghi tên và địa chỉ của Chủ đầu tư quy định tại Mục 1.1 E-BDL*]

Ngày phát hành bảo lãnh: ____ [*ghi ngày phát hành bảo lãnh*]

BẢO LÃNH DỰ THẦU số: ____ [*ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu*]

Bên bảo lãnh: ____ [*ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in*]

Chúng tôi được thông báo rằng Bên được bảo lãnh là ____ [*ghi tên Nhà thầu*] (sau đây gọi là “Nhà thầu”) sẽ tham dự thầu để thực hiện gói thầu ____ [*ghi tên gói thầu*] thuộc dự án/dự toán mua sắm ____ [*ghi tên dự án/dự toán mua sắm*] theo Thư mời thầu/E-TBMT số ____ [*ghi số trích yếu của Thư mời thầu/E-TBMT*].

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho Nhà thầu bằng một khoản tiền là ____ [*ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng*].

Bảo lãnh này có hiệu lực trong ____⁽²⁾ ngày, kể từ ngày ____ tháng ____ năm ____⁽³⁾.

Theo yêu cầu của Nhà thầu, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết⁽⁴⁾ sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng một khoản tiền là ____ [*ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng*] khi nhận được văn bản thông báo từ Bên thụ hưởng về vi phạm của Nhà thầu trong các trường hợp sau đây:

1. Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSDT, Nhà thầu có văn bản rút E-HSDT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong E-HSDT theo yêu cầu của E-HSMT;

2. Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu;

3. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 68 của Luật Đấu thầu;

4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu, từ trường hợp bất khả kháng;

5. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng, thỏa thuận khung trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của Chủ đầu tư, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 34 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP hoặc trường hợp bất khả kháng;

6. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng, thỏa thuận khung trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, thỏa thuận khung, trừ trường hợp bất khả kháng.

Trường hợp Nhà thầu trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Nhà thầu ký kết hợp đồng và nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Trường hợp Nhà thầu không trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn Nhà thầu hoặc 30 ngày kể từ ngày hết thời hạn hiệu lực của E-HSDT, tùy theo thời điểm nào đến trước.

Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh này. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn số tiền bảo lãnh nêu trên khi có yêu cầu bồi thường của Chủ đầu tư.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp bảo lãnh dự thầu vi phạm một trong các quy định như: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 18.2 E-CDNT, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không phải là bản gốc, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT, hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư thì bảo lãnh dự thầu được coi là không hợp lệ.

(2) Ghi theo quy định về thời gian hiệu lực tại Mục 18.2 E-BDL.

(3) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại E-TBMT. Thời gian có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu (thời điểm kết thúc hiệu lực của bảo lãnh dự thầu nằm trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu mà không cần thiết phải đến hết 24 giờ của ngày đó).

(4) Trường hợp bảo lãnh dự thầu thiếu một hoặc một số cam kết trong các nội dung cam kết nêu trên thì bị coi là điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư theo quy định tại Mục 18.3 E-CDNT và thư bảo lãnh được coi là không hợp lệ.

Mẫu số 04B (Scan đính kèm)

BẢO LÃNH DỰ THẦU⁽¹⁾

(áp dụng trong trường hợp Nhà thầu liên danh)

Bên thụ hưởng (Bên nhận bảo lãnh): ___ *[ghi tên và địa chỉ của Chủ đầu tư quy định tại Mục 1.1 E-BDL]*

Ngày phát hành bảo lãnh: ___ *[ghi ngày phát hành bảo lãnh]*

BẢO LÃNH DỰ THẦU số: ___ *[ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu]*

Bên bảo lãnh: ___ *[ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]*

Chúng tôi được thông báo rằng Bên được bảo lãnh là ___ *[ghi tên Nhà thầu]⁽²⁾* (sau đây gọi là “Nhà thầu”) sẽ tham dự thầu để thực hiện gói thầu ___ *[ghi tên gói thầu]* thuộc dự án/dự toán mua sắm ___ *[ghi tên dự án/dự toán mua sắm]* theo Thư mời thầu/E-TBMT số ___ *[ghi số trích yếu của Thư mời thầu/E-TBMT]*.

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho Nhà thầu tham dự thầu gói thầu này bằng một khoản tiền là ___ *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]*.

Bảo lãnh này có hiệu lực trong ___⁽³⁾ ngày, kể từ ngày ___ tháng ___ năm ___⁽⁴⁾.

Theo yêu cầu của Nhà thầu, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết⁽⁵⁾ sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng một khoản tiền là ___ *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]* khi nhận được văn bản thông báo từ Bên thụ hưởng về vi phạm của Nhà thầu trong các trường hợp sau đây:

1. Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSDT, Nhà thầu có văn bản rút E-HSDT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong E-HSDT theo yêu cầu của E-HSMT;

2. Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu;

3. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 68 của Luật Đấu thầu;

4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu, trừ trường hợp bất khả kháng;

5. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng, thỏa thuận khung trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của Chủ

đầu tư, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 34 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP hoặc trường hợp bất khả kháng;

6. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng, thỏa thuận khung trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, thỏa thuận khung, trừ trường hợp bất khả kháng;

7. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh _____ [*ghi đầy đủ tên của Nhà thầu liên danh*] vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 18.5 E-CDNT thì bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả.

Trường hợp Nhà thầu trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Nhà thầu ký kết hợp đồng và nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Trường hợp Nhà thầu không trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn Nhà thầu hoặc 30 ngày kể từ khi hết thời hạn hiệu lực của E-HSDT, tùy theo thời điểm nào đến trước.

Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh này. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn số tiền bảo lãnh nêu trên khi có yêu cầu bồi thường của Chủ đầu tư.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp bảo lãnh dự thầu vi phạm một trong các quy định như: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 18.2 E-CDNT, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không phải là bản gốc, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT, hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư thì bảo lãnh dự thầu được coi là không hợp lệ.

(2) Tên Nhà thầu có thể là một trong các trường hợp sau đây:

- Tên của cả Nhà thầu liên danh, ví dụ Nhà thầu liên danh A + B tham dự thầu thì tên Nhà thầu ghi là “Nhà thầu liên danh A + B”;

- Tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện bảo lãnh dự thầu cho cả liên danh hoặc cho thành viên khác trong liên danh, ví dụ Nhà thầu liên danh A + B + C tham dự thầu, trường hợp trong thỏa thuận liên danh phân công cho Nhà thầu A thực hiện bảo đảm dự thầu cho cả liên danh thì tên Nhà thầu ghi là “Nhà thầu A (thay mặt cho Nhà thầu liên danh A + B + C)”, trường hợp trong thỏa thuận liên danh phân công Nhà thầu B thực hiện bảo đảm dự thầu cho Nhà thầu B và C thì tên Nhà thầu ghi là “Nhà thầu B (thay mặt cho Nhà thầu B + C)”;

- Tên của thành viên liên danh thực hiện riêng rẽ bảo lãnh dự thầu;

- Trường hợp trong thỏa thuận liên danh không phân công cụ thể trách nhiệm thực hiện bảo đảm dự thầu của các thành viên trong liên danh nhưng tổng giá trị bảo đảm dự thầu của các thành viên liên danh đã thực hiện, đính kèm trong E-HSDT đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì vẫn được đánh giá là đáp ứng về giá trị bảo đảm dự thầu.

(3) Ghi theo quy định về thời gian hiệu lực tại Mục 18.2 E-BDL.

(4) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại E-TBMT. Thời gian có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu (thời điểm kết thúc hiệu lực của bảo lãnh dự thầu nằm trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu mà không cần thiết phải đến hết 24 giờ của ngày đó).

(5) Trường hợp bảo lãnh dự thầu thiếu một hoặc một số cam kết trong các nội dung cam kết nêu trên thì bị coi là điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư theo quy định tại Mục 18.3 E-CDNT và thư bảo lãnh được coi là không hợp lệ.

Mẫu số 05 (Webform trên Hệ thống)**HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ DO NHÀ THẦU THỰC HIỆN⁽¹⁾**

Tên Nhà thầu: _____ *[ghi tên đầy đủ của Nhà thầu].*

Thông tin về từng hợp đồng, mỗi hợp đồng cần bảo đảm các thông tin sau đây:

Tên và số hợp đồng	<i>[ghi tên đầy đủ của hợp đồng, số ký hiệu]</i>	
Ngày ký hợp đồng	<i>[ghi ngày, tháng, năm]</i>	
Ngày hoàn thành	<i>[ghi ngày, tháng, năm]</i>	
Giá hợp đồng ⁽³⁾	<i>[ghi tổng giá hợp đồng theo số tiền và đồng tiền đã ký]</i>	Tương đương _____ VND
Trường hợp là thành viên liên danh, ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh và giá trị phần hợp đồng mà Nhà thầu đảm nhận	<i>[ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh]</i>	<i>[ghi phần trăm giá trị phần hợp đồng đảm nhận trong tổng giá hợp đồng; số tiền và đồng tiền đã ký]</i> Tương đương ____ VND
Tên dự án/dự toán mua sắm:	<i>[ghi tên đầy đủ của dự án/dự toán mua sắm có hợp đồng đang kê khai]</i>	
Tên Chủ đầu tư:	<i>[ghi tên đầy đủ của Chủ đầu tư trong hợp đồng đang kê khai]</i>	
Địa chỉ:	<i>[ghi đầy đủ địa chỉ hiện tại của Chủ đầu tư]</i>	
Điện thoại/fax:	<i>[ghi số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia, mã vùng]</i>	
E-mail:	<i>[ghi địa chỉ e-mail]</i>	
Mô tả tính chất tương tự theo quy định tại Mục 2.1 Chương III⁽²⁾		
1. Loại dịch vụ	<i>[ghi thông tin phù hợp]</i>	
2. Về giá trị hợp đồng đã thực hiện ⁽³⁾	<i>[ghi giá trị hợp đồng thực tế đã thực hiện căn cứ theo giá trị nghiệm thu, thanh lý hợp đồng]</i>	
3. Quy mô thực hiện	<i>[ghi quy mô theo hợp đồng]</i>	
4. Các đặc tính khác	<i>[ghi các đặc tính khác nếu cần thiết]</i>	

Ghi chú:

Nhà thầu nghiên cứu kỹ E-HSMT và đề xuất các hợp đồng tương tự để bảo đảm đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.

(1) Trong trường hợp liên danh, từng thành viên liên danh kê khai theo Mẫu này. Trường hợp Nhà thầu có nhiều hợp đồng tương tự thì kê khai từng hợp đồng theo Mẫu này.

(2) Nhà thầu chỉ kê khai nội dung tương tự với yêu cầu của gói thầu.

(3) Trường hợp giá trị hợp đồng không tính bằng VND thì quy đổi sang VND theo tỷ giá theo quy định tại Mục 2.1 Chương III để làm cơ sở đánh giá.

Mẫu số 06A (Webform trên Hệ thống)**BẢNG ĐỀ XUẤT NHÂN SỰ CHỦ CHỐT**

Nhà thầu phải kê khai những nhân sự chủ chốt theo quy định tại Mục 2.2 Chương III và phải chứng minh khả năng sẵn sàng huy động các nhân sự chủ chốt này để tham gia thực hiện gói thầu. Nhân sự chủ chốt có thể thuộc biên chế của Nhà thầu hoặc do Nhà thầu huy động.

Trường hợp nhân sự chủ chốt mà Nhà thầu kê khai trong E-HSĐT không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động nhân sự (bao gồm cả trường hợp nhân sự chủ chốt đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này), Chủ đầu tư cho phép Nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng vị trí nhân sự chủ chốt trong thời hạn phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp Nhà thầu không có nhân sự thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSĐT thì Nhà thầu bị loại. Trường hợp Nhà thầu cố ý kê khai nhân sự chủ chốt không trung thực trong E-HSĐT nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn Nhà thầu thì Nhà thầu không được thay thế nhân sự khác, E-HSĐT của Nhà thầu bị loại và Nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

Trường hợp Nhà thầu tham dự nhiều gói thầu trong cùng khoảng thời gian và nhân sự của Nhà thầu đề xuất cho các gói thầu này trùng nhau thì E-HSĐT của Nhà thầu vẫn được xem xét, đánh giá. Tuy nhiên, nếu Nhà thầu được xếp hạng thứ nhất ở nhiều gói thầu và thời gian huy động nhân sự để thực hiện các gói thầu này là trùng lặp, không bảo đảm huy động được đầy đủ nhân sự theo đúng tiến độ, yêu cầu của gói thầu Nhà thầu được lựa chọn một trong các gói thầu mà Nhà thầu xếp hạng thứ nhất.

STT	Họ và Tên	Vị trí công việc
1	<i>[Nhà thầu chọn nhân sự chủ chốt từ cơ sở dữ liệu của mình trên Hệ thống]</i>	<i>[ghi cụ thể vị trí công việc đảm nhận trong gói thầu]</i>
2		
...		

BẢNG LÝ LỊCH CHUYÊN MÔN CỦA NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

Thông tin nhân sự						Công việc hiện tại					
Stt	Tên	Căn cước công dân/Hộ chiếu	Vị trí	Ngày, tháng, năm sinh	Chứng chỉ/Trình độ chuyên môn	Tên người sử dụng lao động	Địa chỉ của người sử dụng lao động	Chức danh	Số năm làm việc cho người sử dụng lao động hiện tại	Người liên lạc (trưởng phòng/cán bộ phụ trách nhân sự)	Điện thoại/ Fax/ Email
1	[ghi tên nhân sự chủ chốt 1]										
2	[ghi tên nhân sự chủ chốt 2]										
...											
n	[ghi tên nhân sự chủ chốt n]										

Nhà thầu phải cung cấp tất cả các thông tin được yêu cầu và chuẩn bị tài liệu để đối chiếu (bản chụp được chứng thực các văn bằng, chứng chỉ có liên quan, kinh nghiệm chuyên môn được kê khai tại Mẫu 06C Chương IV) trong quá trình đối chiếu tài liệu.

Mẫu số 06C (Webform trên Hệ thống)

BẢNG KINH NGHIỆM CHUYÊN MÔN⁽¹⁾

STT	Tên nhân sự chủ chốt	Từ ngày	Đến ngày	Công ty/Dự án/Chức vụ/Hợp đồng/ Kinh nghiệm chuyên môn và quản lý có liên quan
1	[ghi tên nhân sự chủ chốt 1]
2				
...	...			

Ghi chú:

(1) Liệt kê theo trình tự thời gian quá trình công tác của chuyên gia, không cần liệt kê các công việc đã làm không phù hợp hoặc không liên quan với công việc đang yêu cầu.

Mẫu số 06D (Webform trên Hệ thống)**BẢNG KÊ KHAI THIẾT BỊ CHỦ YẾU**

Nhà thầu phải kê khai những thiết bị chủ yếu theo quy định tại điểm b Mục 2.2 Chương III và phải chứng minh khả năng sẵn sàng huy động các thiết bị này để tham gia thực hiện gói thầu. Thiết bị chủ yếu có thể thuộc sở hữu của Nhà thầu hoặc do Nhà thầu huy động. Trường hợp thiết bị chủ yếu mà Nhà thầu kê khai trong E-HSDT không đáp ứng yêu cầu, Chủ đầu tư cho phép Nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng thiết bị chủ yếu trong thời hạn phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp Nhà thầu không có thiết bị chủ yếu thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì Nhà thầu bị loại. Trường hợp Nhà thầu cố ý kê khai thiết bị chủ yếu không trung thực trong E-HSDT nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn Nhà thầu thì Nhà thầu không được thay thế thiết bị khác, E-HSDT của Nhà thầu bị loại và Nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

Trường hợp Nhà thầu tham dự nhiều gói thầu trong cùng khoảng thời gian và thiết bị của Nhà thầu đề xuất cho các gói thầu này trùng nhau thì E-HSDT của Nhà thầu vẫn được xem xét, đánh giá. Tuy nhiên, nếu Nhà thầu được xếp hạng thứ nhất ở nhiều gói thầu và thời gian huy động thiết bị để thực hiện các gói thầu này là trùng lặp, không bảo đảm huy động được đầy đủ thiết bị theo đúng tiến độ, yêu cầu của gói thầu thì Nhà thầu được lựa chọn một trong các gói thầu mà Nhà thầu xếp hạng thứ nhất.

Loại thiết bị		
Thông tin thiết bị	Tên nhà sản xuất	Đời máy (model)
	Công suất (*)	Năm sản xuất (*)
	Tính năng	Xuất xứ Số đăng ký/đăng kiểm (nếu có)
Hiện trạng	Địa điểm hiện tại của thiết bị	
	Thông tin về tình hình huy động, sử dụng thiết bị hiện tại	
Nguồn	Nêu rõ nguồn thiết bị <input type="checkbox"/> Sở hữu của Nhà thầu <input type="checkbox"/> Đi thuê <input type="checkbox"/> Cho thuê <input type="checkbox"/> Chế tạo đặc biệt	

Đối với các thiết bị không thuộc sở hữu của mình thì Nhà thầu phải kê khai thêm các thông tin dưới đây:

Chủ sở hữu	Tên chủ sở hữu
------------	----------------

	Địa chỉ chủ sở hữu	
	Số điện thoại	Tên và chức danh
	Số fax	Telex
Thông tin chi tiết về thỏa thuận thuê/cho thuê/chế tạo thiết bị cụ thể cho dự án		

Mẫu số 07 (Webform trên Hệ thống)**HỢP ĐỒNG CUNG CẤP DỊCH VỤ PHI TƯ VẤN KHÔNG HOÀN THÀNH DO LỖI CỦA NHÀ THẦU TRONG QUÁ KHỨ⁽¹⁾**

Tên Nhà thầu: _____

Ngày: _____

Tên thành viên của Nhà thầu liên danh (nếu có): _____

Các hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của Nhà thầu trong quá khứ theo quy định tại khoản 2.1 Mục 2 Chương III			
<input type="checkbox"/> Không có hoặc có 01 hợp đồng (cung cấp dịch vụ phi tư vấn) không hoàn thành do lỗi của Nhà thầu kể từ ngày 01 tháng 01 năm __ [ghi năm] theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc Mục 2.1 Chương III.			
<input type="checkbox"/> Có từ 02 hợp đồng trở lên (cung cấp dịch vụ phi tư vấn) không hoàn thành do lỗi của Nhà thầu tính từ ngày 01 tháng 01 năm __ [ghi năm] theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc Mục 2.1 Chương III.			
Năm	Phần việc hợp đồng không hoàn thành	Mô tả hợp đồng	Tổng giá trị hợp đồng (giá trị, loại đồng tiền, tỷ giá hối đoái, giá trị tương đương bằng VND)
		Mô tả hợp đồng: _____ Tên Chủ đầu tư: _____ Địa chỉ: _____ Nguyên nhân không hoàn thành hợp đồng: _____	

Ghi chú:

(1) Nhà thầu phải kê khai chính xác, trung thực các hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của Nhà thầu trong quá khứ. Trường hợp Chủ đầu tư, tổ chuyên gia phát hiện Nhà thầu có hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của Nhà thầu trong quá khứ mà không kê khai thì Nhà thầu được coi là có hành vi gian lận và E-HSDT của Nhà thầu sẽ bị loại. Trường hợp Nhà thầu liên danh thì từng thành viên của Nhà thầu liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

Mẫu số 08 (Webform trên Hệ thống)**TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA NHÀ THẦU⁽¹⁾**

Tên Nhà thầu: _____

Ngày: _____

Tên thành viên của Nhà thầu liên danh (nếu có): _____

Năm tài chính của Nhà thầu từ ngày ___ tháng ___ đến ngày ___ tháng ___ (Nhà thầu điền nội dung này)			
Số liệu tài chính trong các năm gần nhất theo yêu cầu của E-HSMT (Hệ thống tự động trích xuất trên cơ sở năm tài chính của Nhà thầu)			
	Năm 1:	Năm 2:	Năm 3:
Tổng tài sản			
Tổng nợ			
Giá trị tài sản ròng			
Doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT)			
Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT)⁽²⁾	<i>(Hệ thống tự động tính)</i>		
Lợi nhuận trước thuế			
Lợi nhuận sau thuế			

Ghi chú:

(1) Trường hợp Nhà thầu liên danh thì từng thành viên liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

(2) Để xác định doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT), Nhà thầu chia tổng doanh thu của các năm (không bao gồm thuế VAT) cho số năm dựa trên thông tin đã được cung cấp.

Doanh thu hằng năm được tính bằng tổng doanh thu trong báo cáo tài chính của năm đó (chưa bao gồm thuế VAT).

Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = tổng doanh thu từng năm (không bao gồm thuế VAT) theo yêu cầu của E-HSMT/số năm.

Trường hợp Nhà thầu mới thành lập không đủ số năm theo yêu cầu của E-HSMT thì Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên cơ sở số năm mà Nhà thầu có số liệu tài chính.

Doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được trích xuất từ hồ sơ năng lực của Nhà thầu. Trường hợp Nhà thầu nhận thấy doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT) trong hồ sơ năng lực của Nhà thầu chưa được Hệ thống cập nhật từ Hệ thống thuế điện tử và Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp thì Nhà thầu tự cập nhật thông tin về doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT) vào hồ sơ năng lực để tham dự thầu nhưng bảo đảm phù hợp với số liệu Nhà thầu đã kê khai trên Hệ thống Thuế điện tử tại thời điểm đóng thầu. Trong trường hợp này, Nhà thầu phải chuẩn bị các tài liệu để đối chiếu các thông tin mà Nhà thầu kê khai trong quá trình đối chiếu tài liệu như sau:

Bản sao các báo cáo tài chính (các bảng cân đối kế toán bao gồm tất cả thuyết minh có liên quan, và các báo cáo kết quả kinh doanh) cho các năm như đã nêu trên, tuân thủ các điều kiện sau:

1. Phản ánh tình hình tài chính của Nhà thầu hoặc thành viên liên danh (nếu là Nhà thầu liên danh) mà không phải tình hình tài chính của một chủ thể liên kết như công ty mẹ liên kết với công ty con hoặc công ty liên kết với Nhà thầu hoặc thành viên liên danh.

2. Các báo cáo tài chính phải hoàn chỉnh, đầy đủ nội dung theo quy định.

3. Các báo cáo tài chính phải tương ứng với các kỳ kế toán đã hoàn thành kèm theo bản chụp được chứng thực một trong các tài liệu sau đây:

- Biên bản kiểm tra quyết toán thuế;
- Tờ khai tự quyết toán thuế (thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp) có xác nhận của cơ quan thuế về thời điểm đã nộp tờ khai;
- Tài liệu chứng minh việc Nhà thầu đã kê khai quyết toán thuế điện tử;
- Văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế (xác nhận số nộp cả năm) về việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế;
- Báo cáo kiểm toán (nếu có);
- Các tài liệu khác.

Các tài liệu trên đây phải phù hợp với số liệu Nhà thầu đã kê khai trên Hệ thống Thuế điện tử tại thời điểm đóng thầu.

Mẫu số 09A (Webform trên Hệ thống)**PHẠM VI CÔNG VIỆC SỬ DỤNG NHÀ THẦU PHỤ⁽¹⁾**

STT	Tên Nhà thầu phụ⁽²⁾	Phạm vi công việc⁽³⁾	Khối lượng công việc⁽⁴⁾	Giá trị % ước tính⁽⁵⁾	Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với Nhà thầu phụ⁽⁶⁾
1					
2					
3					
4					
...					

Ghi chú:

(1) Trường hợp E-HSMT có quy định về việc sử dụng Nhà thầu phụ thì Nhà thầu kê khai theo Mẫu này. Đối với gói thầu của dự án thuộc lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tổ chức đấu thầu trong nước, Nhà thầu trong nước được sử dụng Nhà thầu phụ là Nhà thầu nước ngoài đối với phần công việc đặc thù mà Nhà thầu trong nước chưa thực hiện được hoặc cần chuyển giao công nghệ.

(2) Nhà thầu ghi cụ thể tên Nhà thầu phụ. Trường hợp khi tham dự thầu chưa xác định được cụ thể danh tính của Nhà thầu phụ thì không phải kê khai vào cột này mà chỉ kê khai vào cột “Phạm vi công việc”. Nếu Nhà thầu trúng thầu thì khi huy động Nhà thầu phụ thực hiện công việc đã kê khai phải được sự chấp thuận của Chủ đầu tư.

(3) Nhà thầu ghi cụ thể tên hạng mục công việc dành cho Nhà thầu phụ.

(4) Nhà thầu ghi cụ thể khối lượng công việc dành cho Nhà thầu phụ.

(5) Nhà thầu ghi cụ thể giá trị % công việc mà Nhà thầu phụ đảm nhận so với giá dự thầu.

(6) Nhà thầu ghi cụ thể số hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận và đính kèm bản scan các tài liệu này trong E-HSDT; trường hợp chưa xác định được tên Nhà thầu phụ thì để trống cột này.

Mẫu số 09B (Webform trên Hệ thống)**DANH SÁCH CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY THÀNH VIÊN
ĐẢM NHẬN PHẦN CÔNG VIỆC CỦA GÓI THẦU⁽¹⁾**

STT	Tên công ty con, công ty thành viên ⁽²⁾	Công việc đảm nhận trong gói thầu ⁽³⁾	Giá trị % so với giá dự thầu ⁽⁴⁾	Ghi chú
1				
2				
...				

Ghi chú:

(1) Trường hợp Nhà thầu tham dự thầu là công ty mẹ (ví dụ như Tổng công ty) huy động công ty con, công ty thành viên thực hiện một phần công việc của gói thầu thì phải kê khai cụ thể tại Mẫu này. Việc đánh giá kinh nghiệm của Nhà thầu căn cứ vào giá trị, khối lượng do công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên đảm nhận trong gói thầu. Trường hợp Nhà thầu tham dự thầu không phải là công ty mẹ thì không áp dụng Mẫu này.

(2) Ghi cụ thể tên công ty con, công ty thành viên.

(3) Ghi cụ thể phần công việc đảm nhận của công ty con, công ty thành viên.

(4) Ghi cụ thể giá trị % công việc của công ty con, công ty thành viên đảm nhận so với giá dự thầu.

Mẫu số 10A (Webform trên Hệ thống)**BẢNG TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN**

*(áp dụng đối với loại hợp đồng trọn gói, hợp đồng theo kết quả đầu ra,
hợp đồng theo đơn giá cố định, hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh)*

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ do Nhà thầu đề xuất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)

Ghi chú:

- Các cột từ (1) đến (7): Hệ thống trích xuất.
- Cột (8): Nhà thầu điền

Mẫu số 10B (Webform trên Hệ thống)

BẢNG TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN
(áp dụng đối với loại hợp đồng theo tỷ lệ phần trăm)

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Giá trị công trình xây dựng/hạng mục công trình	Thời gian bảo hiểm	Thời gian bảo hiểm do Nhà thầu đề xuất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)

Ghi chú:

- Các cột từ (1) đến (5): Hệ thống trích xuất theo Mẫu số 01D.
- Cột (6): Nhà thầu điền

Mẫu số 10C (Webform trên Hệ thống)

BẢNG TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN^(*)
(áp dụng đối với loại hợp đồng theo thời gian)

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu/ngày (tháng)	Số ngày/tháng thực hiện	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày bắt đầu thực hiện dịch vụ <i>[ghi số ngày: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc kể từ ngày Chủ đầu tư yêu cầu thực hiện dịch vụ đối với trường hợp thực hiện dịch vụ lặp lại nhiều lần]</i>	Ngày bắt đầu thực hiện dịch vụ muộn nhất <i>[ghi số ngày: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc kể từ ngày Chủ đầu tư yêu cầu thực hiện dịch vụ đối với trường hợp thực hiện dịch vụ lặp lại nhiều lần]</i>	Ngày bắt đầu thực hiện dịch vụ do Nhà thầu đề xuất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)

Ghi chú:

- Các cột từ (1) đến (9): Hệ thống trích xuất theo Mẫu số 01E.
- Cột (10): Nhà thầu điền

() Ngày bắt đầu thực hiện dịch vụ do Nhà thầu đề xuất phải nằm trong khoảng thời gian yêu cầu. Nhà thầu đề xuất thời gian bắt đầu thực hiện dịch vụ sớm hơn ngày bắt đầu thực hiện dịch vụ thì không được tính ưu tiên và không bị loại, trừ trường hợp yêu cầu kỹ thuật có quy định khác. Nhà thầu đề xuất thời gian bắt đầu thực hiện dịch vụ muộn hơn khoảng thời gian này thì E-HSDT của Nhà thầu sẽ bị loại.*

Ghi chú:

- Các cột từ (1) đến (7) Mục I, II, III; các cột từ (1) đến (9) Mục IV: Hệ thống trích xuất theo Mẫu số 01G Chương IV;
- Cột (8) Mục I, II, III; cột (10) Mục IV: Nhà thầu điện

() Ngày bắt đầu thực hiện dịch vụ do Nhà thầu đề xuất phải nằm trong khoảng thời gian yêu cầu. Nhà thầu đề xuất thời gian bắt đầu thực hiện dịch vụ sớm hơn ngày bắt đầu thực hiện dịch vụ thì không được tính ưu tiên và không bị loại, trừ trường hợp yêu cầu kỹ thuật có quy định khác. Nhà thầu đề xuất thời gian bắt đầu thực hiện dịch vụ muộn hơn khoảng thời gian này thì E-HSDT của Nhà thầu sẽ bị loại.*

Mẫu số 11A (Webform trên Hệ thống)**BẢNG GIÁ DỰ THẦU***(áp dụng đối với loại hợp đồng trọn gói, hợp đồng theo kết quả đầu ra)*

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Đơn giá	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(4)x(6)
1						
2						
...						
Tổng cộng: <i>[Hệ thống tự tính]</i>						

Ghi chú:

- Các cột từ (1) đến (5): Hệ thống trích xuất.
- Cột (6): Nhà thầu điền đơn giá cho tất cả các hạng mục công việc. Đơn giá Nhà thầu chào bao gồm các chi phí cần thiết để thực hiện gói thầu, trong đó bao gồm các chi phí thuế, phí, lệ phí, chi phí dự phòng (nếu có). Khi tham dự thầu, Nhà thầu phải chịu trách nhiệm tìm hiểu, tính toán và chào đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định.
- Cột (7): Hệ thống tự tính.

Mẫu số 11B (Webform trên Hệ thống)

BẢNG GIÁ DỰ THẦU
(áp dụng đối với loại hợp đồng theo đơn giá cố định)

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Đơn giá	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(4)x(6)
I	Các hạng mục					A=A1+A2+...
1	Hạng mục 1					A1
2	Hạng mục 2					A2
...
II	Chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh		b1%			B1 = b1% x A
Tổng hợp giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))						A+B1

Ghi chú:

- Các cột từ (1) đến (5): Hệ thống trích xuất.

- Cột (6): Nhà thầu điền đơn giá cho tất cả các hạng mục công việc. Đơn giá Nhà thầu chào bao gồm các chi phí cần thiết để thực hiện gói thầu, trong đó bao gồm các chi phí thuế, phí, lệ phí (nếu có). Khi tham dự thầu, Nhà thầu phải chịu trách nhiệm tìm hiểu, tính toán và chào đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định.

- Cột (7): Hệ thống tự tính.

Mẫu số 11C (Webform trên Hệ thống)

BẢNG GIÁ DỰ THẦU
(áp dụng đối với loại hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh)

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Đơn giá	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(4)x(6)
I	Các hạng mục					A=A1+A2+...
1	Hạng mục 1					A1
2	Hạng mục 2					A2
...
II	Chi phí dự phòng (dự phòng khối lượng phát sinh, trượt giá)		b2%			B2 = b2% x A
Tổng hợp giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))						A+B2

Ghi chú:

- Các cột từ (1) đến (5): Hệ thống trích xuất.
- Cột (6): Nhà thầu điền đơn giá cho tất cả các hạng mục công việc. Đơn giá Nhà thầu chào bao gồm các chi phí cần thiết để thực hiện gói thầu, trong đó bao gồm các chi phí thuế, phí, lệ phí (nếu có). Khi tham dự thầu, Nhà thầu phải chịu trách nhiệm tìm hiểu, tính toán và chào đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định.
- Cột (7): Hệ thống tự tính.

- Trong quá trình khai thác có thể phát sinh các cung độ vận chuyển khác nằm ngoài phạm vi cung độ đã tiên lượng. Vì vậy cùng với bản tổng hợp giá chào nêu trên, Nhà thầu chào giá thêm cho công việc vận chuyển có cung độ khác nhau theo Mẫu số 11C1 để làm cơ sở cho việc thực hiện và nghiệm thu thanh toán sau này.

- Đơn giá chào tại cột (6) tại Mẫu số 11C được Nhà thầu tính toán xác định từ bảng phân tích chi tiết đơn giá tại Mẫu số 11C2.

- Do Webform trên Hệ thống chỉ cho phép đăng tải Mẫu số 11C - BẢNG GIÁ DỰ THẦU, vì vậy để thuận tiện việc thực hiện, nghiệm thu thanh toán và điều chỉnh đơn giá sau này (theo quy định mục 1, Điều 5, Chương VI - Biểu mẫu hợp đồng) Nhà thầu phân tích chi tiết đơn giá theo Mẫu số 11C2 và đơn giá chào thêm cho công việc vận chuyển có cung độ khác nhau theo Mẫu số 11C1 được scan và đính kèm khi nộp E-HSDT. Trường hợp không đính kèm Bên mời thầu sẽ yêu cầu làm rõ, bổ sung trong quá trình làm rõ E-HSDT.

Mẫu số 11C1 (Scan đính kèm theo E-HSDT)
BẢNG CHÀO ĐƠN GIÁ CÔNG VIỆC VẬN CHUYỂN CHO CÁC
CUNG ĐỘ KHÁC

ĐVT: VND

STT	Nội dung công việc	Đvt	Đơn giá trước thuế	Đơn giá bao gồm thuế GTGT 8%
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
I	<i>Vận chuyển quặng nguyên khai</i>			
1	Vận chuyển quặng nguyên khai cung độ 0,1 km	T.km		
2	Vận chuyển quặng nguyên khai cung độ 0,2 km	T.km		
3	Vận chuyển quặng nguyên khai cung độ 0,3 km	T.km		
4	Vận chuyển quặng nguyên khai cung độ 0,4 km	T.km		
5	Vận chuyển quặng nguyên khai cung độ 0,5 km	T.km		
6	Vận chuyển quặng nguyên khai cung độ 0,6 km	T.km		
7	Vận chuyển quặng nguyên khai cung độ 0,7 km	T.km		
8	Vận chuyển quặng nguyên khai cung độ 0,8 km	T.km		
9	Vận chuyển quặng nguyên khai cung độ 0,9 km	T.km		
10	Vận chuyển quặng nguyên khai cung độ 1,0 km	T.km		
11	Vận chuyển quặng nguyên khai cung độ 1,1 km	T.km		
12	Vận chuyển quặng nguyên khai cung độ 1,2 km	T.km		
13	Vận chuyển quặng nguyên khai cung độ 1,3 km	T.km		
14	Vận chuyển quặng nguyên khai cung độ 1,4 km	T.km		
15	Vận chuyển quặng nguyên khai cung độ 1,5 km	T.km		
16	Vận chuyển quặng nguyên khai cung độ 1,6 km	T.km		
17	Vận chuyển quặng nguyên khai cung độ 1,7 km	T.km		
18	Vận chuyển quặng nguyên khai cung độ 1,8 km	T.km		
19	Vận chuyển quặng nguyên khai cung độ 1,9 km	T.km		
20	Vận chuyển quặng nguyên khai cung độ 2,0 km	T.km		
21	Vận chuyển quặng nguyên khai cung độ 2,5 km	T.km		
22	Vận chuyển quặng nguyên khai cung độ 3,0 km	T.km		
23	Vận chuyển quặng nguyên khai cung độ 3,5 km	T.km		
24	Vận chuyển quặng nguyên khai cung độ 4,0 km	T.km		

STT	Nội dung công việc	Đvt	Đơn giá trước thuế	Đơn giá bao gồm thuế GTGT 8%
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
25	Vận chuyên quặng nguyên khai cung độ 4,5 km	T.km		
26	Vận chuyên quặng nguyên khai cung độ 5,0 km	T.km		
27	Vận chuyên quặng nguyên khai cung độ 5,5 km	T.km		
28	Vận chuyên quặng nguyên khai cung độ 6,0 km	T.km		
29	Vận chuyên quặng nguyên khai cung độ 6,5 km	T.km		
30	Vận chuyên quặng nguyên khai cung độ 7,0 km	T.km		
31	Vận chuyên quặng nguyên khai cung độ 7,5 km	T.km		
32	Vận chuyên quặng nguyên khai cung độ 8,0 km	T.km		
II	<i>Vận chuyển đất phủ, đất trụ, đất công nghệ</i>			
1	Vận chuyển đất phủ, đất trụ, đất công nghệ cung độ 0,1 km	T.km		
2	Vận chuyển đất phủ, đất trụ, đất công nghệ cung độ 0,2 km	T.km		
3	Vận chuyển đất phủ, đất trụ, đất công nghệ cung độ 0,3 km	T.km		
4	Vận chuyển đất phủ, đất trụ, đất công nghệ cung độ 0,4 km	T.km		
5	Vận chuyển đất phủ, đất trụ, đất công nghệ cung độ 0,5 km	T.km		
6	Vận chuyển đất phủ, đất trụ, đất công nghệ cung độ 0,6 km	T.km		
7	Vận chuyển đất phủ, đất trụ, đất công nghệ cung độ 0,7 km	T.km		
8	Vận chuyển đất phủ, đất trụ, đất công nghệ cung độ 0,8 km	T.km		
9	Vận chuyển đất phủ, đất trụ, đất công nghệ cung độ 0,9 km	T.km		
10	Vận chuyển đất phủ, đất trụ, đất công nghệ cung độ 1,0 km	T.km		
11	Vận chuyển đất phủ, đất trụ, đất công nghệ cung độ 1,1 km	T.km		
12	Vận chuyển đất phủ, đất trụ, đất công nghệ cung độ 1,2 km	T.km		
13	Vận chuyển đất phủ, đất trụ, đất công nghệ cung độ 1,3 km	T.km		

STT	Nội dung công việc	Đvt	Đơn giá trước thuế	Đơn giá bao gồm thuế GTGT 8%
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
14	Vận chuyển đất phủ, đất trụ, đất công nghệ cung độ 1,4 km	T.km		
15	Vận chuyển đất phủ, đất trụ, đất công nghệ cung độ 1,5 km	T.km		
16	Vận chuyển đất phủ, đất trụ, đất công nghệ cung độ 1,6 km	T.km		
17	Vận chuyển đất phủ, đất trụ, đất công nghệ cung độ 1,7 km	T.km		
18	Vận chuyển đất phủ, đất trụ, đất công nghệ cung độ 1,8 km	T.km		
19	Vận chuyển đất phủ, đất trụ, đất công nghệ cung độ 1,9 km	T.km		
20	Vận chuyển đất phủ, đất trụ, đất công nghệ cung độ 2,0 km	T.km		

Đại diện hợp pháp của Nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

- Đơn giá chào tại cột (4), (5) phải bao gồm toàn bộ các chi phí cần thiết để thực hiện các công việc. Đơn giá chào tại cột (4), (5) được Nhà thầu tính toán xác định từ bảng phân tích chi tiết đơn giá tại Mẫu số 11C2 Đính kèm cùng E-HSDT (trường hợp không đính kèm Bên mời thầu sẽ yêu cầu làm rõ, bổ sung đính kèm) sau khi mở E-HSDT

- Nhà thầu trúng thầu phải thỏa mãn Đơn giá chào tại cột (4), (5) bằng hoặc thấp hơn đơn giá dự toán được phê duyệt. Trường hợp Đơn giá chào tại cột (4), (5) Nhà thầu chào cao hơn dự toán thì sẽ xem xét thương thảo bằng đơn giá dự toán được phê duyệt (trong bước hoàn thiện hợp đồng).

Mẫu số 11C2 (Scan đính kèm theo E-HSDT)**BẢNG PHÂN TÍCH CHI TIẾT ĐƠN GIÁ**

(bao gồm bảng phân tích đơn giá dự thầu tại mẫu số 11C và bảng phân tích đơn giá cho các cung độ vận chuyển khác tại mẫu số 11C1)

ĐVT: VND

Tt	Nội dung công việc	Đvt	Chi phí nhiên liệu			Chi phí khác	Đơn giá tổng hợp trước thuế	Đơn giá tổng hợp đã bao gồm thuế GTGT 08%	% chi phí nhiên liệu trong đơn giá
			Tiêu hao	Đơn giá	Thành tiền				
(a)	(b)	(c)	(1)	(2)	(3=[1]*[2])	(4)	(5=[3]+[4])	(6= [5]+[5]*8%)	(7=[3]/[5])
I	Hạng mục 1								
1	Công việc 1			18.750					
2	Công việc 2			18.750					
....	Công việc			18.750					
II	Hạng mục 2								
1	Công việc 1			18.750					
2	Công việc 2			18.750					
....	Công việc			18.750					
...	Hạng mục ...								
1	Công việc 1			18.750					
2	Công việc 2			18.750					
....	Công việc			18.750					

Đại diện hợp pháp của Nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

- Các đơn giá số học được định dạng (=ROUND(số học;0));
- Nhà thầu phải phân tích chi tiết chi phí cấu thành đơn giá chào (đã bao gồm thuế GTGT) cho một đơn vị khối lượng tương ứng cho từng loại công việc như bảng nêu trên làm cơ sở xác định đơn giá chào tại cột (6) trong Mẫu số 11C và

cột (4), (5) trong Mẫu số 11C1. Đính kèm cùng E-HSĐT (trường hợp không đính kèm Bên mời thầu sẽ yêu cầu làm rõ, bổ sung đính kèm) sau khi mở E-HSĐT

- Yếu tố chi phí nhiên liệu Nhà thầu đề xuất tại cột (1,2,3) được Nhà thầu tính toán xác định với giá nhiên liệu theo yêu cầu của thư mời báo giá và đồng nhất giá nhiên liệu cho toàn bộ thiết bị cơ giới là Ô tô vận chuyên, máy xúc, máy gạt, thiết bị khác... phục vụ công việc khai thác trong phạm vi gói cung cấp. Cụ thể đơn giá Dầu DO 0,05S - II vùng 2 là **18.750 đồng/lít** (đơn giá chưa bao gồm thuế GTGT).

- Yếu tố chi phí khác Nhà thầu đề xuất tại cột (4) phải bao gồm toàn bộ các chi phí: Vật liệu, tiền lương, bảo hiểm, khấu hao và các loại chi phí khác....

- Các yếu tố chi phí cấu thành đơn giá cho từng công việc ở bảng trên do Nhà thầu tự cân đối tính toán xác định. Tuy nhiên, đây là loại hợp đồng điều chỉnh giá khi giá nhiên liệu thay đổi với giá nhiên liệu gốc của Hợp đồng nên để đảm bảo phản ánh đúng bản chất cơ cấu chi phí và việc điều chỉnh đơn giá hợp đồng được hợp lý, yếu tố chi phí nhiên liệu (tại cột 1,2,3) do Nhà thầu chào cho các công việc phải đảm bảo tỷ trọng so với đơn giá tổng hợp (tại cột 5) không được vượt mức tối đa đối với các nhóm công việc như sau:

- + Công tác xúc quặng nguyên khai dạng rời: Tối đa 54%;
- + Công tác xúc quặng kết tảng: Tối đa 54%;
- + Công tác xúc đất phủ, đất trụ, đất công nghệ làm đường, tách nước mỏ: Tối đa 54%;
- + Công tác gạt: Tối đa 34%;
- + Công tác vận chuyên (trung bình từ 0,1-1 Km): Tối đa (30-42)%.
- + Công tác vận chuyên (trung bình từ 1,1-2 Km): Tối đa (42-46)%.
- + Công tác vận chuyên (trung bình từ 2,1-3 Km): Tối đa (47-50)%.
- + Công tác vận chuyên (trung bình từ 3,2-8 Km): Tối đa (50-54)%.

- Nhà thầu trúng thầu phải thỏa mãn Đơn giá chào tại cột (5), (6) bằng hoặc thấp hơn đơn giá dự toán được phê duyệt (chi tiết như Dự toán đính kèm theo E-HSMT). Trường hợp Đơn giá chào tại cột (5), (6) Nhà thầu chào cao hơn dự toán thì sẽ xem xét thương thảo bằng đơn giá dự toán được phê duyệt (trong bước hoàn thiện hợp đồng).

Mẫu số 11D (Webform trên Hệ thống)

BẢNG GIÁ DỰ THẦU
(áp dụng đối với loại hợp đồng theo tỷ lệ phần trăm)

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Giá trị công trình xây dựng/hạng mục công trình	Thời gian bảo hiểm	Tỷ lệ phí bảo hiểm (%)	Phí bảo hiểm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(4)x(6)
1	Hạng mục 1					A1
2	Hạng mục 2					A2
...
Tổng hợp giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))						A=A1+A2+...

Ghi chú:

- Các cột (2), (3), (4), (5): Hệ thống trích xuất.
- Cột (6): Nhà thầu điền
- Cột (7): Hệ thống tự tính.

Mẫu số 11E (Webform trên Hệ thống)

BẢNG GIÁ DỰ THẦU
(áp dụng đối với loại hợp đồng theo thời gian)

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu/ngày (tháng)	Số ngày/tháng thực hiện	Đơn vị tính	Đơn giá theo ngày (tháng)	Thành tiền	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(4)x(5)x(7)	
I	Các hạng mục						A=A1+A2+...	
1	Hạng mục 1						A1	
2	Hạng mục 2						A2	
...	
II	Chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh theo thời gian		b3%				B3 = b3% x A	
Tổng hợp giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))								A+B3

Ghi chú:

- Các cột từ (1) đến (6): Hệ thống trích xuất.

- Cột (7): Nhà thầu điền đơn giá theo ngày (tháng) cho hạng mục công việc. Đơn giá Nhà thầu chào bao gồm các chi phí cần thiết để thực hiện gói thầu, trong đó bao gồm các chi phí thuế, phí, lệ phí (nếu có). Khi tham dự thầu, Nhà thầu phải chịu trách nhiệm tìm hiểu, tính toán và chào đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định.

- Cột (8): Hệ thống tự tính.

Mẫu số 11G (Webform trên Hệ thống)

BẢNG GIÁ DỰ THẦU
(áp dụng đối với loại hợp đồng hỗn hợp)

I. Các hạng mục áp dụng loại hợp đồng trọn gói, hợp đồng theo kết quả đầu ra

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Đơn giá	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(4)x(6)
1						
2						
...						
Tổng cộng: [Hệ thống tự tính]						X1

II. Các hạng mục áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá cố định

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Đơn giá	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(4)x(6)
I	Các hạng mục					A=A1+A2+...
1	Hạng mục 1					A1
2	Hạng mục 2					A2
...
II	Chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh		b1%			B1 = b1% x A
Tổng cộng: [Hệ thống tự tính]						X2=A+B1

III. Các hạng mục áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Đơn giá	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(4)x(6)
I	Các hạng mục					$A=A1+A2+...$
1	Hạng mục 1					A1
2	Hạng mục 2					A2
...
II	Chi phí dự phòng (dự phòng khối lượng phát sinh, trượt giá)		b2%			$B2 = b2\% \times A$
Tổng cộng: [Hệ thống tự tính]						$X3=A+B2$

IV. Các hạng mục áp dụng loại hợp đồng theo thời gian

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu/ngày (tháng)	Số ngày/tháng thực hiện	Đơn vị tính	Đơn giá theo ngày (tháng)	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(4)x(5)x(7)
I	Các hạng mục						$A=A1+A2+...$
1	Hạng mục 1						A1
2	Hạng mục 2						A2
...
II	Chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh theo thời gian			b3%			$B3 = b3\% \times A$
Tổng hợp giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))							$X4=A+B3$

V. Tổng hợp giá dự thầu

STT	Các hạng mục	Thành tiền
I	Các hạng mục áp dụng loại hợp đồng trọn gói, hợp đồng theo kết quả đầu ra	X1
II	Các hạng mục áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá cố định	X2
III	Các hạng mục áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh	X3
IV	Các hạng mục áp dụng loại hợp đồng theo thời gian	X4
	Tổng cộng (Trích xuất ra giá dự thầu)	$X=X1+X2+X3+X4$

Ghi chú:

- Các cột từ (1) đến (5) của Mục I, II, III; các cột từ (1) đến (6) của Mục IV: Hệ thống trích xuất.
- Cột (6) của Mục I, II, III; cột (7) của Mục IV: Nhà thầu điền đơn giá cho tất cả các hạng mục công việc. Đơn giá Nhà thầu chào bao gồm các chi phí cần thiết để thực hiện gói thầu, trong đó bao gồm các chi phí thuế, phí, lệ phí (nếu có). Khi tham dự thầu, Nhà thầu phải chịu trách nhiệm tìm hiểu, tính toán và chào đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định.
- Cột (7) của Mục I, II, III; cột (8) của Mục IV: Hệ thống tự tính.

Mẫu số 12 (webform trên Hệ thống)**BẢNG KÊ KHAI DỊCH VỤ ĐƯỢC HƯỞNG ƯU ĐÃI**

Nhà thầu chỉ được hưởng ưu đãi đối với các nội dung mà Nhà thầu kê khai theo bảng dưới đây. Trường hợp Nhà thầu không tích chọn thì không được hưởng ưu đãi về nội dung này.

Nội dung	Có	Không
Nhà thầu là doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo⁽¹⁾	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Dịch vụ là sản phẩm đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo quy định tại khoản 4 Điều 6 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP mà sản phẩm lần đầu được sản xuất và đủ điều kiện để đưa ra thị trường trong 6 năm gần đây⁽²⁾	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Ghi chú:

(1), (2): Nhà thầu đánh dấu vào ô tương ứng. Trường hợp Nhà thầu tích chọn vào “Có” nội dung (1) thì Hệ thống cho phép Nhà thầu chọn nội dung (2).

Trường hợp Nhà thầu tích chọn “Có” thì Nhà thầu phải đính kèm tài liệu chứng minh trong E-HSDT.

PHẦN 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

CHƯƠNG V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

1. Giới thiệu chung về gói thầu:

1.1. Tổng quan:

- *Giới thiệu về mỏ bauxit khu Tây Tân Rai – Lâm Đồng:*

Mỏ bauxit Tân Rai có diện tích 1.619,5ha được Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp phép tại Giấy phép khoáng sản số 1084/GP-BTNMT ngày 21/6/2010.

Ngày 06/12/2010 Hội đồng thành viên Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam đã có Quyết định số 2831/QĐ-HĐTV về việc Giao thầu quản lý và bảo vệ ranh giới mỏ, tài nguyên trữ lượng bauxit và tổ chức khai thác cho Công ty TNHH MTV nhôm Lâm Đồng - Vinacomin;

Trữ lượng khai thác của Mỏ là 119.361.000 tấn, bao gồm 02 thân quặng: Thân quặng I: 464,8 ha; Thân quặng II: 1.154,7 ha. Hiện tại Công ty đang khai thác trong thân quặng II.

Thân quặng khai thác phân bố đều ở 2 diện là Phần đỉnh Plato và phần sườn Plato nên tuyến đường vận chuyển tương đối dốc, độ dốc trung bình toàn tuyến (1-:3)% , cục bộ có đoạn lên dốc và xuống dốc.

- *Một số đặc điểm của quặng và đường vận chuyển (theo thiết kế mỏ):*

+ Thể trọng quặng nguyên khối tại vỉa trung bình là 1,71 tấn/m³.

+ Thể trọng đất phủ nguyên khối tại vỉa là 1,34 tấn/m³.

+ Thể trọng đất công nghệ làm đường (đất trụ) nguyên khối tại vỉa là 1,68 tấn/m³.

+ Địa hình khu vực khai thác tại phần đỉnh có độ dốc trung bình $\leq 15^{\circ}$, tại phần sườn có độ dốc trung bình $> 15^{\circ}$. Bề mặt khu vực khai thác có các cây công nghiệp (chè, cà phê), hoặc cây bụi, cỏ dại có chiều cao khoảng 1,5÷2,5m.

+ Cấu trúc địa chất đối với thân quặng Bauxit: Trên cùng là lớp đất phủ dày trung bình (0,3÷1,5m) có cỏ cây trên bề mặt địa hình, kê dưới lớp đất phủ là lớp quặng Bauxit dày trung bình (1,0÷5,0m) và dưới cùng là lớp đất trụ (phần lớn là lớp sét litoma).

+ Quặng kết tảng tại Mỏ là loại quặng cứng nhưng cường độ kháng nén không cao, có thể làm tơi bằng máy xúc thuyê lực gàu ngược (TLGN) tại những nơi có chiều dày lớp quặng kết tảng nhỏ.

+ Đường vận tải là đường đất, mùa mưa lầy lội một số đoạn; độ dốc dọc tuyến đường trung bình $\leq 5\%$, cục bộ $\leq 13\%$.

1.2. Phạm vi công việc:

Tổng hợp nội dung công việc và khối lượng thực hiện thuộc gói thầu này chi tiết như bảng tiên lượng dưới đây. Nhà thầu căn cứ theo bảng tiên lượng này

để xây dựng đơn giá và chi phí tham dự thầu.

Stt	Nội dung công việc	Đvt	Khối lượng/Chỉ tiêu	
			Khối lượng	Cung độ (km)
I	Công tác xúc:			
1	Xúc đất phủ	m ³	702.555	
2	Xúc đất trụ, đất công nghệ làm đường	m ³	56.060	
3	Xúc đất trụ, đất công nghệ tách nước mở	m ³	122.800	
4	Xúc quặng nguyên khai:	tấn	5.135.000	
4.1	Xúc quặng nguyên khai dạng rời	tấn	5.073.000	
-	<i>Xúc quặng nguyên khai dạng rời (tại khai trường)</i>	<i>tấn</i>	<i>4.238.000</i>	
-	<i>Xúc quặng nguyên khai dạng rời (tại kho)</i>	<i>tấn</i>	<i>835.000</i>	
4.2	Xúc quặng kết tảng	tấn	62.000	
II	Công tác vận chuyển			
1	Vận chuyển đất phủ (hoàn thổ)	Tkm	577.904	0,61
2	Vận chuyển đất trụ, đất công nghệ	Tkm	47.090	0,50
3	Vận chuyển quặng nguyên khai (từ khai trường)	Tkm	20.957.938	4,87
4	Vận chuyển quặng nguyên khai (từ kho vào bunke)	Tkm	250.500	0,30
III	Công tác gạt phụ trợ:			
1	Gạt gom đất phủ	m ³	210.767	
2	Gạt phẩm cấp mặt vách	m ³	129.586	
3	Gạt phẩm cấp quặng giáp mặt trụ	m ³	185.550	
4	Gạt đất hoàn thổ, đổ thải	m ³	245.894	
5	Gạt kho quặng nguyên khai	m ³	163.743	
6	Gạt đất trụ, đất công nghệ làm đường	m ³	23.209	

Khối lượng nêu trên là dự kiến, trong quá trình thực hiện hợp đồng Bên mời thầu có quyền thay đổi so với tiên lượng nêu trên.

Cung độ vận chuyển trong bảng trên là cung độ trung bình của diện cả năm, tuy nhiên trong quá trình thực hiện sẽ có các diện cụ thể tại các khu vực khai thác khác nhau nên sẽ có sự thay đổi về tuyến đường vận chuyển và thay đổi về cung độ vận chuyển. Vì vậy cùng với việc chào giá cho gói thầu theo bảng tiên lượng nêu trên, Nhà thầu chào giá thêm về các công việc vận chuyển có thể phát sinh theo các cung độ dưới đây (chi tiết biểu mẫu chào, cách xác định đơn giá như Mẫu số 11C1 và Mẫu số 11C2 của E-HSMT kèm theo).

Stt	Nội dung	Đvt	Ghi chú
I	Vận chuyển quặng nguyên khai		
1	Vận chuyển quặng nguyên khai Cung độ 0,10 km	Tkm	
2	Vận chuyển quặng nguyên khai Cung độ 0,20 km	Tkm	
3	Vận chuyển quặng nguyên khai Cung độ 0,30 km	Tkm	
4	Vận chuyển quặng nguyên khai Cung độ 0,40 km	Tkm	
5	Vận chuyển quặng nguyên khai Cung độ 0,50 km	Tkm	
6	Vận chuyển quặng nguyên khai Cung độ 0,60 km	Tkm	
7	Vận chuyển quặng nguyên khai Cung độ 0,70 km	Tkm	
8	Vận chuyển quặng nguyên khai Cung độ 0,80 km	Tkm	
9	Vận chuyển quặng nguyên khai Cung độ 0,90 km	Tkm	
10	Vận chuyển quặng nguyên khai Cung độ 1,00 km	Tkm	
11	Vận chuyển quặng nguyên khai Cung độ 1,10 km	Tkm	
12	Vận chuyển quặng nguyên khai Cung độ 1,20 km	Tkm	
13	Vận chuyển quặng nguyên khai Cung độ 1,30 km	Tkm	
14	Vận chuyển quặng nguyên khai Cung độ 1,40 km	Tkm	
15	Vận chuyển quặng nguyên khai Cung độ 1,50 km	Tkm	
16	Vận chuyển quặng nguyên khai Cung độ 1,60 km	Tkm	
17	Vận chuyển quặng nguyên khai Cung độ 1,70 km	Tkm	
18	Vận chuyển quặng nguyên khai Cung độ 1,80 km	Tkm	
19	Vận chuyển quặng nguyên khai Cung độ 1,90 km	Tkm	
20	Vận chuyển quặng nguyên khai Cung độ 2,00 km	Tkm	
21	Vận chuyển quặng nguyên khai Cung độ 2,50 km	Tkm	
22	Vận chuyển quặng nguyên khai Cung độ 3,00 km	Tkm	
23	Vận chuyển quặng nguyên khai Cung độ 3,50 km	Tkm	
24	Vận chuyển quặng nguyên khai Cung độ 4,00 km	Tkm	
25	Vận chuyển quặng nguyên khai Cung độ 4,50 km	Tkm	
26	Vận chuyển quặng nguyên khai Cung độ 5,00 km	Tkm	
27	Vận chuyển quặng nguyên khai Cung độ 5,50 km	Tkm	
28	Vận chuyển quặng nguyên khai Cung độ 6,00 km	Tkm	
29	Vận chuyển quặng nguyên khai Cung độ 6,50 km	Tkm	
20	Vận chuyển quặng nguyên khai Cung độ 7,00 km	Tkm	
31	Vận chuyển quặng nguyên khai Cung độ 7,50 km	Tkm	
32	Vận chuyển quặng nguyên khai Cung độ 8,00 km	Tkm	
II	Vận chuyển đất phủ, đất trụ, đất công nghệ		
1	Vận chuyển đất phủ, đất trụ, đất công nghệ Cung độ 0,10 km	Tkm	
2	Vận chuyển đất phủ, đất trụ, đất công nghệ Cung độ 0,20 km	Tkm	
3	Vận chuyển đất phủ, đất trụ, đất công nghệ Cung độ 0,30 km	Tkm	
4	Vận chuyển đất phủ, đất trụ, đất công nghệ Cung độ 0,40 km	Tkm	
5	Vận chuyển đất phủ, đất trụ, đất công nghệ Cung độ 0,50 km	Tkm	
6	Vận chuyển đất phủ, đất trụ, đất công nghệ Cung độ 0,60 km	Tkm	

Stt	Nội dung	Đvt	Ghi chú
7	Vận chuyển đất phủ, đất trụ, đất công nghệ Cung độ 0,70 km	Tkm	
8	Vận chuyển đất phủ, đất trụ, đất công nghệ Cung độ 0,80 km	Tkm	
9	Vận chuyển đất phủ, đất trụ, đất công nghệ Cung độ 0,90 km	Tkm	
10	Vận chuyển đất phủ, đất trụ, đất công nghệ Cung độ 1,00 km	Tkm	
11	Vận chuyển đất phủ, đất trụ, đất công nghệ Cung độ 1,10 km	Tkm	
12	Vận chuyển đất phủ, đất trụ, đất công nghệ Cung độ 1,20 km	Tkm	
13	Vận chuyển đất phủ, đất trụ, đất công nghệ Cung độ 1,30 km	Tkm	
14	Vận chuyển đất phủ, đất trụ, đất công nghệ Cung độ 1,40 km	Tkm	
15	Vận chuyển đất phủ, đất trụ, đất công nghệ Cung độ 1,50 km	Tkm	
16	Vận chuyển đất phủ, đất trụ, đất công nghệ Cung độ 1,60 km	Tkm	
17	Vận chuyển đất phủ, đất trụ, đất công nghệ Cung độ 1,70 km	Tkm	
18	Vận chuyển đất phủ, đất trụ, đất công nghệ Cung độ 1,80 km	Tkm	
19	Vận chuyển đất phủ, đất trụ, đất công nghệ Cung độ 1,90 km	Tkm	
20	Vận chuyển đất phủ, đất trụ, đất công nghệ Cung độ 2,00 km	Tkm	

2. Yêu cầu thực hiện phương án:

Hàng quý, tháng Bên mời thầu sẽ có công văn thông báo sản lượng kế hoạch trong kỳ kế tiếp, khi có sự thay đổi trong quá trình sản xuất dẫn đến phải điều chỉnh kế hoạch tổ chức khai thác dẫn đến thay đổi kế hoạch khai thác, Bên mời thầu sẽ có thông báo bằng văn bản làm cơ sở thực hiện.

- Duy trì ông tác bóc phủ tạo diện để khai thác quặng, duy trì công tác khai thác quặng đảm bảo cấp đủ quặng cho dây chuyền sản xuất Nhà máy Tuyển để vận hành ổn định trong cả năm.

- Công tác triển khai bóc phủ, làm đường, khai thác quặng nguyên khai được thực hiện liên tục 03 ca/ngày, tất cả các ngày trong năm kể cả ngày lễ, Chủ nhật, theo kế hoạch bố trí dây chuyền sản xuất liên tục của Bên mời thầu. Nhà thầu phải bố trí lịch, phân phối nhân sự và thiết bị để đảm bảo duy trì sản xuất liên tục như trên.

- Duy trì sản lượng quặng nguyên khai khai thác ở khai trường các tháng mùa khô (Tháng 11 -> tháng 4 năm sau) đạt tối thiểu 450.000 tấn/tháng, các tháng mùa mưa (Tháng 5 -> tháng 10) đạt tối thiểu 250.000-300.000 tấn/tháng để duy trì hoạt động nhà máy Tuyển hoặc theo yêu cầu bố trí sản xuất của Bên mời thầu.

- Đồng thời, trong mùa khô (Tháng 11 -> tháng 4 năm sau) phải tập trung bóc phủ liên tục duy trì bóc phủ tối thiểu 65.000-103.000 m³/tháng (tùy thuộc chiều dày lớp phủ thực tế), trong thời gian này phải bố trí làm hệ thống đường vận chuyển chính bằng đất trụ, đất công nghệ vào diện khai thác vừa bóc phủ xong để chuẩn bị cho sản xuất. Tùy theo điều kiện thực tế sản xuất Bên mời thầu sẽ giao khối lượng chi tiết từng tháng.

- Cuối thời điểm mùa khô (ngày 31/4/2026) phải đảm bảo các điều kiện để duy trì sản xuất trong mùa mưa gồm: Tồn kho quặng nguyên khai đảm bảo

≥600.000 tấn; Diện đã bóc phủ trắng phần đỉnh hoặc gần đường vận chuyển chính phục vụ cho khác trong mùa mưa tối thiểu phải >7-10ha.

Chi tiết thi công triển khai bóc phủ, khai thác quặng như phương án số 3931/PA-LDA ngày 12/11/2025 kèm theo, đảm bảo như cầu sản xuất ổn định của dây chuyền sản xuất Nhà máy Tuyển.

3. Yêu cầu kỹ thuật của gói thầu:

3.1. Quy trình, quy phạm áp dụng cho việc thi công, nghiệm thu:

Trong quá trình thi công, nghiệm thu khai thác phải tuân thủ các quy định, quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành của Nhà nước, của ngành và nội bộ quản lý khai thác mỏ của Bên mời thầu bao gồm nhưng không giới hạn như sau:

- TCVN 5326:2008 - Xuất bản lần 2, Quy phạm kỹ thuật khai thác mỏ lộ thiên;

- QCVN 04:2009/BCT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong khai thác lộ thiên được ban hành kèm theo Thông tư số 20/2009/TT-BCT ngày 07/7/2009 của Bộ trưởng Bộ Công thương;

- “Cẩm nang công nghệ và thiết bị mỏ” của Nhà xuất bản khoa học và kỹ thuật năm 2008;

- Quyết định số 2272/QĐ-TKV ngày 31/12/2020 của Tổng giám đốc Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam về việc Ban hành Quy định nghiệm thu thực hiện khối lượng mỏ khoáng sản của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam.

- Quyết định số 2390/QĐ-LDA ngày 15/12/2023 của Giám đốc Công ty TNHH MTV Nhôm Lâm Đồng - TKV về việc ban hành điều chỉnh quy định nghiệm thu sản phẩm, bán thành phẩm và đóng bao sản phẩm sản xuất alumin.

- Quyết định số 1321/QĐ-LDA ngày 31/5/2024 của Giám đốc Công ty TNHH MTV Nhôm Lâm Đồng – TKV về việc ban hành Quy trình lấy mẫu quặng khai trường – Quặng công nghệ nhà máy tuyển.

- Quyết định số 1433/QĐ-LDA ngày 14/6/2024 của Giám đốc Công ty TNHH MTV Nhôm Lâm Đồng – TKV về việc ban hành Quy trình quản lý tài nguyên và chất lượng trong khai thác quặng Bauxit.

- Quyết định số 1443/QĐ-LDA ngày 15/6/2024 của Giám đốc Công ty TNHH MTV Nhôm Lâm Đồng – TKV về việc Ban hành Quy trình khai thác quặng bauxit nguyên khai.

- Quyết định số 2538/QĐ-LDA ngày 31/12/2023 của Giám đốc Công ty TNHH MTVV Nhôm Lâm Đồng – TKV ban hành quy định quản lý và nghiệm thu cung độ vận chuyển các loại khoáng sản, đất đá tại mỏ bauxit Tân Rai – Lâm đồng.

- Quyết định số 2348/QĐ-LDA ngày 09/12/2023 V/v Ban hành quy định quản lý công tác thuê ngoài công đoạn khai thác quặng bauxit phục vụ sản xuất trong Công ty TNHH MTV Nhôm Lâm Đồng – TKV.

- Quyết định số 1529/QĐ-LDA ngày 01/8/2023 của Giám đốc Công ty TNHH MTV Nhôm Lâm Đồng - TKV về công tác phối hợp giữa các đơn vị trong quản lý, triển khai hoạt động khai thác quặng bauxit.

3.2. Yêu cầu về tổ chức kỹ thuật thi công, giám sát

Quá trình thực hiện phải tuân thủ các quy phạm hiện hành của Việt Nam về khai thác lộ thiên và các quy định tại Khoản 1 nêu trên, bám sát hồ sơ phương án kế hoạch khai thác đã được Bên mời thầu phê duyệt, các thiết bị tham gia vào khai thác đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật nêu tại Mục 3 Chương này.

Cán bộ quản lý (hoặc chức danh tương đương) và các cán bộ kỹ thuật của Nhà thầu thường xuyên trao đổi với cán bộ Bên mời thầu, bám sát công trường, bản vẽ để đảm bảo khai thác đúng theo hồ sơ kế hoạch, hộ chiếu khai thác được duyệt hàng kỳ cũng như phối hợp với cán bộ kỹ thuật, giám sát của Bên mời thầu xử lý kịp thời những sự cố, phát sinh về mặt kỹ thuật (nếu có). Riêng cán bộ kỹ thuật thi công hàng ca của nhà thầu phải có mặt trên công trường 24/24h trong quá trình khai thác để thực hiện điều hành sản xuất theo đúng lệnh của Cán bộ quản lý (hoặc chức danh tương đương).

Trong hàng ca sản xuất, cán bộ quản lý (gồm: Cán bộ quản lý (hoặc chức danh tương đương), cán bộ kỹ thuật và cán bộ kỹ thuật hàng ca) phải quản lý tổng thể tất cả các vị trí thi công như: Khu vực lán trại, các bờ tầng khai thác, khu vực gương xúc, tất cả các tuyến đường vận chuyển, khu vực dỡ tải tại kho và Bunke, vị trí hoàn thổ. Quản lý về tất cả các phương diện như: các thông số kỹ thuật, môi trường, an toàn trong vận hành thiết bị, an toàn trong lao động, an ninh trật tự,...

Nhà thầu phải bố trí nhân công lao động theo đúng chuyên môn cho từng vị trí cụ thể, bố trí số lượng máy như (máy xúc, Ô tô, máy gạt,...) sao cho đồng bộ với từng khu vực thi công cụ thể.

3.3. Yêu cầu về trình tự tổ chức khai thác

3.3.1. Yêu cầu chung:

Quá trình khai thác phải đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, quy trình khai thác, công nghệ khai thác, đồng bộ thiết bị,... đúng theo quy định, bám sát hồ sơ phương án kế hoạch khai thác, hộ chiếu được duyệt và tuân thủ các tiêu chuẩn, quy phạm, quy trình hiện hành có liên quan, mỗi giai đoạn thi công bao gồm các bước cơ bản như sau:

- Công tác chuẩn bị: Nhận bàn giao mặt bằng, bố trí lán trại, nhà kho, nhà xưởng sửa chữa, nhà giao ca sản xuất, nhà làm việc của ban chỉ huy công trường, khu tập thể phục vụ ăn nghỉ cho cán bộ công nhân viên theo sự hướng dẫn của

Bên mời thầu. Phải có khu vực nhà xưởng phục vụ tập kết máy móc, thiết bị và phục vụ sửa chữa trong phạm vi mỏ gần công trường thi công khai thác.

- Công tác quy hoạch diện khai thác: Nhà thầu phải định hướng, bố trí quy hoạch tổng thể mặt bằng theo thời gian, theo mùa ở Tây Nguyên, theo địa hình khai thác,... để đảm bảo kế hoạch sản lượng theo yêu cầu mục II chương V.

- Công tác triển khai thi công khai thác: Trong biện pháp thi công do nhà thầu lập kèm theo HSDT, nhà thầu phải thuyết minh chi tiết trình tự các bước thi công, cách bố trí thiết bị cho đồng bộ, các thông số kỹ thuật thi công, hướng khẩu quặng theo quy định, hướng vận chuyển, thi công hoàn thổ, đổ kho, thoát nước,...

3.3.2. Yêu cầu kỹ thuật và quy trình khai thác chi tiết:

Các kỹ thuật khai thác phải tuân thủ quy trình về khai thác quặng bauxite nguyên khai lộ thiên được ban hành tại Quyết định số 1443/QĐ-LDA ngày 15/6/2024 của Bên mời thầu.

Trong thuyết minh biện pháp thi công Nhà thầu phải thể hiện chi tiết các biện pháp, trình tự, cách thức bố trí thi công, các yêu cầu kỹ thuật để triển khai thực hiện và phải tuân thủ quy trình về khai thác quặng bauxite nguyên khai bằng lộ thiên được ban hành tại Quyết định số 1443/QĐ-LDA ngày 15/6/2024 của Bên mời thầu. Chi tiết:

3.3.2.1 Định hướng, quy hoạch diện khai thác:

- Trong biện pháp thi công, Nhà thầu cần đánh giá rõ các yếu tố về thời tiết, điều kiện địa hình diện khai thác trong cả năm từ đó đưa ra các giải pháp quy hoạch tổng thể (quy hoạch diện bóc phủ, quy hoạch diện khai thác theo mùa, quy hoạch phân đỉnh, phân sườn, quy hoạch các tuyến đường chính trong khu vực từ tuyến đường chính hiện hữu của mỏ,...) nhằm đảm bảo công tác khai thác cấp quặng cho Bên mời thầu liên tục trong cả năm, đặc biệt là mùa mưa kéo dài của Tây nguyên.

3.3.2.2 Công tác mở vỉa:

- Mở vỉa trong diện mới bắt đầu khai thác:

+ Bóc xúc một lượng đất đá phủ ban đầu, tạo ra các mặt bằng công tác đầu tiên cho các thiết bị mỏ hoạt động với các diện ban đầu chưa có tiến hành thi công khai thác.

+ Tạo hệ thống đường giao thông vận tải được nối từ các tuyến đường vận chuyển chính trong mỏ đến khu vực mở vỉa đầu tiên tùy vào khu vực mở vỉa là phân sườn hay phân đỉnh và tùy theo điều kiện thời tiết thi công là mùa mưa hay mùa nắng.

Trong điều kiện thời tiết mùa mưa: Hệ thống moong khai thác kết nối với tuyến đường vận chuyển từ phân vách quặng để đảm bảo xe vận chuyển chạy trên vách.

Trong điều kiện thời tiết mùa nắng: Hệ thống moong khai thác kết nối với tuyến đường vận chuyển từ phân trụ quặng để đảm bảo xe vận chuyển chạy dưới trụ quặng. Trong một số trường hợp do tuyến đường kết nối từ vách và nền trụ bị

lầy lội có thể bố trí hướng mở vỉa trong mùa nắng từ trên vách quặng nhằm giảm cung độ và đảm bảo khả năng vận chuyển.

Đối với khu vực sườn plato: Tiến hành mở vỉa từ phía sườn thấp trước để đảm bảo thoát nước trong moong khai thác khi thời tiết mưa. Trong một số trường hợp do tuyến đường vận chuyển, địa hình và hệ thống thoát nước mở có thể tiến hành mở vỉa từ khu vực phần sườn phía trên giáp với phần đỉnh, khai thác từ trên xuống dưới, moong khai thác phải đảm bảo thoát nước hoặc nối thông với hệ thống rãnh thoát nước xuống khu vực khe suối đảm bảo không đọng trên mặt tầng khai thác.

Đối với khu vực đỉnh plato: tiến hành mở vỉa từ ngoài vào trong và moong khai thác có kết nối với hệ thống mương, rãnh thu nước đảm bảo thoát nước khi thời tiết mưa.

- Mở vỉa mở đã hoạt động:

+ Công tác mở vỉa được tiếp tục hoàn thiện, mở rộng trên các tầng khai thác và chuyển giai đoạn khai thác bình thường.

+ Công tác mở vỉa được tiếp tục bắt đầu từ bờ taluy của moong khai thác thời gian trước và phát triển dần lên phía đỉnh (đối với diện phần sườn) hoặc được phát triển dọc/vuông góc với lòng khai thác trước đây (đối với diện phần đỉnh).

+ Các tuyến đường vận chuyển sẽ được duy tu từ các tuyến đường vận tải có trước hoặc mở mới và kết nối với các tuyến đường vận tải chính trong mỏ. Các tuyến đường nhánh vào khu vực mở vỉa được thi công tùy theo điều kiện thời tiết: mùa mưa tuyến đường đến khu mở vỉa từ trên vách quặng; mùa nắng tuyến đường đến khu mở vỉa dưới nền trụ quặng và tùy điều kiện địa chất của từng khu vực cụ thể.

3.3.2.3 Công tác phát quang bề mặt (nếu có):

- Quá trình phát quang thực bì (nếu có) phải được thực hiện trước khi thi công bóc phủ. Khi cưa, chặt các gốc cây lớn phải khoanh vùng an toàn trước khi thi công.

- Đối với khu vực có gốc cây lớn, tiến hành dùng cưa để cưa cây hoặc chặt thủ công và đem đi gom thành đống chờ đốt hoặc tập kết tại các khu vực tập trung không thuộc phạm vi khu vực thực hiện hoạt động khai thác.

- Đối với các gốc cây lớn còn lại nằm dưới lòng đất sẽ được cạy xúc bằng máy xúc thủy lực gàu ngược (TNGN) kết hợp máy gạt gạt gom lại thành đống chờ đốt hoặc được xúc trong quá trình xúc bóc đất phủ.

- Đối với các khu vực có gốc cây nhỏ có đường kính $D < 20\text{cm}$, chiều cao $< 04\text{m}$ (gốc chèn, cà phê,...) thì được xúc hoặc gạt gom thành đống chờ đốt hoặc xúc lên ô tô vận chuyển đi tập kết tại vị trí ngoài diện khai thác chờ đốt.

- Trong trường hợp cây bụi nhỏ thì tiến hành xúc hoặc gạt gom trực tiếp cùng với đất phủ vận chuyển đi hoàn thổ.

- Trong trường hợp diện khai thác là đất rừng thì phần cây rừng sẽ do cơ quan chức năng khai thác theo quy định trước khi bàn giao diện giải phóng mặt bằng phục vụ khai thác.

3.3.2.4 Công tác xúc bóc, gạt, vận chuyển đất phủ:

- Xúc đất phủ trực tiếp lên ô tô
- + Công tác xúc đất phủ trực tiếp áp dụng đối với các diện có chiều dày lớp phủ $>0,5\text{m}$ hoặc địa hình có độ dốc dọc $\leq 10^0$. Sử dụng máy xúc TLGN dung tích gàu $\geq 1,4\text{m}^3$ để xúc.
- + Sau khi các tuyến đường được tạo dẫn đến nơi mở vỉa bóc phủ, nền móng xúc phủ được tạo ổn định cho máy xúc hoạt động, tiến hành xúc phủ theo các luồng khâu (block) đất phủ theo quy tắc đối với các trường hợp:
 - Đối với diện phần sườn có độ dốc nghiêng: Xúc phủ từ trên phần sườn cao xuống thấp và đảm bảo thoát nước tốt.
 - Đối với diện phần đỉnh bằng: Xúc phủ từ ngoài vào trong đảm bảo thoát nước tốt.
 - Đối với diện xúc theo đường đồng mức: xúc từ ngoài nơi tiếp giáp với tuyến đường vận chuyển phủ vào trong đảm bảo tuyến đường vận chuyển được phát triển dần trong quá trình bóc đất phủ.
- + Nhằm tránh thất thoát và làm nghèo quặng, công tác xúc lớp đất phủ đảm bảo để lại lớp đất phủ dày $0,215\text{m}$ (áp dụng theo định mức ban hành tại Quyết định 10/QĐ-TKV) tiếp giáp với bề mặt trên của thân quặng và tiến hành gạt gom bằng máy gạt bánh xích (gạt phẩm cấp mặt vách) tập trung lại bờ tiếp giáp bờ taluy đất phủ để xúc cùng với đất phủ đổ lên xe đi vận chuyển đổ thải.
- + Trước khi thực hiện bóc phủ phải thực hiện công tác phục vụ dọn thực bì sạch sẽ, khối lượng thực bì này là công tác phụ trợ trong quá trình khai thác.
- + Khối lượng xúc đất phủ được tính theo quy định nghiệm thu của LDA, khối lượng gạt phẩm cấp mặt vách được tính bằng chiều dày x $0,215\text{m}$ (áp dụng theo định mức ban hành tại Quyết định 10/QĐ-TKV).
- Gạt gom đất phủ thành luống để xúc lên ô tô
- + Công tác gạt gom đất phủ áp dụng đối với diện có chiều dày lớp đất phủ $\leq 0,5\text{m}$ hoặc đối với phần sườn có độ dốc $> 10^0$. Độ dốc phần sườn được xác định trước khi thi công và được thành phần trắc địa hai bên kiểm tra xác nhận bằng biên bản đo đạc, kiểm tra hiện trường.
- + Sử dụng máy gạt công suất $\geq 160\text{CV}$ gạt đất phủ theo hướng dốc và gom thành từng luống với chiều rộng mỗi luống gạt từ $10\text{-}50\text{m}$, trung bình $20\text{-}40\text{m}$ (tuy điều kiện thi công cụ thể). Các luống đất phủ được gom theo đường đồng mức và đảm bảo thoát nước trên mặt khi thời tiết mưa.
- + Công tác gạt đất phủ được thực hiện đảm bảo đến bề mặt lớp quặng kề dưới lớp phủ.
- + Sau khi bóc xong lớp đất phủ sẽ được bộ phận địa chất phối hợp cùng phòng quản lý chất lượng (QLCL), đơn vị thi công đào hố lấy mẫu kiểm tra chất lượng quặng nhằm tránh làm nghèo quặng và sau đó được bộ phận trắc địa đo đạc cập nhật địa hình.
- + Lớp đất phủ bao gồm cả lớp thực bì bên trên (chè, cà phê, gốc thông,...) và phải được xúc dọn sạch sẽ theo đất phủ, khối lượng thực bì này là khối lượng phải thực hiện trong quá trình bóc phủ, không tính toán nghiệm thu.
- + Khối lượng gạt gom đất phủ được tính theo quy định nghiệm thu của LDA.

- Xúc đất phủ sau gạt gom lên ô tô
- + Đối với các luồng gom phủ, sẽ được xúc lên ô tô vận chuyển đi hoàn thổ bằng máy xúc TLGN có dung tích gàu $\geq 1,4\text{m}^3$ để xúc.
- + Công tác xúc đất luồng gom phủ đảm bảo để lại lớp đất phủ dày 0,215m (áp dụng theo định mức ban hành tại Quyết định 10/QĐ-TKV) và tiến hành gạt gom bằng máy gạt (gạt phẩm cấp vách quặng) nhằm tránh làm nghèo, thất thoát quặng.
- + Sau khi bóc xong lớp đất phủ, bộ phận địa chất phối hợp với phòng Quản lý chất lượng, đơn vị thi công đào hố, lấy mẫu để kiểm tra chất lượng quặng, sau đó bộ phận trắc địa sẽ tiến hành đo đạc xác định địa hình vách để làm cơ sở nghiệm thu.
- Vận chuyển đất phủ đi hoàn thổ/ đổ thải
- + Đất bóc phủ được máy xúc TLGN xúc đổ lên xe ô tô vận chuyển đi hoàn thổ tại các khu vực sau khai thác hoặc các bãi thải tạm bằng ô tô tự đổ.
- + Ô tô vận chuyển theo tuyến đường chính hoặc đường tạm (đã làm trước đó) đến mặt bằng bãi đổ, quay đầu xe trên mặt bằng bần phẳng tại bãi đổ, lùi vào vị trí đổ thải.

3.3.2.5 Công tác hoàn thổ:

- Xe ô tô vận tải đất phủ được đổ tại các khu vực đã khai thác theo hướng đổ các đống nối liền với nhau từ trong ra ngoài theo hướng đường vận tải đổ thải, đổ thải phải liền kề với các diện đã hoàn thổ.
- Máy gạt tiến hành gạt bằng phẳng các đống đất đảm bảo chiều dày $\geq 0,5\text{m}$ để trồng cây hoàn thổ hồi phục môi trường, mặt bằng sau khi đổ thải đảm bảo thoát nước tốt, không để đọng nước trong mặt bằng hoàn thổ. Khối lượng gạt hoàn thổ được tính bằng 41,4% (áp dụng theo định mức ban hành tại Quyết định 10/QĐ-TKV) khối lượng đất phủ đổ thải, có kết hợp với khối lượng thống kê thực tế, từ đó lựa chọn khối lượng thấp làm cơ sở nghiệm thu.
- Khối lượng đổ thải đảm bảo nghiêng đều theo bề mặt địa hình để có thể thoát nước mặt và không tạo thành các đống bãi thải nhô cao.
- Đối với các khu vực phải hoàn thổ lớp thứ 2: sau khi lớp hoàn thổ thứ 1 được san gạt bằng phẳng, tuyến đường vận tải được xây dựng trên nền đất hoàn thổ và san gạt, lu lèn đảm bảo các xe ô tô có tải vận chuyển ổn định trong các điều kiện thời tiết. Công tác đổ thải hoàn thổ và san gạt tương ứng như khối lượng thực hiện hoàn thổ lớp ban đầu.
- Tùy theo độ dốc của địa hình khu vực hoàn thổ (theo điều kiện ô tô và máy gạt hoạt động an toàn), độ dốc địa hình được xác định dựa theo số liệu đo nghiệm thu diện sau khai thác và xác nhận giữa LDA và đơn vị thi công.
- + Hoàn thổ phần đỉnh: Đối với diện phần đỉnh có độ dốc $\leq 9\%$ (ô tô hoạt động an toàn). Hoàn thổ theo hình thức đổ theo bề mặt, tiến hành đống trên toàn bộ bề mặt địa hình, sau đó gạt cắt phần ngọn, tạo bề mặt bằng phẳng.
- + Hoàn thổ phần sườn: Đối với diện phần sườn có độ dốc $> 9\%$ (ô tô hoạt động không an toàn). Tiến hành đổ quặng dọc theo các tuyến đường được bố trí trên phần sườn dốc, sau đó sử dụng máy gạt để gạt một phần đất phủ trôi xuống

bề mặt địa hình, sau đó gạt xoa đều đất phủ trên bề mặt địa hình đảm bảo bằng phẳng theo địa hình nền trụ.

- Các đống đổ hoàn thổ đảm bảo phải được san gạt bằng phẳng trong tháng để bàn giao cho LDA thực hiện công tác hoàn nguyên, nếu diện hoàn thổ không được san gạt bằng phẳng thì khối lượng vận chuyển, gạt hoàn thổ sẽ để lại nghiệm thu trong kỳ sau, sau khi đã được san gạt bằng phẳng, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, được LDA kiểm tra, đồng ý nghiệm thu.

3.3.2.6 Công tác khai thác quặng:

- Các thông số yêu cầu kỹ thuật trong quá trình khai thác:

+ Góc nghiêng sườn tầng xúc (taluy gương xúc): $< 60^\circ$.

+ Góc nghiêng bờ kết thúc khai thác: Theo góc nghiêng mặt trụ vỉa.

+ Chiều cao tầng xúc: 1-5m (tùy chiều dày thân quặng và thông số kỹ thuật của máy xúc).

+ Chiều rộng luồng khâu: Trung bình 10-20m. Tùy điều kiện đặc điểm địa hình thực tế thay đổi cho phù hợp.

+ Chiều dài luồng khâu: Theo địa hình từng khu vực, Block khai thác, diện bàn giao.

- Đối với khu vực có quặng kết tảng

Quặng kết tảng được cây, đập sơ bộ tại khai trường và phải được đập xuống kích thước $\leq 0,3 \times 0,3$ m ngay tại gương xúc bằng máy xúc TLGN sau đó xúc trực tiếp lên phương tiện vận chuyển về cung cấp quặng cho nhà máy tuyển hoặc nhập đống kho. Các bước được thực hiện như sau:

+ Bước 1: Khi gặp diện xuất hiện quặng kết tảng, đơn vị thi công mời bộ phận địa chất của LDA ra kiểm tra hiện trường, lấy mẫu, xác nhận chiều dày, diện tích có quặng kết tảng.

+ Bước 2: Bộ phận trắc địa cập nhật địa hình đầu kỳ khu vực quặng kết tảng.

+ Bước 3: Bố trí thiết bị máy xúc TLGN dung tích gàu $\geq 2,7$ m³ cây, đập xuống kích thước < 300 mm, xúc lên ô tô vận chuyển về cung cấp quặng cho nhà máy tuyển hoặc đống lưu kho.

+ Bước 4: Sau khi xúc xong lớp quặng kết tảng được bộ phận địa chất phối hợp với bộ phận trắc địa và đơn vị thi công kiểm tra xác nhận tại hiện trường và đo đạc cập nhật địa hình sau khi xúc quặng kết tảng để tính toán nghiệm thu khối lượng quặng kết tảng đã được xúc trong kỳ.

+ Khối lượng xúc quặng được tính theo quy định nghiệm thu của LDA.

- Công tác khai thác quặng rời

Phương pháp xúc quặng, vị trí nhận tải của xe ô tô vận chuyển quặng phụ thuộc vào điều kiện thời tiết theo mùa (mùa mưa, mùa nắng) hoặc theo điều kiện địa hình khu vực khai thác (phần sườn, phần đỉnh) thuận lợi cho triển khai thi công thực tế và đảm bảo an toàn sản xuất.

+ Máy xúc tiến hành xúc quặng và đổ trực tiếp lên xe ô tô vận chuyển đi về cấp cho nhà máy tuyển hoặc lưu kho dự trữ. Theo điều kiện thực tế thi công, để đạt hiệu quả xúc quặng tốt nhất thì sử dụng máy xúc có dung tích gàu $\geq 1,9$ m³ để

xúc. Nếu vỉa quặng có chiều dày lớn dẫn đến xúc không hiệu quả thì tiến hành phân tầng xúc.

+ Lớp quặng được xúc và để lại lớp quặng với chiều dày 0,215m (áp dụng theo định mức ban hành tại Quyết định 10/QĐ-TKV) lớp tiếp giáp với mặt trụ quặng để tiến hành gạt gom bằng máy gạt bánh xích (gạt phẩm cấp trụ) vào bờ taluy quặng đang xúc để xúc trực tiếp cùng với lớp quặng lên xe ô tô nhằm tránh làm nghèo, thất thoát quặng.

+ Sau khi gạt phẩm cấp trụ xong, bộ phận trắc địa phối hợp với bộ phận QLCL, đơn vị khai thác tiến hành đào hố lấy mẫu kiểm tra chất lượng quặng, khi đạt yêu cầu chỉ tiêu kỹ thuật thì bộ phận đo đạc trắc địa đo cập nhật địa hình trụ sau khai thác.

+ Khối lượng xúc quặng được tính toán theo quy định nghiệm thu của LDA, khối lượng gạt phẩm cấp mặt trụ quặng được tính bằng diện tích xúc quặng x 0,215m (áp dụng theo định mức ban hành tại Quyết định 10/QĐ-TKV).

- Công tác vận chuyển quặng

+ Quặng được xúc lên các ô tô vận tải nằm tại mặt đường trụ hay đường vách tùy theo điều kiện địa hình và thời tiết để vận chuyển quặng về cấp bunke nhà máy tuyển hoặc đổ lưu kho quặng nguyên khai.

+ Quặng nguyên khai được vận chuyển theo các đường nhánh từ moong khai thác ra hệ thống đường vận tải chính trong mỏ qua trạm cân cấp về nhà máy tuyển hoặc đổ lưu kho. Đồng thời, các xe được tính toán theo từng mô hình xe để phục vụ công tác thống kê, theo phương pháp đếm chuyển trong thời gian cân hồng, sửa chữa.

3.3.2.7 Công tác xây dựng và duy tu đường vận tải mỏ:

Các công việc làm đường và duy tu đường chính, đường nhánh tạm, gạt duy tu đầu đường vào máng xúc là công việc phụ trợ bắt buộc đơn vị thi công phải thực để duy trì, tăng cường hiệu quả trong quá trình vận chuyển phủ, quặng. Công tác thi công làm, duy tu đường có sử dụng đất trụ để đắp sẽ được tính toán nghiệm thu theo khối lượng đất trụ (gồm: xúc bốc, vận chuyển, san gạt).

- Công tác thi công các tuyến đường mới vào diện khai thác

+ Tiến hành cắm mốc tim tuyến đường cần thi công từ thiết kế ra ngoài thực địa.

+ Phát quang thực bì trên tuyến đường dự kiến thi công bằng thủ công hoặc thiết bị;

+ Dùng máy gạt để gạt lớp đất phủ trên mặt theo tuyến đường hoặc dùng máy xúc TLGN xúc lớp đất phủ trên mặt vận chuyển đi đổ thải, hoàn thổ tại khu vực khác để tạo khuôn đường. Công tác này có thể kết hợp với công tác xúc bốc đất phủ trước khi khai thác quặng. Đối với diện đã khai thác thì tiến hành dùng máy gạt tạo mặt bằng tuyến đường, dùng máy ban tạo độ dốc dọc và độ dốc ngang đảm bảo thoát nước trên mặt đường, dùng máy xúc để xúc tạo mương thoát thoát nước 2 bên các tuyến đường.

+ Xúc vận chuyển đất trụ, đất công nghệ từ mỏ đất vận chuyển về đắp theo từng lớp tạo độ chặt nền đường đảm bảo cho công tác vận chuyển đến khi đạt cao độ thiết kế hoặc theo điều kiện thực tế thi công hợp lý. Đất trụ phải được lựa chọn

là loại đất khô ráo, có độ dính kết và độ chặt sau lu lèn cao. Đất sét trụ chỉ được đắp trên các tuyến đường qua các khu vực đã khai thác, không được phép đắp đất trụ trên vỉa/ thân quặng.

+ Tạo rãnh thoát nước hai bên đường: Dùng máy ban bánh lốp tạo nương thoát nước 2 bên đường (đối với tuyến đường nhánh khai thác tạm thời trong kỳ) hoặc dùng máy xúc TLGN (bánh xích hoặc bánh lốp) xúc tạo nương thoát nước 2 bên đường (đối với các tuyến đường vận tải chính, sử dụng lâu dài hoặc tuyến đường có độ dốc và có lưu lượng nước thoát lớn). Tuân thủ theo chỉ đạo của cán bộ kỹ thuật LDA.

+ Đắp xúc từ các nương thoát nước hoặc khu vực bên cạnh để đắp thành bờ an toàn dọc 2 bên tuyến đường kề bên ngoài hệ thống nương thoát nước đối với bờ đường có bờ taluy âm. Bờ an toàn có chiều cao tối thiểu bằng 2/3 chiều cao bánh lốp của thiết bị vận tải lớn nhất chạy trên tuyến đường. Các bờ an toàn được vỗ mái bằng gàu máy xúc TLGN.

+ Trên dọc các bờ an toàn mỗi đoạn 30-50m hoặc vị trí trũng thấp (tùy điều kiện thực tế phù hợp) sẽ cắt rãnh thoát nước từ các nương dẫn nước ra ngoài. Trong các trường hợp đặc biệt tại những vị trí trũng, đọng nước sẽ cắt rãnh thoát nước ra bên ngoài nhằm thoát hết nước đọng.

+ Tại các vị trí nền đường yếu, dễ lún hoặc những vị trí trũng thấp sẽ được đắp bổ sung thêm đất trụ và lu lèn đảm bảo cho các phương tiện vận tải và thiết bị đi lại.

+ Đối với các đoạn đường qua nương thoát nước, đầm lầy phải nạo vét hết bùn đất bên dưới sau đó xúc bổ sung thêm đất trụ lu lèn với độ chặt đảm bảo, đặt hệ thống cống thoát nước qua đường đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, sau đó tiếp tục đổ đất trụ đắp theo từng lớp đến khi đạt độ cao theo yêu cầu thì dừng đắp. Các lớp đắp phải được lu lèn đảm bảo độ chặt yêu cầu và độ dốc dọc tuyến đường theo quy định phải $\leq 9\%$.

+ Trong trường hợp mặt bằng nền đường không đảm bảo phải đắp đất trụ, đất công nghệ làm đường thì triển khai thực hiện theo các bước làm đường trong công tác mở vỉa.

+ Đất trụ, đất công nghệ làm đường chỉ sử dụng để đắp trên nền mặt trụ quặng, tuyệt đối không được đắp trên bề mặt vách quặng, tránh trường hợp lún vào làm nghèo quặng.

+ Đối với các khu vực khai thác bố trí tuyến đường tạm chạy trên mặt vách: Sử dụng máy gạt phóng các nhánh đường tạm, kết hợp máy ban ban bề mặt đường đảm bảo thoát nước, lu đầm tạo độ chặt bề mặt đường. Các thông số làm đường tuân thủ theo quy định.

- Thông số kỹ thuật đường vận chuyển:

+ Loại đất đắp: Đất trụ quặng, lẫn thành phần hạt, tỷ trọng đất 1,68 t/m³.

+ Chiều rộng lòng đường: Rộng $\geq 10\text{m}$ đối với đường hai chiều và rộng $\geq 5\text{m}$ đối với đường 1 chiều.

+ Bờ an toàn bên Taluy âm: $h \geq 2/3$ đk lớp xe lớn nhất trong mỏ.

+ Độ dốc ngang mặt đường: Dốc hai bên vào rãnh thoát nước với độ dốc $i = 0,5 \div 1,0\%$.

+ Kích thước rãnh thoát nước: Đáy trên x Đáy dưới x Cao = 1,2m x (0,4-0,8)m x (0,4-0,6)m.

+ Độ dốc dọc đường: Theo độ dốc hiện hữu, trung bình $\sim 1-5\%$, không vượt quá 9% , cục bộ không vượt 13% .

- Xây dựng các tuyến đường nhánh trong khai trường khai thác quặng:

+ Trên bề mặt vách quặng sau khi bóc phủ hoặc trên bề mặt trụ quặng sau khi đã khai thác xong, sử dụng máy gạt để gạt phẳng bề mặt nền đường, kết hợp với máy ban bánh lốp để ban tạo độ dốc từ giữa tim đường ra 2 bên, từ đó hình thành tuyến đường vận chuyển tạm thời vào máng xúc.

+ Dùng máy ban bánh lốp tạo mương thoát nước 2 bên đường (đối với tuyến đường nhánh khai thác tạm thời trong kỳ) hoặc dùng máy xúc TLGN (bánh xích hoặc bánh lốp) xúc tạo mương thoát nước 2 bên đường (tùy điều kiện thực tế).

+ Đất xúc từ các mương thoát nước hoặc vận chuyển từ nơi khác đến để đắp thành bờ an toàn dọc 2 bên tuyến đường bên ngoài hệ thống mương thoát nước đối với bờ đường có bờ taluy âm. Bờ an toàn có độ cao tối thiểu bằng $2/3$ chiều cao bánh lốp của thiết bị vận tải lớn nhất chạy trên tuyến đường đó. Các bờ an toàn được đắp đất và vữa má bằng gàu máy xúc TLGN.

+ Trên dọc các bờ an toàn cách 30-50m sẽ cắt rãnh thoát nước từ các mương dẫn nước ra ngoài. Trong các trường hợp đặc biệt tại những vị trí trũng, đọng nước sẽ cắt rãnh thoát nước ra bên ngoài nhằm thoát hết nước đọng.

+ Đối với các đoạn đường qua mương thoát nước, đầm lầy phải nạo vét hết bùn đất bên dưới sau đó xúc bổ sung thêm đất sét trụ lu lèn với độ chặt đảm bảo, đặt hệ thống công thoát nước qua đường đảm bảo và tiếp tục đổ đất sét, lu lèn với độ chặt đảm bảo đến độ cao đạt được độ dốc tuyến đường theo quy định $\leq 9\%$.

- Đối với công tác duy tu bảo dưỡng tuyến đường hiện hữu

+ Đối với các tuyến đường lâu ngày sử dụng hoặc sau các trận mưa xuất hiện bùn đất trên mặt đường, tiến hành dùng máy gạt để gạt phẳng bề mặt nền đường, kết hợp với máy ban bánh lốp để ban tạo độ dốc ngang từ tim đường ra 2 bên.

+ Trong điều kiện thời tiết là mùa mưa, phải thường xuyên gạt, ban, lu mặt bằng đường vận chuyển hàng ca, ngày làm việc để giữ ổn định tuyến đường vận chuyển trong suốt thời gian mùa mưa.

+ Trong trường hợp hệ thống bờ an toàn 2 bên bị sạt lở, xói mòn, tiến hành dùng máy xúc TLGN (bánh xích hoặc bánh lốp) để xúc đất đắp bổ sung các điểm xói lở và dùng gàu máy xúc vữa má nén chặt các bờ an toàn.

+ Bề mặt đường vận chuyển luôn đảm bảo thoát nước, tạo mu rùa ở tâm đường, dốc về hai bên lề đường đảm bảo dẫn nước vào rãnh thoát nước hai bên lề đường.

+ Trong trường hợp hệ thống mương thoát nước 2 bên được lấp đầy đất bùn, tiến hành dùng máy xúc TLGN (bánh xích hoặc bánh lốp) để xúc đất trên hệ thống

mương thoát nước 2 bên tuyến đường, đất xúc được đắp bờ an toàn bên cạnh đường hoặc vận chuyển đi đổ thải.

- Công tác tưới nước dập bụi trên các tuyến đường vận chuyển:

+ Trong điều kiện thời tiết nắng phát sinh nhiều bụi trong quá trình xúc, gạt và vận chuyển đất phủ, quặng, tiến hành thường xuyên tưới nước dập bụi đảm bảo môi trường làm việc và điều kiện trong, xung quanh khai trường khai thác theo quy định.

+ Các đơn vị khai thác phải tiến hành tưới nước dập bụi thường xuyên hàng ca khi có phát sinh bụi. Nếu bụi trên đường quá nhiều phải dùng máy gạt, máy ban san gạt bụi đi để tưới đường được hiệu quả. Cụ thể:

Tuyến đường tưới: Tưới nước dập bụi trên tất cả các tuyến đường có thực hiện công tác vận chuyển gồm: Đường vận chuyển quặng, đường vận chuyển đất phủ hoàn thổ.

Yêu cầu chất lượng khi tưới: Số lượng thiết bị tưới, mật độ tưới đảm bảo đường không phát sinh bụi theo quy định về môi trường của nhà nước.

Thời gian tưới: Thực hiện việc tưới nước 3 ca/ ngày của tất cả các ngày thực hiện khai thác, bóc phủ.

- Công tác tách nước mỏ

Công tác xúc đất trụ đào mương, rãnh tách nước mỏ,... là đất trụ, đất công nghệ phục vụ trong công tác khai thác, mục đích để thu, tách nước ở các trục đường vận chuyển và ở các đường biên ngoài tại các khu vực khai thác mỏ. Loại đất sử dụng là đất sét/trụ kê dưới thân quặng.

Mục tiêu: Đảm bảo chống sạt lở bờ tầng, tràn nước bùn ra ngoài phạm vi công trường thi công gây ảnh hưởng đến các vườn dân đang canh tác trong vùng. Mương tách nước được chia thành 2 loại như sau:

+ Mương cố định: là mương bao quanh ranh giới mỏ sát với ranh giải phóng mặt bằng có nhiệm vụ thu nước lắng bùn theo suốt đời mỏ, các bước thực hiện như sau:

Bước 1: Cắm tim tuyến bằng máy trắc địa theo thiết kế ra thực địa.

Bước 2: Đào lòng kênh dẫn nước bằng máy xúc TLGN. Kích thước lòng kênh trình bình: Sâu x Rộng đáy x Rộng trên = 2,0x1,5x2,5m. Đất đào lòng kênh được quăng tải xuống bên dưới, đắp thành tuyến bờ chắn nước. Kích thước bờ chắn: Cao x rộng đỉnh = 2,0x1,0m; tỉ lệ mái taluy bờ 1:1.

Bước 3: Đào hố lắng bùn dọc tuyến và hố lắng bùn cuối tuyến, mỗi đoạn 40÷50m đào một hố lắng. Kích thước hố lắng: Sâu x Dài x Rộng = 3,0x4,0x4,0. Khối lượng đất đào hố lắng được đắp thành chia các khoang trên tuyến mương để trữ nước tối đa.

Bước 4: Nạo vét lại hệ thống tách nước và hố lắng trước, trong và sau mùa mưa hoặc trường hợp đột xuất bị bồi lấp sau mưa lớn.

+ Mương tạm thời: là các mương trung gian giảm tải áp lực nước bùn cho các mương cố định trước khi tiến hành công cây hoàn nguyên mỏ. Mương này được đào theo các đường đồng mức, tồn tại đến khi thực hiện công tác trồng cây phục hồi môi trường sẽ lấp lại. Các bước thực hiện như sau:

Bước 1: Sau khai thác quặng sử dụng máy trắc địa cầm tay tuyến ngang tạm thời theo thiết kế ra thực địa.

Bước 2: Đào lòng kênh dẫn nước bằng máy xúc TLGN. Kích thước lòng kênh trung bình: Sâu x Rộng đáy x Rộng trên = 2,0 x 1,5 x 2,5m. Đất đào lòng kênh được quặng tải xuống bên dưới, đắp thành tuyến bờ chắn nước. Kích thước bờ chắn: Cao x rộng đỉnh = 2,0x1,0m; tỉ lệ mái taluy bờ 1:1.

Bước 3: Nạo vét lại hệ thống rãnh tách nước và hồ lắng trước, trong và sau mùa mưa hoặc trường hợp đột xuất bị bồi lấp sau mưa lớn.

- Khối lượng nghiệm thu được tính toán bằng số liệu đo đạc địa hình đầu kỳ và cuối kỳ xúc đất trụ, đất công nghệ đào mương tách nước mỏ.

- Công tác duy tu đầu đường máng xúc

+ Gạt đầu đường máng xúc được thực hiện đối với các công tác xúc đất phủ, xúc đất trụ và xúc quặng nhằm duy trì hoạt động sản xuất ổn định cho ô tô vận chuyển ra vào máng xúc để nhận tải do nền mặt bằng máng xúc yếu, lầy lội, dễ phá huỷ mặt bằng khi xe lưu thông nhiều.

+ Gạt duy tu đầu đường máng xúc bao gồm các công việc: gạt duy tu bảo dưỡng nền máng xúc, gạt cải tạo lại đầu đường, gạt cải tạo khu vực xe đứng nhận tải, khu vực quay đầu xe, gạt các điểm lầy lội do tác động của phương tiện vận chuyển.

+ Việc gạt đầu đường máng xúc phải được thực hiện liên tục định kỳ theo thời gian trong hàng ca sản xuất, chu kỳ gạt phụ thuộc vào điều kiện địa chất nền máng xúc và phụ thuộc điều kiện thời tiết, tối thiểu 3 lần/ca.

+ Thiết bị thực hiện là máy gạt bánh xích, máy Ban bánh lốp, xe lu trơn hoặc lu chân cừu.

3.3.2.8 Công tác đổ quặng vào kho, cấp quặng trực tiếp vào bunke:

- Công tác đổ quặng vào kho

+ Quặng nguyên khai cấp từ khai trường qua trạm cân được cấp đổ vào các khu vực trong kho quặng nguyên khai theo đúng kế hoạch, hộ chiếu khai thác khai thác.

+ Công tác mở kho khi đổ kho đầu tiên: ô tô vận tải quặng đổ đống trên mặt, sau đó sử dụng máy gạt san các đống quặng cao tạo độ dốc ban đầu của mặt kho mới là 3÷5%, dốc vào trong đảm bảo thoát nước.

+ Xe ô tô vận chuyển quặng vào kho đến bờ an toàn và đổ quặng phát triển dần ra ngoài, một phần khối lượng quặng sẽ tự trôi xuống bờ Taluy, một phần khối lượng quặng đổ còn lại trên bề mặt bãi thải được máy gạt tiếp tục gạt ra mép ngoài trôi xuống mái Taluy, phát triển mở rộng bãi thải.

+ Trong quá trình đổ kho, máy gạt thực hiện gạt liên tục, gồm công việc gạt quặng sau khi đổ để đống quặng sau khi đổ trôi xuống bờ taluy kho quặng, gạt mặt bằng vào vị trí đổ tải, gạt duy tu đầu đường lên bãi quặng trong kho. Trong trường hợp mặt bằng bãi đổ lầy lội sẽ tiến hành lu nền phụ trợ giúp công tác vận chuyển trong kho được ổn định.

+ Khi kho quặng được phát triển đến đủ chiều rộng và chiều cao thiết kế thì dừng đổ kho và tiến hành đóng kho.

+ Khối lượng gạt quặng đổ kho được tính bằng 35% (áp dụng theo định mức ban hành tại Quyết định 10/QĐ-TKV) khối lượng quặng đổ vào kho.

- Công tác cấp quặng trực tiếp vào bunke:

+ Xe vào mặt bằng nhà máy tuyển ngay tại bunke cấp liệu cần phải tuân thủ theo chỉ đạo chung của cán bộ quản lý điều hành sản xuất LDA.

+ Khi vào mặt bằng bãi đổ phải sắp hàng theo thứ tự trước sau, đổ đúng vị trí bunke được giao đầu ca. Khi đến lượt vào đổ thì phải cho xe chạy chậm lùi vào vị trí đổ, nâng ben dỡ tải hết quặng vào bunke sau đó hạ ben, từ từ ra khỏi mặt bằng bunke về máng xúc nhận tải để thực hiện chu kỳ vận chuyển tiếp theo.

+ Công tác đổ quặng phải thực hiện theo quy trình vận hành phối trộn quặng tại các bunke theo QĐ số 1154/QĐ-LDA ngày 14/6/2023 về việc ban hành quy trình vận hành công nghệ nhà máy tuyển. Trường hợp khác phải theo sự chỉ đạo của cán bộ kỹ thuật LDA. Cụ thể:

Trường hợp 1 - Vận hành nhà máy tuyển 04 line: Tỷ lệ phân phối quặng nguyên khai đầu vào line 1,4 có tỷ lệ thu hoạch $\geq 50\%$ và line 2,3 có tỷ lệ thu hoạch $< 50\%$.

Trường hợp 2 - Vận hành nhà máy tuyển 03 line: Tỷ lệ phân phối quặng nguyên khai đầu vào line 1,4 có tỷ lệ thu hoạch $\geq 50\%$ và line 2 hoặc 3 có tỷ lệ thu hoạch $< 50\%$.

Trường hợp 3 - Vận hành nhà máy tuyển 02 line: Cấp 02 line quặng có tỷ lệ thu hoạch $\geq 49\%$).

3.4. Yêu cầu về vệ sinh môi trường, an toàn lao động, phòng chống cháy, nổ

3.4.1. Các yêu cầu chung:

- Đảm bảo an toàn cho người và thiết bị thi công.
- Phòng chống sự cố cháy, nổ, vệ sinh môi trường.
- Đảm bảo ánh sáng khi thi công ban đêm.

- Khu vực nhà tạm (được Bên mời thầu bố trí khu vực cụ thể cho đơn vị trúng thầu). Sau khi nhận mặt bằng, đơn vị thi công có trách nhiệm quản lý sử dụng trong phạm vi mặt bằng được bàn giao, phải đảm bảo công tác an toàn vệ sinh lao động, công tác bảo vệ môi trường, công tác phòng chống cháy nổ,... tuân thủ các quy định về AT-VSLĐ theo quy định của Bên mời thầu và theo quy định của Nhà nước.

3.4.2. Biện pháp thực hiện:

- Biện pháp thi công, thuyết minh rõ ràng các biện pháp để đảm bảo về an toàn, vệ sinh môi trường và phòng chống cháy, nổ như: Lập biển báo, cấm cờ tại những nơi nguy hiểm, những khu vực đang thi công theo quy định, đảm bảo trực cấp cứu thường xuyên trong quá trình thi công, quan hệ chặt chẽ với các bệnh viện, trạm y tế gần khu vực thi công để cấp cứu kịp thời trong trường hợp xảy ra sự cố,...vv.

- Lực lượng tham gia thi công phải có đủ các tiêu chuẩn về độ tuổi, sức khỏe, tay nghề và đều được huấn luyện về an toàn lao động theo quy định;

- Người tham gia thi công được trang bị đầy đủ dụng cụ, phương tiện, bảo hộ lao động theo nghề nghiệp của mình;

- Có cán bộ phụ trách về an toàn lao động có mặt trong suốt quá trình thi công để kịp thời báo cáo, xử lý hạn chế tai nạn xảy ra.

- Thường xuyên dọn dẹp vệ sinh sạch sẽ khu vực thi công.

- Riêng đối với công tác an toàn, trong biện pháp thi công của mình, Nhà thầu phải thuyết minh rõ ràng chi tiết các giải pháp an toàn cho các công việc cụ thể như công tác xúc, vận tải, đổ thải.

- Ngoài ra, Nhà thầu sẵn sàng thực hiện một số công việc khác để thể hiện tinh thần hợp tác, thân thiết với nhân dân trong vùng như: Cải tạo tuyến đường dân sinh hiện hữu phục vụ nhu cầu đi lại của các hộ dân đang canh tác giáp khu vực khai thác, các khu dân cư lân cận đi qua khu vực khai thác;

- Khu vực nhà tạm của Nhà thầu thi công phải đảm bảo công tác An toàn Vệ sinh lao động, bảo vệ môi trường và công tác PCCC đúng quy định của pháp luật, nhà nước. Nhà thầu khi bị kiểm tra thường xuyên/đột xuất của Bên mời thầu/cơ quan có thẩm quyền nếu không đạt yêu cầu/có dấu hiệu vi phạm thì phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước Bên mời thầu/cơ quan có thẩm quyền. Trường hợp Nhà thầu vi phạm do lỗi liên quan tới công tác An toàn vệ sinh lao động, Công tác PCCC do cơ quan có thẩm quyền của nhà nước phạt (tài chính) vi phạm mà ảnh hưởng, liên quan tới Bên mời thầu thì bên Nhà thầu phải chịu trách nhiệm chi trả khoản chi phí liên quan tới mức phạt như nêu trên.

3.5. Yêu cầu về nhân sự, thiết bị phục vụ thi công

3.5.1. Yêu cầu về nhân sự:

Nhà thầu phải chứng minh trong E-HSDT của mình là sẽ huy động đủ số lượng nhân lực gồm: Chỉ huy trưởng công trình, các cán bộ kỹ thuật và cán bộ khác có trình độ chuyên môn phù hợp để thực hiện đáp ứng các công việc của gói thầu. Các nhân sự chủ chốt phải có ký kết hợp đồng lao động hoặc hợp đồng thỏa thuận với Nhà thầu. Các nhân sự chủ chốt được cấp các loại văn bằng, chứng chỉ liên quan theo quy định và yêu cầu về năng lực kinh nghiệm tối thiểu đáp ứng các yêu cầu cụ thể như sau:

Stt	Vị trí công việc	Số lượng	Kinh nghiệm trong các công việc tương tự	Chứng chỉ/trình độ chuyên môn ⁽²⁾
1	Cán bộ quản lý (hoặc chức danh tương đương)	01	Tối thiểu 02 năm hoặc 02 hợp đồng	- Văn bằng tốt nghiệp đại học trở lên liên quan tới chuyên ngành kỹ thuật mỏ
2	Cán bộ kỹ thuật khai thác mỏ	01	Tối thiểu 02 năm hoặc 02 hợp đồng	- Văn bằng tốt nghiệp đại học trở lên liên quan tới chuyên ngành kỹ thuật mỏ

Stt	Vị trí công việc	Số lượng	Kinh nghiệm trong các công việc tương tự	Chứng chỉ/trình độ chuyên môn ⁽²⁾
3	Cán bộ kỹ thuật địa chất	01	Tối thiểu 02 năm hoặc 02 hợp đồng	- Văn bằng tốt nghiệp đại học trở lên liên quan tới chuyên ngành địa chất
4	Cán bộ kỹ thuật trắc địa	02	Tối thiểu 02 năm hoặc 02 hợp đồng	- Văn bằng tốt nghiệp đại học trở lên liên quan chuyên ngành trắc địa
5	Cán bộ làm công tác an toàn	01	Tối thiểu 02 năm hoặc 02 hợp đồng	- Văn bằng tốt nghiệp đại học trở lên liên quan tới chuyên ngành kỹ thuật (kỹ thuật mỏ, xây dựng, cầu đường, thủy lợi hoặc tương đương)
6	Cán bộ điều hành sản xuất hàng ca	04	Tối thiểu 01 năm hoặc 01 hợp đồng	- Văn bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên liên quan tới chuyên ngành kỹ thuật (kỹ thuật mỏ, xây dựng, cầu đường, thủy lợi hoặc tương đương) trở lên

*** Công việc thực hiện:**

- Cán bộ quản lý: Điều hành sản xuất chung, là đầu mối liên hệ công việc với chủ đầu tư, chủ trì tổ chức lập, ký hồ sơ nghiệm thu hàng kỳ, phải có mặt tại công trường và là đầu mối chịu trách nhiệm quản lý khai thác của đơn vị thi công với LDA.

- Cán bộ kỹ thuật khai thác: Tham gia quản lý sản xuất theo lĩnh vực công tác, liên hệ công việc theo chuyên môn khai thác với chủ đầu tư, xây dựng lập hồ sơ nghiệm thu hàng kỳ, lập bản đồ kế hoạch khai thác, hộ chiếu xúc, gạt, xây dựng bản đồ hiện trạng kết thúc khai thác, sơ đồ cung độ hàng tháng. Vì vậy, năng lực chuyên môn cần phải đảm bảo có văn bằng tốt nghiệp đại học trở lên.

- Cán bộ kỹ thuật địa chất: Tham gia quản lý sản xuất theo lĩnh vực công tác, liên hệ công việc theo chuyên môn địa chất, chất lượng quặng, quản trị tài nguyên với chủ đầu tư, phối hợp xây dựng lập hồ sơ nghiệm thu hàng kỳ, lập bản đồ kế hoạch khai thác, hộ chiếu xúc, gạt, xây dựng bản đồ hiện trạng kết thúc khai thác, sơ đồ cung độ hàng tháng. Vì vậy, năng lực chuyên môn cần phải đảm bảo có văn bằng tốt nghiệp đại học trở lên.

- Cán bộ kỹ thuật trắc địa: Tham gia quản lý sản xuất theo lĩnh vực công tác: nhận bàn giao ranh giới diện khai thác, quản lý ranh giới, đo đạc nghiệm thu, liên hệ công việc theo chuyên môn trắc địa với chủ đầu tư, xây dựng hồ sơ mặt cắt, tính toán khối lượng khai thác, phối hợp xây dựng lập hồ sơ nghiệm thu hàng kỳ, lập bản đồ kế hoạch khai thác, hộ chiếu xúc, gạt, xây dựng bản đồ hiện trạng kết thúc khai thác, sơ đồ cung độ hàng tháng. Vì vậy, năng lực chuyên môn cần phải đảm bảo có văn bằng tốt nghiệp đại học trở lên.

- Cán bộ an toàn: Phụ trách thực hiện các công việc liên quan đến công tác

an toàn. Xây dựng kế hoạch đảm bảo an toàn thiết bị, vận hành trong khai thác, vận chuyển quặng.

- Cán bộ điều hành sản xuất hàng ca: Tham gia quản lý điều hành sản xuất hàng ca, phối hợp với các trưởng ca Phân xưởng mỏ tuyển của LDA để điều hành sản xuất thiết bị và nhân sự đội thi công của đơn vị.

Ghi chú: Ngoài nhân sự chủ chốt, Nhà thầu còn phải chứng minh năng lực về nhân sự là các công nhân vận hành thiết bị, lái xe ô tô đáp ứng được yêu cầu tối thiểu như sau:

Phụ biểu: Bảng nhân sự lái xe, vận hành thiết bị

Stt	Nhân sự	Số lượng người	Kinh nghiệm	Bằng cấp/chứng chỉ	Ghi chú
1	Lái máy xúc	21	02 năm hoặc 02 hợp đồng có thi công thiết bị cơ giới	Chứng chỉ/bằng nghề vận hành xe cơ giới	<ul style="list-style-type: none"> - Đính kèm cùng E-HSDT bản Scan Chứng chỉ/bằng nghề vận hành xe cơ giới /giấy tờ tương đương; - Đính kèm cùng E-HSDT các hồ sơ chứng minh về kinh nghiệm công việc tương tự của gói thầu. Cụ thể: <ul style="list-style-type: none"> + Có kinh nghiệm tối thiểu 1 năm kinh nghiệm, được tính từ thời điểm bắt đầu thực hiện công việc tương tự đó cho đến thời điểm đóng thầu và kèm theo hồ sơ, tài liệu chứng minh là giấy xác nhận của Chủ đầu tư hoặc các tài liệu nghiệm thu với chủ đầu tư có tên của nhân sự tham gia hợp đồng đó và/hoặc giấy tờ pháp lý chứng minh khác tương đương. Và/hoặc + Có kinh nghiệm tối thiểu 01 hợp đồng/công trình, có tính chất công việc tương tự với gói thầu, và kèm theo hồ sơ, tài liệu chứng minh là giấy xác nhận của Chủ đầu tư hoặc các tài liệu nghiệm thu với chủ đầu tư có tên của nhân sự tham gia hợp đồng đó và/hoặc giấy tờ pháp lý chứng minh khác tương đương của 01 hợp đồng đó.

Stt	Nhân sự	Số lượng người	Kinh nghiệm	Bằng cấp/chứng chỉ	Ghi chú
2	Lái máy ủi/gạt/ban	12	02 năm hoặc 02 hợp đồng có thi công thiết bị cơ giới	Chứng chỉ/bằng nghề vận hành xe cơ giới	<p>- Đính kèm cùng E-HSDT bản Scan Chứng chỉ/bằng nghề vận hành xe cơ giới/giấy tờ tương đương;</p> <p>- Đính kèm cùng E-HSDT các hồ sơ chứng minh về kinh nghiệm công việc tương tự của gói thầu. Cụ thể:</p> <p>+ Có kinh nghiệm tối thiểu 1 năm kinh nghiệm, được tính từ thời điểm bắt đầu thực hiện công việc tương tự đó cho đến thời điểm đóng thầu và kèm theo hồ sơ, tài liệu chứng minh là giấy xác nhận của Chủ đầu tư hoặc các tài liệu nghiệm thu với chủ đầu tư có tên của nhân sự tham gia hợp đồng đó và/hoặc giấy tờ pháp lý chứng minh khác tương đương. Và/hoặc</p> <p>+ Có kinh nghiệm tối thiểu 01 hợp đồng/công trình, có tính chất công việc tương tự với gói thầu, và kèm theo hồ sơ, tài liệu chứng minh là giấy xác nhận của Chủ đầu tư hoặc các tài liệu nghiệm thu với chủ đầu tư có tên của nhân sự tham gia hợp đồng đó và/hoặc giấy tờ pháp lý chứng minh khác tương đương của 01 hợp đồng đó.</p>
3	Lái xe	100	02 năm hoặc 02 hợp đồng có thi công thiết bị cơ giới	Giấy phép lái xe đảm bảo điều khiển xe tải > 3,5 tấn	<p>- Đính kèm cùng E-HSDT bản Scan Giấy phép lái xe đảm bảo điều khiển xe tải > 3,5 tấn/giấy tờ tương đương;</p> <p>- Đính kèm cùng E-HSDT các hồ sơ chứng minh về kinh nghiệm công việc tương tự của gói thầu. Cụ thể:</p> <p>+ Có kinh nghiệm tối thiểu 1 năm kinh nghiệm, được tính từ thời điểm bắt đầu thực hiện công việc tương tự đó cho đến thời điểm</p>

Stt	Nhân sự	Số lượng người	Kinh nghiệm	Bằng cấp/chứng chỉ	Ghi chú
					<p>đóng thầu và kèm theo hồ sơ, tài liệu chứng minh là giấy xác nhận của Chủ đầu tư hoặc các tài liệu nghiệm thu với chủ đầu tư có tên của nhân sự tham gia hợp đồng đó và/hoặc giấy tờ pháp lý chứng minh khác tương đương. Và/hoặc</p> <p>+ Có kinh nghiệm tối thiểu 01 hợp đồng/công trình, có tính chất công việc tương tự với gói thầu, và kèm theo hồ sơ, tài liệu chứng minh là giấy xác nhận của Chủ đầu tư hoặc các tài liệu nghiệm thu với chủ đầu tư có tên của nhân sự tham gia hợp đồng đó và/hoặc giấy tờ pháp lý chứng minh khác tương đương của 01 hợp đồng đó.</p>

3.5.2. Yêu cầu về thiết bị:

Các máy móc, thiết bị kỹ thuật, cơ giới, vận tải của Nhà thầu huy động vào phục vụ cho gói thầu này phải đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật, phù hợp với biện pháp thi công do Nhà thầu đề xuất và đảm bảo yêu cầu tối thiểu về số lượng đối với các loại thiết bị cụ thể như sau:

STT	Loại thiết bị và đặc điểm thiết bị	Số lượng tối thiểu cần có
1	Máy toàn đạc điện tử: Độ chính xác đo góc $\pm 5''$, độ chính xác đo cạnh $\pm (2+2\text{ppm})$ mm. Hoặc thiết bị khác tương đương về chức năng và thông số kỹ thuật; Máy được kiểm định độ chính xác theo quy định hiện hành.	2
2	Máy xúc gàu ngược dung tích gàu $\geq 2,7\text{m}^3$	2
3	Máy xúc gàu ngược dung tích gàu $\geq 1,9\text{m}^3$	4
4	Máy xúc gàu ngược dung tích gàu $\geq 1,4\text{m}^3$	3
5	Máy gạt bánh xích, công suất $\geq 160\text{CV}$	5
6	Ô tô tự đổ có tải trọng hàng từ 9÷40 tấn:	43
-	Ô tô tự đổ vận chuyển phủ, tải trọng quy đổi 13 tấn. Số lượng xe được tính = $(Z1 + Z2 + \dots + Zn) / 13$ (Trong đó: Z là tải trọng hàng của xe, n là số lượng xe)	10

STT	Loại thiết bị và đặc điểm thiết bị	Số lượng tối thiểu cần có
-	Ô tô tự đổ vận chuyển quặng, tải trọng quy đổi 17 tấn, có tối thiểu 20 xe có tải trọng < 25 tấn. Số lượng xe được tính = $(Z1 + Z2 + \dots + Zn) / 17$ (Trong đó: Z là tải trọng hàng của xe, n là số lượng xe).	33
7	Xe tưới nước, dung tích thùng $\geq 6m^3$	3
8	Máy san/ban bánh lốp, công suất $\geq 140CV$	1

- Đối với Máy toàn đạc điện tử: Do các diện khai thác manh mún, phân tán ở các diện có khoảng cách xa (3-5km), diện khai thác hàng tháng có diện tích rộng. Mặt khác, thời điểm đo là ngày cuối cùng của tháng, một số thời điểm thường mưa nhiều nên cần phải bố trí ít nhất 02 điểm máy đo nghiệm thu để đảm bảo kịp tiến độ.

- Đối với thiết bị máy xúc: Diện khai thác năm 2026 rộng, phân tán tại nhiều khối trữ lượng, khu vực độc lập, khoảng cách giữa các khu vực khai thác lớn, nhu cầu chất lượng quặng đầu vào của Nhà máy tuyển phải được phối trộn đồng đều, từ đó phải thực hiện đồng thời nhiều gương xúc quặng cùng lúc và có tính dự phòng. Vì vậy nhu cầu số lượng thiết bị máy xúc lớn, cụ thể: Phải có 02 máy xúc gàu 2,7m³ để xúc quặng kết tảng đồng thời tại 02 khai trường độc lập; 04 máy xúc gàu 1,9 m³ để xúc quặng nguyên khai dạng rời tại khai trường và tại kho và dự phòng, 03 máy xúc để xúc đất phủ, đất trụ, đất công nghệ làm đường và tách nước mỏ.

- Đối với công tác vận chuyển: Dải tải trọng hàng rộng nhằm đa dạng trong loại hình vận chuyển, phù hợp với đặc điểm khai thác tại mỏ bauxit khu Tây Tân Rai, Lâm Đồng. Do vướng công tác GPMB, các diện khai thác phân tán manh mún và có một số tuyến đường vận chuyển đi chung với các tuyến đường dân sinh nhỏ hẹp. Mặt khác, đặc điểm địa hình đồi núi dốc các xe tải trọng lớn không thể vận hành đặc biệt trong các điều kiện thời tiết mưa và tuyến đường mới vào via chưa ổn định. Đồng thời, khu vực mỏ có điều kiện thời tiết mưa nhiều, tuyến đường dễ lầy và các xe tải trọng lớn không thể vận chuyển được. Vì vậy, việc bố trí loại xe có tải trọng lớn là không phù hợp, ưu tiên sử dụng xe có tải trọng nhẹ, linh động, ít phá hỏng đường, tăng hiệu quả vận chuyên, trong rường hợp điều kiện thời tiết nắng, đường vận chuyên rộng, mặt đường ổn định thì sử dụng bổ sung loại xe có tải trọng lớn để tăng năng suất vận chuyên. Với tổng số ô tô vận chuyên bố trí là 43 chiếc có tải trọng từ 9÷40 tấn chia làm 02 loại: Ô tô vận chuyên phủ tải trọng quy đổi 13 tấn là 10 chiếc, ô tô vận chuyên quặng có tải trọng quy đổi 17 tấn là 33 chiếc. Đối với các xe có tải trọng hàng > 40 tấn rất khó vận hành

trong điều kiện các diện nhỏ, manh mún, độ dốc địa hình lớn và điều kiện thời tiết mưa nhiều nên vận hành không hiệu quả gây hư hỏng đường vận chuyển.

Ghi chú:

a. Nhà thầu phải cung cấp thông tin chi tiết về các thiết bị thi công chủ yếu dự kiến huy động để thực hiện gói thầu và các hồ sơ/tài liệu kèm theo theo Mẫu số 11D Chương IV.

b. Thời gian huy động nhân lực, thiết bị để sẵn sàng thi công tại công trường: Tối đa 10 ngày kể từ ngày Bên mời thầu ra thông báo và Nhà thầu nhận được thông báo; Trường hợp Nhà thầu không đáp ứng yêu cầu nêu trên đồng nghĩa Nhà thầu không còn đáp ứng cơ bản yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm theo quy định nêu trong E-HSMT, Bên mời thầu sẽ hủy quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn Nhà thầu, thông báo chấp thuận E-HSDT, chấm dứt hợp đồng và mời Nhà thầu xếp hạng tiếp theo sau khi xem xét E-HSDT đã đáp ứng các yêu cầu của E-HSMT.

c. Các thiết bị thuộc sở hữu của Nhà thầu sẽ được đánh giá (phương pháp chấm điểm) trong Tiêu chuẩn đánh giá của E-HSMT. Nhà thầu phải cung cấp các chứng từ, chứng minh sở hữu thiết bị kèm theo trong E-HSDT.

d. Tất cả các thiết bị của Nhà thầu trước khi đưa vào hoạt động bắt buộc phải được lắp đặt hệ thống GPS.

3.6. Yêu cầu về biện pháp thi công

Trong E-HSDT của mình, Nhà thầu phải lập và thuyết minh chi tiết biện pháp thi công đáp ứng với các yêu cầu kỹ thuật, trình tự thi công, định hướng kỹ thuật nêu từ khoản 1 đến khoản 8 Mục 3.3.2 Chương này, phù hợp với phạm vi công việc của gói thầu nêu tại mục 1.2 Chương này và thời gian thực hiện nêu tại mục 4.2 Chương này của E-HSMT đảm bảo yêu cầu về quản lý chất lượng, quản lý tiến độ, quản lý khối lượng thi công, quản lý an toàn lao động và quản lý vệ sinh môi trường. Đảm bảo yêu cầu về kỹ thuật thi công, thông số kỹ thuật tuân thủ theo Thiết kế khai thác mỏ.

Để quá trình thi công được tổ chức thực hiện một cách khoa học, đảm bảo chất lượng và tiến độ đề ra, Nhà thầu cần lập rõ:

3.6.1. Sơ đồ tổ chức hiện trường:

- Nhà thầu cần phải nêu sơ đồ tổ chức hiện trường là sơ đồ thể hiện mối tương quan giữa công tác quản lý, triển khai phối hợp các nội dung công việc tại hiện trường: công tác điều hành khai thác, thống kê, kiểm tra giám sát, nghiệm thu, cung ứng vật tư, sửa chữa, vận chuyển quặng/đất phủ/ đất trụ, cấp quặng vào kho/bunke và công tác hậu cần khác.

- Công tác quản lý: Nêu rõ nhiệm vụ, chức năng của bộ phận quản lý cũng như vai trò phối hợp với Bên mời thầu trong quá trình thực hiện gói thầu.

- Công tác quản lý sản xuất hàng ca: Nêu rõ nhiệm vụ, chức năng và công tác phối hợp của các bộ phận sản xuất trong hàng ca: điều hành sản xuất khai thác, cung cấp quặng vào bunke/kho, thống kê, cung ứng vật tư, sửa chữa

- Công tác quản lý kỹ thuật hàng ca: Nêu rõ nhiệm vụ, chức năng và công tác phối hợp của các cán bộ kỹ thuật trong kiểm soát chất lượng, tài nguyên, quản lý khai thác và nghiệm thu.

- Công tác quản lý an toàn môi trường, phòng chống cháy nổ.

- Tổ đội vận hành thiết bị, lái xe ô tô vận chuyển: Nêu rõ công tác bố trí nhân sự, phối hợp và vận hành sản xuất đối với các công nhân vận hành thiết bị và lái xe ô tô vận chuyển quặng/đất bóc phủ.

3.6.2. Sơ đồ bố trí nhân sự:

- Nhà thầu phải có sơ đồ bố trí nhân sự, thể hiện mối tương quan giữa các thành phần trong bộ máy sản xuất: Bố trí nhân sự phù hợp với từng công việc cụ thể.

- Chỉ huy trưởng hoặc tương đương: Nêu rõ cách thức tổ chức bộ máy hoạt động cho bộ máy quản lý.

- Cán bộ quản lý hàng ca: Nêu rõ vai trò, nhiệm vụ, quyền hạn và cách thức triển khai thực hiện công việc của Cán bộ quản lý hàng ca.

- Cán bộ kỹ thuật địa chất: Nêu rõ vai trò, nhiệm vụ, quyền hạn và cách thức triển khai thực hiện công việc, nghiệm thu, quản lý giám sát chất lượng quặng, tài nguyên của Cán bộ quản lý hàng ca.

- Cán bộ kỹ thuật khai thác: Nêu rõ vai trò, nhiệm vụ, quyền hạn và cách thức triển khai thực hiện công việc, nghiệm thu, quản lý quy trình khai thác, thiết kế khai thác của Cán bộ quản lý hàng ca.

- Cán bộ kỹ thuật trắc địa: Nêu rõ vai trò, nhiệm vụ, quyền hạn và cách thức triển khai thực hiện công việc, nghiệm thu, đo đạc, quản lý ranh giới, thiết kế khai thác của Cán bộ quản lý hàng ca.

- Cán bộ kỹ thuật an toàn: Nêu rõ vai trò, nhiệm vụ, quyền hạn và cách thức triển khai thực hiện công việc, đảm bảo an toàn, môi trường, phòng cháy chữa cháy nghiệm của Cán bộ quản lý hàng ca.

- Lái xe ô tô và vận hành thiết bị: Nêu rõ vai trò, nhiệm vụ, quyền hạn và cách thức triển khai thực hiện công việc của các lái xe ô tô và vận hành thiết bị.

4. Giải pháp và phương pháp luận:

Nhà thầu chuẩn bị đề xuất giải pháp, phương pháp luận tổng quát thực hiện dịch vụ theo các nội dung quy định tại Chương V, gồm các phần như sau:

4.1 Các bước thực hiện:

- Bước 1: Phát quang bề mặt dọn mặt bằng trước khi thi công bóc đất phủ chuẩn bị diện khai thác (nếu có) bằng máy xúc TLGN cùng với công tác bóc đất phủ.

- Bước 2: Mở vỉa bằng cách thi công tuyến hào mở vỉa (hào chuẩn bị) kết nối khu vực khai thác đầu tiên của diện khai thác với tuyến đường vận chuyển chính trong mỏ. Công tác mở vỉa được phân theo từng mùa mưa, mùa nắng với

điều kiện thời tiết khác nhau và theo từng vị trí địa hình khu vực mở vỉa.

- Bước 3: Bóc lớp đất phủ bằng cách xúc trực tiếp hoặc gạt gom theo hướng dốc gom lại thành từng luống sau đó xúc vận chuyển đi hoàn thổ hoặc xúc trực tiếp lên ô tô vận chuyển đi hoàn thổ tại những khu vực đã khai thác xong hoặc tập kết chờ hoàn thổ giai đoạn sau.

- Bước 4: Khấu quặng trong từng block khai thác. Quặng được xúc trực tiếp theo luống lên Ô tô để vận chuyển đến kho quặng nguyên khai hoặc đổ trực tiếp vào Bunke nhà máy Tuyển. Quặng được xúc bằng máy xúc TLGN để lại lớp tiếp giáp với mặt trụ với chiều dày 0,215m (áp dụng theo định mức ban hành tại Quyết định 10/QĐ-TKV) và được máy gạt tiến hành gạt gom dồn lại phía bờ taluy quặng để xúc lên xe ô tô vận chuyển nhằm tránh thất thoát và làm nghèo trong khai thác quặng.

+ Khi gặp khu vực có quặng kết tầng không thể xúc trực tiếp thì tiến hành cạy, đập quặng kết tầng làm tơi sơ bộ bằng răng gàu của thiết bị máy xúc có dung tích gàu lớn ngay tại gương khai thác, kích thước đường kính hạt quặng sau khi đập sơ bộ đạt yêu cầu $\leq 300 \times 300 \text{mm}$ sau đó xúc lên ô tô vận chuyển về cấp bunke hoặc kho quặng nguyên khai.

+ Đối với vỉa quặng dày $> 6 \text{m}$ thì sẽ được phân thành 2 tầng gương xúc để đảm bảo chiều dài của gàu máy xúc TLGN huy động khai thác.

- Bước 5: Hoàn thổ đất phủ theo nền địa hình trụ quặng sau khai thác. Đất bóc phủ ở Bước 3 sẽ được xe ô tô vận chuyển đi đổ hoàn thổ tại các khu vực lớp đất trụ đã khai thác trong các thời gian trước. Lớp đất phủ sau khi hoàn thổ phải đạt chiều dày $\geq 0,5 \text{m}$, và được máy gạt san bằng phẳng theo địa hình, không trũng cục bộ gây úng nước.

4.2 Kế hoạch công tác:

- Khối lượng dự kiến thuê ngoài khai thác từng tháng:

T	Nội dung	Đ	Thá	Thá	Thá	Thá	Thá	Thá	Thá	Thá	Thá	Thá	Thá	Thá	Tổn
T		v	ng 1	ng 2	ng 3	ng 4	ng 5	ng 6	ng 7	ng 8	ng 9	ng 10	ng 11	ng 12	g
1	Đất phủ	m	83.5	65.3	103.	103.	58.8	30.0	30.0	30.0	30.0	30.0	62.0	75.7	702.
		3	23	54	523	523	19	00	00	00	00	00	86	27	555
2	Đất Trụ:	m	5.00	5.00	5.00	36.0	5.00	36.0	5.00	36.0	5.00	5.00	34.8	1.06	178.
		3	0	0	0	00	0	00	0	00	0	0	00	0	860
-	Đất Trụ, đất công nghệ làm đường	m	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00	1.06	56.0
		3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	60
-	Đất Trụ, đất công nghệ tách nước mỏ	m	-	-	-	31.0	-	31.0	-	31.0	-	-	29.8	-	122.
		3				00		00		00			00		800
3	Quặng nguyên khai khai thác độ ẩm 21,1%. Trong đó:	t	450.	400.	450.	450.	360.	300.	280.	280.	280.	280.	380.	390.	4.30
		ấn	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	000	0.00
4	Quặng NK công nghệ từ kho	t	-	-	-	-	70.0	90.0	110.	150.	150.	150.	90.0	25.0	835.
		ấn					00	00	000	000	000	000	00	00	000

Sản lượng cụ thể sẽ do Bên mời thầu cân đối sản xuất hàng tháng tùy theo điều kiện vận hành của dây chuyền sản xuất.

5. Quy định về kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm:

5.1. Quy định, yêu cầu về quản lý chất lượng và ranh giới khai thác

5.1.1. Công tác quản lý chất lượng:

- Để đảm bảo quản lý tài nguyên, chất lượng quặng, tránh gây tổn thất và làm nghèo quặng trong quá trình khai thác, Nhà thầu phải tuân theo các Quyết định số 1433/QĐ-LDA ngày 14/6/2024 về việc ban hành Quy trình quản lý tài nguyên và chất lượng quặng nguyên khai của Bên mời thầu.

- Nhà thầu theo dõi, giám sát đối với từng giai đoạn khai thác và thông báo cho bộ phận kỹ thuật của Bên mời thầu (phòng KTCN và phòng QLCL) cùng lấy mẫu, phân tích, đánh giá chất lượng quặng nguyên khai (việc tổ chức lấy mẫu, phân tích do Bên mời thầu thực hiện tại phòng thí nghiệm của Bên mời thầu).

- Trong biện pháp thi công do Nhà thầu lập, Nhà thầu phải thuyết minh rõ về phương pháp kiểm tra, giám sát chất lượng khai thác của Nhà thầu, bao gồm:

+ Phương pháp xúc, gạt để không lẫn quặng, sót quặng;

+ Phương pháp phối trộn quặng giữa các gương xúc đảm bảo chất lượng quặng theo yêu cầu;

+ Phương pháp lấy mẫu kiểm tra chất lượng quặng tại mặt vách và mặt trụ; trong trường hợp điều kiện địa chất thay đổi đột biến so với tài liệu thăm dò.

- Trong quá trình khai thác, trong diện khai thác có quặng kết tảng, nhà thầu thông báo và phối hợp với bộ phận kỹ thuật của bên mời thầu để kiểm tra, lấy mẫu, nghiệm thu quặng kết tảng và có giải pháp xử lý cạy, đập quặng kết tảng đảm bảo độ hạt có đuron kính <300mm khi về nhà máy tuyển.

- Đối các khu vực thung lũng, vùng trũng nằm trong ranh giới cấp phép, kế hoạch khai thác, Nhà thầu phối hợp với CB kỹ thuật, nhân viên lấy mẫu KCS của Bên mời thầu để tiến hành đào hố thăm dò, khoan vùng khu vực không quặng (quặng không đạt trữ lượng công nghiệp: chiều dày quặng <1m, chất lượng quặng có MSi>7) từ đó khoan vùng khu vực không quặng và giảm trừ khối lượng khai thác, điều hành khai thác cho hợp lý.

- Đối với khu vực có chiều dày đất phủ $\geq 0,5m$, tiến hành dùng máy xúc trực tiếp lên phương tiện vận tải đi đổ ở bãi thải tạm hoặc đi hoàn thổ, xúc cách lớp quặng tối thiểu 0,215m (áp dụng theo định mức ban hành tại Quyết định 10/QĐ-TKV) sau đó dùng máy gạt gom phủ để xúc đi đổ thải, hoàn thổ nhằm tránh gây thất thoát quặng trong khi bóc phủ.

- Đối với khu vực có chiều dày đất phủ <0,5m, tiến hành dùng máy gạt gom lại thành từng luống phủ sau đó xúc lên phương tiện vận tải đi đổ thải hoặc hoàn thổ.

- Sau khi bóc xong đất phủ, Nhà thầu báo với bộ phận kỹ thuật để kiểm tra và nhân viên KCS tiến hành lấy mẫu nghiệm thu vách quặng theo quy định.

- Khi xúc quặng đến phần đất trụ bên dưới, nhà thầu xúc cách lớp đất trụ ~0,215m sau đó dùng máy gạt gom quặng lại để xúc lên xe ô tô vận chuyển tránh xúc

đất trụ làm nghèo quặng. Sau khi san gạt mặt trụ xong, nhà thầu báo với bộ phận kỹ thuật của bên mời thầu (Phòng KTCN và phòng QLCL) kiểm tra, lấy mẫu và nghiệm thu theo quy định.

5.1.2. Công tác quản lý ranh giới khai thác:

5.1.2.1. Trình tự triển khai đo đạc:

- Nhận diện kế hoạch khai thác từ Bên mời thầu;
- Nhận bàn giao mặt bằng và quản lý mốc, ranh giới được bàn giao ngoài thực tế từ Bên mời thầu;
- Thành lập, xây dựng, phát triển các mốc trắc địa tới gần vị trí khai thác, có xác nhận của Bên mời thầu;
- Đo đạc cập nhật địa hình đầu kỳ hoặc sử dụng tài liệu do Bên mời thầu cấp có cơ sở pháp lý, làm bản đồ hiện trạng đầu kỳ;
- Đo đạc địa hình sau bóc đất phủ, làm bản đồ hiện trạng bóc đất đạt chất lượng yêu cầu (nếu có);
- Đo đạc cập nhật địa hình cuối kỳ (trụ quặng), làm bản đồ hiện trạng kết thúc khai thác khi đã đảm bảo chất lượng;
- Các điểm mia cách nhau không quá 10m, nếu những vị trí có địa hình thay đổi lớn thì khoảng cách giữa các điểm mia phải $\leq 10m$, theo biến đổi của địa hình và theo quy định, quy phạm trắc địa trong nghiệm thu;
- Trước khi đo đạc bên nhận thầu phải báo trước cho Bên mời thầu tối thiểu là một ngày bằng điện thoại hoặc phiếu yêu cầu đo đạc, nghiệm thu và phải được bộ phận địa chất đồng ý đã đủ điều kiện đo đạc, nghiệm thu phục vụ cho công đoạn tiếp theo;
- Phối hợp cùng Bên mời thầu xây dựng các mốc nghiệm thu cung độ cố định, bán cố định và tạm thời hàng tháng, quý, năm;
- Thường xuyên giám sát và kiểm tra ranh giới kế hoạch khai thác tháng, quý, năm; Có biên pháp đề ra để quản lý chuẩn đường ranh thực hiện trùng theo đường ranh của kế hoạch khai thác.

- Lập Hồ sơ nghiệm thu hàng tháng định kỳ theo quy định bao gồm: (biên bản đo đạc tự nhiên, vách quặng, trụ quặng, list cao độ kèm theo, biên bản nghiệm thu cung độ, có sơ đồ kèm theo, bản đồ hiện trạng đầu kỳ, bản đồ hiện trạng bóc đất, bản đồ hiện trạng kết thúc khai thác và có tập tính, mặt cắt kèm theo, đồng thời toàn bộ hồ sơ nghiệm thu Nhà thầu phải hoàn thiện trước ngày 10 của tháng kế tiếp;

5.1.2.2. Lưu và nộp số liệu đo đạc:

- Các số liệu đo đạc, phải có sự giám sát của Nhà thầu và phải gửi cho Nhà thầu ngay sau khi đo đạc;
- Các file làm bản đồ, mặt cắt gửi cho Nhà thầu trước khi ký nghiệm thu định kỳ hàng tháng;

- Các file nghiệm thu định kỳ hàng tháng gửi trước khi trình ký nghiệm thu để Nhà thầu kiểm tra và ký nghiệm thu tháng;

- Hồ sơ, biên bản nghiệm thu phải làm tối thiểu 04 bộ và nộp cho Nhà thầu 03 bộ để làm quyết toán khối lượng đã thực hiện và lưu phục vụ kiểm tra của các ban ngành liên quan;

- Các biên bản nghiệm thu cung độ và file nghiệm thu cung độ gửi cho Nhà thầu trước khi ký nghiệm thu định kỳ hàng tháng.

5.2. Về hồ sơ, bản vẽ và công tác nghiệm thu

- Hồ sơ nghiệm thu phải theo Quy định nghiệm thu của Bên mời thầu.

- Nhà thầu thông báo thời gian mời nghiệm thu, lập hồ sơ nghiệm thu theo từng tháng.

- Trong khoảng từ ngày 25 đến cuối tháng hoặc khi hoàn thành một công việc, công đoạn, khu vực thi công, Nhà thầu mời Bên mời thầu cùng nghiệm thu, xác nhận các chỉ tiêu hiện trường để phục vụ công tác nghiệm thu.

- Hội đồng nghiệm thu của Bên mời thầu tổ chức nghiệm thu cho Nhà thầu.

- Nghiệm thu khai thác mỏ bao gồm nghiệm thu từng công việc thực hiện cụ thể (xúc, vận chuyển, san gạt) Các công việc do Nhà thầu thực hiện sẽ được nghiệm thu khi đã đảm bảo thực hiện theo đúng các yêu cầu về kỹ thuật của Bên mời thầu. Khi có yêu cầu nghiệm thu, Nhà thầu phải báo trước cho bộ phận kỹ thuật Phòng KTCN thời gian ít nhất 01 ngày để bố trí công việc kiểm tra khai trường và nghiệm thu.

- Hồ sơ, bản vẽ phục vụ công tác nghiệm thu bao gồm: Biên bản xử lý hiện trường (nếu có), biên bản kiểm tra giám sát chất lượng, biên bản đo đạc hiện trường, biên bản xác định nghiệm thu cung độ, mặt cắt và tập tính khối lượng, hệ thống bản vẽ hiện trạng đầu kỳ và cuối kỳ, biên bản nghiệm thu và hệ thống các bản biểu theo quy định của Bên mời thầu...vv.

- Hình thức bản vẽ nghiệm thu (gồm: Loại bản vẽ, số lượng bản vẽ, hình thức thể hiện bản vẽ, tỷ lệ bản vẽ,...) sẽ do Bên mời thầu quy định chi tiết cho gói thầu này theo quy định hiện hành của Bên mời thầu và theo tính chất công việc thực tế. Trong bản vẽ nghiệm thu phải ghi rõ họ tên, chữ ký của thành phần nghiệm thu, tên bản vẽ, số hiệu bản vẽ,... Ký tên đầy đủ các thành phần tham gia lập bao gồm các chuyên ngành khai thác, trắc địa, địa chất và phải được ký duyệt lãnh đạo (tùy loại bản vẽ).

- Hệ thống Biên bản và bản biểu nghiệm thu do Bên mời thầu cung cấp và hướng dẫn cho Nhà thầu áp dụng.

- Hồ sơ số liệu thống kê, hồ sơ chất lượng quặng khai thác thể hiện đầy đủ trong bộ hồ sơ nghiệm thu chung hàng kỳ.

- Hệ thống các số liệu khác nhằm chứng minh phân khối lượng do Nhà thầu thực

hiện.

Bên cạnh đó, khi phát sinh khu vực không quặng, quặng kết tảng nhà thầu phối hợp với bộ phận kỹ thuật của bên mời thầu kiểm tra, lấy mẫu, lập hồ sơ hoàn thiện khu vực không quặng, quặng kết tảng trong diện khai thác đã giao cho nhà thầu thi công.

Quy trình thực hiện nghiệm thu một số công việc chính như sau:

a. Nghiệm thu đất đá, khối lượng san gạt, vận chuyển đất phủ, san gạt hoàn thổ:

- Bước 1: Nhận bàn giao mặt bằng, đo đạc địa hình tự nhiên đầu kỳ (đối với các diện chưa được bàn giao địa hình tự nhiên hoặc có địa hình chênh lệch nhiều so với tài liệu sẽ thống nhất bằng biên bản đo địa hình tự nhiên).

- Bước 2: Đơn vị thi công đo kiểm tra số liệu trắc địa của địa hình tự nhiên và được cán bộ trắc địa của LDA kiểm tra.

- Bước 3: Thi công theo diện kế hoạch được giao theo hàng tháng, kỳ tại từng khu vực, khối trữ lượng.

- Bước 4: Kiểm tra tuyến đường vận chuyển đất phủ hoàn thổ, kiểm tra diện hoàn thổ.

- Bước 5: Xác nhận cung độ vận chuyển hoàn thổ.

- Bước 6: Nghiệm thu chất lượng mặt vách quặng.

- Bước 7: Đo đạc địa hình mặt vách quặng, đo kiểm tra số liệu trắc địa của địa hình mặt vách.

- Bước 8: Tính toán nghiệm thu khối lượng đất bóc phủ, hoàn thiện lập biên bản đo hiện trường đầu kỳ và cuối kỳ, lập bản đồ hiện trạng trước và sau khi bóc phủ, lập mặt cắt, tập tính, sơ đồ cung độ,...

Trong quá trình thực hiện thống kê từng khu vực, khối trữ lượng trong kỳ/tháng.

b. Nghiệm thu khối lượng xúc quặng, khối lượng vận chuyển quặng:

- Bước 1: Nhận bàn giao mặt bằng (đối với diện đã bóc phủ).

- Bước 2: Thi công theo diện kế hoạch được giao theo hàng tháng, kỳ tại từng khu vực, khối trữ lượng.

- Bước 3: Cán bộ địa chất của đơn vị thi công cùng bộ phận quản lý chất lượng, cán bộ địa chất LDA kiểm tra, lấy mẫu nghiệm thu chất lượng mặt trụ quặng.

- Bước 4: Cán bộ trắc địa của đơn vị thi công đo địa hình sau khi khai thác và được cán bộ trắc địa của LDA kiểm tra theo quy định.

- Bước 5: Kiểm tra xác nhận đo nghiệm thu cung độ vận chuyển trên các tuyến đường vận chuyển quặng từ khai trường về kho và bunke theo từng khu vực, khối trữ lượng.

- Bước 6: Hoàn thiện lập bản đồ, mặt cắt, tập tính, sơ đồ cung độ,...

Trong quá trình thực hiện tổng hợp thống kê từng thiết bị, từng khu vực, khối trữ lượng.

c. Nghiệm thu khối lượng quặng kết tảng:

- Bước 1: Khi gặp diện xuất hiện quặng kết tảng, đơn vị thi công mời bộ phận địa chất của LDA ra kiểm tra hiện trường, lấy mẫu, xác nhận chiều dày, diện tích có quặng kết tảng.

- Bước 2: Bộ phận trắc địa cập nhật địa hình đầu kỳ khu vực quặng kết tảng. Sau đó đo kiểm tra lại số liệu trắc địa.

- Bước 3: Bố trí thiết bị máy xúc TLGN dung tích gàu $\geq 2,7\text{m}^3$ cày, đập <300mm, xúc lên ô tô vận chuyển.

- Bước 4: Bộ phận địa chất, trắc địa hai bên đo đạc xác nhận địa hình cuối kỳ quặng kết tảng.

- Bước 5: Lập hồ sơ nghiệm thu (hồ sơ chất lượng, biên bản đo địa hình, bản đồ hiện trạng trước và sau khi xúc quặng kết tảng, tập tính, mặt cắt tính khối lượng,...), hồ sơ này kèm theo hồ sơ nghiệm thu khối lượng hàng kỳ/tháng.

6. Quy trình tổ chức triển khai khai thác và tổ chức phối hợp trong quá trình thực hiện hợp đồng:

Đối với các công tác quản lý kỹ thuật trong khai thác, vận chuyển, lập kế hoạch, hộ chiếu xúc và công tác nghiệm thu thực hiện theo Quy định tại Quyết định số 1529/QĐ-LDA ngày 01/8/2023 Về công tác phối hợp giữa các đơn vị trong quản lý, triển khai hoạt động khai thác quặng bauxit.

- Giao kế hoạch sản xuất:

+ Bên mời thầu ban hành kế hoạch khối lượng, khu vực, tiến độ thi công theo tháng/quý.

+ Nhà thầu tiếp nhận, tổ chức hợp triển khai nội bộ, bố trí nhân lực – thiết bị theo yêu cầu để triển khai thi công.

- Lập và phê duyệt Hộ chiếu thi công:

+ Nhà thầu lập Hộ chiếu thi công (nội dung: vị trí, khối lượng, cung độ, tuyến vận chuyển, thông số kỹ thuật, thời gian thi công,...).

+ Bên mời thầu kiểm tra và phê duyệt Hộ chiếu cho Nhà thầu trước khi triển khai thi công.

- Triển khai thi công thực địa

+ Hai bên phối hợp bàn giao mốc ranh giới, mặt bằng thi công.

+ Nhà thầu có trách nhiệm quản lý bảo vệ ranh giới phạm vi thi công, tổ chức thi công đúng ranh giới đã bàn giao.

+ Nhà thầu cử cán bộ kỹ thuật kiểm tra, giám sát thường xuyên quá trình thi công, liên hệ trao đổi công việc trong quá trình thi công.

+ Hàng ca, Nhà thầu bố trí dây chuyền sản xuất, báo bộ phận quản lý khai trường của Bên mời thầu (phòng điều hành sản xuất,phan xưởng mỏ tuyển) để nắm bắt, điều hành chung.

- Kiểm tra chất lượng mặt vách, trụ quặng:

+ Sau mỗi công đoạn khai thác (kết thúc bóc phủ, kết thúc khai thác quặng, kết thúc làm đường...), cán bộ kỹ thuật của Nhà thầu kiểm tra, khi đã yêu cầu kỹ thuật thì liên hệ, báo cho cán bộ kỹ thuật bên mời thầu đánh giá để chuyển bước, công đoạn thực hiện.

+ Lập biên bản kiểm tra hiện trường, làm cơ sở nghiệm thu khối lượng.

- Đo đạc, kiểm tra hiện trường:

+ Bộ phận Trắc địa của Bên mời thầu giám sát kiểm tra Nhà thầu đo đạc định kỳ hoặc kết thúc giai đoạn, khu vực thi công để xác định khối lượng thực hiện.

+ Lập biên bản xác nhận khối lượng tại hiện trường, có chữ ký hai bên.

- Lập hồ sơ nghiệm thu – thanh quyết toán:

+ Nhà thầu tổng hợp hồ sơ khối lượng, hồ sơ nghiệm thu, hệ thống bản vẽ hiện trạng,...

+ Bên mời thầu kiểm tra, nghiệm thu khối lượng thực hiện cho Bên mời thầu.

+ Căn cứ hồ sơ nghiệm thu đã được ký, Nhà thầu lập hồ sơ thanh toán gửi Bên mời thầu để thực hiện thanh toán hàng kỳ.

+ Cuối năm Nhà thầu lập Hồ sơ thanh, quyết toán toàn bộ khối lượng, giá trị công trình đã thực hiện.

7. Lịch sử vi phạm thực hiện hợp đồng thông qua việc thực hiện hợp đồng tương tự trước đó của Nhà thầu.

Việc đáp ứng đủ quặng cho nhà máy vận hành ổn định không chỉ đảm bảo sản phẩm alumin đạt được các tiêu chuẩn kỹ thuật cao nhất mà còn tối ưu hóa hiệu suất sản xuất, giảm thiểu tiêu hao năng lượng và bảo vệ môi trường. Việc khai thác, vận chuyển quặng đảm bảo ổn định, đáp ứng yêu cầu sản xuất chung của nhà máy là yếu tố then chốt để đảm bảo sản phẩm alumin đạt được độ tinh khiết và độ bền cần thiết cho các ứng dụng công nghiệp.

Do đó, việc lựa chọn Nhà thầu uy tín và có kinh nghiệm trong việc khai thác, vận chuyển và tuyển quặng vô cùng quan trọng. Một Nhà thầu không đảm bảo uy tín có thể dẫn đến những rủi ro lớn về chất lượng sản phẩm, hiệu suất sản xuất và an toàn lao động. Chính vì vậy, việc lựa chọn Nhà thầu đảm bảo uy tín là bước đi cần thiết để bảo vệ lợi ích lâu dài của LDA.

Vì vậy việc thông qua uy tín của các Nhà thầu tham gia dự thầu thông qua việc từng thực hiện các hợp đồng tương tự là đặc biệt cần thiết để đảm bảo lựa chọn được Nhà thầu thi công đảm bảo, an toàn cho toàn bộ dây chuyền sản xuất alumin chung của LDA. Do đó Trong trường hợp Nhà thầu vi phạm về lịch sử thực hiện hợp đồng thông qua việc thực hiện hợp đồng tương tự trước đó, phải kê khai số lượng hợp đồng đã thực hiện trong vòng 3 năm (từ 01/01/2023 đến thời điểm đóng thầu) để Bên mời thầu xem xét đánh giá về uy tín Nhà thầu gồm như sau:

- Kê khai số lần hợp đồng về tiến độ thực hiện: Số lần hợp đồng chậm tiến độ;

- Kê khai số lần về chất lượng kỹ thuật thực hiện hợp đồng: Số lần hợp đồng không đạt yêu cầu chất lượng kỹ thuật thi công;

- Kê khai số lần hợp đồng vi phạm về: Không thực hiện hợp đồng, tạm dừng/chấm dứt hợp đồng trước thời hạn do lỗi của Nhà thầu và các nội dung vi phạm hợp đồng khác(nếu có) thông qua các hợp đồng tương tự mà Nhà thầu đã từng thực hiện.

Nhà thầu kê khai nội dung và số lần hợp đồng theo biểu mẫu sau:

Nội dung kê khai	Đvt	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Tổng cộng
Hợp đồng chậm tiến độ	hđ				
Hợp đồng không đạt yêu cầu chất lượng kỹ thuật	hđ				
Hợp đồng vi phạm về: Không thực hiện hợp đồng, tạm dừng/chấm dứt hợp đồng trước thời hạn do lỗi của Nhà thầu và các nội dung vi phạm hợp đồng khác(nếu có) thông qua các hợp đồng tương tự mà Nhà thầu đã từng thực hiện	hđ				

Trường hợp Nhà thầu kê khai không có hợp đồng nào bị vi phạm về (hợp đồng chậm tiến độ và/hoặc Hợp đồng không đạt yêu cầu chất lượng kỹ thuật và/hoặc Hợp đồng vi phạm về: Không thực hiện hợp đồng, tạm dừng/chấm dứt hợp đồng trước thời hạn do lỗi của Nhà thầu và các nội dung vi phạm hợp đồng khác(nếu có) thông qua các hợp đồng tương tự mà Nhà thầu đã từng thực hiện) mà Bên mời thầu phát hiện, chứng minh được Nhà thầu có từ 01 lần trở lên về hợp đồng bị vi phạm như nêu trên thì E-HSĐT của Nhà thầu được đánh giá là “**không kê khai**” về tiêu chí “Lịch sử vi phạm thực hiện hợp đồng thông qua việc thực hiện hợp đồng tương tự trước đó của Nhà thầu”.

Trường hợp Nhà thầu không có số lần hợp đồng vi phạm về lịch sử vi phạm thực hiện hợp đồng thông qua việc thực hiện hợp đồng tương tự trước đó của Nhà thầu như nêu trên thì kê khai bằng 0 hoặc để trống. Nếu có 01 lần hợp đồng vi phạm thì ghi số 01, 02 lần hợp đồng vi phạm thì ghi số 02.....

Ghi chú: Số liệu số lần hợp đồng bị vi phạm về (hợp đồng chậm tiến độ, Hợp đồng không đạt yêu cầu chất lượng kỹ thuật, Hợp đồng vi phạm về: Không thực hiện hợp đồng, tạm dừng/chấm dứt hợp đồng trước thời hạn do lỗi của Nhà thầu và các nội dung vi phạm hợp đồng khác(nếu có) thông qua các hợp đồng tương tự mà Nhà thầu đã từng thực hiện (từ 01/01/2023 đến thời điểm đóng thầu) như biểu kê khai nêu trên được Nhà thầu đính kèm theo E-HSĐT (bản Scan/mềm).

8. Lịch sử phạt bồi thường thiệt hại:

Trong E-HSDT Nhà thầu kê khai số lần bị phạt bồi thường thiệt hại thông qua các hợp đồng đã từng thực hiện (từ 01/01/2023 đến thời điểm đóng thầu) để Bên mời thầu xem xét đánh giá về năng lực, kinh nghiệm của Nhà thầu

Trường hợp Nhà thầu kê khai “không có” số lần bị phạt bồi thường thiệt hại thông qua các hợp đồng đã từng thực hiện (từ 01/01/2023 đến thời điểm đóng thầu) mà Bên mời thầu phát hiện, chứng minh được Nhà thầu có từ 01 lần bị phạt bồi thường thiệt hại thông qua các hợp đồng đã từng thực hiện (từ 01/01/2023 đến thời điểm đóng thầu) thì E-HSDT của Nhà thầu được đánh giá là “**không kê khai**”.

Nhà thầu kê khai về nội dung và số lần bị phạt bồi thường thiệt hại thông qua các hợp đồng đã từng thực hiện theo biểu mẫu sau:

Nội dung kê khai	Đvt	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Tổng cộng
Hợp đồng bị phạt bồi thường thiệt hại	Lần				

Ghi chú: Số liệu số lần bị phạt bồi thường thiệt hại thông qua các hợp đồng đã từng thực hiện (từ 01/01/2023 đến thời điểm đóng thầu) như biểu kê khai nêu trên được Nhà thầu đính kèm theo E-HSDT (bản Scan/mềm). Trường hợp Nhà thầu không có lần hợp đồng bị phạt bồi thường thiệt hại thì kê khai bằng 0 hoặc để trống. Nếu có 01 lần bị phạt bồi thường thiệt hại thì ghi số 01, 02 lần bị phạt bồi thường thiệt hại thì ghi số 02.....

9. Bồi thường thiệt hại:

9.1. Trong quá trình thực hiện hợp đồng. Hàng tháng trên cơ sở kế hoạch sản lượng được ban hành của Bên mời thầu. Bên mời thầu sẽ thông báo chi tiết và cụ thể cho Nhà thầu trước 3 ngày để Nhà thầu chủ động bố trí nhân lực, thiết bị thi công cho phù hợp đảm bảo đáp ứng sản lượng theo kế hoạch của Bên mời thầu đề ra. Trường hợp Nhà thầu không đáp ứng sản lượng của Bên mời thầu đề ra Bên mời thầu sẽ lập biên bản giữa hai bên và Nhà thầu phải bồi thường cho Bên mời thầu đúng bằng sản lượng bị thiếu (không đáp ứng bằng đúng số sản lượng kế hoạch đề ra). Cách tính bồi thường thiệt hại = Số lượng sản lượng không đạt (bị thiếu so với kế hoạch) x 10% đơn giá của từng hạng mục công việc (bị thiếu so với kế hoạch) theo đơn giá của hợp đồng.

9.2. Đối với những thiệt hại về người, thiết bị... và các sự cố khác chưa lường trước được do lỗi của Nhà thầu gây ra, Nhà thầu có chịu trách nhiệm pháp lý và/hoặc trách nhiệm bồi thường 100% giá trị thiệt hại thực tế. Giá trị bồi thường thiệt hại cụ thể được hai bên thống nhất về giá trị và trách nhiệm bằng biên bản. Trường hợp hai bên không thống nhất với nhau được chi phí thiệt hại thì sẽ cùng nhau mời bên thứ 3 có chức năng và thẩm quyền thực hiện. Mọi chi phí thuê bên thứ 3 sẽ do bên Nhà thầu chi trả.

9.3. Trường hợp Nhà thầu chậm huy động nhân lực, thiết bị ảnh hưởng tới gói thầu gây thiệt hại cho Bên mời thầu thì chi phí bồi thường thiệt hại tương đương mục 9.1 khoản này.

10. Các yêu cầu khác:

10.1. Quản lý thay đổi nhân sự chủ chốt và thiết bị thi công:

- Nhà thầu phải bố trí nhân sự chủ chốt và thiết bị thi công theo đúng danh sách, chủng loại và số lượng đã kê khai trong Hồ sơ dự thầu được Chủ đầu tư phê duyệt.

- Nhà thầu chỉ được thay đổi nhân sự chủ chốt hoặc thiết bị thi công trong các trường hợp bất khả kháng hoặc lý do chính đáng, đồng thời phải được Chủ đầu tư chấp thuận bằng văn bản trước khi thực hiện.

- Nhân sự chủ chốt: tối đa 30% tổng số nhân sự đã kê khai (mỗi nhân sự chỉ được phép thay đổi tối đa 2 lần);

- Thiết bị chính: tối đa 20% số lượng thiết bị đã kê khai (mỗi thiết bị chỉ được phép thay đổi tối đa 2 lần);

(Việc thay thế phải đảm bảo trình độ và năng lực tương đương hoặc cao hơn (nhân sự), công suất và chủng loại tương đương hoặc lớn hơn (thiết bị))

- Nhà thầu vi phạm giới hạn thay đổi hoặc không được chấp thuận sẽ bị:

+ Tạm dừng thi công cho đến khi nhà thầu khắc phục và bị áp dụng phạt bồi thường (nếu sản lượng không đạt theo yêu cầu của chủ đầu tư) theo mục 9, chương V của E-HSMT;

+ Ghi nhận vi phạm hợp đồng, xem xét áp dụng chế tài tài chính hoặc đánh giá không hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng khi nghiệm thu và/hoặc phạt vi phạm hợp đồng theo điều khoản E-ĐKC 15 của E-HSMT;

+ Sử dụng làm căn cứ đánh giá uy tín nhà thầu trong các gói thầu tiếp theo.

10.2. Vi phạm chấm dứt hợp đồng của nhà thầu

Chủ đầu tư có thể chấm dứt một phần hoặc toàn bộ hợp đồng mà không gây tổn hại đến các biện pháp khắc phục vi phạm hợp đồng khác bằng cách thông báo bằng văn bản cho Nhà thầu về sai phạm trong hợp đồng trong các trường hợp sau:

- Nhà thầu không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng đã ký kết (kể cả trong trường hợp 01 thành viên liên danh vi phạm hợp đồng) trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Chủ đầu tư gia hạn (nếu được chủ đầu tư đồng ý gia hạn);

- Nhà thầu không thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào khác đã được nêu trong hợp đồng đã ký kết:

+ Không bố trí đầy đủ nhân lực, vật tư, thiết bị thi công;

+ Không thực hiện các nghĩa vụ chung đã được ghi trong Điều kiện chung & Điều kiện cụ thể hợp đồng;

+ Không lập hoặc không thực hiện biện pháp thi công, an toàn, môi trường (Lập biện pháp tổ chức thi công, biện pháp an toàn lao động và vệ sinh môi trường; Biện pháp thi công phải được Bên A phê duyệt trước khi thực hiện);

+ Không tuân thủ chất lượng – làm sai hoặc không đạt yêu cầu;

+ Không đáp ứng yêu cầu nhân sự, thiết bị đã cam kết trong E-HSDT;

+ Không thực hiện khối lượng, sản lượng khai thác theo yêu cầu;

- + Không thực hiện công tác phối hợp, kết nối trước khi triển khai;
- + Không thực hiện nghĩa vụ hồ sơ (Hồ sơ nghiệm thu; Hồ sơ thanh toán; Hồ sơ biện pháp tổ chức thi công; Báo cáo tiến độ, kỹ thuật...);
- + Không đảm bảo an toàn, môi trường, phòng cháy chữa cháy;
- + Không bảo đảm thực hiện nghĩa vụ với nhà thầu phụ (nếu có)

Tất cả trường hợp vi phạm nêu trên của nhà thầu đều sẽ bị chủ đầu tư phạt bồi thường thiệt hại do làm ảnh hưởng tới sản lượng, sản xuất của chủ đầu tư theo nội dung tại **Mục 9 Chương này**.

10.3. Yêu cầu về đơn giá và phân tích đơn giá cho các cung độ vận chuyển khác:

Trong quá trình khai thác có thể phát sinh các cung độ vận chuyển khác nằm ngoài phạm vi cung độ đã tiên lượng và do Webform trên Hệ thống chỉ cho phép đăng tải Mẫu số 11C - BẢNG GIÁ DỰ THẦU. Vì vậy cùng với bản tổng hợp giá chào tại Mẫu số 11C (Webform trên Hệ thống), Nhà thầu Phải chào giá thêm giá chào cho công việc vận chuyển có cung độ khác nhau theo Mẫu số 11C1 của E-HSMT để làm cơ sở cho việc thực hiện và nghiệm thu thanh toán sau này khi phát sinh công việc tại các dải cung độ vận chuyển khác.

Đơn giá chào tại cột (6) tại Mẫu số 11C được Nhà thầu tính toán xác định từ bảng phân tích chi tiết đơn giá tại Mẫu số 11C2 của E-HSMT.

Lưu ý: Biểu mẫu chào của nhà thầu tại theo mẫu số 11C1 và mẫu số 11C2 được scan và đính kèm (file cứng+file mềm và được làm tròn (=ROUND(số học;0)) khi nộp cùng E-HSDT. Trường hợp không đính kèm Bên mời thầu sẽ yêu cầu làm rõ, bổ sung trong quá trình làm rõ E-HSDT. Chi tiết nội dung, biểu mẫu và các nội dung lưu ý khác được thuyết minh kèm theo biểu mẫu số 11C1 và 11C2 kèm theo E-HSMT.

10.4. Phương pháp nội suy đơn giá tổng hợp trong trường hợp cần nội suy cho các cung độ vận chuyển khác:

Trường hợp phát sinh đối với khối lượng công việc vận chuyển có cung độ khác hợp đồng (mà có trong khoảng cung độ của hợp đồng) thì đơn giá được xác định theo công thức nội suy như sau:

$$Z_n = Z_{n+1} + [(Z_{n-1} - Z_{n+1}) \times (m_{n+1} - m_n) / (m_{n+1} - m_{n-1})]$$

Trong đó:

+ Z_n, Z_{n+1}, Z_{n-1} : Đơn giá thanh toán, đơn giá thanh toán tương ứng cung độ cận trên, đơn giá thanh toán tương ứng cung độ cận dưới có trong hợp đồng đã được điều chỉnh do thay đổi giá nhiên liệu (như tính toán theo phương pháp điều chỉnh đơn giá nêu trên);

+ m_n, m_{n+1}, m_{n-1} : Cung độ vận chuyển đất đá, quặng tương ứng với đơn giá.

Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

CHƯƠNG VI. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG

Điều kiện hợp đồng bao gồm E-ĐKC, E-ĐKCT của Hợp đồng và Phụ lục Hợp đồng (nếu có) thể hiện quyền lợi và nghĩa vụ của các bên.

E-ĐKC của Hợp đồng được áp dụng cho tất cả các hợp đồng của các gói thầu khác nhau. Chỉ được sử dụng mà không được sửa đổi các quy định tại Chương này. E-ĐKCT quy định cụ thể các nội dung tương ứng với E-ĐKC khi áp dụng đối với từng gói thầu nhằm bổ sung thông tin cần thiết để hoàn chỉnh hợp đồng, đảm bảo tính khả thi cho việc ký kết và thực hiện hợp đồng.

Chủ đầu tư có thể áp dụng loại hợp đồng trọn gói hoặc hợp đồng theo đơn giá cố định, hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh, hợp đồng theo kết quả đầu ra, hợp đồng theo tỷ lệ phần trăm, hợp đồng theo thời gian. Đối với hợp đồng theo kết quả đầu ra, Chủ đầu tư xem xét áp dụng điều khoản giảm trừ thanh toán căn cứ vào chất lượng đầu ra của dịch vụ. Theo đó, tùy theo chất lượng đầu ra mà Nhà thầu sẽ được thanh toán với giá trị khác nhau. Nếu Nhà thầu thực hiện đúng yêu cầu của E-HSMT, Nhà thầu sẽ được thanh toán 100% giá trị hợp đồng. Nếu Nhà thầu không đảm bảo chất lượng dịch vụ như đã đề xuất thì Nhà thầu chỉ được thanh toán tương ứng với chất lượng đã hoàn thành.

Để áp dụng điều khoản về giảm trừ thanh toán, Chủ đầu tư cần xây dựng phụ lục Hợp đồng, trong đó nêu rõ yêu cầu về chất lượng đầu ra; mức độ chất lượng có thể chấp nhận được; biện pháp kiểm tra, đánh giá, xác định mức độ đáp ứng về chất lượng của dịch vụ do Nhà thầu cung cấp (ví dụ lấy mẫu phân tích); mức độ giảm trừ thanh toán theo kỳ thanh toán.

Chỉ nên đưa các hạng mục có thể kiểm tra, đánh giá, xác định chất lượng vào danh mục giảm trừ thanh toán để làm cơ sở thanh toán giữa hai bên, tránh phát sinh tranh chấp trong quá trình thanh toán hợp đồng.

Trường hợp Chủ đầu tư có nguồn lực tài chính để khuyến khích Nhà thầu khi Nhà thầu hoàn thành việc cung cấp dịch vụ với chất lượng xuất sắc, có thể bổ sung điều khoản về “tăng giá trị thanh toán” trên nguyên tắc tương tự như đối với điều khoản giảm trừ thanh toán vào E-ĐKC và E-ĐKCT.

Đối với hợp đồng theo thời gian, có thể áp dụng trong tình trạng khẩn cấp; sửa chữa, bảo trì công trình, máy móc, thiết bị. Đối với hợp đồng theo tỷ lệ phần trăm, chỉ có thể áp dụng cho gói thầu bảo hiểm công trình mà giá trị hợp đồng được xác định chính xác trên cơ sở giá trị công trình thực tế được nghiệm thu.

<p>1. Định nghĩa</p>	<p>Trong hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>1.1. “Bất khả kháng” là những sự kiện hoặc tình huống nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên và không thể lường trước, không thể tránh được mà nguyên nhân không phải do sơ suất hoặc thiếu chú ý của các bên. Sự kiện bất khả kháng có thể bao gồm nhưng không giới hạn bởi chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch và cấm vận hàng hóa;</p> <p>1.2. “Bên” là Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu, tùy từng trường hợp.</p> <p>1.3. “Chủ đầu tư” là tổ chức được quy định tại E-ĐKCT;</p> <p>1.4. “Dịch vụ phi tư vấn” là một hoặc một số hoạt động dịch vụ bao gồm: logistics, bảo hiểm, quảng cáo, nghiệm thu chạy thử, chụp ảnh vệ tinh; in ấn; vệ sinh; truyền thông; sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng và hoạt động dịch vụ khác không phải là dịch vụ tư vấn quy định tại khoản 4 Điều 4 của Luật Đầu thầu;</p> <p>1.5. “Địa điểm cung cấp dịch vụ” là địa điểm được quy định tại E-ĐKCT;</p> <p>1.6. “Giá hợp đồng” là giá trị ghi trong hợp đồng giữa Chủ đầu tư và Nhà thầu, là tổng số tiền ghi trong hợp đồng cho việc cung cấp dịch vụ. Giá hợp đồng đã bao gồm tất cả các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có);</p> <p>1.7. “Hoàn thành” là việc Nhà thầu hoàn tất các nội dung công việc theo các điều khoản và điều kiện quy định tại Hợp đồng;</p> <p>1.8. “Hợp đồng” là thỏa thuận giữa Chủ đầu tư và Nhà thầu, thể hiện bằng văn bản, được hai bên ký kết, bao gồm cả phụ lục và tài liệu kèm theo;</p> <p>1.9. “Năm” là năm dương lịch;</p> <p>1.10. “Ngày” là ngày dương lịch;</p> <p>1.11. "Nhà thầu" là Nhà thầu trúng thầu (có thể là Nhà thầu độc lập hoặc liên danh) và được quy định tại E-ĐKCT;</p> <p>1.12. “Nhà thầu phụ” là tổ chức, cá nhân ký hợp đồng với Nhà thầu để tham gia thực hiện công việc phi tư vấn;</p> <p>1.13. “Tài liệu Hợp đồng” là các tài liệu được liệt kê trong Hợp đồng, bao gồm bất kỳ bản sửa đổi, bổ sung nào của Hợp đồng;</p> <p>1.14. “Tháng” là tháng dương lịch;</p> <p>1.15. “Thời gian thực hiện hợp đồng” được tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến khi các bên đã hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký.</p>
-----------------------------	---

<p>2. Hồ sơ hợp đồng và thứ tự ưu tiên</p>	<p>2.1. Tất cả các tài liệu nêu tại Mục 2.2 E-ĐKC (bao gồm cả các phần của tài liệu) sẽ cấu thành Hợp đồng để tạo thành thể thống nhất, có tính tương hỗ, bổ sung và giải thích cho nhau.</p> <p>2.2. Các tài liệu cấu thành hợp đồng được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Văn bản Hợp đồng, kèm theo các phụ lục hợp đồng; b) E-ĐKCT của hợp đồng được điền đầy đủ toàn bộ nội dung và bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn Nhà thầu, hoàn thiện hợp đồng (nếu có); c) Biên bản hoàn thiện hợp đồng; d) E-ĐKC của hợp đồng; đ) Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn Nhà thầu; e) Thư chấp thuận E-HSĐT và trao hợp đồng; g) E-HSĐT và các văn bản làm rõ E-HSĐT của Nhà thầu (nếu có); h) E-HSMT và các tài liệu sửa đổi, làm rõ E-HSMT (nếu có); i) Các tài liệu khác quy định tại E-ĐKCT. <p>2.3. Tài liệu hợp đồng là một phần của hồ sơ hợp đồng quy định tại Điều 65 của Luật Đấu thầu và được các bên ký số để tạo thành hợp đồng điện tử bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Văn bản hợp đồng; b) Điều kiện cụ thể của hợp đồng được điền đầy đủ toàn bộ nội dung và bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn Nhà thầu; c) Phụ lục hợp đồng gồm danh mục chi tiết về phạm vi công việc, biểu giá, tiến độ thực hiện (nếu có); d) Tài liệu khác (nếu có).
<p>3. Luật và ngôn ngữ</p>	<p>3.1. Luật điều chỉnh hợp đồng là luật Việt Nam;</p> <p>3.2. Ngôn ngữ của hợp đồng là tiếng Việt.</p>
<p>4. Thông báo</p>	<p>4.1. Bất cứ thông báo nào của một bên gửi cho bên kia liên quan đến hợp đồng phải được thể hiện bằng văn bản, theo địa chỉ quy định tại E-ĐKCT. Thuật ngữ “bằng văn bản” có nghĩa là hình thức truyền đạt thông tin dưới dạng viết và có bằng chứng về việc tiếp nhận thông tin.</p> <p>4.2. Thông báo của một bên sẽ được coi là có hiệu lực kể từ ngày bên kia nhận được hoặc theo ngày hiệu lực nêu trong thông báo, tùy theo ngày nào đến muộn hơn.</p>
<p>5. Bảo đảm thực hiện hợp đồng</p>	<p>5.1. Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được nộp lên Chủ đầu tư không muộn hơn ngày quy định tại Thư chấp thuận E-</p>

	<p>HSDT và trao hợp đồng. Bảo đảm thực hiện hợp đồng được thực hiện bằng một hoặc các hình thức sau:</p> <p>a) Đặt cọc bằng Séc bảo chi hoặc nộp tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản của Chủ đầu tư đối với bảo đảm thực hiện hợp đồng có giá trị dưới 50 triệu đồng và thời gian có hiệu lực của Séc bảo chi phù hợp với thời gian thực hiện gói thầu;</p> <p>b) Nộp thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng trong nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam;</p> <p>c) Nộp giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam.</p> <p>Bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại điểm b và điểm c Mục này là bảo đảm không có điều kiện (trả tiền khi có yêu cầu), theo mẫu quy định tại Chương VIII hoặc một mẫu khác được Chủ đầu tư chấp thuận.</p> <p>5.2. Bảo đảm thực hiện hợp đồng có giá trị và hiệu lực quy định tại E-ĐKCT.</p> <p>5.3. Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được trả cho Chủ đầu tư để bồi thường cho bất kỳ tổn thất nào phát sinh do Nhà thầu không hoàn thành các nghĩa vụ hợp đồng.</p> <p>5.4. Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại E-ĐKCT.</p>
<p>6. Ký hợp đồng thầu phụ</p>	<p>6.1. Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các Nhà thầu phụ trong danh sách các Nhà thầu phụ quy định tại E-ĐKCT để thực hiện một phần công việc nêu trong E-HSDT. Việc sử dụng Nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các nghĩa vụ của Nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm trước Chủ đầu tư về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các nghĩa vụ khác đối với phần việc do Nhà thầu phụ thực hiện. Việc thay thế, bổ sung Nhà thầu phụ trong danh sách các Nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT hoặc thay đổi nội dung thầu phụ nêu trong E-HSDT chỉ được thực hiện khi được Chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận và không vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho Nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng; việc sử dụng Nhà thầu phụ phải phù hợp với nhu cầu của Nhà thầu trong thực hiện hợp đồng, Nhà thầu phụ phải đáp ứng về năng lực, kinh nghiệm theo yêu cầu của Nhà thầu.</p> <p>6.2. Giá trị công việc mà các Nhà thầu phụ quy định tại Mục 6.1 E-ĐKC thực hiện không được vượt quá tỷ lệ phần trăm theo</p>

	<p>giá hợp đồng quy định tại E-ĐKCT.</p> <p>6.3. Nhà thầu có trách nhiệm thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho Nhà thầu phụ theo các điều khoản thỏa thuận giữa Nhà thầu và Nhà thầu phụ. Nhà thầu không được sử dụng Nhà thầu phụ cho các công việc khác ngoài công việc kê khai sử dụng Nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT.</p> <p>6.4. Yêu cầu khác về Nhà thầu phụ quy định tại E-ĐKCT.</p>
7. Phạm vi cung cấp	Dịch vụ phi tư vấn sẽ được cung cấp theo quy định tại Chương IV được đính kèm thành Phụ lục và là một bộ phận không tách rời của hợp đồng này, bao gồm các loại dịch vụ mà Nhà thầu phải cung cấp và đơn giá của các loại dịch vụ đó.
8. Tiến độ cung cấp dịch vụ phi tư vấn	Tiến độ cung cấp dịch vụ phi tư vấn và thời gian dự kiến hoàn thành phải được thực hiện theo quy định tại Mẫu số 10A hoặc Mẫu số 10B hoặc Mẫu số 10C hoặc Mẫu số 10D Chương IV.
9. Trách nhiệm của Nhà thầu	Nhà thầu phải cung cấp dịch vụ phi tư vấn trong phạm vi cung cấp quy định tại Mục 7 E-ĐKC và theo tiến độ cung cấp dịch vụ phi tư vấn và lịch hoàn thành quy định tại Mục 8 E-ĐKC.
10. Loại hợp đồng và giá hợp đồng	<p>10.1. Loại hợp đồng theo quy định tại E-ĐKCT.</p> <p>10.2. Giá hợp đồng được ghi tại E-ĐKCT là toàn bộ chi phí để thực hiện hoàn thành việc cung cấp dịch vụ phi tư vấn của gói thầu nêu trong Bảng giá hợp đồng trên cơ sở bảo đảm tiến độ, chất lượng theo đúng yêu cầu của gói thầu.</p>
11. Điều chỉnh thuế	Việc điều chỉnh thuế thực hiện theo quy định tại E-ĐKCT .
12. Tạm ứng	<p>12.1. Chủ đầu tư phải cấp cho Nhà thầu khoản tiền tạm ứng theo quy định tại E-ĐKCT, sau khi Nhà thầu nộp Bảo lãnh tạm ứng tương đương với khoản tiền tạm ứng. Bảo lãnh tạm ứng phải được phát hành bởi một tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam và có hiệu lực cho đến khi hoàn trả hết khoản tiền tạm ứng; giá trị của bảo lãnh tạm ứng sẽ được giảm dần theo số tiền tạm ứng mà Nhà thầu hoàn trả. Không tính lãi đối với tiền tạm ứng.</p> <p>12.2. Nhà thầu chỉ được sử dụng tiền tạm ứng cho việc thực hiện Hợp đồng. Nhà thầu phải chứng minh rằng khoản tiền tạm ứng đã được sử dụng đúng mục đích, đúng đối tượng bằng cách nộp bản sao các hóa đơn chứng từ hoặc tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư.</p>
13. Thanh toán	13.1. Yêu cầu thanh toán của Nhà thầu phải được gửi cho Chủ đầu tư bằng văn bản, kèm theo hóa đơn mô tả dịch vụ đã thực

	<p>hiện khi đã hoàn thành tất cả các nghĩa vụ khác quy định trong hợp đồng. Việc thanh toán thực hiện theo quy định tại E-ĐKCT. Trường hợp Chủ đầu tư thanh toán chậm, Nhà thầu sẽ được trả lãi trên số tiền thanh toán chậm vào lần thanh toán kế tiếp. Lãi suất thanh toán chậm được tính từ ngày mà lẽ ra phải thanh toán cho đến ngày thanh toán thực tế và mức lãi suất áp dụng là mức lãi suất hiện hành đối với các khoản vay thương mại bằng VND.</p> <p>13.2. Việc giảm trừ thanh toán trên cơ sở chất lượng dịch vụ thực hiện theo quy định tại E-ĐKCT.</p> <p>13.3. Đồng tiền thanh toán là: VND.</p>
<p>14. Sử dụng các tài liệu và thông tin liên quan đến hợp đồng</p>	<p>14.1. Chủ đầu tư và Nhà thầu phải bảo mật bất kỳ tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin nào khác liên quan đến hợp đồng do một bên cung cấp trực tiếp hoặc gián tiếp cho bên kia, không được tiết lộ tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó cho bên thứ ba nếu không có văn bản đồng ý của bên kia cho dù tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó được cung cấp trước, trong hoặc sau khi hoàn thành hoặc chấm dứt hợp đồng. Nhà thầu có thể chuyển cho Nhà thầu phụ các tài liệu, dữ liệu và thông tin phù hợp do Chủ đầu tư cung cấp để Nhà thầu phụ thực hiện công việc của mình theo hợp đồng; trong trường hợp này, Nhà thầu phụ phải có cam kết với Nhà thầu về việc bảo mật các tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó.</p> <p>14.2. Chủ đầu tư không được sử dụng các tài liệu, dữ liệu và thông tin khác nhận được từ Nhà thầu cho bất kỳ mục đích nào khác không liên quan đến hợp đồng. Nhà thầu không được sử dụng các tài liệu, dữ liệu và thông tin khác nhận được từ Chủ đầu tư cho bất kỳ mục đích nào khác không liên quan đến việc thực hiện hợp đồng.</p> <p>14.3. Nghĩa vụ của Chủ đầu tư và Nhà thầu quy định tại Mục 14.1 E-ĐKC và Mục 14.2 E-ĐKC không áp dụng đối với các thông tin sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> a) Thông tin mà Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu cần cung cấp cho cấp có thẩm quyền; b) Thông tin đã hoặc sẽ được công bố mà không phải do lỗi của Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu; c) Thông tin thuộc sở hữu của một bên vào thời điểm công bố và trước đó không phải do bên kia cung cấp trực tiếp hoặc gián tiếp; d) Thông tin mà một bên nhận được một cách hợp pháp từ một bên thứ ba không có nghĩa vụ bảo mật thông tin. <p>14.4. Các quy định tại Mục 14 E-ĐKC không làm thay đổi bất</p>

	<p>kỳ cam kết bảo mật nào do một bên đưa ra trước ngày ký hợp đồng liên quan đến việc cung cấp dịch vụ.</p> <p>14.5. Các quy định tại Mục 14 E-ĐKC tiếp tục có hiệu lực sau khi hoàn thành hoặc chấm dứt hợp đồng vì bất cứ lý do gì.</p>
<p>15. Phạt và bồi thường thiệt hại</p>	<p>Phạt vi phạm hợp đồng và bồi thường thiệt hại theo quy định tại E-ĐKCT.</p>
<p>16. Bất khả kháng</p>	<p>16.1. Nhà thầu không bị tịch thu bảo lãnh thực hiện hợp đồng, không phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại hay bị phạt hoặc bị chấm dứt hợp đồng nếu rơi vào các sự kiện bất khả kháng gây cản trở tiến độ thực hiện hợp đồng hoặc không thể thực hiện nghĩa vụ hợp đồng.</p> <p>16.2. Khi xảy ra sự việc bất khả kháng, việc một bên không thực hiện được bất kỳ một nghĩa vụ nào của mình sẽ không bị coi là vi phạm hay phá vỡ Hợp đồng, với điều kiện bên bị ảnh hưởng bởi vụ việc này: (a) đã tiến hành những biện pháp ngăn ngừa hợp lý, cẩn trọng và các biện pháp thay thế cần thiết, tất cả với mục đích thực hiện được những điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này, và (b) phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ của mình trong phạm vi Hợp đồng chừng nào việc thực hiện này còn hợp lý và thực tế.</p> <p>16.3. Trong hợp đồng này, bất khả kháng được hiểu là các sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên và không thể lường trước, không thể tránh được và khiến cho việc thực hiện hợp đồng là không khả thi mà nguyên nhân không phải do sơ suất hoặc thiếu chú ý của các bên. Sự kiện bất khả kháng có thể bao gồm nhưng không giới hạn bởi chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch hoặc các chính sách, quy định của Nhà nước.</p> <p>16.4. Khi xảy ra sự kiện bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện trong vòng 14 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng. Đồng thời, chuyên cho bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng.</p> <p>Nhà thầu bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để hạn chế hậu quả của sự việc bất khả kháng.</p> <p>16.5. Thời hạn mà một bên phải hoàn thành một công việc theo Hợp đồng này được gia hạn thêm một khoảng thời gian bằng đúng thời gian bên đó không thể thực hiện được công việc do</p>

	<p>sự kiện bất khả kháng gây ra.</p>
<p>17. Sửa đổi hợp đồng</p>	<p>17.1 Việc sửa đổi hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Bổ sung hạng mục công việc cần thiết ngoài phạm vi công việc quy định trong hợp đồng; b) Thay đổi thời gian thực hiện hợp đồng; c) Các nội dung khác quy định tại E-ĐKCT. <p>17.2</p> <p>. Chủ đầu tư và Nhà thầu sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết văn bản sửa đổi hợp đồng trong trường hợp sửa đổi hợp đồng.</p> <p>17.3. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, Nhà thầu có thể đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí bao gồm ít nhất các nội dung sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Nội dung giải pháp, giải thích sự khác biệt so với các yêu cầu theo hợp đồng đã ký kết. b) Phân tích toàn diện chi phí và lợi ích của giải pháp bao gồm mô tả và ước tính các chi phí (bao gồm cả chi phí vòng đời, nếu có) có thể phát sinh cho Chủ đầu tư. c) Tác động của giải pháp đối với hiệu quả thực hiện hợp đồng. <p>17.4. Chủ đầu tư có thể chấp thuận đề xuất của Nhà thầu nếu đề xuất này chứng minh được một trong các lợi ích dưới đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Rút ngắn thời gian thực hiện dịch vụ; b) Giảm giá hợp đồng hoặc chi phí vòng đời cho Chủ đầu tư; c) Nâng cao chất lượng, hiệu quả, an toàn hoặc tính bền vững của dịch vụ; d) Bất kỳ lợi ích nào khác cho Chủ đầu tư. <p>Trường hợp đề xuất của Nhà thầu được Chủ đầu tư chấp thuận và làm giảm giá hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu theo tỷ lệ quy định tại E-ĐKCT đối với phần giá trị giảm giá hợp đồng.</p> <p>Trường hợp đề xuất của Nhà thầu được Chủ đầu tư chấp thuận và làm tăng giá hợp đồng nhưng giảm chi phí vòng đời do tác động của các yếu tố quy định tại các điểm a, b, c và d Mục này, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu theo phần giá trị tăng giá hợp đồng.</p>
<p>18. Điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng</p>	<p>Trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên được điều chỉnh các mốc thời gian hoàn thành các nội dung quy định cụ thể trong hợp đồng trong các trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Trường hợp bất khả kháng hoặc phát sinh các điều kiện bất

	<p>lợi, cản trở Nhà thầu trong việc thực hiện hợp đồng và không liên quan đến vi phạm hoặc sơ suất của các bên tham gia hợp đồng;</p> <p>b) Thay đổi, điều chỉnh dự án, phạm vi công việc, phạm vi cung cấp, thiết kế, giải pháp thi công chủ đạo, biện pháp cung cấp do yêu cầu khách quan làm ảnh hưởng đến tiến độ hợp đồng;</p> <p>c) Một hoặc các bên đề xuất sáng kiến, cải tiến thực hiện hợp đồng mà cần thay đổi tiến độ nhằm mục đích mang lại lợi ích cao hơn cho Chủ đầu tư;</p> <p>d) Việc bàn giao mặt bằng không đúng với thỏa thuận trong hợp đồng, tạm dừng hợp đồng do lỗi của Chủ đầu tư ảnh hưởng đến tiến độ hợp đồng mà không do lỗi của nhà thầu;</p> <p>đ) Tạm dừng thực hiện công việc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà không do lỗi của Chủ đầu tư, Nhà thầu;</p> <p>e) Các trường hợp khác quy định tại E-ĐKCT.</p> <p>Khi điều chỉnh các mốc thời gian hoàn thành mà không vượt thời gian thực hiện hợp đồng thì Chủ đầu tư và Nhà thầu thỏa thuận, thống nhất việc điều chỉnh; trường hợp vượt thì Chủ đầu tư và Nhà thầu chỉ được thỏa thuận, thống nhất việc điều chỉnh sau khi được người có thẩm quyền cho phép.</p>
<p>19. Chấm dứt hợp đồng</p>	<p>19.1. Chấm dứt hợp đồng do sai phạm</p> <p>a) Chủ đầu tư có thể chấm dứt một phần hoặc toàn bộ hợp đồng mà không gây tổn hại đến các biện pháp khắc phục vi phạm hợp đồng khác bằng cách thông báo bằng văn bản cho Nhà thầu về sai phạm trong hợp đồng trong các trường hợp sau:</p> <p>(i) Nhà thầu không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Chủ đầu tư gia hạn;</p> <p>(ii) Nhà thầu không thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào khác theo hợp đồng;</p> <p>(iii) Nhà thầu bị mất khả năng thanh toán hoặc phá sản;</p> <p>(iv) Có bằng chứng cho thấy Nhà thầu đã vi phạm một trong các hành vi bị cấm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu trong quá trình đấu thầu hoặc thực hiện Hợp đồng.</p> <p>b) Trong trường hợp Chủ đầu tư chấm dứt việc thực hiện một phần hay toàn bộ hợp đồng theo điểm a Mục 19.1 E-ĐKC, Chủ đầu tư có thể ký hợp đồng với Nhà thầu khác để thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt đó. Nhà thầu sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Chủ đầu tư những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt này. Tuy nhiên, Nhà thầu vẫn</p>

	<p>phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng không bị chấm dứt và chịu trách nhiệm đối với phần hợp đồng do mình thực hiện.</p> <p>c) Nhà thầu có thể chấm dứt hợp đồng bằng cách gửi văn bản thông báo cho Chủ đầu tư trong vòng ba mươi (30) ngày trong các trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nếu Chủ đầu tư không thanh toán bất kỳ khoản tiền nào phải trả cho Nhà thầu theo Hợp đồng và không có tranh chấp theo Mục 22 E-ĐKC về việc này trong vòng sáu mươi (60) ngày sau khi nhận được thông báo bằng văn bản của Nhà thầu về việc quá hạn thanh toán; - Nếu vì lý do bất khả kháng, trong thời gian không dưới sáu mươi (60) ngày, Nhà thầu không thể thực hiện được hợp đồng. <p>19.2. Chấm dứt hợp đồng do mất khả năng thanh toán</p> <p>Trường hợp Nhà thầu phá sản hoặc mất khả năng thanh toán, Chủ đầu tư có thể chấm dứt hợp đồng vào bất kỳ thời điểm nào bằng cách gửi thông báo cho Nhà thầu. Trong trường hợp đó, hợp đồng sẽ chấm dứt và Nhà thầu không được bồi thường với điều kiện là việc chấm dứt hợp đồng không gây tổn hại hoặc ảnh hưởng đến bất kỳ quyền khởi kiện hoặc biện pháp khắc phục của Chủ đầu tư trước đó hoặc sau đó.</p>
<p>20. Phát hiện và khắc phục sai sót</p>	<p>20.1. Chủ đầu tư thực hiện đánh giá chất lượng dịch vụ phi tư vấn theo nguyên tắc và cách thức như quy định tại E-ĐKCT. Chủ đầu tư có thể hướng dẫn Nhà thầu tự đánh giá và phát hiện sai sót, kiểm tra nội dung công việc mà Chủ đầu tư cho rằng có thể có sai sót. Thời hạn trách nhiệm đối với sai sót được quy định tại E-ĐKCT.</p> <p>20.2. Trường hợp phát sinh sai sót trong quá trình Nhà thầu cung cấp dịch vụ phi tư vấn, trước khi kết thúc hợp đồng, Chủ đầu tư thông báo cho Nhà thầu về các sai sót cần khắc phục.</p> <p>Khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư, Nhà thầu có trách nhiệm kịp thời khắc phục sai sót trong khoảng thời gian hợp lý mà Chủ đầu tư quy định trong thông báo. Trường hợp Nhà thầu không khắc phục xong sai sót trong khoảng thời gian cho phép, Chủ đầu tư sẽ đánh giá chi phí cần thiết để khắc phục sai sót và yêu cầu Nhà thầu thanh toán, đồng thời phạt thực hiện hợp đồng đối với Nhà thầu như quy định tại Mục 15 E-ĐKC.</p>
<p>21. Nhân sự¹</p>	<p>21.1. Nhà thầu phải huy động tất cả nhân sự như đã đề xuất trong E-HSDT để thực hiện các nội dung công việc trừ trường hợp Chủ đầu tư có thỏa thuận khác. Trường hợp cần thiết phải</p>

	<p>thay đổi nhân sự thì Nhà thầu phải báo cáo và được sự chấp thuận của Chủ đầu tư. Nhân sự thay thế phải có năng lực, kinh nghiệm tương đương hoặc tốt hơn so với nhân sự đã đề xuất trước đó.</p> <p>21.2. Trường hợp nhân sự mất năng lực hành vi dân sự hoặc không hoàn thành tốt công việc của mình thì Chủ đầu tư có văn bản yêu cầu thay thế. Khi nhận được văn bản yêu cầu thay thế nhân sự của Chủ đầu tư, trong thời gian quy định tại E-ĐKCT, Nhà thầu phải thực hiện thay thế nhân sự có năng lực và kinh nghiệm tương đương hoặc tốt hơn. Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, mọi chi phí phát sinh do thay đổi nhân sự do Nhà thầu chịu.</p>
<p>22. Giải quyết tranh chấp</p>	<p>22.1. Chủ đầu tư và Nhà thầu có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.</p> <p>22.2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian quy định quy định tại E-ĐKCT kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế được quy định tại E-ĐKCT.</p>

Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Trừ khi có quy định khác, toàn bộ E-ĐKCT phải được Chủ đầu tư ghi đầy đủ trước khi phát hành E-HSMT.

E-ĐKC 1.3	<p>Chủ đầu tư là: Công Ty TNHH MTV Nhôm Lâm Đồng-TKV</p> <p>- Địa chỉ: Đường Phan Đình Phùng, tổ 15, xã Bảo Lâm 1, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.</p> <p>-Điện thoại : 02633.961682 - Fax : 02633.961680</p> <p>-Mã số thuế: 5800939133</p> <p>-Tài khoản : 119000065124 tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Bảo Lộc - Phòng giao dịch Bảo Lâm</p> <p>- Đại diện : Ông - Chức vụ: Giám đốc</p>
E-ĐKC 1.5	<p>Địa điểm cung cấp dịch vụ là: Mỏ bauxit khu Tây Tân Rai, Lâm Đồng, Công Ty TNHH MTV Nhôm Lâm Đồng-TKV</p>
E-ĐKC 1.11	<p>Nhà thầu: _____ [ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Nhà thầu].</p>
E-ĐKC 2.2 (i)	<p>Các tài liệu sau đây cũng là một phần của Hợp đồng: _____ [liệt kê tài liệu].</p>
E-ĐKC 4.1	<p>Các thông báo cần gửi về Bên mời thầu theo địa chỉ dưới đây:</p> <p>- Người nhận: Công Ty TNHH MTV Nhôm Lâm Đồng-TKV.</p> <p>- Địa chỉ: Đường Phan Đình Phùng, tổ 15, Xã Bảo Lâm 1, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.</p> <p>- Điện thoại: 0919.336.579</p> <p>- Fax:</p> <p>- Địa chỉ email: nguyenthang286.tt@gmail.com</p>
E-ĐKC 5.2	<p>- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 3% giá hợp đồng.</p> <p>- Hiệu lực của bảo đảm thực hiện Hợp đồng: Bảo đảm thực hiện Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực cho đến hết ngày 31/12/2026 (Thời hạn nộp bảo đảm thực hiện Hợp đồng: Trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày ký Hợp đồng)</p>

	- Trường hợp trước khi bảo đảm hợp đồng hết hiệu lực 03 ngày mà các nội dung công việc theo hợp đồng chưa được hoàn thiện, nghiệm thu bàn giao, chuyển sang nghĩa vụ bảo hành thì Bên Nhà thầu phải gia hạn thời gian hiệu lực của bảo đảm thực hiện Hợp đồng cho đến khi kết thúc, nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng.
E-ĐKC 5.4	Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: Ngay sau khi hoặc không chậm hơn 30 ngày kể từ khi được nghiệm thu, bàn giao
E-ĐKC 6.1	Danh sách Nhà thầu phụ:
E-ĐKC 6.2	Giá trị công việc mà Nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: 10% giá hợp đồng
E-ĐKC 6.4	Nêu các yêu cầu cần thiết khác về Nhà thầu phụ [<i>ghi yêu cầu khác về Nhà thầu phụ (nếu có)</i>].
E-ĐKC 10.1	Loại hợp đồng: Đơn giá điều chỉnh
E-ĐKC 10.2	<p>Giá hợp đồng: Độ trượt giá</p> <p>Giá Hợp đồng được tính trượt giá và thực hiện như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trượt giá Hợp đồng chỉ được áp dụng trong thời gian Hợp đồng còn hiệu lực; - Trượt giá Hợp đồng được tính từ thời điểm phát sinh yếu tố làm thay đổi giá và chỉ áp dụng đối với khối lượng được thực hiện theo đúng tiến độ ghi trong Hợp đồng hoặc tiến độ được điều chỉnh theo quy định tại Mục 18 E-ĐKC. Không tính trượt giá cho các khối lượng công việc trong Hợp đồng tương ứng với số tiền đã tạm ứng Hợp đồng; - Trượt giá Hợp đồng trong thời gian thực hiện Hợp đồng nhằm phản ánh những thay đổi về đơn giá nhiên liệu. Đơn giá và giá trị hợp đồng được xác định tương ứng với mức giá nhiên liệu là: 18.750 đồng/lít dầu Diesel (giá chưa bao gồm thuế GTGT). Việc tính trượt giá Hợp đồng sẽ được thực hiện theo công thức cụ thể: <p style="text-align: center;">Giá trị thanh toán = Khối lượng nghiệm thu x Đơn giá thanh toán.</p> <p style="text-align: center;">Trong đó:</p> <p>+ Đơn giá thanh toán = Đơn giá ký hợp đồng ± Δ do thay đổi giá</p>

	<p>nhiên liệu.</p> <p>+ Δ do thay đổi giá nhiên liệu = Tiêu hao nhiên liệu x (Đơn giá nhiên liệu tại thời điểm thực hiện công việc - Đơn giá nhiên liệu kết cấu trong đơn giá hợp đồng).</p> <p>+ Tiêu hao nhiên liệu: Tiêu hao nhiên liệu đối với từng công việc quy định cụ thể như Biểu kèm theo hợp đồng.</p> <p>+ Đơn giá nhiên liệu tại thời điểm thực hiện công việc: Theo giá bán trên thị trường (chưa bao gồm thuế GTGT) của Tập đoàn xăng dầu Việt Nam (https://www.petrolimex.com.vn/) tại thời điểm công việc được thực hiện và áp dụng đối với loại Dầu diesel (DO 0,05S-II vùng 2).</p> <p>+ Đối với những lần điều chỉnh đơn giá xăng dầu của Petrolimex, đơn giá nhiên liệu thanh toán sẽ áp dụng tại thời điểm ca/ngày có thời gian điều chỉnh giá chiếm tỷ trọng >50% thời gian trong ca/ngày đó.</p> <p>* Tùy theo cung độ thực tế thực hiện sẽ áp dụng đơn giá thanh toán (được điều chỉnh theo nguyên tắc nêu trên) tương ứng với từng dải cung độ quy định tại Biểu 03 kèm theo Hợp đồng.</p> <p>* Trường hợp phát sinh đối với khối lượng công việc vận chuyển có cung độ khác hợp đồng (mà có trong khoảng cung độ của hợp đồng) thì đơn giá được xác định theo công thức nội suy như sau:</p> $Z_n = Z_{n+1} + [(Z_{n-1} - Z_{n+1}) \times (m_{n+1} - m_n) / (m_{n+1} - m_{n-1})]$ <p>Trong đó:</p> <p>+ Z_n, Z_{n+1}, Z_{n-1}: Đơn giá thanh toán, đơn giá thanh toán tương ứng cung độ cận trên, đơn giá thanh toán tương ứng cung độ cận dưới có trong hợp đồng đã được điều chỉnh do thay đổi giá nhiên liệu (như tính toán theo phương pháp điều chỉnh đơn giá nêu trên);</p> <p>+ m_n, m_{n+1}, m_{n-1}: Cung độ vận chuyển đất đá, quãng tương ứng với đơn giá.</p>
E-ĐKC 11	<p>Điều chỉnh thuế: Được phép</p> <p>Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời Nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch của chính sách về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng</p>

	<p>Giá gói thầu tạm xác định với thuế GTGT 8% trong quá trình thực hiện khi chính sách thay đổi, thuế GTGT đối với khối lượng các công việc thực hiện ở thời điểm nào thì sẽ áp dụng mức thuế suất theo quy định của Nhà nước tại thời điểm nghiệm thu hoàn thành công việc đó.</p>
E-ĐKC 12.1	Tạm ứng: Không tạm ứng
E-ĐKC 13.1	<p>- Phương thức thanh toán: Hàng tháng trên cơ sở bảng xác định giá trị thanh toán Bên A sẽ thanh toán cho Bên B 95% giá trị được tạm xác định, sau khi đã giảm trừ các khoản khấu trừ khác (nếu có) trong vòng 60 ngày làm việc kể từ ngày Bên A nhận được đầy đủ hồ sơ, chứng từ thanh toán hợp lệ từ Bên B;</p> <p>- Kết thúc hàng năm, trên cơ sở khối lượng khai thác đã được Tập đoàn TKV thông qua cho Bên A, hai bên tiến hành nghiệm thu, quyết toán giá trị. Trong vòng 60 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ chứng từ thanh toán, Bên A sẽ thanh toán cho Bên B 100% giá trị quyết toán sau khi khấu trừ giá trị Bên A đã tạm thanh toán hàng tháng cho Bên B.</p> <p>- Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.</p>
E-ĐKC 13.2	<p>- Giảm trừ thanh toán: Áp dụng</p> <p>- Nội dung giảm trừ Thanh toán: Áp dụng trong trường hợp Nhà thầu không thực hiện đầy đủ Phạm vi công việc theo quy định của E- HSMT hoặc các trường hợp khác do hai bên thỏa thuận</p>
E-ĐKC 15	<p>Căn cứ quy mô, tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định cụ thể nội dung này theo một trong các cách thức sau:</p> <p>1. Phạm vi phạm Hợp đồng: Áp dụng</p> <p>Trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định tại Mục 16 E-ĐKC, nếu Nhà thầu không thực hiện một phần hay toàn bộ nội dung công việc theo đúng thời hạn đã nêu trong hợp đồng thì Bên mời thầu có thể khấu trừ vào giá hợp đồng một khoản tiền phạt tương ứng với: 1%/ngày cho đến khi nội dung công việc đó được thực hiện. Chủ đầu tư sẽ khấu trừ đến 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm. Khi đạt đến mức phạt tối đa, Chủ đầu tư có thể xem xét chấm dứt hợp đồng theo quy định tại Mục 19 E-ĐKC.</p> <p>Trường hợp không kịp thời khắc phục sai sót theo thông báo của Chủ đầu tư, Nhà thầu có trách nhiệm nộp tiền phạt thực</p>

	<p>hiện hợp đồng tương ứng với 100% chi phí cần thiết để khắc phục sai sót.</p> <p>2. Bồi thường thiệt hại: Áp dụng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp Bên B làm hư hỏng vật tư, thiết bị của Bên A thì Bên B có trách nhiệm bồi hoàn cho Bên A thiết bị mới đúng quy cách, chủng loại/nguồn gốc, xuất xứ như thiết bị ban đầu của Bên A hoặc bồi hoàn giá trị bằng giá trị thiết bị thay thế tương đương của Bên A. - Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu Bên B thực hiện không đảm bảo chất lượng, tiến độ và/hoặc để xảy ra sự cố làm ảnh hưởng đến con người, hư hỏng tài sản, thiết bị của Bên A do lỗi của Bên B gây ra thì Bên B phải có trách nhiệm sửa chữa, khắc phục bằng chi phí của mình đồng thời Bên B phải bồi thường 100% giá trị thiệt hại khác (Giá trị thiệt hại được tính toán cụ thể theo thiệt hại thực tế và được hai bên thống nhất trường hợp hai bên không thống nhất thì thuê đơn vị thứ ba có chức năng và thẩm quyền xác định giá trị thiệt hại và chi phí thuê đơn vị thứ ba được tính vào chi phí bồi thường thiệt hại của Nhà thầu) cho Bên A. Trường hợp Bên B không thể khắc phục, Bên A sẽ thuê 1 đơn vị khác thực hiện và Bên B phải chịu toàn bộ chi phí khắc phục. - Trường hợp Bên B thực hiện không đáp ứng sản lượng theo kế hoạch của Bên A ban hành hàng tháng và đã thông báo cho Bên B thì phải bồi thường chi phí không đạt về sản lượng chi tiết cụ thể như Mục 9 chương V của E-HSMT.
E-ĐKC 17.1(c)	<p>Các nội dung khác về sửa đổi hợp đồng: Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, trường hợp phát sinh các hạng mục công việc ngoài phạm vi Hợp đồng hoặc cần điều chỉnh khối lượng, tiến độ thực hiện Hợp đồng, hai Bên sẽ cùng nhau xác nhận và thống nhất nội dung, khối lượng, tiến độ thực hiện bằng Biên bản làm việc làm cơ sở triển khai thực hiện. Bên B căn cứ nội dung, khối lượng công việc phát sinh lập dự toán và báo giá cho Bên A bằng văn bản. Bên A sẽ xem xét phê duyệt, tiến hành thương thảo ký kết Phụ lục bổ sung Hợp đồng làm cơ sở để thanh quyết toán Hợp đồng.</p>
E-ĐKC 17.4	<p>Trường hợp đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí được Chủ đầu tư chấp thuận và giúp giảm giá hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu 50% giá trị giảm giá hợp đồng.</p>
E-ĐKC 18 (e)	<p>Các trường hợp khác: _____ [ghi các trường hợp khác (nếu có) phù hợp với quy định của pháp luật]</p>

E-ĐKC 20.1	<p>Chủ đầu tư thực hiện đánh giá chất lượng dịch vụ phi tư vấn theo nguyên tắc và cách thức như sau: Trên cơ sở kết quả tiến độ và chất lượng thực hiện các nội dung công việc của bên Nhà thầu. Bên mời thầu/Chủ đầu tư cử cán bộ giám sát, quản lý dự án Nhà thầu trong quá trình cung cấp thực hiện dịch vụ; Nhà thầu có trách nhiệm phối hợp, tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra của cán bộ kỹ thuật của Bên mời thầu/Chủ đầu tư.</p> <p>Thời hạn trách nhiệm đối với sai sót: 20 ngày</p>
E-ĐKC 21.2	<p>Thời gian Nhà thầu thực hiện việc thay thế nhân sự: 03 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu thay thế nhân sự của chủ đầu tư</p>
E-ĐKC 22.2	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian để tiến hành hòa giải: 30 ngày - Giải quyết tranh chấp: Nếu phát sinh tranh chấp Hợp đồng không thể hòa giải, các bên sẽ gửi vấn đề lên trọng tài để xử lý tranh chấp theo các quy tắc của Việt Nam (hoặc Toà án Nhân dân) theo quy định của pháp luật. Quyết định của trọng tài (hoặc Toà án Nhân dân) là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc với các bên.

THƯ CHẤP THUẬN E-HSDT VÀ TRAO HỢP ĐỒNG⁽¹⁾

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____ [*Hệ thống trích xuất tên Nhà thầu trúng thầu*] (sau đây gọi tắt là “Nhà thầu”)

Về việc: *Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng*

Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của _____ [*Hệ thống trích xuất tên chủ đầu tư*] (sau đây gọi tắt là “Chủ đầu tư”) về việc phê duyệt kết quả lựa chọn Nhà thầu gói thầu _____ [*Hệ thống trích xuất tên, số hiệu gói thầu*], Chủ đầu tư thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng cho Nhà thầu để thực hiện gói thầu ____ [*Hệ thống trích xuất tên, số hiệu gói thầu. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần thì Hệ thống trích xuất tên, số hiệu của phần mà Nhà thầu được công nhận trúng thầu*] với giá hợp đồng là ____ [*Hệ thống trích xuất giá trúng thầu trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn Nhà thầu*] với thời gian thực hiện gói thầu là ____ [*Hệ thống trích xuất thông tin trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn Nhà thầu*].

Đề nghị đại diện hợp pháp của Nhà thầu tiến hành hoàn thiện và ký kết hợp đồng với Chủ đầu tư theo kế hoạch như sau:

Trường hợp hoàn thiện hợp đồng thông qua phương tiện điện tử:

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng: ____ [*ghi thời gian hoàn thiện hợp đồng*];
- Địa chỉ phương tiện điện tử: ____ [*ghi đường link, tên đăng nhập, mật khẩu (nếu có)...*];
- Việc ký biên bản hoàn thiện hợp đồng (nếu có) thực hiện trên Hệ thống.

Trường hợp hoàn thiện hợp đồng trực tiếp:

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng: ____ [*ghi thời gian hoàn thiện hợp đồng*], tại địa điểm⁽²⁾ ____ [*ghi địa điểm hoàn thiện hợp đồng*].

Đề nghị Nhà thầu thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo Mẫu số 15 Chương VIII của E-HSMT với số tiền ____ và thời gian hiệu lực ____ [*ghi số tiền tương ứng và thời gian có hiệu lực theo quy định tại Mục 5.2 E-ĐKCT của E-HSMT*].

Văn bản này là một phần không thể tách rời của hồ sơ hợp đồng. Sau khi nhận được văn bản này, Nhà thầu hoàn thiện, ký kết hợp đồng và thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo yêu cầu nêu trên. Chủ đầu tư sẽ từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng với Nhà thầu trong trường hợp phát hiện năng lực hiện tại của Nhà thầu không đáp ứng yêu cầu thực hiện gói thầu.

Nếu đến ngày___tháng___năm___⁽³⁾ mà Nhà thầu không tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu nêu trên thì Nhà thầu sẽ bị loại và không được nhận lại bảo đảm dự thầu.

Ghi chú:

(1) Trong quá trình hoàn thiện hợp đồng, các bên phải điền đầy đủ và đưa toàn bộ nội dung, bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn Nhà thầu, hoàn thiện hợp đồng (nếu có) vào điều kiện cụ thể của hợp đồng để hình thành tài liệu hợp đồng điện tử.

(2) Khuyến khích thực hiện hoàn thiện hợp đồng qua phương tiện điện tử. Trường hợp việc hoàn thiện hợp đồng thực hiện trực tiếp thì Chủ đầu tư điền thông tin về địa điểm (văn phòng, cơ quan Chủ đầu tư...) để Nhà thầu đến tiến hành hoàn thiện hợp đồng.

(3) Ghi thời gian phù hợp với thời gian quy định trong Mẫu bảo lãnh dự thầu.

HỢP ĐỒNG ⁽¹⁾

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Hợp đồng số: _____ [*Chủ đầu tư/đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin*]Gói thầu: _____ [*Hệ thống trích xuất theo thông báo kết quả lựa chọn Nhà thầu*]Thuộc dự án: _____ [*Hệ thống trích xuất theo thông báo kết quả lựa chọn Nhà thầu*]- Căn cứ⁽²⁾ ____ (*Bộ luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015*) [*Chủ đầu tư kê khai thông tin*];- Căn cứ⁽²⁾ ____ (*Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 06 năm 2023 (được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15)*) [*Chủ đầu tư kê khai thông tin*];- Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của ____ về việc phê duyệt kết quả lựa chọn Nhà thầu gói thầu ____ [*ghi tên gói thầu*] và Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của Chủ đầu tư; [*Hệ thống trích xuất theo thông báo kết quả lựa chọn Nhà thầu*]- Căn cứ biên bản hoàn thiện hợp đồng đã được Chủ đầu tư và Nhà thầu trúng thầu ký ngày ____ tháng ____ năm ____; [*Chủ đầu tư kê khai thông tin*]- Các căn cứ khác (nếu có). [*Hệ thống để trường ký tự để Chủ đầu tư/Đơn vị được ủy quyền và Nhà thầu tự kê khai*]

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

*Đối với trường hợp Chủ đầu tư trực tiếp ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng với Nhà thầu:***Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A)**Tên Chủ đầu tư: _____ [*Hệ thống trích xuất*]Địa chỉ: _____ [*Hệ thống trích xuất*]Điện thoại: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Fax: _____

⁽¹⁾ Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung hợp đồng theo mẫu này có thể sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, đặc biệt là đối với các nội dung khi hoàn thiện hợp đồng có sự khác biệt so với E-ĐKCT.

⁽²⁾ Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

E-mail: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Tài khoản: _____; [*Chủ đầu tư kê khai thông tin*]

Mã số thuế: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Đại diện là ông/bà: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Chức vụ: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Đối với trường hợp Chủ đầu tư ủy quyền ký kết và quản lý hợp đồng:

Chủ đầu tư

Tên Chủ đầu tư: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Địa chỉ: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Điện thoại: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Fax: _____

E-mail: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Tài khoản: _____; [*Chủ đầu tư kê khai thông tin*]

Mã số thuế: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Đại diện là ông/bà: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Chức vụ: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Đơn vị được ủy quyền (sau đây gọi là Bên A)

Tên Đơn vị được ủy quyền: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Địa chỉ: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Điện thoại: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Fax: _____

E-mail: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Tài khoản: _____; [*Đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin*]

Mã số thuế: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Đại diện là ông/bà: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Chức vụ: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ___ ngày ___ tháng ___ năm ___ (*trường hợp được ủy quyền*) [*Đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin*].

Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

Tên Nhà thầu: _____ [*Chủ đầu tư kê khai*]

Địa chỉ: _____ [Hệ thống trích xuất]

Điện thoại: _____ [Hệ thống trích xuất]

Fax: _____

E-mail: _____ [Hệ thống trích xuất]

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____ [Hệ thống trích xuất]

Đại diện là ông/bà: _____ [Hệ thống trích xuất]

Chức vụ: _____ [Hệ thống trích xuất]

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Đối tượng của hợp đồng là cung cấp các dịch vụ được nêu chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng (kèm theo Phạm vi cung cấp và bảng giá cùng các Phụ lục khác);
2. Biên bản hoàn thiện hợp đồng;
3. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn Nhà thầu;
4. E-ĐKCT của hợp đồng;
5. E-ĐKC của hợp đồng;
6. E-HSDT và các văn bản làm rõ E-HSDT của Nhà thầu trúng thầu (nếu có);
7. E-HSMT và các tài liệu sửa đổi E-HSMT (nếu có);
8. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

Điều 3. Trách nhiệm của Bên A

- Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng quy định tại Điều 5 của hợp đồng này theo phương thức được quy định tại E-ĐKCT của hợp đồng cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định tại E-ĐKC và E-ĐKCT của hợp đồng.

- Khi có kế hoạch cụ thể, Bên A có trách nhiệm thông báo cho Bên B về thời gian bắt đầu triển khai và tiến độ thực hiện để Bên B chuẩn bị các điều kiện về nhân lực, thiết bị triển khai thực hiện. Bàn giao toàn bộ mặt bằng đảm bảo cho Bên B có thể thực hiện liên tục.

- Cử các nhân viên của mình để thực hiện chức năng quản lý, giám sát, nghiệm thu quá trình thực hiện Hợp đồng của Bên B.

- Xem xét, giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện trên cơ sở kiến nghị của Bên B, Bên A có thể đưa ra cho Bên B bất kỳ lúc nào trong thời gian thực hiện Hợp đồng các chỉ dẫn hoặc sửa đổi cần thiết cho việc sửa chữa. Bên A sẽ giải quyết các vấn đề về phát sinh công việc (tăng hoặc giảm khối lượng và thời gian thực hiện), kiến nghị kịp thời với Bên B về những sai lệch của Bên B (nếu có).

- Giúp Bên B giải quyết các vấn đề liên quan đến mặt bằng kho để vật liệu, nguồn điện, nguồn nước phục vụ sửa chữa.

- Trường hợp chất lượng công việc do Bên B thực hiện không đạt các yêu cầu quy định của Hợp đồng thì Bên A có quyền không nghiệm thu và có quyền yêu cầu Bên B phải làm lại cho đúng chất lượng.

- Bên A chỉ chấp nhận nghiệm thu, thanh quyết toán cho Bên B các hạng mục hoàn thành đảm bảo đáp ứng các yêu cầu theo Hợp đồng.

- Tổ chức nghiệm thu hoàn thành công việc và thanh toán cho Bên B theo quy định của Hợp đồng.

- Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo Hợp đồng.

Điều 4. Trách nhiệm của Bên B

- Bên B cam kết cung cấp cho Bên A đầy đủ các dịch vụ như quy định tại Điều 1 của hợp đồng này, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.

- Bố trí đầy đủ nhân lực, vật tư, thiết bị đảm bảo triển khai thực hiện công tác sửa chữa đúng phương án đảm bảo chất lượng, tiến độ.

- Bên B có trách nhiệm lập hồ sơ biện pháp tổ chức thi công, an toàn lao động và vệ sinh môi trường trong quá trình thực hiện. Biện pháp thi công phải được Bên A phê duyệt trước khi thực hiện.

- Trong quá trình sửa chữa, Bên B nếu có nhu cầu sử dụng nguồn điện nước của Bên A thì phải được sự đồng ý của Bên A mới được tiến hành đấu nối sử dụng.

- Trước khi thực hiện các công việc kết nối với các hạng mục công việc sửa chữa liên quan, Bên B phải phối hợp với Bên A để xác định thời gian và chuẩn bị các điều kiện thực hiện. Bên B chỉ được thực hiện kết nối công việc liên quan khi có xác nhận đồng ý của Bên A.

- Trường hợp chất lượng công việc do Bên B thực hiện không đạt các yêu cầu quy định của Hợp đồng thì Bên B phải làm lại cho đúng chất lượng và phải chịu mọi chi phí làm lại.

- Bên B thừa nhận mình là Bên Nhà thầu dịch vụ độc lập. Vì vậy, Bên A không chịu trách nhiệm cho bất kỳ thương tích, tàn tật hay tử vong cho nhân viên của Bên B trong tất cả các trường hợp.

- Thực hiện nghiêm túc và chịu phạt nếu vi phạm theo quy định hiện hành của Bên A về quản lý đơn vị thuê ngoài trong công tác an toàn lao động.

- Không được sử dụng lao động ngoài danh sách đăng ký, lao động chưa được huấn luyện an toàn đầy đủ các bước vào làm việc trong phạm vi quản lý của Bên A; Thực hiện nghiêm túc cam kết không sử dụng lao động của Bên A để thực hiện các công việc trong phạm vi hoạt động sản xuất của Bên A.

- Dọn dẹp vệ sinh mặt bằng công trình sạch sẽ, vận chuyển phế thải ra khỏi mặt bằng công trình đến đúng nơi quy định (Trong trường hợp Bên B không thực hiện đúng nội dung trên, Bên A sẽ chủ động thuê đơn vị khác để dọn dẹp vệ sinh và chi phí dọn dẹp vệ sinh cụ thể sẽ được trừ vào giá trị quyết toán của Bên B).

- Đảm bảo các nội dung thông tin về Tên, địa chỉ, mã số thuế, tài khoản liên quan đến tư cách pháp nhân của Bên B đã được đăng ký theo quy định của Pháp luật; Tự chịu trách nhiệm về các khoản thuế liên quan đến Hợp đồng này theo quy định hiện hành của Nhà nước.

- Bên B sẽ phải lập đầy đủ các hồ sơ nghiệm thu kỹ thuật, hồ sơ thanh quyết toán theo đúng quy định của Hợp đồng để trình cho Bên A xem xét nghiệm thu, thanh toán.

- Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo Hợp đồng.

Điều 4 : Về nhân sự và thiết bị :

1. Nhân sự, thiết bị:

- Bên B phải sử dụng nhân sự, thiết bị đúng và đủ theo E-HSDT, trường hợp có sự thay đổi nhân sự, thiết bị khác so với E-HSDT, Bên B phải có văn bản đề nghị thay đổi và được sự chấp thuận của Bên A ngoài ra Bên B phải cung cấp đầy đủ hồ sơ/tài liệu chứng minh nhân sự, thiết bị thay thế có năng lực tối thiểu bằng hoặc hơn so với đề xuất theo E-HSDT, hồ sơ/tài liệu tối thiểu và không giới hạn mà Bên B cung cấp/bổ sung thay thế bao gồm:

+ Bản gốc (hoặc bản chụp được chứng thực) các loại Văn bằng, Chứng chỉ đào tạo, Quyết định bổ nhiệm Cán bộ/ Giấy xác nhận của Bên B/ Hồ sơ nghiệm thu hoàn thành, đối với tất cả nhân sự do Bên B đề xuất thay đổi.

+ Bản gốc (hoặc bản chụp được chứng thực) các loại hồ sơ/tài liệu (là các hợp đồng mua bán hoặc thuê thiết bị và/hoặc hóa đơn GTGT và/hoặc Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng thiết bị;...) của tất cả các loại thiết bị do Bên B đề xuất thay đổi.

- Ngoài nhân sự đã đề xuất trong E-HSDT, Bên B được phép đề xuất bổ sung thêm công nhân lao động phổ thông để thực hiện một số công việc dọn dẹp vệ sinh trong quá trình thi công công trình. Bên B phải có sự đăng ký theo quy định của Bên A và được sự cho phép của Bên A.

- Hàng tháng Bên A sẽ có văn bản yêu cầu giao kế hoạch bao gồm giao khu vực diện khai thác, bóc phủ; giao sản lượng khai thác quặng, khối lượng bóc đất phủ kèm theo các yêu cầu về thiết bị, xe ô tô vận tải và nhân lực lái máy, lái xe ô tô kèm theo để thực hiện đảm bảo khối lượng trong tháng và Bên A sẽ kiểm tra các thiết bị và nhân sự bố trí của Bên B làm cơ sở đánh giá việc bố trí thiết bị đáp ứng thực hiện gói thầu.

2. Quản lý thay đổi nhân sự chủ chốt và thiết bị thi công:

- Nhà thầu phải bố trí nhân sự chủ chốt và thiết bị thi công theo đúng danh sách, chủng loại và số lượng đã kê khai trong Hồ sơ dự thầu được Chủ đầu tư phê duyệt.

- Nhà thầu chỉ được thay đổi nhân sự chủ chốt hoặc thiết bị thi công trong các trường hợp bất khả kháng hoặc lý do chính đáng, đồng thời phải được Chủ đầu tư chấp thuận bằng văn bản trước khi thực hiện.

- Nhân sự chủ chốt: tối đa 30% tổng số nhân sự đã kê khai (mỗi nhân sự chỉ được phép thay đổi tối đa 2 lần);

- Thiết bị chính: tối đa 20% số lượng thiết bị đã kê khai (mỗi thiết bị chỉ được phép thay đổi tối đa 2 lần);

(Việc thay thế phải đảm bảo trình độ và năng lực tương đương hoặc cao hơn (nhân sự), công suất và chủng loại tương đương hoặc lớn hơn (thiết bị))

- Nhà thầu vi phạm giới hạn thay đổi hoặc không được chấp thuận sẽ bị:

+ Tạm dừng thi công cho đến khi nhà thầu khắc phục và bị áp dụng phạt bồi thường (nếu sản lượng không đạt theo yêu cầu của chủ đầu tư) theo mục 9, chương V của E-HSMT;

+ Ghi nhận vi phạm hợp đồng, xem xét áp dụng chế tài tài chính hoặc đánh giá không hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng khi nghiệm thu và/hoặc phạt vi phạm hợp đồng theo điều khoản E-ĐKC 15 của E-HSMT;

+ Sử dụng làm căn cứ đánh giá uy tín nhà thầu trong các gói thầu tiếp theo;

Điều 6. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán :

1. Giá hợp đồng: [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng].

- Giá trị hợp đồng tương ứng với giá nhiên liệu (chưa bao gồm thuế GTGT) là 18.750 đồng/lít dầu Diesel 0,05s-II vùng II.

- Đơn giá đối với các công việc vận chuyển tương ứng với từng cung độ khác nhau chi tiết như Biểu 02 và Biểu 03 đính kèm Hợp đồng.

2. Phương thức thanh toán: [ghi phương thức thanh toán theo quy định tại Mục 13.1 E-ĐKCT].

Điều 7. Loại hợp đồng: Theo đơn giá điều chỉnh.

Điều 8. Thời gian thực hiện hợp đồng:

Thời gian huy động nhân lực, thiết bị để sẵn sàng thi công tại công trường: Tối đa 10 ngày kể từ ngày Bên mời thầu ra thông báo và Nhà thầu nhận được thông báo.

Tiến độ thi công: 12 tháng (từ ngày 1/1/2026 tới hết ngày 31/12/2026), Đơn vị thi công phải thi công liên tục 12 tháng trong năm, 3 ca/ngày, không được dừng khai thác trong bất cứ thời gian nào khi không có thông báo dừng khai thác của LDA. Trừ trường hợp bất khả kháng.

Điều 9. Giá trị và hiệu lực đảm bảo thực hiện hợp đồng:

- Quy định cụ thể tại E-ĐKC 5.2

- Lưu ý: Bên mời thầu sẽ tước thu toàn bộ giá trị bảo đảm thực hiện Hợp đồng trong các trường hợp sau:

- + Từ chối thực hiện Hợp đồng khi Hợp đồng đã có hiệu lực;
- + Thực hiện Hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện Hợp đồng;
- + Vi phạm thỏa thuận trong Hợp đồng;
- + Thực hiện Hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện Hợp đồng;
- + Trường hợp do lỗi của mình không được Bên mời thầu chấp thuận gia hạn, Nhà thầu chậm tiến độ quá 15 ngày;
- + Bên Nhà thầu không hoàn thành nghĩa vụ và trách nhiệm của mình theo Hợp đồng;
- + Trường hợp Nhà thầu thực hiện gói thầu vi phạm về hợp đồng, không còn đủ năng lực thực hiện hợp đồng làm ảnh hưởng nghiêm trọng tới tiến độ, chất lượng, hiệu quả của gói thầu (theo khoản 23, điều 140, Nghị định 214/2025/NĐ-C);
- + Bảo đảm thực hiện Hợp đồng sẽ được trả cho Bên mời thầu để bồi thường cho các tổn thất phát sinh do Bên Nhà thầu gây ra cho Bên mời thầu do không hoàn thành các nghĩa vụ Hợp đồng.

Điều 10 : Phương thức nghiệm thu sản phẩm:

1. Công tác nghiệm thu được thực hiện tuân thủ theo Quy định về công tác nghiệm thu sản phẩm khâu khai thác của Bên A quy định như sau:

- Quyết định số 2272/QĐ-TKV ngày 31/12/2020 của Tổng giám đốc Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam về việc Ban hành Quy định nghiệm thu thực hiện khối lượng mỏ khoáng sản của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

- Quyết định số 2390/QĐ-LDA ngày 15/12/2023 của Giám đốc Công ty TNHH MTV Nhôm Lâm Đồng - TKV về việc ban hành điều chỉnh quy định nghiệm thu sản phẩm, bán thành phẩm và đóng bao sản phẩm sản xuất alumin.

- Các quy định khác có liên quan do Bên A yêu cầu.

2. Sản phẩm quặng nguyên khai được công nhận là đã giao nộp cho Bên A khi đã vận chuyển đến kho quặng nguyên khai và/hoặc tại bunke của nhà máy tuyển của Bên A, được hai bên thống nhất chấp nhận.

3. Hàng tháng, hai bên sẽ lập biên bản nghiệm thu khối lượng thực hiện trong tháng sau khi Bên B hoàn chỉnh hồ sơ tài liệu nghiệm thu theo quy định và thông báo cho Bên A đã thực hiện khối lượng công việc theo thiết kế, các tài liệu chỉ dẫn của thiết kế và các tài liệu khác có liên quan làm cơ sở cho công tác tạm thanh toán giá trị khai thác mỏ.

4. Kết thúc năm, hai bên sẽ nghiệm thu tổng thể khối lượng xúc, vận chuyển để làm cơ sở thanh quyết toán. Khối lượng nghiệm thu được tách riêng cụ thể cho từng thời điểm có giá nhiên liệu khác nhau để phục vụ thanh toán.

5. Chất lượng quặng nguyên khai được nghiệm thu dựa trên kết quả lấy mẫu thực tế hàng tháng/quý ngoài hiện trường được phân tích tại Trung tâm hóa nghiệm của Bên giao thầu.

Điều 11. Điều chỉnh giá hợp đồng và điều chỉnh khối lượng hợp đồng

1. Việc điều chỉnh giá hợp đồng chỉ được áp dụng trong thời gian hợp đồng còn hiệu lực.

2. Đơn giá thanh toán được điều chỉnh khi giá nhiên liệu thay đổi so với giá nhiên liệu gốc của Hợp đồng (giá nhiên liệu áp dụng giá bán trên thị trường của Tập đoàn xăng dầu Việt Nam (<https://www.petrolimex.com.vn>) Áp dụng đối với loại dầu diesel D0 0,05S-II vùng 2).

3. Trường hợp phát sinh các hạng mục công việc ngoài phạm vi hợp đồng, Bên A và Bên B sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng.

4. Điều chỉnh khối lượng:

- Các khối lượng công việc tăng do lỗi chủ quan của Bên B gây ra thì không được phép điều chỉnh;

- Điều chỉnh khối lượng được quy định cụ thể theo **E-ĐKC 17.1(c) E-HSMT**.

Điều 12. Tạm ngừng thực hiện Hợp đồng:

1. Các trường hợp tạm ngừng Hợp đồng:

- Do lỗi của Bên A hoặc Bên B gây ra;

- Các trường hợp bất khả kháng;

- Trong quá trình thực hiện, trường hợp Bên A thấy tình hình sửa chữa của Bên B có nguy cơ không đạt về tiến độ, chất lượng và Bên B không có giải pháp khắc phục, hai bên sẽ làm việc (bằng biên bản), Bên A có quyền đình chỉ và thay thế đơn vị thực hiện bằng cách giao cho đơn vị thuê ngoài khác nhằm đảm bảo yêu cầu chất lượng, tiến độ, đáp ứng yêu cầu và Bên B phải bồi thường 100% giá trị thiệt hại (nếu có) cho Bên A.

- Các trường hợp khác do hai bên thỏa thuận như sau:

+ Bên B thực hiện huy động nhân lực, thiết bị cho gói thầu không đúng với Hợp đồng, E-HSMT, E-HSDT và Biện pháp thi công được Bên A phê duyệt;

+ Bên B vi phạm các Quy định quản lý công tác An toàn, vệ sinh lao động theo quy định của Bên A;

+ Bên B vi phạm biện pháp thi công đã được bên A phê duyệt.

Thời gian tạm dừng theo điểm này không được loại trừ vào tiến độ thi công công trình theo E-HSDT và Biện pháp thi công được Bên A phê duyệt và Bên B phải có trách nhiệm khắc phục sai sót trong thời gian do Bên A quy định. Trường hợp thời gian tạm ngừng quá quy định gây ra thiệt hại cho Bên A thì Bên B phải bồi thường 100% giá trị thiệt hại (nếu có) cho Bên A và/hoặc theo quy định tại Mục 9 Chương V của E-HSMT.

2. Một bên có quyền tạm ngừng Hợp đồng do lỗi của bên kia gây ra nhưng phải thông báo cho bên kia bằng văn bản và cùng bàn bạc giải quyết để tiếp tục thực hiện đúng Hợp đồng đã ký kết. Trường hợp bên tạm ngừng không thông báo mà tạm ngừng gây thiệt hại thì phải bồi thường cho bên bị thiệt hại. Thời gian và mức đền bù thiệt hại do tạm ngừng Hợp đồng được hai bên thỏa thuận.

3. Tạm ngừng quá lâu: Trường hợp quá 15 ngày mà các Bên không thể thống nhất được với nhau về các điều kiện để tiếp tục thực hiện Hợp đồng thì bất kỳ bên nào cũng sẽ có quyền chấm dứt Hợp đồng theo quy định tại Mục 19 E.ĐKC của E-HSMT và điều 12 chương này.

Điều 13: Chấm dứt hợp đồng:

1. Bên A hoặc bên B có thể chấm dứt hợp đồng nếu một trong hai bên có vi phạm cơ bản về hợp đồng như sau:

a. Khi một bên không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ của mình theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được bên kia đồng ý gia hạn.

b. Trường hợp tạm ngừng quá 15 ngày.

c. Khi một Nhà thầu bị phá sản, giải thể.

d. Khi Bên B không đáp ứng yêu cầu về nhân sự, thiết bị theo E-HSDT.

e. Khi Bên B có nguy cơ không đáp ứng về tiến độ, chất lượng.

2. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo Điểm a Khoản 1, Bên A có thể ký hợp đồng với Nhà thầu khác để thực hiện phần hợp đồng mà bên B đã không thực hiện. Tuy nhiên, bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng mà mình đang thực hiện.

3. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo Điểm b, Điểm c, Điểm d Khoản 1, Bên A không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Bên A được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.

4. Trong trường hợp chấm dứt hợp đồng theo Điểm c Khoản 1, hai bên sẽ cùng nhau tiến hành thanh lý hợp đồng. Mỗi bên sẽ tự chịu chi phí liên quan đến phần việc của mình.

5. Bên A hoàn toàn có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng mà không chịu bất kỳ đền bù các tổn thất do chấm dứt hợp đồng trong các trường hợp sau:

- Trong vòng 03 ngày từ thời điểm bên B nhận được thông báo của Bên mời thầu. Bên B chưa tập kết đầy đủ nhân lực, thiết bị theo E-HSDT để triển khai thi công;

- Trường hợp bên B thực hiện gói thầu vi phạm về hợp đồng, không còn đủ năng lực thực hiện hợp đồng làm ảnh hưởng nghiêm trọng tới tiến độ, chất lượng, hiệu quả của gói thầu (theo khoản 23, điều 140, Nghị định 214/2025/NĐ-CP).

6. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo Điểm e Khoản 1, Bên A có quyền đình chỉ và thay thế đơn vị thực hiện bằng cách giao cho đơn vị thuê ngoài khác nhằm đảm bảo yêu cầu chất lượng, tiến độ, đáp ứng yêu cầu và Bên B phải bồi thường 100% giá trị thiệt hại (nếu có) cho Bên A.

Điều 14. Hiệu lực hợp đồng :

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ____ *[ghi cụ thể ngày có hiệu lực của hợp đồng]*.
2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập thành 4 bộ, Bên mời thầu giữ 2 bộ, Nhà thầu giữ 2 bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ THẦU

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA BÊN MỜI THẦU

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

PHỤ LỤC BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG

(Kèm theo hợp đồng số _____, ngày ____ tháng ____ năm ____)

Phụ lục này được lập trên cơ sở bảng chào giá dự thầu của Nhà thầu theo các Mẫu bảng giá dự thầu tương ứng nêu tại E-HSMT và các thỏa thuận đã đạt được trong quá trình hoàn thiện hợp đồng, trong đó bao gồm đơn giá, thành tiền cho từng hạng mục, nội dung công việc.

HỢP ĐỒNG ĐIỆN TỬ⁽¹⁾

*(áp dụng đối với gói thầu dịch vụ phi tư vấn là
mua sắm tập trung theo thỏa thuận khung)*

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Hợp đồng số: _____ [*Chủ đầu tư kê khai thông tin*]

Gói thầu: _____ [*Hệ thống trích xuất theo thông báo kết quả lựa chọn
Nhà thầu*]

Thuộc dự án: _____ [*Hệ thống trích xuất theo thông báo kết quả lựa chọn
Nhà thầu*]

- Căn cứ⁽²⁾ ____ (*Bộ luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015*) [*Chủ đầu tư kê khai
thông tin*];

- Căn cứ⁽²⁾ ____ (*Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 06 năm 2023 (được sửa đổi, bổ
sung tại Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15)*) [*Chủ đầu tư kê khai thông
tin*];

- Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của ____ về việc
phê duyệt kết quả lựa chọn Nhà thầu gói thầu ____ [*ghi tên gói thầu*]; [*Hệ thống trích
xuất theo thông báo kết quả lựa chọn Nhà thầu*]

- Căn cứ Thỏa thuận khung số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ giữa đơn
vị mua sắm tập trung: _____ [*ghi tên đơn vị mua sắm tập trung*] và Nhà thầu cung
cấp dịch vụ phi tư vấn: _____ [*ghi tên Nhà thầu cung cấp dịch vụ*]; [*Hệ thống
trích xuất thông tin sau khi đơn vị có nhu cầu mua sắm nhập đúng thông tin về số,
ngày tháng của thỏa thuận khung*]

- Căn cứ biên bản hoàn thiện hợp đồng đã được Chủ đầu tư và Nhà thầu trúng
thầu ký ngày ____ tháng ____ năm ____; [*Chủ đầu tư kê khai thông tin nếu có*]

- Các căn cứ khác (nếu có). [*Hệ thống để trường ký tự để Chủ đầu tư/Đơn vị
được ủy quyền và Nhà thầu tự kê khai*]

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

*Đối với trường hợp Chủ đầu tư trực tiếp ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng
với Nhà thầu:*

Đơn vị có nhu cầu mua sắm (sau đây gọi là Bên A)

⁽¹⁾ Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung hợp đồng theo mẫu này có thể sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, đặc biệt là đối với các nội dung khi hoàn thiện hợp đồng có sự khác biệt so với E-ĐKCT.

⁽²⁾ Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

Tên đơn vị có nhu cầu mua sắm: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Địa chỉ: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Điện thoại: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Fax: _____

E-mail: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Tài khoản: _____; [*Đơn vị có nhu cầu mua sắm kê khai thông tin*]

Mã số thuế: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Đại diện là ông/bà: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Chức vụ: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Đối với trường hợp Đơn vị có nhu cầu mua sắm ủy quyền ký kết và quản lý hợp đồng:

Đơn vị có nhu cầu mua sắm

Tên Đơn vị có nhu cầu mua sắm: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Địa chỉ: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Điện thoại: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Fax: _____

E-mail: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Tài khoản: _____; [*Đơn vị có nhu cầu mua sắm kê khai thông tin*]

Mã số thuế: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Đại diện là ông/bà: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Chức vụ: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Đơn vị được ủy quyền (sau đây gọi là Bên A)

Tên Đơn vị được ủy quyền: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Địa chỉ: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Điện thoại: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Fax: _____

E-mail: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Tài khoản: _____; [*Đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin*]

Mã số thuế: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Đại diện là ông/bà: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Chức vụ: _____ [Hệ thống trích xuất]

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ___ ngày ___ tháng ___ năm ___ (trường hợp được ủy quyền) [Đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin].

Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

Tên Nhà thầu: _____ [Đơn vị có nhu cầu mua sắm/đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin]

Địa chỉ: _____ [Hệ thống trích xuất]

Điện thoại: _____ [Hệ thống trích xuất]

Fax: _____

E-mail: _____ [Hệ thống trích xuất]

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____ [Hệ thống trích xuất]

Đại diện là ông/bà: _____ [Hệ thống trích xuất]

Chức vụ: _____ [Hệ thống trích xuất]

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Đối tượng của hợp đồng là các dịch vụ được nêu chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng, kèm theo các phụ lục hợp đồng;
2. Thỏa thuận khung;
3. E-ĐKCT của hợp đồng đã được điền đầy đủ các nội dung và bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn Nhà thầu, hoàn thiện hợp đồng (nếu có);
4. Biên bản thương thảo hợp đồng (nếu có), hoàn thiện hợp đồng;
5. E-ĐKC của hợp đồng;
6. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn Nhà thầu;
7. Thư chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng;
8. E-HSDT và các văn bản làm rõ E-HSDT (nếu có) của Nhà thầu;
9. E-HSMT và các tài liệu sửa đổi, làm rõ E-HSMT (nếu có);

10. Các tài liệu khác quy định tại **E-ĐKCT**.

Điều 3. Trách nhiệm của Bên A

Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng quy định tại Điều 5 của hợp đồng này theo phương thức được quy định tại điều kiện cụ thể của hợp đồng cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định tại điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.

Điều 4. Trách nhiệm của Bên B

Bên B cam kết cung cấp cho Bên A đầy đủ các dịch vụ như quy định tại Điều 1 của hợp đồng này, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.

Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Giá hợp đồng: *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng]*.

a) *Giá hợp đồng đối với hợp đồng trọn gói:*

b) *Giá hợp đồng đối với hợp đồng theo đơn giá cố định:*

- *Giá hợp đồng ban đầu (không bao gồm thuế);*

- *Giá trị thuế*

- *Dự phòng.*

c) *Giá hợp đồng đối với hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh:*

- *Giá hợp đồng ban đầu (không bao gồm thuế);*

- *Giá trị thuế*

- *Dự phòng: trong đó nêu rõ giá trị trượt giá tạm tính trên cơ sở dự kiến trượt giá và quy định pháp luật về quản lý chi phí .*

2. Phương thức thanh toán: _____ *[Hệ thống trích xuất phương thức thanh toán theo quy định tại Mục 13.1 E-ĐKCT của thỏa thuận khung].*

Điều 6. Loại hợp đồng

Loại hợp đồng: *[Hệ thống trích xuất loại hợp đồng theo E-ĐKCT của thỏa thuận khung]*.

Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng: _____ *[Chủ đầu tư/Đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin về thời gian thực hiện hợp đồng phù hợp với quy định tại Mục 8 E-ĐKC, E-HSDT và kết quả hoàn thiện hợp đồng giữa hai bên].*

Điều 8. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ _____ *[Chủ đầu tư/Đơn vị được ủy quyền kê khai*

thông tin về ngày có hiệu lực của hợp đồng].

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập trên sự chấp thuận của tất cả các bên.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA

NHÀ THẦU

[xác nhận, ký số]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA

**ĐƠN VỊ CÓ NHU CẦU MUA
SẮM/ĐƠN VỊ ĐƯỢC ỦY QUYỀN**

[xác nhận, ký số]

BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____ [*ghi tên Chủ đầu tư*] (sau đây gọi là “Chủ đầu tư”)

Theo đề nghị của _____ [*ghi tên Nhà thầu*] (sau đây gọi là “Nhà thầu”) là Nhà thầu đã trúng thầu gói thầu _____ [*ghi tên gói thầu*] và cam kết sẽ ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ cho gói thầu trên (sau đây gọi là “Hợp đồng”); ⁽¹⁾

Theo quy định trong E-HSMT (*hoặc hợp đồng*), Nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, _____ [*ghi tên của ngân hàng*] có trụ sở đăng ký tại _____ [*ghi địa chỉ của ngân hàng*⁽²⁾] (sau đây gọi là “Ngân hàng”), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của Nhà thầu với số tiền là _____ [*ghi rõ giá trị tương ứng bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng theo quy định tại Mục 5.2 E-ĐKCT của E-HSMT*]. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn _____ [*ghi số tiền bảo lãnh*] như đã nêu trên, khi có văn bản của Chủ đầu tư thông báo Nhà thầu vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày ____ tháng ____ năm ____ ⁽³⁾.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[*ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

Ghi chú:

(1) Nếu ngân hàng bảo lãnh yêu cầu phải có hợp đồng đã ký mới cấp giấy bảo lãnh thì Chủ đầu tư xem xét, sửa lại như sau:

“Theo đề nghị của _____ [*ghi tên Nhà thầu*] (sau đây gọi là “Nhà thầu”) là Nhà thầu trúng thầu gói thầu _____ [*ghi tên gói thầu*] đã ký hợp đồng số _____ [*ghi số hợp đồng*] ngày ____ tháng ____ năm ____ (sau đây gọi là “Hợp đồng”).”

(2) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(3) Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu quy định tại Mục 5.2 E-ĐKCT.

BẢO LÃNH TIỀN TẠM ÚNG ⁽¹⁾

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: ____ [*ghi tên Chủ đầu tư*] (sau đây gọi là “Chủ đầu tư”)*[ghi tên hợp đồng, số hợp đồng]*

Theo điều khoản về tạm ứng nêu trong điều kiện cụ thể của hợp đồng, ____ [*ghi tên và địa chỉ của Nhà thầu*] (sau đây gọi là “Nhà thầu”) phải nộp cho Chủ đầu tư một bảo lãnh ngân hàng để bảo đảm Nhà thầu sử dụng đúng mục đích khoản tiền tạm ứng ____ [*ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng*] cho việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, ____ [*ghi tên của ngân hàng*] có trụ sở đăng ký tại ____ [*ghi địa chỉ của ngân hàng*⁽²⁾] (sau đây gọi là “Ngân hàng”), theo yêu cầu của Chủ đầu tư, đồng ý vô điều kiện, không hủy ngang và không yêu cầu Nhà thầu phải xem xét trước, thanh toán cho Chủ đầu tư khi Chủ đầu tư có yêu cầu với một khoản tiền không vượt quá ____ [*ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng theo quy định tại Mục 12.1 E-ĐKCT của E-HSMT*].

Ngoài ra, chúng tôi đồng ý rằng các thay đổi, bổ sung hoặc điều chỉnh các điều kiện của hợp đồng hoặc của bất kỳ tài liệu nào liên quan tới hợp đồng được ký giữa Nhà thầu và Chủ đầu tư sẽ không làm thay đổi bất kỳ nghĩa vụ nào của chúng tôi theo bảo lãnh này.

Giá trị của bảo lãnh này sẽ được giảm dần tương ứng với số tiền tạm ứng mà Chủ đầu tư thu hồi qua các kỳ thanh toán quy định tại Điều 5 của Hợp đồng sau khi Nhà thầu xuất trình văn bản xác nhận của Chủ đầu tư về số tiền đã thu hồi trong các kỳ thanh toán.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày Nhà thầu nhận được khoản tạm ứng theo hợp đồng cho đến ngày ____ tháng ____ năm ____⁽³⁾ hoặc khi Chủ đầu tư thu hồi hết số tiền tạm ứng, tùy theo ngày nào đến sớm hơn.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

(1) Căn cứ điều kiện cụ thể của gói thầu mà quy định phù hợp với yêu cầu quy định tại Mục 12.1 E-ĐKCT.

(2) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(3) Ngày hoàn thành việc cung cấp dịch vụ quy định trong hợp đồng. Trong trường hợp cần gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng thì yêu cầu gia hạn thời gian có hiệu lực của bảo lãnh tiền tạm ứng.

GIẤY ỦY QUYỀN ⁽¹⁾

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là ____ [*ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của Nhà thầu*], là người đại diện theo pháp luật của ____ [*ghi tên Nhà thầu*] có địa chỉ tại ____ [*ghi địa chỉ của Nhà thầu*] bằng văn bản này ủy quyền cho ____ [*ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền*] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham dự thầu gói thầu ____ [*ghi tên gói thầu*] thuộc dự án/dự toán mua sắm ____ [*ghi tên dự án/dự toán mua sắm*] do ____ [*ghi tên Chủ đầu tư*] tổ chức:

[- Tham gia, ký các tài liệu trong quá trình đối chiếu tài liệu;

- Tham gia, ký các tài liệu trong quá trình hoàn thiện hợp đồng đối với trường hợp hoàn thiện hợp đồng trực tiếp]⁽²⁾.

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ [*ghi tên Nhà thầu*]. ____ [*ghi tên người đại diện theo pháp luật của Nhà thầu*] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ [*ghi tên người được ủy quyền*] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____⁽³⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản, Chủ đầu tư giữ ____ bản.

Người được ủy quyền
*[ghi tên, chức danh, ký tên và
đóng dấu (nếu có)]*

Người ủy quyền
*[ghi tên người đại diện theo pháp luật của
Nhà thầu, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho Chủ đầu tư khi đối chiếu tài liệu, hoàn thiện hợp đồng. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của Nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của Nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của Nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của Nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình đối chiếu tài liệu, hoàn thiện hợp đồng và phải bảo đảm ngày có hiệu lực trước ngày thực hiện các công việc được ủy quyền.